

paul loup sulitzer



TIỀN!

TIỀN MẶT TRẢ NGAY



nhà xuất bản văn hóa thông tin

PAUL LOUP SULITZER

TIỀN! TIỀN MẶT TRẢ NGAY

Nguyên tác: Zash (1981)

Thái Vũ, Phương Hà dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
2008

GIỚI THIỆU

«Cậu chàng Frank Cimballi, 19 tuổi, con nhà tử phú chỉ biết ăn chơi, bỗng rơi tõm vào một cảnh ngộ bi đát: Bố, mẹ chết, người yêu tự sát, gia tài khổng lồ được thừa kế bị cưỡng đoạt sạch sành sanh. Bị đẩy đến xứ Kenya Châu Phi xa lạ với hai bàn tay trắng - theo đúng nghĩa đen, cậu chàng bắt buộc phải sống, phải làm lại cuộc đời mình. Thế mà chỉ năm năm sau, Cimballi đã trở thành triệu phú, lần lượt đánh bại tất cả những kẻ độc ác đã “gây nên cuộc lừa đảo có tầm cỡ thế kỷ”, kể cả tên trùm tư bản tài chính Martin Yahl. Đánh bại, không phải bằng vũ lực mà bằng chính sức mạnh của đồng tiền, bằng các mánh lới, các thủ đoạn kinh doanh. Và rồi chính Cimballi, đang ngất ngưỡng trên đỉnh cao chói vót thắng lợi huy hoàng, lại một lần nữa bị lôi tuột xuống vực cũng bằng những cái “bẫy” nghề nghiệp...

Tác giả Paul L. Sulitzer trước khi trở thành nhà văn đã là một chuyên gia kinh tế, tham vấn cho nhiều công ty lớn. Nhờ thế ông đã có thể đi sâu vào gan ruột “giới làm ăn”, nắm được tối đa những lắt léo, những bí mật mà chỉ người trong cuộc mới biết.

Có lẽ đó là lý do chủ yếu khiến “Tiền!...” có sức hấp dẫn lạ lùng của một cuốn truyện trinh thám. Nhưng khác với loại truyện ấy, vẫn là một cuốn tiểu thuyết tâm lý xã hội, một bức tranh thu nhỏ của thời hiện đại, với sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật, của tốc độ chuyển dịch, sức mạnh ma quái của đồng tiền, với lý tưởng, tình yêu, hạnh phúc, và khổ đau của con người...

Dịch và giới thiệu “Tiền!...” vào lúc này, chúng tôi hy vọng có thể giúp bạn đọc tiếp cận với “thế giới kinh doanh”, với “nghệ thuật làm giàu”, và

còn hơn thế nữa, có một cái nhìn đầy đủ, xác thực về thời đại mình đang sống.»

PHẦN I

SỬ GIẢ

1

Ngày 7 tháng năm.

Ngày hôm ấy, sáng hôm ấy tôi ở Amsterdam. Từ London tới, sau đó phải đi ngay Frankfurt, Cộng Hòa Liên Bang Đức. Có hẹn trong buổi chiều và ngay tối hôm đó đi Paris ở độ ba bốn ngày, rồi từ Paris bay đi California, qua New York để gặp Catherine. Đây không phải chuyến đi đặc biệt. Trong mấy tháng gần đây tôi đã đi mười lăm hai mươi chuyến như thế này rồi. Ngày 7 tháng năm này cũng không phải là một ngày khác thường.

Tôi không hề mừng tượng đến điều đang đợi mình. Không một chút linh cảm nào. Cuộc gặp gỡ bên Hà Lan chán phè. Một người không nhìn được đã nhận xét: “Anh còn rất trẻ!” Còn tôi vẫn đưa ra câu trả lời quen thuộc: “Xin yên tâm, điều đó không lây sang ông đâu mà lo”. Sau các thủ tục xã giao đó, chúng tôi vào việc. Họ cho biết có chuyện làm ăn muốn bàn với tôi. Nói với tôi chuyện đó, họ đề phòng cẩn thận như những tên trộm cắp. Tuy chuyện của họ thật đơn giản: Họ có tiền (không ít) và muốn có nhiều hơn (tất nhiên), họ muốn bỏ vốn vào một công ty đầu tư tư nhân thật hoàn toàn ẩn danh đặt trụ sở ở Curacao trong quần đảo Antilles thuộc Hà Lan cũ, hoặc ở Panama, hoặc Caiman, hoặc Bahamas, hoặc Liechtenstein, hoặc bất cứ đâu cũng được miễn là giữ được bí mật triệt để. Họ mong đợi công ty sẽ thu được lợi nhuận cao nhờ tài quản lí tinh ranh của Franz Cimballi.

Franz Cimballi chính là tôi.

Tóm lại, một chuyện làm ăn kinh điển. Tiếp theo là bài về cổ truyền về thuế má. Tôi ngồi nghe nhưng đầu nghĩ đến việc khác, cuối cùng tôi bảo: “Tôi hiểu ý mấy ông, xong rồi, mọi việc sẽ tốt đẹp”. Tôi chia tay với họ sau độ một tiếng bàn bạc. Lúc ấy vào khoảng mười một giờ mười lăm.

Tôi đi dọc bến Singel, những chiếc xuồng kết hoa đầy ắp hàng chở đi chợ, nhẹ nhàng lướt trên sông. Đến tận hôm nay trong mũi tôi vẫn còn

phảng phất hương thơm những bó hoa ấy, trước mặt vẫn còn hiển hiện sắc màu của chúng. Đi qua quảng trường Rembrandt^[1], có lẽ thời tiết tốt nên xung quanh tượng đài nhà danh họa mới đông người thế kia. Việc tôi đi bộ ngày hôm ấy chắc hẳn là một điều gì đó. Tôi vẫn thường đi bộ khi bàn luận, khi muốn thuyết phục người đối thoại, tôi ít khi ở yên một chỗ, nhưng đi như thế này ngoài đường giữa một thành phố, chứng tỏ tôi đang băn khoăn về một điều gì đó tôi không nhớ lại được.

Đến trưa tôi về khách sạn Amstel. Tay phóng viên Mỹ đã đợi tôi trong đại sảnh. Tôi không nhớ ra anh ta. Anh ta nói:

— Anh quên tôi rồi hả?

— Đừng nghĩ vậy! Tôi đã nhớ tới anh ngay.

Tên anh là gì tôi cũng quên mất rồi: Mac Quelque gì đó. Anh ta cất công từ New York tới chỉ để gặp tôi, rất sung sướng, và phỏng vấn để viết bài cho tạp chí của anh ta đang có ý định dành hẳn một hoặc hai trang nói về tôi.

— Tại sao lại nói về tôi?

— Vì không có mấy người làm nổi một trăm triệu đôla ở tuổi hai lăm.

— Tôi đâu có làm ra một trăm triệu đôla! Một nửa?

— Một nửa cũng được. Một nửa chừng đó cũng giật gân lắm rồi, anh Cimbali. Gọi anh là Franz được chứ? Và lại anh còn chưa đến hai lăm nữa kia. Trông mới độ mười tám đôi mươi.

Bất thành linh tôi nhớ ra tên anh ta: MacQueen. Michael MacQueen.

— Nào ta đi, Mike.

— Anh không bằng lòng khi nghe nói mới độ mười tám?

— Còn đỡ hơn nếu anh bảo tôi trông như ông cụ năm mươi.

Adriano Letta từ thang máy bước ra, theo sau là một nhân viên mang hành lý, của anh ta và của tôi. Adriano hất hàm bảo tôi với giọng vui vẻ sôi nổi thường ngày “Máy bay đã sẵn sàng”. Đó là anh chàng nửa Pháp, nửa Lebanon, nửa Hy Lạp nửa Sicilien. Với một tí bã Tunisien, gốc Do Thái và vài giọt máu Tây Ban Nha. Nói được bảy tám thứ tiếng, người gầy gò đen đui, mỗi năm chỉ cười một lần vào dịp Noel, ngồi gặm con nhím biến mất

đúng hai lẫn phút để khỏi bỏ sót tí gì, chỉ đoán mưa nắng thôi cũng đòi tiền công. Anh ta làm cho tôi từ bốn năm nay.

Tôi lôi MacQueen đi.

Anh ta hỏi.

— Đi đâu?

— Frankfurt.

— Trên sông Oder hay sông Main?

— Chỗ nào tốt.

Vốn thuộc loại phốt tỉnh hết thấy, anh ta không tỏ ra hoảng hốt. Phốt tỉnh chạy đi kiểm vali của mình rồi đuổi theo chúng tôi. Đúng lúc luồng mắt tôi vừa dừng lại trên khuôn mặt một thiếu phụ trẻ đứng trên hè ngay trước khách sạn, khuôn mặt tựa tựa Sarah Kyle gặp ở Kenya rồi ở Hong Kong. Thiếu phụ không chỉ đứng nhìn mà còn chụp ảnh tôi, một mình tôi. Tôi hỏi MacQueen:

— Cô kia đi với anh?

— Chưa gặp bao giờ. Đẹp gái nhỉ!

Cô vẫn chụp tôi, không vội vàng, rất cẩn thận. Tôi tiến lại, mãi đến lúc chỉ còn cách một mét cô ta mới hạ máy xuống. Nhìn tôi chậm chậm, rất thản nhiên, tôi mỉm cười:

— Tình yêu sét đánh?

Khác với Sarah mắt xanh, mắt cô đen láy. Rất điệu, cô từ từ quay người biến vào đám đông. Chỉ có thế.

Chúng tôi lên xe đi sân bay Amsterdam. Lúc 12 giờ 15 ngày 7 tháng năm. MacQueen nói:

— Tôi thử điểm lại từ đầu xem có đúng không. Anh tên là Franz Cimbali. Bốn năm trước đây, lúc hai mươi một tuổi anh còn nghèo kiệt xác, không một xu dính túi. Bị nhét lên máy bay tổng đi, đi bất cứ đâu, càng xa càng tốt, sang Kenya. Một điều mà chính anh cũng cho là kì diệu đã xảy ra. Sau vài tuần anh đã trở nên giàu sụ.

— Chưa giàu.

Đến sân bay. Cái đầu tóc đỏ của Flint thò ra, điệu xì gà muôn thuở bắn thiu hời xì cắm ở mép như khẩu pháo cắm trên tháp xe tăng. Flint chĩa điệu

xì gà vào tôi:

— Đi Frankfurt?

— Frankfurt.

— Cổ họng tôi đã được khởi động rồi. Sau ba bốn bảy giây là cất cánh được.

— Chưa giàu, đồng ý, - MacQueen nói tiếp. - Dù sao anh đã kiếm ra khối tiền bên Kenya. Bằng việc đổi tiền, mark Đức đổi shilling Kenya, chuyển thành đôla. Sau đó anh sang Hong Kong.

— Gã điên nào thế? - Flin chỉ vào MacQueen.

Tất cả lên máy bay. Tôi giới thiệu.

— Sau đó sang Hong Kong. Dừng một vụ dùng lật vặt thật tức cười. Từ ngân hàng Fantomas đến túi đựng cười, máy gãi lưng chạy điện và mở nút đạp chân...

Như mọi bận, Flint cãi nhau với đài chỉ huy. Anh ta thắng nên cuối cùng cũng bay lên được lúc mười ba giờ kém vài giây.

— Bảo là tức cười cũng được, nhưng chính những thứ lật vặt điên rồ ấy đã mang lại cho anh triệu đôla đầu tiên. Máy bay này của anh?

—Không, cũng như phi công.

Adriano Letta đưa trình nhiều giấy tờ, những dự thảo hợp đồng. Qua cửa máy bay Amsterdam và Zuiderzee đi lùi xa. Tôi giải thích cho MacQueen biết Flint là ai. Không phải là phi công bình thường. Tôi quen anh ta ở khách sạn Breaker bang Florida. Thú thật, khi mới gặp tôi ngỡ đó là một gã ăn xin: Cao lêu nghêu, tóc vàng hoe, cử chỉ lóng ngóng tựa hồ người anh ta được lắp ráp bằng nhiều bộ phận linh tinh, yết hầu lồi ra ngang đầu xì gà như mở đường cho anh đi tới. Nhưng về sau tôi thấy nhân viên khách sạn tỏ vẻ kính nể anh khác thường. Điều tra mới biết anh chàng lơ lửng này không phải ai khác, chính là người thừa kế một vương quốc kỹ nghệ hóa chất Hoa Kỳ cỡ bự. Với một điều khoản trừ ngoại trong kế ước ủy thác: Flint không được toàn quyền sử dụng số gia sản khổng lồ được thừa kế, mà chỉ được hưởng một phần, một khoản lợi tức dễ chịu, thế thôi, vì năng lực quản lí tài chính của anh không được tin cậy mấy. Lí do: Lần duy nhất có cơ hội rút được ít tiền anh ta tậu luôn chiếc máy bay, không phải loại máy

bay ầm ớ mà một chiếc Gulfstream 2 Grumman dài hai trăm mét, tốc độ bay suýt soát một ngàn kilometres giờ liền trên sáu ngàn kilometres. Một lỗ thủng lớn trong ngân sách anh ta không trả xong ngay được, phải trả góp trong ba năm bằng tiền lợi tức được hưởng. Thế là hết nhãn tiền, mua bánh mì kẹp, bút tết mà ăn cũng không nổi. Bữa ngồi trên bờ hồ bơi trong khách sạn nghe anh ta kể chuyện, tôi đã cười ầm lên. Thấy thế anh ta lại phấn khởi, xin đưa cả người lẫn máy bay cho tôi sử dụng. Với điều kiện tôi cáng đáng một nửa số nợ của anh ta: “Franz, anh đi lại luôn, còn tôi thì thích bay...”.

Lúc gần một giờ rưỡi, chúng tôi bay trên vùng Ruhr. Trời quang mây. MacQueen tiếp:

— Dù thế nào đi nữa, triệu đôla đầu tiên này đã kéo theo nhiều triệu khác...

Tôi mỉm cười với tay phóng viên.

— Chẳng có gì là khó hiểu.

—... nhiều triệu khác. Tôi vừa thử phác lại chặng đường mấy năm gần đây của anh. Không dễ dàng. Anh đã chạy từ đầu đến cuối quả đất...

Tiếp viên hàng không dọn ăn cho chúng tôi.

— Không phải là chạy. Tôi nhảy múa thì đúng hơn.

MacQueen tủm tỉm cười gật đầu.

— Phải, vũ khúc Cimbali. Người ta đặt cho anh biệt hiệu: Franz nhảy múa.

Đúng lúc ấy xảy ra sự kiện đầu tiên, của hai sự kiện đánh dấu ngày 7 tháng năm này. Nghe Flint gọi, Adriano Letta vào buồng lái. Và quay ra lúc MacQueen hỏi tôi:

— Điệu múa nào đã giúp anh kiếm được bốn năm chục triệu đôla trong có bốn năm.

Adriano đưa tôi mảnh giấy. Tôi đọc và nổ bùng. Tôi đứng dậy đi lại giữa các dây ghế. Xuýt nữa thì gào lên. Tính tôi xưa nay vốn bông bột. Adriano thản nhiên nhìn tôi. MacQueen sừng sốt hỏi:

— Tin dữ à?

Tôi những muốn ôm chầm lấy anh ta. Tin dữ? Một tin dữ? Bức Telex này là bức hay nhất có lẽ không bao giờ tôi nhận được một lần thứ hai! Tôi đã có một thằng con trai. Catherine vừa sinh nó ở Los Angeles, sớm hơn dự tính độ mười hai, mười lăm ngày.

Ba phút sau Flint, “bát hết” theo cách nói của anh ta. Chúng tôi bay theo hướng Tây. Giá có bảo Flint bay sang Trung Quốc anh ta cũng không hề do dự. Vậy bay sang California thì...

— Xuống Los Angeles hả Franz

— Los Angeles.

— Nhưng không hạ được xuống mái bệnh viện đâu đấy, xin nói trước.

— Cứ thử xem.

Tôi hoãn chưa tới Frankfurt, họ cứ việc chờ. Tôi điện báo cho Catherine biết tôi sắp về, báo cho mọi nơi. Tiếp tục gọi thêm nữa, báo tin, mời mọc, hết lòng mong muốn được mọi người chia sẻ niềm vui. Dừng cánh ở London, New York. Và tất nhiên ở Paris nữa.

Gặp Marc Lavater tại Paris.

Quen nhau từ bốn năm trước, sau một đêm cách đây bốn năm. Tôi đã nhờ cậy anh ta, nhờ đến kiến thức về luật của anh. Marc Lavater đáng tuổi làm bố tôi: Hơn tôi hai mươi lăm tuổi. Có người nào đó đã từng nói: “Không thể có bạn, chỉ có những khoảnh khắc tình bạn thôi. Nhưng với Lavater, có thể nói khoảnh khắc ấy đã kéo dài từ bốn năm nay. Như thường lệ anh bình thản bảo tôi:

— Mình đang chén, phải bỏ dở món hors oeuvre để ra đón cậu. Mới nghĩ ra trò gì vậy? Bụng vẫn đói nguyên.

— Champagne, trứng cá muối, tất cả đã sẵn sàng. Đón tiếp nồng hậu trên máy bay. Chị Françoise đâu?

Françoise Lavater, vợ anh ta.

— Ở Chagny. Mình đã gọi điện, sẽ bay chuyển đầu tiên đi Los Angeles và đón chúng ta ở đó.

Marc nhướn cao lông mày.

— Thế ta sẽ làm gì ở Los Angeles.

— Làm lễ. Anh phải gọi tôi bằng chức bố.

Tại London, gặp gã Thổ. Hắn và cô Ute Jenssen. Không thể không nhận ra Ute: Cao một mét tám sáu, tám bảy. Không đi tất, nhưng giày gót cao mười hai phân. Cô hôn lên môi tôi, ôm hôn cả Flint và MacQueen, trừ Adriano đã trốn vào toilet. Gã Thổ giương to đôi mắt đàn bà nhìn tôi:

— Lẽ gì, Franzy?

— Lẽ. Mà xin đừng gọi tôi là Franzy.

Nụ cười rất rộng: “Vui lòng, anh chi tiền mà lị”.

Quen thói xưa nay, gã Thổ không đi một mình mà dắt theo ba bốn ả đẹp mê hồn, thiếu khoản đó gã không bao giờ chịu đi đâu. Các ả vừa làm đầy tớ vừa kiêm tì thiếp cho gã. Vừa đặt chân lên máy bay là các ả thoải mái liền, có nghĩa là tụt hết váy áo. MacQueen trố mắt, rõ ràng anh ta ngạc nhiên hết sức. Thì thầm vào tai tôi: “Đấy có phải tay vẫn gọi là gã Thổ không? Gã chủ nợ quốc tế nổi tiếng là không bao giờ chấp nhận bất cứ một sự thiếu nợ nào” - “Chính hẳn” - “Hình như hơi trác táng thì phải”. Tôi cười phá lên.

— Này chàng Thổ, MacQueen cho là cậu hơi trác táng đấy.

Gã Thổ mơn man tay phóng viên bằng cái nhìn một mí. Ở địa vị MacQueen tôi sẽ cảnh giác ngay: Gã Thổ có thói hôn lên môi đàn ông. Nên tôi lúc nào cũng sẵn sàng nhảy lui một bước.

— Hơi à? - Gã Thổ reo lên. - Hơi là thế nào? Sao lại nửa vời thế nhỉ?

Chúng tôi vượt Đại Tây Dương trong cơn vui thực sự, đến New York có Li và Liu ra đón.

Họ là người Trung Quốc, nghe tên đủ biết. Tôi không có cách phân biệt nổi Li với Liu và ngược lại. Mỗi tình bè bạn với nhau từ Hong Kong, càng thân thiết hơn khi họ sang lập nghiệp ở San Francisco, mang theo khoảng sáu chục triệu đôla. Khiếu hài hước của họ đạt đến mức rồ dại, xung quanh có thể coi họ là những thằng điên. Nghĩ như vậy là sai, sai to. Cứ làm ăn với họ là tỉnh ngộ liền. Hai cậu hề chai lì này có tài đánh hơi rất giỏi những chỗ đầu tư có lợi nhất. Bằng chứng: Họ đã đầu tư sản xuất một bộ “siêu

phim” về đề tài “siêu khoa học viễn tưởng” miêu tả cuộc chiến trên các vì sao. Bộ phim đang nghiền nát một kỉ lục về doanh thu trên toàn thế giới.

Họ đón tôi ở sân bay La Guardia, cải trang thành hai tên cướp biển Viking thời xưa. Tỉnh khô dưới những đuôi sam vàng óng, mũ hình sừng bò tót. Trông rất ngoạn mục. Lại còn bỏ thì giờ đi mua sắm quà cáp cho cậu quý tử mới lọt lòng của tôi; tạm kể: Một con gấu bông cao hai mét, bảy đoàn tàu chạy điện và một con ngựa lùn bằng thật. “Chúng tôi đã cho mang ngựa đến thẳng bệnh viện”. Những của quái này đủ sức làm điều đó. Không phải chỉ có họ lên máy bay đi với chúng tôi từ New York, còn có hai trong số luật sư của tôi nữa, Rosen và Lupino. Tôi không rủ người thứ ba, Philip Vandenberg. Tuy nể trọng trình độ nắm luật của anh ta nhưng tôi ghét con người, và lại nếu mời chắc chắn hấn anh ta cũng từ chối, tôi biết rõ như vậy.

Flint xin tạm dừng độ một tiếng rưỡi để kiểm tra kĩ thuật lấy xăng. Lúc ấy theo giờ Paris thì gần nửa đêm, ở New York này là năm giờ chiều và Los Angeles là mười bốn giờ. Tôi bỏ mặc cả băng ngồi trong phòng khách sân bay để đi gọi điện cho Catherine.

— Em mệt không?

— Hơi hơi,

— Con thế nào?

Tôi hỏi “Con” vì thằng đó chưa có tên, tôi phá lên cười một mình trong cabin. Niềm vui không tưởng tượng nổi, trong lòng sung sướng dạt dào. Tôi có thể múa lên được. Tuy trong trong tiếng nói xa vời của Catherine trong ống nghe có một cái gì đó làm tôi băn khoăn và cuối cùng lo lắng.

— Catherine, có chuyện gì đấy? Ổn cả chứ?

“Ổn”, cô chỉ nói thế, có lẽ vì còn đang mệt. Tôi không ở nhà. Mẹ cô cũng không. Cô đã muốn về Pháp để.

— Anh rất khẩn trương, đến mức tối đa. Sau nửa giờ bốn mươi phút nữa anh sẽ lên đường tiếp. Đâu có ngờ em nhanh nhẹn thế.

Im lặng.

Catherine?

— Dạ.

— Anh mừng quá, muốn hét lên thật to. Cảm ơn em. Anh yêu em.
Cô gác máy trước. Tôi ra khỏi cabin, và mọi chuyện bắt đầu từ đây.

2

Tuy tôi không mời nhưng Philip Vandenberg đã có mặt, cao hơn hẳn tôi một đầu, vô cùng tự tin, mảnh dẻ, chinh tề. Ra vẻ thông minh đến nỗi ta không dám tỏ ra mình cũng là người như vậy. Anh ta nói: “Lúc anh diện cho Rosen tôi cũng ở đấy. Cảm ơn anh đã không vờ đến tôi”. Anh ta thật đáng cho tôi quý mến! Lại nói tiếp: “Anh đến New York đây thật đúng lúc, vụ nhà cửa ở đại lộ 7 đã hoàn tất sớm hơn dự tính. Tôi đã thực hiện đầy đủ mọi điều anh căn dặn, chữ ký nữa là xong”.

Tôi đang rất vui nên không thể nổi giận và tống khứ anh ta. Chỉ lắc đầu:
— Để sau hãy hay.

Anh ta không nhúc nhích, giữ nguyên vẻ tự tin đáng nguyên rủa.

— Tôi đã bàn với phi công. Sau một tiếng nữa anh ta mới cất cánh. Anh có đủ thời gian đi trực thăng đến Manhattan. Ký kết chỉ mất vài phút.

Marc Lavater với đôi má người xứ Bourguignon hồng hào vì champagne vừa tới. Anh mỉm cười: “Sao lại không có thì giờ”. Tôi nhún vai rồi bảo Vandenberg: “Đồng ý”.

Đây là một ngôi nhà dùng làm văn phòng trông ra đại lộ 7 ở khu Manhattan, hơi chếch với Carnegie Hall. Tôi nhận mua từ nhiều tháng nay. Nhóm đối phương do dự không muốn bán, cuối cùng mới chịu chấp thuận các điều kiện của tôi. Tôi không ưa Vandenberg, có thể năm mươi năm không gặp mặt cũng chẳng sao, nhưng vẫn phải thừa nhận anh ta làm ăn có hiệu quả.

Máy bay lên thẳng đưa luật sư người New York, Lavater và tôi bay đi. Theo giờ địa phương lúc này là sáu giờ chiều. Tôi thấy khó tập trung suy nghĩ về cuộc họp sắp tới mà tôi tin là sẽ chóng vánh. Nghĩ đến Catherine, đến thằng bé con. Tôi mỉm cười bảo Marc đang lẩm nhẩm hát:

— Anh có thấy là chúng tôi còn chưa đặt tên cho cháu không?

— Gọi nó là thằng Marc Aurèle. Hoặc Marc Antoine.

— Hoặc con vẹt Marc Donald.

Một mình Philip Vandenberg không cười. Những câu pha trò hạ cấp của chúng tôi không làm anh ta thích thú. Đôi bàn tay sạch bong xòe rộng trên chiếc xắc đeo, anh lạnh lùng nhìn đám rừng nhà cửa đồ sộ dưới đất. Một chàng trai trung hậu thật!

Sân bay trực thăng của công ty Pan Am, thang máy, băng qua đại lộ là vào luôn khách sạn Biltmore. Trong căn phòng trên lầu năm nhìn ra nhà ga trung tâm, chúng tôi gặp ba người đã đón đợi. Hai người tôi đã gặp trong những cuộc thương lượng sơ bộ Hanley và Ericsson. Chưa hề trông thấy người thứ ba bao giờ, nhưng ngay khi mắt tôi vừa chạm mắt anh ta, một luồng trực giác lập tức truyền qua người tôi: “Phải coi chừng!” Khoảng bốn mươi, tóc vàng, mắt rất nhạt, môi anh ta đỏ hồng như bôi son, hoặc tốt hơn hoặc xấu hơn, trông như dây máu.

— Tôi tên Horst. Đã được nghe nói nhiều về anh, anh Cimballi.

Hơi lơ lớ giọng Đức, tựa tựa kiểu Henry Kissinger. Mắt anh la không rời tôi. Bất giác tôi đưa mắt nhìn Marc Lavater và bắt gặp anh nhú nhẹ lông mày. Như một tín hiệu báo động.

Philip Vandenberg lên tiếng. Bằng giọng bình thản khúc chiết rèn luyện ở Harvard, anh tóm tắt quá trình thương lượng rồi đọc bản hợp đồng, thỉnh thoảng dừng lại để thu nhận sự đồng tình của các người đối thoại, thể hiện bằng những cái gật đầu.

— Trả đợt đầu bằng tấm séc một triệu đôla ngay khi kí kết văn bản này - Vandenberg kết luận.

Im lặng. Marc đưa tôi tập séc của ngân hàng Hoa Kỳ. Tôi viết séc trong bầu không khí im ắng căng thẳng đến lỳ lợ. Tôi ký tên và không thấy ai đưa tay ra nhận, tôi bèn đặt lên bàn.

— Đủ thủ tục chưa?

Lúc này xảy ra một điều hết sức bất ngờ. Nói thế vẫn còn nhẹ. Cho đến giây phút này người tự giới thiệu là Horst vẫn đứng hơi lùi ra sau như một quan sát viên bình thường. Bây giờ anh ta ngả người về phía trước. Đưa tay

trái cầm tờ séc. Tay phải rút trong túi chiếc bật lửa lạ mắt bằng thép xanh cần hình phượng hoàng đen.

— Anh ta bật lửa... đốt tấm séc.

Cầm trên tay cho cháy đến cùng, đến lúc thả xuống gạt tàn thủy tinh. Trong sáu người hiện diện chỉ có hai người không nhìn xuống mẫu giấy đang cháy đến hết: Anh ta, và tôi. Hai người nhìn thẳng vào mắt nhau. Anh ta thản nhiên:

— Tôi muốn nói chuyện riêng với anh, Cimballi.

Rõ ràng cả Hanley và Ericsson đều không ngạc nhiên trước điều xảy ra. Họ còn chờ đợi nó là khác. Họ đứng dậy bỏ ra ngoài, không nói không rằng. Tôi cảm thấy Philip Vandenberg và Marc đang lưỡng lự. Tôi không quay đầu lại: “Không sao, cứ để tôi lại một mình với người này”.

Vandenberg ra, Marc vẫn không.

— Cả anh nữa. Marc. Xin mời anh.

Cửa đóng lại.

— Anh hút thuốc? - Horst hỏi tôi.

— Không.

— Tôi hút được chứ?

— Xin tự nhiên.

Anh ta chậm rãi châm xì gà. Đứng dậy, làm ra vẻ để ngắm nhà ga trung tâm ngoài cửa sổ.

— Anh tên là Franz Cimballi. Hai mươi tuổi, thiếu vài tháng. Đến ngày 1 tháng năm vừa rồi, tài sản của anh suýt xóat bốn mươi hai triệu đôla. Không đi vào chi tiết thật chính xác, chỉ kể nhiều ngôi nhà bên Pháp, ở Paris, ở Cannes và cả ở bên Hoa Kỳ này, tại Palm Beach, và tại Jupiter bang Florida và bang California nữa. Thêm vào đó là ngôi nhà làm văn phòng ở đại lộ 7 New York, trang trại rộng hai mươi bốn ngàn héc-ta ở Arizona, một biệt thự ở Beverly Hills, một dinh cư ở Saint Tropez, Pháp. Nhiều đất đai bên Florida, Nevada, Texas, Nouveau Mexico và California...

Anh ta vẫn đứng ngắm nhà ga trung tâm.

— Ngoài ra anh còn có một bọc chứng khoán đặc biệt bảo đảm tiền mặt bằng đôla, mark Đức và florins dùng cho vay có kỳ hạn, một ít vàng và đồng kha khá trái phiếu bằng franc Thụy Sĩ. Tôi còn quên gì không nhỉ? À, còn hai chục ngàn đôla mỗi tháng Unichem trả tiền công tham vấn.

Một lúc. Tôi nhìn chiếc bật lửa vẫn nằm trên bàn. Và sung sướng vô cùng khi thấy tay không run.

— Anh Cimballi, cách đây ít lâu khoảng dăm chục tíu báo gần khắp thế giới đăng bức ảnh chụp vợ chồng anh, trong cùng một ngày. Qua tay một người tên Alfred Morf, anh hoặc ai đó đã gửi các số báo ấy, mở sẵn ở trang nhất, đến tận nhà vị chủ ngân hàng Thụy Sĩ, Martin Yahl ở Geneva.

Im lặng. Horst quay lại, đến ngồi trước mặt tôi.

— Tấm ảnh chụp anh và vợ anh tung ra khắp thế giới cho ít nhất hàng chục triệu người ngắm: Có kèm theo câu thuyết minh: I AM HAPPY - Tôi sướng

Lại im lặng.

— Lúc ấy anh sướng thật. Bây giờ vẫn còn sướng. Tôi biết anh vừa có con trai. Chúc mừng anh.

Anh ta mỉm cười:

— Anh hiểu tôi sắp nói đến cái gì chứ?

— Đang hình dung ra.

— Ngạc nhiên không?

— Không hẳn.

Gần đúng như vậy.

Anh ta gật đầu:

— Ban nãy tôi đốt tờ séc chỉ cốt làm anh hiểu: Một triệu đôla chỉ là cái rơm cái rác trong cuộc chơi giữa chúng tôi và anh kể từ hôm nay.

Anh ta nhìn điệu xì gà cháy đỏ rồi từ tốn, khéo léo dụi tắt nó rất thành thạo, không phải trong gạt tàn mà ngay trên bàn gỗ sồi.

— Hôm nay là 7 tháng năm, anh Cimballi. Nói để anh rõ: Chừng nào anh còn chưa khuynh gia bại sản thì chúng tôi chưa nghỉ ngơi. Anh sẽ khánh kiệt hoàn toàn. Không những thế sẽ còn bị gãy gục, bị đè bẹp, bị si nhục nữa kia...

Tôi lấy lại can đảm nhân lúc anh ta vừa ngắt lời, tôi thêm luôn: “Bị cảm nữa?”

Anh ta mỉm cười, thoáng qua, nụ cười lạnh băng:

— Chúng tôi đã có đủ thì giờ chuẩn bị kỹ càng, chuẩn bị từ mấy tháng nay. Và đã sẵn sàng. Anh sẽ đau khổ hai lần: Thứ nhất, vì lo sợ ăn đòn, sau đó là ăn đòn thực sự. Từ ngày hôm nay, từ phút này, dù anh đi đâu chúng tôi cũng có mặt ở đấy. Bất cứ chuyện làm ăn nào của anh cũng sẽ thành cạm bẫy. Có thể, chúng tôi sẽ hiện diện vào bất cứ lúc nào trong cuộc đời anh, nhất định sẽ có lúc ấy, không thể nào khác được. Lúc anh phải trả giá điều anh đã gây ra cho Martin Yahl. Trả bằng tiền mặt trao tay.

Anh ta đứng lên, cầm bật lửa.

— Tiền mặt trao tay, Cimbali!

Horst đi khỏi, Marc Lavater bước vào. tôi kể lại chuyện vừa rồi. Anh ta gật gù: “Một sự điên rồ ghê gớm!”

Anh nhìn dùm tro tờ séc, mẫu xì gà bẹp dí giữa bàn.

— Chắc anh đã nghĩ những cái đó chỉ là một trò bịp?

— Anh cho là thế à?

— Không. Có nghĩa là...

Trong thâm tâm anh nghĩ gì? Một sự thật hiển nhiên đã đập mạnh vào ý nghĩ của anh. Tính chất lằm lì của sự thách đố, khía cạnh cực đoan, gần như kịch của nó.

— Họ cố tình đây, Franz. Tôi chưa rõ tại sao, nhưng rõ ràng họ cố tình. Không thể đốt tờ séc một triệu đôla chỉ để thách thức?

Từ lúc Horst đi khỏi, tôi không cựa quậy, vẫn ngồi im trên ghế. Lúc này Horst vừa hỏi tôi có ngạc nhiên không khi nghe anh ta nhắc đến tên Martin Yahl, nói khác đi, tôi có ngạc nhiên không khi biết Martin đang có âm mưu phản kích tôi. Tôi đã nói không. Cách đây hai năm, sau một vũ khúc cuồng loạn kéo dài bốn năm, tôi đã làm hết sức mình để buộc tên chủ ngân hàng Thụy Sĩ Martin Yahl chịu sạt nghiệp. Vì lão đã phản bội bố tôi. Vì đã gián tiếp gây nên cái chết của bố tôi. Lão đã chiếm đoạt tài sản của ông cũng tức là của tôi. Tôi đã thành công, hoặc gần như thành công. Yahl vẫn còn vài triệu đôla, tôi không chặt hết được các mối liên hệ lão đã chấp nối qua bốn

mười năm kinh doanh ngân hàng, mà lại là ngân hàng Thụy Sĩ nữa. Tuy nhiên lão đã mất đứt phần lớn nguồn thu nhập rất dồi dào, nhất là đã mất nhà ngân hàng, tức là cuộc đời của lão. Hơn thế, tôi đã làm cho lão bị nhục nhã. Và trong niềm vui điên dại khi thắng lớn, tôi đã không kiềm chế nổi mình, đã làm cái trò trẻ con: Thông báo thắng lợi trên mặt báo toàn thế giới. Có gì đáng ngạc nhiên khi Yahl, kẻ ghét tôi cũng bằng tôi ghét lão, có khi còn hơn, nếu có thể được - có gì đáng ngạc nhiên khi lão tìm cách trả thù lại sự trả thù của tôi?

Khi Horst ra khỏi đây, tôi định tìm một câu đối đáp nẩy lửa, thật hài hước làm quỉ khóc thần sầu. Nhưng không nghĩ ra.

— Tôi không tin hắn ta chỉ bị không. Cũng như anh chắc không tin nổi.

Tưởng đâu tôi đã được thỏa mãn, nào ngờ nó lại trở dậy cháy bỏng hơn bao giờ hết: Nỗi thù hận của tôi ấy mà. Tôi bảo Marc:

— Con tôi. Anh có cách để nó được canh giữ chắc chắn suốt ngày đêm chứ? Anh quen các thám tử tư ở California mà!

Anh ta nhận lời, bảo: Chỉ một cú điện thoại là xong ngay. Và lập tức gọi một người tên Callaway ở Los Angeles. người anh đã nhờ giúp đỡ hồi tôi còn ở San Francisco (hồi ấy Callaway rất được việc cho tôi). Trong lúc anh gọi điện hai chúng tôi nhìn nhau, có lẽ với vẻ mặt của những người được tin chiến tranh vừa bùng nổ. Mọi dấu hiệu đều chứng tỏ đây là một cuộc chiến hãn hoi. Nếu chỉ có một mình, chắc tôi sẽ tự hỏi phải chăng tôi đang nằm mơ tất cả chuyện này, nhưng có Marc bên cạnh, bình tĩnh, mực thước, chính anh cùng chung ý nghĩ như tôi, cũng thừa nhận có khả năng tính mạng thẳng nhóc của tôi bị đe dọa. Marc gác máy, sau một lát mới nói: “Thật điên rồ!”

Philip Vandenberg quay vào phòng, thanh minh với chúng tôi rằng anh ta không hề hay biết gì, không hiểu nổi điều gì vừa xảy ra, trước đây chưa lần nào gặp tay Horst, thậm chí không biết có hãn tồn tại.

Từ khi biết anh ta, đây là lần đầu tiên tôi thấy anh tỏ ra khó chịu, chắc hãn thói kiêu ngạo tự đánh giá cao đã bị tổn thương. Anh ta nói: “Tôi rất lấy làm tiếc”.

Cơn choáng khi đối diện Horst tan đi. Nỗi tức giận cuộn cuộn dâng lên. Không chĩa vào Horst mà vào Martin Yahl, vào một mình lão già đang ẩn trong dinh cơ nguy nga bên hồ Geneva. Lão già đang thách thức tôi! Sự thật...

— Philip, trước mắt hãy tìm hiểu xem người này là ai, tại sao bỗng dưng hắn hiện ra trước chúng ta, - Marc nói rồi quay sang tôi? - Ta đi chứ? Trực thăng và máy bay đang đợi.

... Sự thật là trong lòng tôi lúc này đang lẫn lộn cả tức giận, căm ghét và khiếp sợ giống như khi đập một con rắn, một con bò cạp khổng lồ, đập đến khi tưởng nó đã chết thì lại thấy nó cựa quậy, thấy nó ngóc đầu lên, hồi lại, xông vào cắn tiếp. Chính vì thế nên vừa rồi khả năng châm biếm của tôi hoàn toàn tê liệt trước lời thách đố lâm li của Horst.

Manhattan dưới máy bay. Bên trái, nhà ga trung tâm lùi xa, chúng tôi bay qua East River. Marc bàn:

— Tôi thành thực tin rằng Vandenberg không dính vào chuyện này. Tôi biết anh không ưa hắn, nhưng làm gì đến nỗi. Dù sao ta cũng phải kiểm tra xem.

Tôi gật đầu tán thành lia lịa như máy, trong lòng lại sôi sục ý định sẽ hành động, sẽ ra tay. Vẫn Marc: “Tôi cho rằng họ chủ tâm chọn thời cơ này để tung ra lời thách thức. Ngày thăng bé của anh chào đời. Chẳng lẽ có sự trùng hợp kỳ lạ đến thế. Điều đó chứng tỏ họ đã theo dõi anh, theo dõi chúng ta từ lâu. Tôi nghĩ có thể từ nhiều tháng qua...”.

Bỗng nhiên tôi nhận thấy: Bên cạnh nỗi tức giận, phần nộ, căm thù còn có một cảm giác khác chen vào. Không chỉ chen vào mà lấn át tất cả, như làn thủy triều trùn lên tất cả, một cảm giác vui sướng man rợ, hung dữ. Và tôi không ngạc nhiên.

Tôi nắm trong tay hơn bốn chục triệu đôla, tức một trăm sáu tám triệu franc Pháp, tức hơn mười bảy tỉ xu. Tôi mới hai lăm tuổi và có cả tuổi xuân nhân loại. Một thằng con trai. Thế mà lại không chiến đấu sao? Không dám

chấp nhận lời thách đố sao? Tôi chợt ý thức được: Gần hai năm vừa qua, sau khi thanh toán xong Martin Yahl là khoảng thời gian chết, một sự ngưng nghỉ làm tôi tê bại.

Cimballi. Tôi đã khẳng định: Tên tôi bao giờ cũng kéo theo điệu nhạc vang lừng gần như man dại nhưng vui. Điệu nhạc ấy đã tắt, hoặc chỉ âm thầm thủ thi. Vừa đây nó lại bùng lên và cùng với nó, vũ khúc cũng tung bay.

Vũ khúc Cimballi.

3

Ngày 7 tháng năm là ngày khởi đầu cuộc xung đột, cuộc chiến tranh quyết liệt lạ thường, một mất một còn. Kéo dài hai năm, chính xác là hai mươi tám tháng. Nó cuốn tôi vào cuộc chạy vòng vèo, cóc nhảy, cuồng nhiệt trên khắp hành tinh.

Lúc phỏng vấn tôi, phóng viên MacQueen đã hỏi: “Tại sao anh chuyển dịch nhiều và nhanh như điện thế?” Câu hỏi ngớ ngẩn! Làm ăn như tôi, đi thật nhiều thật nhanh là rất cần. Tuy sử dụng điện thoại và telex nhiều nhưng thế nào cũng có lúc, như người ta thường nói “phải đến hiện trường”, không có cách nào khác.

Chính vì lẽ đó nên trong hai mươi tám tháng này, tôi sẽ chạy - hoặc nhảy là hình ảnh tôi thích hơn - gần khắp Châu Âu và khắp Hoa Kỳ. Cả Canada, Mexico, Columbia, bên Bờ Biển Ngà, biển Antilles, sang Hong Kong, Uganda, Brazil và Nhật Bản... Do điệu vũ đưa bước chân đi, và do bản tính tôi vốn yêu thích các bước nhảy cuồng nhiệt đó.

Ngay những giờ phút đầu tiên mọi dấu hiệu đều báo trước: Đây là một cuộc chiến trên mặt trận tài chính, duy nhất trên mặt trận tài chính thôi. Gã lên Horst đã cảnh cáo: Tôi sẽ rơi vào cạm bẫy. Làm như thế, không phải vì gã muốn giúp tôi được lợi thế. Vì trong thời gian dài, rất dài tôi vẫn không phát hiện ra cạm bẫy ở chỗ nào. Không biết cách phát hiện. Liệu có người nào ở địa vị tôi phát hiện được không?

Không thể tưởng tượng nổi! Có điều chắc chắn qua ngày 7 tháng năm này là: Cạm bẫy nằm ngay trong công việc kinh doanh của tôi. Trong những cái tôi đã thực hiện; những việc đang tiến hành những việc mới dự định với lòng ham hố lao mạnh lên phía trước. Do đó nhất thiết phải gấp rút kể ra tất cả và làm bản tổng kết. Ngay trên đường bay từ New York đi Los Angeles và California, tôi đã cùng Marc Lavater làm việc này. Sau đó tôi

còn bỏ ra nhiều ngày nhiều tuần tiếp theo. Nhân thể tôi xét duyệt những vụ đang kinh doanh hoặc có khả năng sẽ kinh doanh.

Tất cả những vụ tôi sắp miêu tả sau đây đều minh họa những kỹ thuật hoàn toàn hợp pháp để ai cũng có thể, từ một ý kiến riêng hoặc từ những cơ chế đã có sẵn mà kiếm được một, mười hoặc một trăm triệu đôla. Hoặc không kiếm được đồng nào. Hoặc bị lỗ chừng ấy. Tùy theo mình nhận định đúng hay sai, gặp may hay rủi.

Theo thứ tự vần chữ cái (không phải theo thứ tự tôi kinh doanh trước hay sau).

— Cà phê.

— Dầu mỏ.

— Thực phẩm, cacao, đồng, nước hoa Pháp, bạch kim, đậu nành...

— Còn cả món bạc, tức là kim loại.

Mỗi vụ đều dùng đến số vốn nói chung khá lớn. Có thể lên đến một tỉ rưỡi đôla - sáu tỉ bảy trăm năm chục triệu franc Pháp, sáu trăm bảy lăm tỉ xu.

Cả những vụ chỉ khởi đầu từ một ý nghĩa đơn giản - tôi rất mê loại này! Nhưng cũng phải có vốn lớn.

Và trong mỗi vụ đều có thể ẩn giấu cạm bẫy chết người mà Horst đã báo trước.

4

Vẫn ngày 7 tháng năm, Flint hạ cánh xuống Los Angeles.

Do chênh lệch múi giờ nên lúc này bên Châu Âu đã là bình minh ngày mùng 8 còn ở California bóng đêm ngày 7 mới bắt đầu tràn xuống. Chúng tôi đến vừa đúng lúc. Tôi đã báo cho bạn bè đến chia vui, cùng tôi chúc mừng sự ra đời của chú nhóc. Kết quả vượt xa lòng mong muốn của tôi.

Trên suốt chặng bay, gã Thổ nốc cạn lượng champagne đủ làm nổi bằng một chiếc tàu sân bay của Hạm Đội VI, rồi bốc lên biểu diễn những điệu nhảy cosaques trứ danh mà gã nhận là món sở trường. Ute Jenssen và bốn ả cùng đi hứng lên như những con rận cái, thấy ai đến gần là xấu hổ mơn trớn, phô hết thịt da hồng tươi thơm phức, nhà báo MacQueen hát những bài anh ta cho là của Ireland nếu có thể gọi thế là hát; ngay cả Lupino và Rosen, hai luật sư mọi khi rất điềm đạm hôm nay cũng tỏ ra khác thường, nhất là Rosen: Anh ta đã tìm cách rạch bộ lông giả của con gấu cao hai mét và chui vào trong; hai nhân viên phi hành đoàn của Flint thì dường như còn khó khăn phân biệt nổi máy bay với tàu ngầm; cặp Li và Liu tỏ rõ khả năng làm trưởng trò trong cuộc hội tượng bưng này tuy họ không nhấp rượu tí nào, xưa nay không bao giờ họ phải nhờ đến ma men giúp sức mới bộc lộ hết thói ngông lạ kiêu của họ, vì vốn dĩ họ đã điên sẵn; họ vẫn cái trang làm cướp biển, mắt xoay tròn, liếm mép thèm thuồng trước cảnh ngổn ngang hỗn độn này và đề xướng việc tất cả sẽ đội lốt những vị quan Tàu bằng dụng cụ họ đã chuẩn bị sẵn. Máy bay hạ cánh, cuộc đổ bộ của các viên quan vừa hoàn tất, Li và Liu châm ngòi cuộc đốt pháo hoa không thể thiếu nếu muốn có hội ra hội, theo lời họ khẳng định.

Trong một tình thế khác chắc chắn tôi sẽ buông thả mình theo những trò điên rồ này. Bây giờ thì không. Sau sự việc ở khách sạn Biltmore tại New York. Rất đông bạn bè California, số đông là diễn viên và tác giả kịch bản điện ảnh đến chào đón chúng tôi về biệt thự ở Beverly Hills dự vũ hội.

Nhưng tôi mượn xe một người bạn và linh đi. Tôi muốn trước tiên hãy gặp Catherine và thằng bé.

Bỗng nhiên chúng xuất hiện đúng vào lúc tôi sắp lên ngồi sau lay lái chiếc Porsche. Ba tên, thoát đầu tôi tưởng chúng định cướp. Nhưng không, chỉ giơ máy ảnh lên. Chớp đèn làm tôi không nhìn được nữa. Không một lời nào.

— Các anh là ai? Của báo nào thế?

Không ai trả lời. Chúng tiếp tục bấm máy, gần như không suy nghĩ, mặt lạnh như tiền, phớt hết mọi sự, đúng cung cách bọn nhà nghề, bấm một lúc hai, ba, có khi mười pô chỉ để yên chí thể nào cũng được ít nhất một tấm ưng ý.

Tôi ngồi vào xe, nổ máy. Chúng đứng im không nhúc nhích, cũng chẳng buồn nhìn tôi lao đi, dường như tôi chẳng còn là cái thá gì sau khi chúng đã làm xong việc của chúng. Chỉ sau khi chạy được vài trăm mét, mới gặp lại cảm giác đã có khi nhìn vào mặt gã Horst, cảm giác: Có cái gì đó không ổn.

Chẳng mấy lúc sau tôi đã có dịp thấy rõ: Cảm giác đó có cơ sở. Xe tôi chạy suốt dọc đại lộ St. Monica, vào đậu trong bãi của bệnh viện Boulevard lúc hơn mười giờ đêm, giờ bên bờ phía Tây. Mới đi được năm sáu bước đã bị chúng đến ám. Lần này chỉ có hai tên thôi. Không phải mấy tên ngoài sân bay nhưng vẫn cùng một kiểu hành động. Chúng sấn đến gần chạm người tôi và lia tới tấp hàng tràng dài chớp đèn sáng trắng, trùm kín người tôi. Như những gã đấu bò lì lợm, chúng chỉ tránh đường vào giây cuối cùng, cho đến lúc tôi bước qua cửa, thoát nạn. Vào tới đại sảnh tôi nhìn lại, thấy chúng sau khi làm xong công việc đã quay đi, máy ảnh tòng teng nơi tay.

Chụp ảnh tôi không phải chuyện mới mẻ gì, tôi có nhiều bạn bè là nhà báo ở rất nhiều nước. Bao giờ họ cũng bấm máy kèm theo một câu nói, một nụ cười. Và lại tôi không thuộc loại người nổi tiếng. Nhiều lắm cũng chỉ là một người được biết đến vì báo chí có lần đã nói về tôi, nhất là sau vụ “Rao Mua Toàn Bộ”, qua đó tôi đã làm đổ sụp cơ nghiệp Martin Yahl Ở tuổi tôi mà kiếm nổi vài chục triệu đôla dĩ nhiên làm mọi người chú ý không nhiều

thì ít. Lại còn tấm ảnh “Tôi sướng” đăng trên năm mươi sáu tờ báo chắc cũng làm tôi khó giấu được tung tích.

Nhưng từ đó mà đi đến chỗ bị săn đuổi. “Săn đuổi”. Một tia chớp trực giác chói lòa làm bật ra từ này, ngoài ý thức của tôi.

— Anh ba chân bốn cẳng chạy về thật nhanh.

— Chả dừng lại New York là gì?

— Máy bay của Flint không phải loại 747, không cất cánh ngay được. Anh khởi hành từ Amsterdam đấy, em đừng quên. Catherine, anh mừng đến phát điên.

Tôi say mê đứng ngẩn, gần như dính chặt vào làn kính ngăn cách tôi với thằng con đỏ hồng đang ngủ say như chết. “Sớm mất hai tuần... trường hợp này không biết có phải nuôi trong lồng ấp không?”

Tưởng chỉ tự hỏi mình thôi, không ngờ lại nói ra lời nên Catherine bực dọc đáp lại:

— Và gì nữa? Con rất bình thường, khỏe mạnh.

— Đặt tên gì đây? Ta phải quyết định thôi. Marc Lavater định là Marc, gã thổ và Ute đòi đặt là Mustapha Napoléon, còn Li và Liu thì khuyên là Không Tử. Hay là gộp tất cả lại?

Tôi chịu cực như chó, cố làm ra vẻ ngộ nghĩnh, xởi lởi và tất cả, tất cả. Với cảm giác khó chịu là sẽ không thành công.

— Anh dừng lại New York làm trò gì?

— Thì đã nói với em rồi, do Flint cần đỡ lại.

— Còn có cái khác nữa.

Tôi chưa bao giờ nói dối Catherine:

— Đúng thế, nhân thể anh giải quyết một việc.

— Quan trọng đến thế cơ đấy!

Tuy tiếc rẻ, tôi vẫn phải bỏ dở việc ngắm nghía thằng bé đến ngời xuống giường, khi cúi xuống định hôn thì Catherine quay mặt đi thành ra chỉ hôn được vào má.

— Có cô y tá cho biết ngoài cửa buồng em có thám tử canh gác.

— Không sao. Đề phòng xa thôi.

Im lặng.

— Catherine...

Bây giờ cô mới chịu nhìn vào mắt tôi. Trong chớp mắt tôi gặp lại đôi mắt vàng óng đã trông thấy lần đầu trên bể bơi một khách sạn ở Naussau, quần đảo Bahamas. Gặp lại Catherine của tôi, nàng Catherine của vùng Thượng Loire, của những cuộc dạo chơi Paris, của Marrakech, của bữa sáng đôi cùng trở lại ngôi nhà thời thơ ấu ở Saint Tropez.

— Ổn chưa?

— Ổn.

Nói thế nhưng cô nhắm tịt mắt lại như muốn ngủ. Giả vờ thế, tôi dám thề như vậy.

— Anh có lỗi gì Catherine? Có chuyện gì vậy?

— Chẳng có gì sất, - mãi cô mới nói.

Nụ cười của cô rõ ràng là cười gượng. Tôi bèn kể về lũ diên vừa tới đây cùng với tôi, về bọn sắp kéo đến thêm.

— Sau đó chúng ta sẽ đi du lịch, cả ba: Nhóc, em và anh. Ba đứa thôi.

Cô vẫn lãnh đạm chẳng buồn gật đầu. Chỉ nói buồn ngủ rồi. Tôi lại ra đứng chôn chân ngắm thẳng con. Cho đến lúc y tá tổng ra khỏi cửa.

Ngày 8 tháng năm bố mẹ vợ tôi đến Los Angeles lúc độ một giờ rưỡi sáng. Ra đón ở sân bay tôi mới biết có cả Françoise Lavater cùng đi trên máy bay. Chị đã tranh thủ vù khỏi Chagny.

Trước đó tôi có tạt qua nhà. Khách khứa chẳng cần đến tôi, đêm hội tuyệt vời đến nỗi chẳng có ai thèm để ý đến chủ nhà. Chỉ một mình Marc Lavater chịu đoái hoài đến, đòi cùng đi với tôi ra sân bay. Tôi từ chối, nhưng lại nói với anh ta về bọn phó nhòm. Đêm ấy tuy có nhậu, ít hơn so với trên một trăm thằng diên kéo vào nhà tôi, nhưng anh cũng còn đủ tỉnh táo để hiểu được những điều tôi thuật lại.

— Thế bọn chúng vẫn đợi đến lúc anh rời bệnh viện?

— Vẫn mấy thằng tôi gặp khi mới đến. Và tin chắc toán thứ nhất hiện đang rình tôi ngoài sân bay.

Anh gật đầu:

— Trò chơi lớn đã khai mạc rồi đấy, Franz. Chúng định làm cho anh bị căng thẳng, anh hiểu chứ?

— Tự tôi chắc không nghĩ ra, cảm ơn

— Từ mai tôi sẽ lo chuyện này. Nếu chúng là những tên phó nhòm giả danh, có thể ta sẽ trị được. Tất nhiên, theo đúng luật.

— Nếu không phải thì sao?

Anh nhún vai:

— Tôi không rành luật pháp Hoa Kỳ về quyền báo chí và về bảo vệ đời sống riêng của công dân, chỉ biết là nó khá rộng rãi. Vả lại, ai là người muốn thấy ảnh mình được trưng lên báo toàn thế giới? Thích vinh quang thì phải trả giá.

Đôi mắt bà mẹ Catherine cũng vàng mượt như mắt cô con gái, tuy không mơ màng bằng. Tôi rất mến bà. Điều đáng ngạc nhiên là bà cũng tỏ ra mến tôi thực tình, tuy tôi không quen được chiều chuộng. Chưa nghe tôi kể về thái độ lạ lùng của Catherine bà đã hiểu ngay. Tôi nói: “Chắc là tại vì khi sinh cháu, cô ấy chỉ có một mình ở California, xa gia đình. Đáng lẽ con phải ở đây”. Bà đập nhẹ vào vai tôi: “Đáng lẽ tôi phải có mặt ở đây. Thôi anh đi ngủ đi, trông anh mệt mỏi lắm rồi”.

Được gặp bà, có bà ở bên Catherine lúc này làm tôi sung sướng đến mức có thể vui lòng chấp nhận hậu quả của nó là sự hiện diện của bố vợ, không phải là bố đẻ Catherine nhưng là chồng thứ hai của mẹ cô. Bố vợ là người Anh tên Jeffries, Alec Jeffries. Một bọm nhậu, rất lịch sự, càng ngấm rượu càng lịch sự hơn. Có nhiều tiền, rất nhiều; một lúc nào đó đã định làm việc - đã từng nhận giữ một ghế ở Bộ Ngoại Giao vì có biệt tài đánh bài bridgeur và chơi golf. Phúc tổ cho Hoàng Gia, ông không hoạt động gì ở cương vị

mình. Ngoài việc sang Ireland săn gà gô trên dinh cơ của ông bên đó, ông hoàn toàn chẳng làm một việc gì. Tôi ăn ý với ông chẳng hơn gì với bức tường. Ông bảo tôi:

— Đã có hai ông bà già này đến, mọi việc sẽ ổn hết con ạ. Từ nay bố mẹ sẽ trông nom cô con gái.

Tôi nghiêng răng kèn kẹt. Nghe ông ta gọi bằng “con” sao mà sướng bụng! Lại còn “cô con gái” nữa, cũng khó nuốt trôi quá. May sao có Françoise Lavater ở đây. Mắt chị long lanh niềm vui, nắm tay tôi đi thì thầm:

— Đừng nói gì làm tổn thương tình cảm đẹp đẽ giữa hai người! Anh làm gì ông xã nhà tôi rồi?

Tôi để mẹ Catherine và đức lang quân yêu quý ở lại bệnh viện, dẫn Françoise về nhà. Cả bọn đã hoàn toàn hóa điên. Li và Liu đem chỗ pháo hoa không được phép bắn ở sân bay về đây đốt, làm cảnh sát bị bất ngờ. Họ kéo đến và lập tức dịu giọng, cũng tham gia bông phèng cả đám. Tôi chỉ biết mặt độ một phần ba các vị khách đêm nay. Mò mẫm mãi cuối cùng mới tìm ra Marc Lavater, mặt mày hớn hở, ướt lướt thướt: Anh vừa rơi xuống bể bơi.

— Chuồn khỏi đây thôi.

Tôi chấp nhận, tự mình thấy cũng nên về Hilton ngủ qua đêm.

— Tại sao có những người chụp anh lia lịa, như thể anh là ngôi sao điện ảnh thế? - Françoise hỏi. - Lại còn các thám tử đeo súng ở cửa buồng Catherine nữa chứ?

Thấy chúng tôi không ai trả lời, chị bồi thêm:

— Tôi không điên đâu, Franz. Ba tên thợ ảnh ở sân bay, hai ở bệnh viện, và toán thứ ba ở cổng nhà.

Chị nhìn chúng tôi:

— Có chuyện gì không ổn chắc?

— Gần như thế, - Marc đáp. Anh ta tụt quần vắt cho khô.

Đêm ấy tôi trần trọc, ngủ có vài tiếng, đã thế còn cả Marc Lavater cũng không ngủ được hơn, lại còn dậy trước tôi và gọi điện đi nhiều nơi.

— Callaway. Người tôi đã gọi lúc ở New York, và bữa ở San Francisco đã...

— Biết rồi.

— Anh ta đã chất vấn bọn phó nhòm. Chúng chẳng gây khó dễ, xuất trình luôn thẻ nhà báo. Hợp lệ.

— Báo nào?

— Bình tĩnh đã. Chẳng phải báo nào hết. Một hãng thông tấn mới thành lập. Chủ tên là Yates.

— Nghe lạ hoắc.

Callaway cũng chưa nghe nói đến bao giờ. Anh ta lo chuyện này. Ăn một chút gì đi, chắc chắn tối qua anh nhịn đói.

Ngủ dậy, tất nhiên việc đầu tiên là gọi tới bệnh viện: Catherine vẫn ngủ, nhưng bà mẹ đã có mặt: “Đừng đâm bổ tới đây vô ích, - mẹ vợ bảo tôi, - cả hai mẹ con đang ngủ, đều khỏe mạnh cả. Lạy chúa tại sao lúc nào anh cũng sôi sục lên như núi lửa thế hả Franz. Anh không bao giờ bình tĩnh, thanh thản được à?”

— Franz!

Marc tìm cách làm tôi chú ý.

— Gì vậy?

— Theo anh, là có nên bỏ rơi vụ này không? Đó là một cách giải quyết.

Tôi không hiểu ý anh. Anh giải thích:

— Tay Horst - nhân tiện nói luôn: Ta sắp biết rõ thêm về hắn - Tay Horst đã đến tuyên chiến với anh. Rất có thể theo lệnh của Yahl.

— Còn ai khác nữa, chả lẽ của Mông Cổ?

— Biết đâu. Nhưng điều chủ yếu là thế này: Chúng muốn làm anh khánh kiệt. Chúng bảo: Sẽ lừa anh vào bẫy. Bẫy quái quỷ nào, chúng ta chưa rõ. Được. Tôi đã nghiền ngẫm. Anh đã có món tài sản kha khá, quá khá là khác, được bảo vệ chắc chắn không ai làm gì nổi. Tài giỏi lắm cũng phải bỏ ra ba chục năm mới làm anh sạt nghiệp được. Trừ phi trong quá khứ anh đã có sai phạm gì để người ta có thể lợi dụng làm hại anh mà tôi

không biết, đại loại tội cường hiếp cả loạt nữ sinh một trường trung học nào đó, hoặc băng qua đường ngoài hàng dinh, hoặc ám sát Tổng Thống đương nhiệm của một nước cộng hòa...

— Sáng nay anh có vẻ sung sức ra trò. Trông anh thật thích mắt.

Nói thế nhưng tôi đã hiểu ý anh ta. Hơi chậm, nhưng cũng đã hiểu.

— Nói cách khác, anh khuyên tôi rút lui.

— Cũng có thể coi là như thế.

Anh ta còn cố giải thích thêm: Cách tốt nhất để tránh rơi vào bẫy của địch thủ cài trên đường ta đi, là đừng đi tiếp nữa. Là dừng lại, là chờ đợi mãi mãi. Một câu tục ngữ Ả Rập nói đại ý: “Hãy ngồi xuống bờ sông mà đợi, sẽ thấy xác kẻ thù trôi qua”. Marc khuyên tôi gần như thế: Đừng hành động, đừng thử sức, không để bị rơi vào bẫy. Tôi đã tìm ra từ chính xác: Rút lui. Lúc chưa đầy hăm lăm tuổi đời.

Nhưng bản tính tôi không thích ngồi nhìn nước chảy dưới sông. Mà thích xuống để đãi vàng. Và cho rằng, có khi cạm bẫy lão dành cho tôi lại chính là điều đó: Dọa dẫm khiến tôi khiếp sợ và tự mình làm mình tê liệt.

Chưa hết.

— Hãy nghĩ cho kỹ. Đó là một giải pháp. Không đòi hỏi anh quyết định ngay bây giờ. Anh đang dự định đi nghỉ cùng Catherine và thằng nhóc, riêng ba người với nhau. Vậy hãy đi nghỉ, và cân nhắc thêm rồi quyết định.

Chúng tôi đi nghỉ ở Arizona.

Trang trại cách Phoenix độ một giờ rưỡi chạy xe. Rất dễ tìm đến chân dãy Rocheuses, rẽ tay phải. Vùng có tên là Mesa Verde. Trại kiểu Tây Ban Nha - Mexico khép kín có sân trong trồng cây tuyệt đẹp.

Catherine đã thỏa thuận với tôi tậu dinh cơ này cách đây tám tháng. Cho đến lúc này, chúng tôi mới đến đây ở đúng một tuần. Sắm vai những người chăn bò. Chúng tôi cũng thỏa thuận khi có dịp sẽ trở lại. Đây chính là dịp tốt hiếm có. Tám ngày sau khi Marc Andrea Cimbali con trai chúng tôi chào đời. Cha đỡ đầu nó là Marc Lavater.

Li và Liu đã trở về San Francisco từ lâu, Rosen và Lupino về New York, Ute và gã Thổ về London. Françoise và Marc đi với chúng tôi. Họ ở Arizona khoảng mười ngày nhân thể đi tham quan bằng xe hơi và máy bay du lịch nhiều thắng cảnh trong vùng. Ngày 25 tháng năm họ trở về Pháp, để sang đầu tháng sáu Marc sẽ quay lại New York. Trong những ngày nghỉ hai chúng tôi không hề dă động đến công việc, đến Horst, do đó cũng không động đến Yahl.

Họ đi rồi, trong trang trại vợ chồng tôi và chú bé người ở, chỉ còn bà mẹ Catherine và chồng bà ta. Chú Marc Andrea Cimbali vẫn hấp dẫn và làm tôi kinh ngạc hết sức. Tôi chưa bao giờ có một gia đình, theo đúng ý nghĩa của từ này. Bố tôi mất lúc tôi mới lên tám, mẹ tôi không sống thêm được bao lâu sau đó. Không có anh chị em ruột, anh chị em họ, thân thích chẳng có ai. Chưa bao giờ biết như thế nào là trẻ con. Tuổi thiếu niên lê từ trường trung học Paris sang trường Thụy Sĩ qua ngôi trường Anh Public School^[2] (tên như thế nhưng lại là trường tư), dưới sự bảo trợ khắc nghiệt của Martin Yahl và của ông bác còn đạo đức giả nặng hơn vì mắc bệnh điên. Và cuối cùng khám phá được rằng cả hai tên đã chiếm đoạt gia tài bố tôi để lại. Tuổi trưởng thành mở đầu bằng việc bị tống sang Kenya khuất mắt họ, rồi được nuôi dưỡng bằng mối thù tôi đã trả xong và món tài sản tôi đã tạo dựng. Vậy mà hôm nay tôi đang run rẩy trước cục thịt đỏ hồng khóc oe oe này...

Chính trong tâm trạng này mà tôi bàn và thỏa thuận với Catherine kéo dài cuộc nghỉ chơi thêm hai tuần, kết thúc vào cuối tháng năm này. Tôi thuê chiếc du thuyền đi tham quan vịnh California, đáng lẽ nên gọi bằng cái tên hình như của Steinbeck^[3] đặt hay hơn gấp trăm lần: Biển Cortès. Nó là một luồng biển dài mười hai ngàn kilômètres, rộng ít ra cũng đến một trăm kilômètres, có chỗ sâu những hai ngàn năm trăm mét nước, một bể cá khổng lồ phủ kín những đàn chim biển, chim mòng, chim nhạn, những đàn cá đuối nhảy múa rất ngoạn mục trên mặt trước, cùng vô số sư tử biển, cá voi xanh bơi với tốc độ năm mươi kilômètres giờ, tất cả đều ẩn náu trong ngôi đền bất khả xâm phạm này. Không có cảnh lớn, không một thành phố

nào đáng gọi là thành phố suốt dọc hai bên bờ của Mexico: Nơi tận cùng của thế giới, chốn thiên đường.

Dù sao, cái gì cũng đến lúc phải kết thúc.

Tôi bàn với Catherine đến ở New York với tôi. Cô dứt khoát từ chối. Thế là cãi nhau kịch liệt, cô trách tôi ích kỉ, lôi hai mẹ con đến một trang trại tận xó xỉnh Arizona rồi lôi tiếp lên con tàu này. Và nhất là cô đã thấy ớn, ớn chuyển dịch, thay đổi không dừng, ớn vì tôi lang bạt khắp trái đất đuổi theo một thành đạt vô nghĩa theo quan niệm của cô. Cô thèm có một mái nhà của mình, yên tĩnh, ổn định, bình dị, ở bên Pháp, gần bố mẹ. Nơi mỗi buổi chiều, lúc bảy giờ ba mươi phút tôi trở về ăn tối, chứ gì? Thì đã sao?

Không phải lần đầu tiên cãi lộn như thế, nhưng chưa lần nào nặng lời như vậy, và lại những lần trước tôi không quan tâm lắm. Bây giờ tôi đang giậm chân sốt ruột. Ngày 7 tháng năm đã xảy ra quá nhiều sự kiện dồn dập. Sau đó có được mấy ngày yên tĩnh tôi dành hết cho con. Bây giờ tôi sôi sục ý muốn hành động. “Đã thế, em về Pháp” về Paris và suốt mùa hè về ở Fournac vùng Thượng Loire. “Thế còn anh, anh sẽ ra sao? Đừng quên anh là chồng em”. Cô không quên. “Lúc nào có thì giờ rảnh rồi công việc anh về mà thăm vợ thăm con!” “Thế thì suốt đời đi trên đường không lúc nào dừng chân?” Catherine: “Tại anh thích đi, ai bắt!”

Tôi vừa nói vừa giậm chân sốt ruột như con tuần mã gõ móng đòi phi. Marc Lavater khuyên tôi nghỉ ngơi, suy nghĩ nên làm gì đáp lại thách thức của Horst. Nhưng chẳng cần suy nghĩ gì hết. Ngay từ câu đầu từ mồm sứ giả của Martin Yahl buông ra, tôi đã quyết định rồi.

Đã đến lúc ra tay. Ngày 11 tháng sau, cùng lúc Catherine bế con theo bố mẹ bay đi Châu Âu, tôi cũng rời Arizona để về New York.

PHẦN II

CẠM BẦY

1

New York. Chúng tôi đi vòng quanh hàng hiên đầy hoa tươi của trung tâm Rockefeller rồi vào mảnh vườn bé tẹo “Biển Manche”. Marc Lavater hỏi:

— Bọn phó nhòm thế nào?

— Lúc tôi lên máy bay ở Phoenix đã thấy chúng đợi sẵn, lúc đến đây lại thấy một tốp khác đang chờ. Chúng sẵn đuôi tôi thật rồi. Kể cũng lạ, sao lúc này không thấy chúng quanh đây?

Mấy bụi cây lèo tèo này được đặt tên vườn “Biển Manche” và nằm giữa ngôi nhà Pháp Quốc và cao ốc Vương Quốc Anh.

Marc nói:

— Tôi đã kiểm tra kỹ, chúng hành động đúng luật. Không thể cấm chúng chụp ảnh ở những nơi công cộng. Tuy vẫn có thể thử kiện và yêu cầu truy tố, nhưng khả năng được kiện rất mỏng manh. Mất hàng tháng trời là ít, theo lời các chuyên viên cho tôi biết. Hơn nữa chính anh đã cho tung ra hàng đồng ảnh của mình. Thành ra rất khó làm tòa tin rằng quả thật anh ghê tởm việc quảng cáo cho mình.

Liều thuốc thật là đắng!

— Nghĩa là tôi bị trừng phạt vì tội lỗi của mình chứ gì?

— Thế đấy.

— Ai thuê chúng nó?

— Bữa trước tôi đã nói: Một gã tên Yates. Đã năm được thêm về hăn. Mới thành lập hãng cách đây năm tháng. Franz Herbert Yates. Trước làm phóng viên báo chí ở Nam Mỹ, Brazil là chính. Đã từng bị rắc rối về chuyện buôn bán ngoại tệ nhưng không có chứng cứ đích xác.

— Hăn lấy đâu ra tiền?

— Tôi sắp nói đến. Cách đây sáu tháng Yates còn làm phóng viên cho một hãng thông tin. Đang làm thì gặp may: Một kỹ nghệ gia Argentina chết

hồi mùa thu năm ngoái để lại cho hắn gần ba trăm ngàn đôla, đã trừ một khoản lệ phí. Chúng tôi lần theo manh mối thì thấy hợp lệ. Tay kỹ nghệ gia ấy là bạn thân của Yates, trong di chúc nói rõ khoản tiền ấy để trả ơn sự giúp đỡ của bạn. Chẳng rõ ràng gì hết, nhưng không vi phạm pháp luật. Tiền do các ngân hàng chuyển giao, thuế nộp đủ, hãng của Yates thành lập hợp lệ về mọi mặt. Không đánh họ được. Một luật sư của tôi đành đến gặp Yates hỏi thẳng thừng tại sao hắn quan tâm tới anh đến mức ấy. Trả lời: Yates cho rằng anh là một Howard Hughes^[4] mới nổi lên, nếu một ngày kia anh cũng bắt chước Hughes thứ thiệt, tự giam mình trong buồng kín không xuất hiện trước công chúng nữa thì bộ ảnh chụp anh mà hắn đang sưu tầm sẽ thành một đồng của. Hắn bảo đấy cũng là một cách đầu tư. Hắn còn lấu lỉnh bảo luật sư của tôi rằng chẳng có điều luật nào bắt tội hãng thông tấn của hắn kiểm lời.

Là một “Howard Hughes mới”! Chà, mũi tôi phồng lên. Tôi bảo:

— Anh biết không, tôi bắt đầu thấy khoái vụ này đấy.

Cũng là một cách xem xét sự việc. Dù thế nào đi nữa, có đến mười hai tên phó nhòm dưới trướng Yates. Không chỉ chụp có một mình Franz Cinballi, nhưng chúng, dành cho nhân vật thú vị này chín chục phần trăm thời gian. Quả thật có triển vọng phải chịu đựng bọn phó nhòm này nhiều tuần, nhiều tháng và có khi còn lâu hơn, triển vọng này khiến tôi bức bối. Tôi đã thấy trước những cơn thịnh nộ của mình. Nhưng triển vọng này cũng có khía cạnh khiến tôi vui vui. Nó là một thách đố.

Marc tiếp:

— Tất nhiên có hay không có bọn phó nhòm thì anh cũng vẫn bị Martin Yahl giám sát chặt. Từ nhiều tháng nay. Ngay lúc tôi đang nói đây chắc chắn cũng có những đứa đang rình.

Đi hết vườn “Biển Manche” chúng tôi đặt chân vào đại lộ số năm. Dừng lại trước tủ kính hiệu sách Pháp. Tôi quyết định:

— Đúng như anh nói. Vậy thì ta cùng làm nhân chứng.

— Giám sát Yahl suốt ngày đêm?

— Tao giám sát mày, mày giám sát tao?

— Trò ngu xuẩn!

— Tôi muốn có trong tay équipe tốt nhất. Trừ phi nó đã làm tay sai cho Yahl.

Marc ngẫm nghĩ. Rồi bảo:

— Callaway rất cừ. Nhưng chỉ cừ ở Hoa Kỳ, không phải thứ đồ xuất khẩu. Anh còn nhớ vụ Paul Getty^[5] không? Cháu nội ông ta bị bắt cóc bên Ý, bị chúng xẻo tai gửi qua bưu điện cho ông ta để đòi tiền chuộc. Tôi sẽ thuê cho anh toán điều tra viên đã giải quyết vụ đó. Không có loại tốt hơn được.

— Đồng ý.

— Sẽ tốn ghê gớm đấy. Nhưng bọn này rất giỏi.

Trong đầu tôi hiện lên hình ảnh: Martin Yahl ẩn mình trong dinh cư đồ sộ bên hồ Geneva, trong ngôi nhà lẻ loi nằm giữa khoảnh vườn tuyệt đẹp có tường cao vây quanh. Ngôi nhà tối tăm, hiu quạnh. Hình tượng sáo mòn: Con nhện ẩn giữa mạng lưới của nó. Và tôi Cimballi là chú ruồi mắc lưới.

— Marc, tôi muốn biết mỗi ngày, từng giờ của mỗi ngày, lão làm những gì, đi đâu, điện cho ai, viết cho ai, gặp ai, tiếp ai, để làm gì.

Và không kìm giữ được mình khỏi hàm hồ:

— Tôi phải biết cả kết quả xét nghiệm nước đái của lão.

Marc không cười. Anh nhìn thẳng mắt tôi:

— Nghĩa là chiến tranh?

— Đúng thế.

Marc tiếp: “Có điều chắc anh chưa nghĩ tới. Yahl có thể đã hoặc đến lúc nào đó sẽ nghĩ đến chuyện hạ đối thủ. Bọn giết mướn vẫn tồn tại”.

Không. Tôi không hề nghĩ đến khả năng đổ máu, thậm chí còn rút hết những người canh gác cho Catherine và Marc Andrea. Tôi tin chắc Martin Yahl không tự tay mà cũng không thuê kẻ khác giết người. Tôi biết rõ lão ta. Quá lắm, lão chỉ khôn khéo đẩy tôi đi đến chỗ tự sát là cùng. Không làm quá mức đó. Vì tính thận trọng của kẻ kinh doanh ngân hàng, vì thói kiêu ngạo khiến lão không muốn triệt hạ tôi bằng thủ đoạn nào khác hơn là dùng những luật chơi của giới tài chính cỡ bự, và nhất là vì một lí do có thể làm

mọi người sửng sốt: Đức tin của lão. Đúng thế đấy! Đấng Tối Cao ngân hàng, tuy đã từng đứng ra làm ăn với bọn Quốc Xã trong thế chiến vừa qua, tuy đã từng lạnh lùng chiếm đoạt của bố con tôi không dưới một trăm triệu đôla, nhưng ngài vẫn là một tín đồ Thanh Giáo ngoan đạo, rất nghiêm chỉnh, ngài tin có Chúa, tin có sự trừng phạt vĩnh viễn.

Tôi bảo Marc: “Anh cười thì cứ cười, nhưng sự thực là thế”.

Không thể có mối đe dọa ấy. Cạm bẫy nếu có thật, sẽ nằm trong chuyện làm ăn kinh doanh mà thôi, trong mỗi vụ tôi đang thực hiện hoặc sắp thực hiện.

Diễn biến về sau chứng tỏ, ít ra tôi cũng đã đúng trong phỏng đoán này.

Trên đường bay từ Amsterdam đi Los Angeles qua Paris, London và New York. MacQueen vẫn thực hiện cuộc phỏng vấn nhát gừng. Trước khi thả mình vào cơn say sưa tuyển tập bài hát dân tộc Gaen vùng Tây Bắc Anh. MacQueen hỏi tôi: “Anh là nhà tài chính loại nào? Kiếm tiền bằng cách nào? Làm gì để ra tiền?” Tôi trả lời: “Đánh quả”.

Chắc anh ta không hiểu (cứ sau sáu chai Dom Pérignon thì ngay điều đơn giản nhất cũng làm anh ta ngớ ra). Khốn nỗi vừa buông mồm anh ta đã gào những bài ca Ireland quái quỷ bằng thổ âm, thành ra tôi không giải thích được cho anh ta hiểu.

“Đánh quả”, tức là nắm bắt - hoặc thử nắm bắt - điều đang xảy ra ở một vùng nào đó trên thế giới, tức là nắm bắt một thị hiếu, tiên cảm một điều sẽ tới, tìm được một ý mới. Sau đó triển khai ngay lập tức, thật nhanh, đi đến tận nơi, hỏi han, nếu cần thì tuyển chuyên viên giúp việc, thực hiện kế hoạch đến nơi đến chốn. Sau nữa, nếu cần, phải đoán trước lúc nào nên rút lui và ý của ta không còn mới nữa, đã có người bắt chước ta, hoặc vì hoàn cảnh thay đổi, thị hiếu đã khác đi.

Đó chính là những điều tôi đã làm được trong bốn năm qua (điều khiến tôi vẫn còn chưa hết ngạc nhiên). Tôi không phải là, và sẽ không bao giờ trở thành nhà kinh doanh thông thường theo như thiên hạ vẫn quan niệm.

Có nhà mặt tiền. Nữ thư kí riêng có bằng cấp, văn phòng cố định... đều không có.

Trong tháng sáu năm đó, chừng bốn mươi ngày sau khi Horst ra mặt, tôi đã làm đi làm lại đến năm chục lần bản tổng kết các vụ kinh doanh trong quá khứ, đang tiến hành và đang dự định. Bây giờ tôi vẫn nhớ vào thời gian ấy tôi đã bỏ vốn vào nhiều nơi nhất là trong lĩnh vực nhà đất, ngoài ra còn tham dự một vụ tích trữ số lớn bạc kim loại; bên cạnh đó còn sắp bỏ vốn lớn vào việc tích trữ cà phê; cuối cùng còn một dự định khác rất thú vị chưa tiết lộ với ai. Kể cả Marc Lavater. Chừng đó cũng đủ biện minh việc tôi phải trở lại với kinh doanh, sau đợt nghỉ vừa rồi. Nhưng số phận đã quyết định tôi phải lao vào một vụ làm ăn hoàn toàn mới, vô cùng lớn.

Đây là một vụ đánh quả như tôi đã nói với MacQueen. Tên là Vườn Săn. Bắt đầu từ anh chàng Flint.

2

Flint hỏi tôi: "Liệu tôi có được tăng tiền công không?"

Tôi kiên quyết lắc đầu, mắt vẫn dán vào tập hồ sơ do Rosen và Lupino chuẩn bị, mang theo trong chuyến đi này.

— Không!

— Tôi cần tiền quá mà. Franz!

— Thì bán máy bay đi.

Đáng lẽ không nên nói thế làm anh khó chịu ra mặt: Anh bắt đầu cho máy bay nhào lộn, không rõ theo những động tác gì. Bữa ấy anh lái cho tôi đi Montréal dự hai cuộc gặp, tôi đang có tham vọng thò mũi vào công việc kiến thiết vịnh James đang được dân Québécois^[6] đầu tư ồ ạt.

Nếu không thắt chặt đai an toàn vào ghế chắc chắn tôi đã bị hất tung ra bầu trời Canada trong bộ đồ Complet trên độ cao bốn, năm ngàn mét. Mỗi lần Flint mới trấn tĩnh lại và trình bày tình trạng tài chính của anh ta một lần nữa, một tình trạng không đến nỗi tầm thường như đoạn trên tôi đã nói. Anh thừa kế hợp pháp ít ra cũng một tỉ đôla, nhưng không thanh toán nổi tiền điện. Lợi tức không đủ tiêu. Bất cứ người nào khác đều sống dư dật với số lợi tức ấy với điều kiện: Dừng sắm máy bay, nhất là máy bay phản lực. “Franz, tôi bí quá. Có một vợ với sáu đứa con”. Rồi thao thao bất tuyệt. Kể về những người làm ăn với bà mẹ, về cô vợ khốn khổ, về sáu đứa con khốn khổ đang đói ăn, về ngôi nhà Atlanta bên Georgie có sân chơi golf và máy xén cỏ khổng lồ chở được hai người, lắp tivi màu. Kể về chiếc máy bay, một thứ tuyệt hảo nhưng cần thay dăm ba bộ phận... Và dĩ nhiên, kể về mảnh đất của anh ta. Không phải là lần đầu tiên nói đến nó với tôi.

Đấy là mảnh đất hương hỏa của ông nội anh ta, nên không bị trói buộc bởi những qui định khắt khe trong kế ước ủy thác tài sản của bà mẹ. Theo tôi hiểu, nó nằm ở bang Florida nhưng ở vùng không ai đặt chân đến vì

toàn ao hồ đầy cá sấu mắt lửa. Hoàn toàn vô giá trị, chẳng đem lại lợi lộc gì trừ bọn muỗi. Tôi đã nhắc đi nhắc lại với Flin như thế.

— Ít ra anh cũng đến xem qua một lần. Vì tôi.

Anh ta nài mãi làm tôi phải nhận. Tên súc sinh này nắm vững chương trình của tôi vì nó lái máy bay cho tôi, nó biết sau các cuộc hẹn ở Montréal tôi có đủ thì giờ đảo xuống Florida khi quay về New York.

Tôi chi tiền xăng cho chuyển đi.

— Ta sẽ đổ bộ xuống Gifford quãng giữa đường từ mũi Kennedy, trước đây gọi là mũi Canaveral, đi Palm Beach Tây. Từ Gifford đi ô tô đến Ocoee.

— Ocoee là cái gì?

— Một gã Seminole.

Khổ chưa, chỉ còn thiếu người da đỏ nữa thôi!

Bang Florida như ngón tay chỉ phương Nam. Từ Bắc đi xuống, bên trái đầu ngón tay: Một loạt bãi tắm của Miami. Giữa đốt thứ nhất là các thành phố Orlando, Lakeland, với Daytona và mũi Kennedy ở bên trái, phía Đại Tây Dương, Tampa và Saint Petersburg ở bên phải. Từ quãng móng tay đến đốt thứ nhất chẳng có dân cư. Vùng Everglades. Bằng phẳng, sinh lầy, toàn đước và cá sấu. Tẻ ngắt.

Mảnh đất của Flint ở cách mũi Kennedy tám mươi kilometres về phía Tây Nam, trên vùng đất không người kẹt giữa xa lộ nối Orlando với Miami và bờ biển Đại Tây Dương. Dọc bờ biển có con kênh dài vô tận - hơn một ngàn kilometres - một thủy bộ mà du khách từ phương Bắc xuống Miami thường sử dụng để khỏi mạo hiểm ra biển. Diện tích khoảng hai mươi hai kilometres vuông.

Chúng tôi bay trên đó độ bốn lăm phút, tôi phát buồn nôn lên, đã thế Flint lại bay thấp đến nỗi tôi bất giác co vội hai chân lên sợ đụng phải ngọn các cây bách. Tuy nền trời đỏ hồng hôn rực rỡ, vẫn là quang cảnh đầm lầy ướt át, thù địch với con người, tôi hình dung dưới ấy nhưng nhúc nhúc dữ.

Hạ cánh ở Gifford. Lên ô tô đi một đoạn đường tương đương loại tỉnh lộ bên Hoa Kỳ, Flint rẽ vào con đường đất nham nhở. Ao bên trái, đầm bên phải, đầm trước mặt. Cuối cùng tới một nơi có lẽ đây là hồ, giờ chỉ thấy bọn bồ nông và mấy con thuyền mục. Dấu hiệu duy nhất chứng tỏ đã từng

có người đặt chân tới nơi khi ho cò gáy này là tấm bảng: “Coi chừng cá sấu, người sống sót vẫn bị rượt theo”.

— Đẹp đấy chứ! - Flint reo lên với vẻ thành thật đáng thất vọng.

Màn đêm vội vàng ập xuống, việc duy nhất nên có vào lúc này.

Ocoee, gã Séminole, thấp bé đi lọt dưới gầm bàn được và gây nhằng như nốt nhạc. Hỏi tôi: “Anh có biết cách bắt cá sấu không?” Tôi đáp: “Có chứ, tất nhiên là biết, lại còn phải hỏi, và chẳng đó là thú tiêu khiển ưa thích của tôi, anh có biết không“. Trong lúc vẫn đang tự hỏi không biết sẽ làm gì trong chốn rừng rậm hôi thối sinh lầy bên cạnh một gã phi công điên rồ và anh da đỏ bốn ba ký thịt. Anh này nắm tay tôi lôi tuột ra khỏi lúp lều gỗ dựng ngay giữa đầm. Trong lúc gã ngốc Flint ôm bụng cười ngặt nghẽo. “Rồi ông sẽ được xem ông Cimballi“. Ocoee đeo chiếc đèn điện trên trán, lia luồng sáng thủng màn đêm chập chờn trên các vũng nước tù và thân cây đổ. Tôi nhớ lại cảnh trong phim Cuộc Phiêu Lưu Của Thuyền Trưởng Wyatt, bảo Ocoee: “Gọi tôi là Gary Cooper“. Anh ta đáp: “Ông nên cầm chiếc đèn này thì hơn, nếu không sẽ phải đeo giày lên đầu gối vì bị nó xoi mắt bàn chân đấy“. Vừa dúm chiếc đèn vào tay tôi anh ta đã nhào xuống vồ cái gì đó ngay giữa hai bàn chân tôi, rồi đứng lên ôm con cá sấu to dài hơn anh ta, hai tay nắm chặt chân trước con vật, ghì chặt lưng nó vào ngực, kẹp đuôi nó giữa hai đùi. “Ông thấy chưa? Ông thấy chưa?“ Con cá sấu vặn mình giẫy mạnh, cả hai ngã lăn xuống đất, lúc biến mất trong bóng tối lúc hiện ra dưới luồng sáng đèn của tôi. Cuối cùng Ocoee vùng dậy được, buông tay nhẩy sang bên. Tôi cũng nhẩy vội một bước, và rơi xuống cách chỗ vừa đứng mười lăm mét là ít.

Có hai cách để tìm ra một ý hay. Cách thứ nhất là không làm điều gì khác thường và chờ nó tự xảy ra; cách thứ hai là làm việc cật lực, thu thập mọi thông tin cần thiết, xông xáo khắp nơi.

Tôi áp dụng cả hai phương pháp đó và chẳng nghĩ ra cái gì. Flint đưa tôi quay về New York. “Franz, anh nghĩ ra ý gì chưa? - Quỉ tha ma bắt cả cậu

và mảnh đất chó ỉa của cậu đi”. Trong lần dạo chơi Florida này chỉ có cuộc đi đêm kỳ lạ với Ocoee là ngoạn mục tuy không thích thú lắm. Anh ta lắp trước mũi thuyền chiếc đèn pha ô tô có thể chuyển hướng được, nhưng không bật thường xuyên. Thuyền lướt nhẹ trong đầm lầy hoàn toàn, len lách giữa đám cành lá, rẽ cây đước, cây bách, theo những con suối hẹp hình như đều đổ vào những đầm nước nối tiếp nhau thành chuỗi. Bất thành linh, Ocoee bật đèn. Ánh sáng chói lọi như mặt trời giữa đêm đen, chiếu thẳng vào một chú cá sấu ngay trong tầm tay, hoặc một chú hổ mang thật bự vừa tỉnh giấc ngộ nguậy bộ nhạc ở đuôi, hoặc con trăn hoa dài hai mét nổi giận vì cuộc săn mồi bị phá rối, há hết cỡ cái mõm sọc trắng, trườn là là dòng nước.

Về New York tôi không còn lúc nào để nghĩ đến Florida nữa, ít lâu nay tôi nhảy vào cuộc đấu cơ rất lớn món bạc kim loại. Trên thị trường Chicago và New York có nhiều chuyện lạ, rất lạ xung quanh việc mua bán bạc; lại thêm lời thách thức của Martin Yahl vẫn rìn rít bên tai nên trong từng chuyển làm ăn tôi đều tập trung cao độ với tinh thần thận trọng gấp mười trước kia. Tuy nhiên, chính vì phải làm việc cật lực như thế nên tôi lại nhớ đến những hình ảnh, mùi vị và những cảm giác của đêm hôm đó. Cầu may tôi bảo Lupino chuẩn bị một dự án đầu tư vào Florida. “Anh đã có ý gì chưa, Franz?” - Hoàn toàn chưa”.

Cuối tháng sáu tôi sang Pháp nghỉ vài ngày ở Fournac vùng Thượng Loire cùng với Catherine và thằng nhóc. Hai mẹ con vừa về đây ở qua dịp nghỉ hè. Nếu có lúc nào đó tôi tưởng tượng sẽ gặp lại một Catherine đã nguôi giận thì hẳn là tôi đã lầm lo. Cô vẫn lảng tránh mọi câu hỏi của tôi, tỏ vẻ lạnh nhạt, nói thế còn là nhẹ. Chưa lần nào tôi nói với cô thật cặn kẽ về công việc của mình, thoát đầu mới gặp nhau tôi định nói nhưng thấy cô không mặn mà nghe nên không ép. Nhưng rồi... “Catherine này, ở Fournac anh không làm việc được đâu. Công việc anh đang tiến hành và dự định tiến hành buộc anh phải đi lại nhiều, nên chỉ New York mới là chỗ dừng chân lý tưởng”. Cô trả lời: Biết thế, nhưng cô không thích ở New York, dù ở ngay đại lộ công viên. Cũng không thích có ngôi nhà ở Connecticut, hoặc bất cứ nơi nào trên đất Hoa Kỳ. Ở quần đảo Bahamas cũng không.

— Thế em muốn anh quảng hết đi, về nghỉ hưu bên Pháp, hết đi xem Opéra lại về nằm nghỉ ở nhà chẳng?

— Em có nói thế đâu.

Cô không nói thế thật, trước kia không, và bây giờ cũng không. Nhưng không nói cũng chẳng khác gì mấy. Mẹ cô bảo tôi:

— Hãy kiên trì. Anh còn trẻ, và nó lại còn ít tuổi hơn anh. Hãy nhớ: Nó chưa tròn hai mươi.

Nhưng chúng tôi đã thành vợ chồng, tôi gắn bó với cô ấy. Phải sống như thế này, càng ngày càng cách biệt nhau hơn. Không ai có thể viện cớ tôi đã thành đạt lớn về tài chính để đòi tôi ngừng hoạt động.

Bà mẹ Catherine ôm hôn tôi như thể tôi là con đẻ làm tôi xúc động và không quen.

— Không ai đòi hỏi thế, sẽ không một người nào đòi hỏi thế. Anh như thế nào thì vẫn cứ như thế. Lúc đầu tôi tưởng cái mà anh gọi một cách ngộ nghĩnh là vũ khúc của anh, một vũ khúc khá cuồng dại, chỉ là cơn bốc đồng của anh chàng đang ham rửa hận và muốn tự khẳng định. Tưởng rằng sau khi thử sức anh sẽ nguôi đi. Nhưng tôi đã lầm. Thực tình, tôi cũng không tin chắc lắm đâu, anh cũng biết là tôi thân với bố anh và thấy tính anh rất giống bố. Tôi thấy anh lại còn hung dữ hơn ông nhà nữa cơ, nên đành phải nín chịu chứ biết làm sao bây giờ? Tôi đã khuyên Catherine thế, trước sau nó sẽ nghe ra. Ngay sau lần cô cậu gặp nhau đầu tiên tôi đã báo động. Nhưng nó bỏ ngoài tai.

Bà tủm tỉm cười:

— Ở địa vị nó, tôi cũng thế thôi.

Cuộc sống quả là kì lạ. Trong số các vị khách mùa hè năm ấy lui tới ngôi nhà cổ rộng rãi ở Fournac, khi tôi đang đứng chân tại đó, có ông bạn của bố vợ tôi - vẫn dễ thương tuy tiền đầu bất lợi. Ông bạn của bố vợ đã từng qua Kenya săn thú bên đó, tất nhiên thông thạo Mombasa và Nairobi, thậm chí còn chạm trán cả với tên cựu lính đánh thuê Joachim đã cải tạo trong cuộc săn thú “may mắn”. Tôi chuyện vãn với ông ta về săn bắn, rừng rú. Rôm rả đến nỗi xảy ra điều kì lạ: Ngay tại Fournac này, trong khung

cảnh êm dịu của cuộc nghỉ chơi vùng tỉnh nhỏ đậm đà tính chất Pháp, chợt nảy ra sáng kiến.

Có phải gã súc sinh Flint đã hồi thúc tôi nghĩ cách khiến mảnh đất dơ bẩn của gã phải đẻ ra tiền? Tôi nghĩ ra rồi!

Trong khách sạn Fairmont ở San Francisco, tôi giảng giải cho Li và Liu hiểu ý định của mình. Họ pha trò, cười phá lên, tỏ vẻ khoái. Cúi rạp sát đất thật khúm núm:

— Hai con giỏi khôn khéo Li và Liu rất vinh dự được Cimballi bố, Cimballi con khôn ngoan vời đến.

— Hai ông con trời có ừng không?

— Ừng năm mà! - Li hoặc Liu gật đầu.

Vẫn không phân biệt nổi hai tên này. Chúng lại còn mặc bộ đồ giống nhau, đeo đôi kính y hệt. Cứ tưởng nhìn một hóa hai.

— Ừng nhiều nhiều ấy chứ, - Liu hoặc Li xác nhận. - Nhưng anh có biết phải bỏ vốn cũng nhiều nhiều không.

Tôi biết. Đã tính sơ sơ, theo thói quen xưa nay. Vài trăm triệu đôla. Tính phác. Tính đúng cũng vậy. Mà tính đủ cũng thế.

Tôi xuất phát từ một ý dễ như bỡn: Việc săn thú lớn ngày nay hầu như bị đình chỉ vì các nước Châu Phi giành được độc lập đều đề ra những đạo luật cấm trên lãnh thổ họ. Nhưng những người ham món này thì không thiếu, nhất là ở Hoa Kỳ. Họ sẵn sàng chi tiền, những món tiền lớn để hưởng niềm vui bắn hạ một con voi, sư tử, hổ, hoặc con trâu rừng hay bất cứ con mãnh thú nào có thể trưng lên thành chiến quả. Từ ý đó dần đến ý: Biến hai mươi hai kilômét vuông đất hoang của Flint thành khu săn bắn, bằng cách thả vào đấy những con trâu rừng. Từ ý trước đến ý sau chỉ có một bước chân, tôi đã bước qua. Tất nhiên không để trâu bị bắn chết. Các tay thợ săn chỉ được dùng những khẩu súng “bơm tiêm dưới da” làm thú rừng lăn quay ra ngủ, còn các nhà thiện xạ vẫn có cảm giác y như thật. Tôi đã tìm hiểu kỹ: Nhập khẩu trâu, cho chúng thích nghi với rừng Florida không phải là việc

không làm được, tuy không dễ. Tôi còn đi xa hơn, thấy có thể làm mạnh tay hơn. Tức là phát triển hơn nữa ý định ban đầu, đưa hẳn Châu Phi, đất sẵn sẵn, vào tầm nghỉ cuối tuần của các tay thích săn. Tội gì dừng lại ở việc nhập các con thú? Tại sao không nhập cả Châu Phi sang đây? Không phải Châu Phi hiện tại mà Châu Phi thời Stanly và Livingstone^[7]. Hơn thế nữa Châu Phi huyền thoại, thứ Châu Phi của Tarzan của Edgar Rice Burroughs, của Clark Gable trong phim Mogambo, của Steward Granger trong phim Vợ Của Vua Salomon. Một Châu Phi tưởng tượng, Châu Phi của trẻ con lớn và trẻ con bé, có mộ của vua Salomon, có bọn đàn bà - Báo gấm, có nghia địa bí mật của voi, các nhà thám hiểm đội mũ thực dân và nhà nữ thám hiểm tóc vàng bị con tinh tinh kiểu King Kong tăng cường bắt cóc, nếu không thì cũng khó thoát khỏi bị sa lưới của bọn người tí hon Pygmées xảo quyệt chẳng ra với nụ cười nhạo báng đầy xảo trá...

Li và Liu tán thêm:

— Mỗi tối, khi màn đêm phủ kín cái thế giới rừng rú này, phủ kín tiệm ăn, khách sạn, hang động, bãi tắm, bể bơi, hàng quán, ngân hàng, rạp chiếu bóng, hộp đêm, phủ kín các đoàn lữ hành, các bày tinh tinh, các bungalow kiểu thuộc địa và sự rung chuyển của nó, khi màn đêm dịu dàng thơm ngọt phủ lên tất cả mọi thứ đó thì bạn thân mến ơi, mọi người sẽ thấy từ đỉnh núi lửa kinh hoàng, gã Tarzan bận quần xà lỏn da cộp dạ quang lao xuống. Nắm chặt vào một sợi dây, Tarzan lướt qua công viên mồm há to “Aiaiai uuu Aaa Hu Tagada”, tiếng hú thường lệ mà! Franz này, đã có ai hú kiểu Tarzan cho anh nghe chưa?

— Chưa. Mà mình không muốn nghe.

Chúng cứ hú, làm bạn tiếp đón của khách sạn vội vã gọi điện thoại hỏi tôi có đau ốm gì không.

— Màn Tarzan dạ quang lướt qua bầu trời đêm là tín hiệu báo cho các bậc làm cha mẹ biết đã đến lúc dụ bọn nhóc đi ngủ để bố mẹ nhập cuộc truy hoan, anh hiểu chưa?

— Hiểu rồi. Bây giờ mời các cậu nhảy xuống khỏi bàn ngay!

Tôi có mang theo hồ sơ các khoản đầu tư vào Florida, do Lupino thu thập được. Các con số khô khan chứng tỏ Florida đang trở thành đất lành để xây dựng các khu giải trí. Hiện tượng này về sau càng rõ hơn. Các khoản đầu tư thật đồ sộ: Một trăm triệu đôla cho Thế Giới Biển Sâu, sáu trăm triệu cho Williamsburg, ba trăm cho Tiểu Anh Quốc, ba trăm cho trường quay Universal, sáu trăm triệu cho Đại Công Viên Orlando, là thành phố ở trung tâm tất cả những thứ đang xây dựng và sẽ xây dựng. Chưa kể thế giới kì ảo của Walt Disney^[8] mới mở cửa tháng mười năm 71, đã tiếp đón sáu mươi triệu du khách và dự tính trong những năm tới sẽ đón từ mười bốn đến mười lăm triệu khách mỗi năm.

Li và Liu cũng có khả năng đọc nổi những con số này như tôi và rút ra kết luận. Ai cũng biết: Tài sản vai hề có một không hai của họ che giấu những bộ óc qui quyết nhất, tính toán chi li nhất của người Trung Quốc vốn là những người giỏi kinh doanh. Việc họ thừa nhận ý định của tôi và hứa tài trợ mạnh mẽ cho dự án đã là bằng chứng đầu tiên nói lên tôi không tính nhầm. Tôi mến họ và hi vọng rằng chắc họ cũng mến tôi. Tuy vậy, nếu không tin tưởng vào công việc, đừng hòng họ bỏ ra một xu nhỏ cho dù tôi có bò mọp dưới đất mà van xin.

Lúc này họ bàn với nhau bằng tiếng Tàu. Nghe như tiếng rúc rích của hai chú chuột nhắt bị kẹp dưới cánh cửa.

— Dù sao, vẫn cảm ơn hai bạn.

— Xin lỗi, Franz.

Họ phiên dịch các suy tính. Tính rằng có thể tài trợ cho dự án độ hai lăm phần trăm, bằng vốn của chính họ cộng với sự yểm trợ của vài ba ngân hàng đồng minh. Nhờ có số lợi nhuận khá lớn thu được qua những vụ kinh doanh gần đây, nhất là trong lĩnh vực điện ảnh.

Tôi cũng đã cộng vài con tính nhỏ, tính riêng, trong một góc riêng. Tôi hỏi:

— Đồng ý hai lăm phần trăm. Thế mấy cậu dự tính tổng vốn đầu tư độ bao nhiêu?

Hai gã nấp sau bàn ghế giường tủ đóng vai hai anh lùn Pygmées rình nữ thám hiểm tóc vàng để quây cô nàng vào lưới và nhất là để “véo mông cô nàng”. Họ nhăn nhở bảo tôi thế rồi toét mồm cười: “Một tí đôla”.

Tôi phải đến San Francisco gặp Li và Liu. Họ vẫn ở trong căn nhà gỗ xoàng xĩnh trên sườn đồi Telegraph Hill, mặc dầu khả năng lớn hơn tôi gấp bội.

Lúc này là tháng bảy. Như mọi năm sương mù bao phủ Golden Gate, lấp kín Alcatraz và phần lớn bán đảo Marin. Sau cuộc thương lượng tại khách sạn Fairmont, hai anh Tàu đưa tôi về nhà khoản đãi. Chia tay họ, tôi đi ra chiếc xe thuê.

Bỗng có cảm giác mình bị theo dõi. Tôi quay phắt lại, nhận ngay ra cô ta: Vẫn cô gái có mái tóc dài đen nháy, vừa giống Sarah Kyle vừa giống Ali MacGraw tôi đã thấy ở đâu đó. Cô ta đứng cách xa chừng hai trăm mét, ngay giữa lòng đường dốc thoải, chẳng cần giữ ý tứ gì, bấm máy chụp tôi lia lịa.

— Cô kia!

Bữa ở Amsterdam, lúc tôi cùng Letta và phóng viên MacQueen ra khỏi khách sạn Amstel, chính cô ta đã chụp tôi y như thế này.

— Cô kia!

Tôi tiến về phía cô. Cô ta vẫn điềm nhiên bấm máy, cho đến lúc tôi đến ngay bên.

— Tôi chưa quên cô đâu nhé. Cô đã ở Amsterdam.

Cô khéo léo tháo cuộn phim vừa chụp, lắp luôn một cuộn khác, động tác rất thành thạo. Đôi mắt thật là đẹp, khuôn mặt hơi gầy góc nhưng vẫn xinh, môi đỏ, tóc đen như cánh quạ.

— Cô là ai vậy?

Một ánh giễu cợt thoáng hiện trong đôi mắt đẹp, cô lùi xa đủ tầm rồi lại chụp nữa. Tuồng như máy ảnh là thứ vũ khí dùng chống lại tôi. Tôi lại liền

về phía cô, vừa cúi lại vừa thấy hay hay. Một phần có lẽ vì khuôn mặt kia làm tôi xúc động, sao nó lại có nhiều nét giống Sarah đến thế!

Sắp đến gần cô ta thì có hai thợ ảnh nữa từ đâu hiện ra đứng kèm hai bên như hai vệ sĩ, và cùng giương máy ảnh bấm liên hồi, mặt lạnh như tiền. Tôi nhún vai cố kiềm giữ cơn tức giận có thể khiến tôi nện cho chúng một trận.

— Đồ quỷ tha ma bắt!

Tôi lên xe. Cả ba bám theo đến tận sân bay. Lát nữa hạ cánh xuống New York một tổp khác đợi sẵn tôi ở đó.

3

Khoảng mùng 8 hoặc 10 tháng bảy tôi từ khách sạn Pierre đi ra taxi thì lại chạm trán nhiều tay thợ ảnh nữa đến ám, mặt lạnh như tiền. Tôi không tiết lộ cho ai biết mình đi đâu, làm gì. Có thể sự đề phòng ấy chẳng có ý nghĩa bao nhiêu, nhưng kệ nó! Có những ngày cuộc săn đuổi của họ thật nặng nề đối với tôi. Ngay Lavater cũng không được biết, anh vẫn đợi tôi sau bốn giờ nữa sẽ tới cùng ăn trưa ở New York. Taxi đỗ trước tiệm Tiffany ở đại lộ số năm. Tôi vào tiệm, ra cửa thông sang phố 57. Lại lên taxi, đổi sang chiếc thứ ba ở đường Madison. Trò có vẻ trẻ con, không lấy gì làm tinh vi lắm, nhưng tôi có phải là James Bond^[9] đâu. Tôi vào trụ sở Pan Am qua cổng hậu. Một tiếng rưỡi sau đã ngồi trên máy bay đi Dallas, lên máy bay rồi mới mua vé, bằng tiền mặt, không đăng kí tên trước.

Ở Dallas, một người tìm thấy tôi giữa đám đông hành khách, ra dấu cho tôi.

— Tưởng anh tới bằng máy bay riêng?

— Có, nhưng cho bà gác cổng mượn đi dự tiệc rượu rồi.

Anh ta là Paul Hazzard, cao trên hai mét, hơn tôi đến ba chục phân tây. Quen anh ta cách đây hai năm ở Nassau. Sau đó có gặp lại một hai lần, mời tôi đến thăm tại thành phố quê anh San Antonio. Tôi nhận lời vì có thiện cảm với anh và vì anh có ưu thế quyết định: Một là anh có thể giới thiệu tôi với những người tôi cần gặp, hai là sự liên hệ giữa anh với tôi hoàn toàn kín đáo. Đây là chủ bài rất quan trọng: Trong trường hợp Horst hay Martin Yahl giương bẫy, chúng không thể sử dụng Paul Hazzard làm tay sai vì không biết tôi quen anh ta. Nếu ngược lại, điều đó có nghĩa là cả thế giới đều chống lại tôi.

Tôi gọi về khách sạn nơi Marc Lavater định ăn trưa với tôi ở New York. “Vâng, ông Lavater vẫn còn đây”. Tôi có cần nói chuyện với ông ấy không

à? Không, chỉ nhờ nhả giùm: Tôi không tới được, tối nay tôi sẽ gọi lại... trong tình hình này tôi sợ anh ta lo.

Tôi gặp lại Hazzard. Triệu đôla đầu tiên anh ta kiếm được do chơi bóng đá. Anh được tặng một thứ quái quỷ bằng nhựa to tướng, xấu xí, được gọi là quà lưu niệm Heisman và được giải cầu thủ giỏi nhất Hoa Kỳ. Nghề đá bóng chấm dứt với chiếc xương hông gãy, bây giờ đi lại vẫn tập tễnh. Anh nhảy vào lĩnh vực thăm dò dầu mỏ.

— Anh không muốn tới San Antonio.

— Rất tiếc. Để khi khác.

Nghề thăm dò dầu mỏ làm anh ta có năm hoàn toàn cháy túi, có năm trở thành triệu phú, bằng đôla hân hoan. Mà cửa nào anh cũng vào lọt lại là nhờ tài đá bóng.

Hai chúng tôi ngồi xe chạy trong thành phố Dallas. Qua quảng trường chỗ Kennedy bị ám sát, tôi bất giác nhìn lên khuôn cửa sổ trên lầu sáu thư viện chỗ Lee Oswald^[10] nấp bắn. Rồi Paul chạy theo hướng Tây Bắc về Stemmons Freeway. Anh ta kể về những nhân vật tôi đến gặp. Bảo tôi gặp may hết sức, gặp ba người giàu nhất bang Texas thì một người lại là bạn thân anh ta, Paul Hazzard.

— Anh ấy trước kia và hiện nay vẫn là ông bầu đội bóng của tôi khi tôi bị thương phải nghỉ chơi, anh ấy giúp tôi rất nhiều. Một bạn chí cốt, trừ một điều: Lúc tôi phất nhất anh ta vẫn cứ hơn tôi gấp năm sáu lần.

— Sao bảo là gặp may?

Chính anh đã cho biết hai người rất thân nhau, từ buổi tối chúng tôi gặp nhau lần đầu ở Nassau. Tôi còn nhớ.

— Trí nhớ cừ thật, Franz. Anh biết ở Dallas này có bao nhiêu triệu phú đôla không?

— Hàng đồng.

— Mười hai ngàn. Trong tổng số tám trăm ngàn dân.

Anh ta giảm tốc độ, gần đến rồi.

— Tôi đã cho họ biết về anh. Tên thì họ không biết nhưng vẫn nhớ vụ “Rao Mua Toàn Bộ” anh tung ra hồi đó. Biết cả mối liên hệ của anh với

Hassan Fezzali và các hoàng tử Ả Rập. Chính họ cũng làm ăn với các vị này, theo tôi biết. Họ biết anh đến yêu cầu họ bỏ vốn, vốn rất lớn. Nếu anh bán sáng kiến cho họ mọi cách sòng phẳng thì không có trở ngại gì đâu, họ sẽ chấp thuận. Nhưng phải coi chừng...

Anh giao xe cho người gác cổng đeo súng. Chúng tôi vào nhà, họ kiểm tra nhận diện, mở cửa thang máy lót nhung đỏ, trang trí những hình chạm trổ thiếp vàng, treo đèn chùm pha lê. Paul Hazzard thì thầm: “Phải coi chừng. Họ có thể tỏ ra rất thô bạo”.

Cửa thang máy lướt êm. Theo lệ làm việc đúng giờ đến kinh ngạc của các nhà kinh doanh Hoa Kỳ, chưa đến nửa giây đồng hồ sau họ đã đưa tôi vào văn phòng có những người ở đây, tôi gọi là dân Texas, và tôi bắt đầu tìm cách bán cho họ đề án Sân Thú.

— Anh bán được rồi?

— Tin là thế.

Hình như Lavater phát ý thấy tôi làm vụ này giấu anh. Quả tình tôi cũng hơi ân hận vì đã để anh ta ngoài rìa.

— Thì tôi đang cho anh biết đấy thôi. Nói sớm chẳng ích gì, lúc đó tôi đang hy vọng móc được mấy tay Dallas này đã.

Tôi giải thích kế hoạch góp vốn của tôi để thực hiện dự án Sân Thú: trước hết rủ Li và Liu, sau đó đến mấy gã Texas.

— Và anh nữa.

— Cả tôi. Dù sao tôi cũng phải nhúng tay một tí vào đấy.

— Bao nhiêu.

— Cứ cho là năm triệu đi.

— Càng ngày anh càng lộ mặt. Tung vốn vào thị trường bạc, ngoài ra như anh đã vui lòng tiết lộ với tôi, còn định lao vào món cà phê. Tốn nhiều lắm.

Anh ta bắt gặp cái nhìn của tôi, nhún vai.

— Sao lại thế, Franz. Anh không tin là Yahl và Horst luôn để mắt vào anh à?

— Có chữ, tin quá đi ấy chứ? Nhưng chẳng lẽ vì thế mà tôi sợ đôla như con thỏ trước miệng rắn à?

— Tôi đã nói với anh. Cạm bẫy của chúng là chỗ ấy đấy: Làm anh chờ ra.

Và tôi không cho phép chúng làm như vậy. Tôi biết rõ mình đang ở trên một bãi mìn, mỗi cử động (mỗi vụ kinh doanh đang tiến hành hoặc sắp thực hiện) đều có thể gây nổ. Được thôi, nhưng tôi không lùi bước. Hơn nữa, tôi sẽ phi nước đại trên bãi mìn này làm cho chúng phát điên phát rồ. Nhanh đến mức dù mìn đặt ở đâu cũng chỉ làm tôi bị thương là cùng chứ không hạ nổi tôi. Tôi sẽ đầu tư ở nhiều nơi, vào nhiều ngành, nhân rộng ra, làm như người xưa vẫn nói: "Không bỏ tất cả trứng vào một giỏ". Để kết quả cuối cùng là có nhiều giỏ đến nỗi chẳng còn ai nhận biết được nữa. Trừ tôi, mong là như thế.

— Rồi anh sẽ thấy nhịp điệu làm ăn của tôi, Marc ạ!

— Đấy mới là trên lý thuyết.

— Không làm được thế, chỉ còn nước rút lui, ta nói chuyện khác đi.

Chuyện kiếm vốn cho Sân Thú chẳng hạn, là chuyện tôi vẫn chưa bàn hết. Li và Liu cộng với bọn Texas gom đã khá nhưng chưa đủ. Năm triệu bé bỏng của tôi chưa đủ khóa sổ kinh phí, vẫn thiếu tiền.

— Anh sẽ kiếm đâu ra?

— Kêu gọi các công ty ketch sù: General Motors, Exxon, Kraft Incorporated, American Téléphoné & Telegraph, và nhiều công ty lớn khác. Tất nhiên sẽ kêu gọi các nước Châu Phi, đề nghị họ vừa tài trợ cho việc dàn dựng Châu Phi huyền thoại vừa triển lãm luôn Châu Phi ngày nay của họ. Cả một loạt giám đốc khách sạn, hàng ăn nữa. Hàng lô những hãng buôn có quyền lợi về thương mại vừa ở Châu Phi vừa ở Hoa Kỳ. Rồi các hãng quốc doanh của Mỹ, các hãng mỹ phẩm của Pháp...

Kể cho hết thì quá dài.

— Anh bảo thế là điên sao?

— Vừa điên vừa tỉnh. Anh sẽ đứng làm chủ tất cả?

Cười hết cỡ: “Thì tôi đã làm chủ rồi đấy thôi”.

Khoảng 15 tháng bảy, những người Marc Lavater giới thiệu là “những thám tử đã giúp việc Paul Getty” báo cáo đầu tiên về tình Martin Yahl. Tin tức của họ làm tôi bối rối: Yahl vẫn ở lì trong dinh cơ ở Geneva. Trong hai tuần vừa qua không tiếp ai trừ một bác sĩ tim mạch nổi tiếng từ Paris sang thăm bệnh, hai lần. Tất nhiên họ đã tìm hiểu nguyên nhân, họ không nói đã dùng những biện pháp nào mà tôi cũng chẳng cần biết làm gì, họ đã xem được bệnh án của Martin Yahl: Lão đang bị rối loạn tim nặng có thể tính mạng bị đe dọa. Đã bị một cơn nhồi máu cơ tim nên rất ít đi. Thậm chí đã phải hủy bỏ cuộc đi nghỉ hàng năm ở ngôi nhà nghỉ lộng lẫy Braunwald vùng núi Alpes, nơi hàng năm con người rất điều độ này bao giờ cũng tới nghỉ chơi từ ba bốn chục năm nay. Khách đến thăm lão đều là những người cùng lứa, một số đã nghỉ hưu. Họ đã thẩm tra từng người, nhưng không thấy có gì đáng chú ý. Không một ai có vẻ liên hệ với Horst. Tay này không thấy có mặt ở Geneva.

Tóm lại, tình hình có vẻ như là lão Martin Yahl đã già yếu, bệnh tật, không hồi lại được sau đòn đánh của tôi, càng ngày càng ngập sâu vào trạng thái bạc nhược báo hiệu cái chết. Chính đó là điều làm tôi bối rối cao độ. Nó không ăn nhập với hình ảnh một địch thủ say mê trả thù, lồng lộn tứ phía tìm cách diệt tôi, giật dây một âm mưu rộng lớn chống lại tôi. Quái quỷ thật, không tài nào hiểu được! Horst là ai? Tên nào đứng đằng sau hẳn, khi không phải lão Martin Yahl?

Báo Fortune đăng bài phóng sự viết về tôi của phóng viên MacQueen thực hiện. Cũng như Yates, tác giả gọi tôi là Howard Hughes trẻ. Tuy có làm tôi hơi phồng mũi, sự so sánh này hơi quá mức. Và gì nữa? Nó đã làm gã Thổ rú lên cười (đã thế gã còn gọi điện từ London chỉ cốt để tôi cùng chia cười với gã), cả Li và Liu cũng khoái như điên. Hai tên đồn mạt còn gửi qua bưu điện - bọn rác rưởi bắt tôi trả cước phí - một bọc dài hai mét, rộng hai mét. Ở trong có một bọc nhỏ hơn đựng một bọc thứ ba trong có

một bọc thứ tư, cứ thế cho đến bọc thứ hai mươi ba mới đến một đôi hài sảo cũ đã thủng, của đáng vứt đi từ lâu, loại giống như của Howard Hughes thứ thiệt vẫn đi khi đã về già, bị quấy rầy nhiều đến nỗi phải tự giam mình trên tầng thượng một ngôi tháp.

Tay phóng viên giàu tưởng tượng: So sánh tôi với Howard Hughes vẫn không làm bố vợ tôi bật cười. Ông ta chỉ cười khẩy thôi. Một cách lịch sự, nhưng vẫn là cười khẩy. Ông không nói ra, nhưng chắc chắn ông nghĩ bụng: Loại báo như báo Times của London thì không đời nào đăng những điều ngu ngốc ấy. Tôi làm một cuộc khứ hồi sang Pháp nhưng không thành công lắm. Lâu nay Catherine tỏ ra rất vui khi được sum họp với gia đình cô ta, một gia đình mà tôi cảm thấy như mình không còn là thành viên nữa, thế mà khi gặp tôi cô lại gần như hoàn toàn im lặng. Tôi thấy mình bất lực, lòng đầy phiền muộn. Sau bốn ngày tôi không nhin được nữa.

— Cô ấy làm sao vậy?

— Tôi đã bảo anh phải kiên nhẫn. - Mẹ Catherine đáp.

— Sao cô ấy thay đổi đến thế được?

Tính tôi không thích gào lên, tuy trong bụng rất muốn.

— Có lẽ phải cho đi khám bệnh?

Cả nhà nhìn tôi, như thế tôi vừa cho ra một câu quá đáng.

Đáng lẽ ở lại đây tròn một tuần nhưng tôi rút ngắn bớt để đi Paris, tâm trí hoàn toàn buồn nản. Đến Paris tôi đi lang thang khắp chốn, mặc cho cặp Lavater liên tục gọi đến khách sạn nhắc tôi liên lạc với họ. Cuối cùng tôi cũng phải gọi.

— Franz này, mình đã nói chuyện qua điện thoại với mẹ vợ anh, là Françoise và mình muốn cậu về Chagny chơi vài ngày với bọn mình.

— Nhưng chính anh bảo tôi phải có mặt ở New York chậm nhất là thứ tư mà.

— Thì anh cũng còn được bốn ngày.

Tôi đã từng về ngôi nhà Chagny. Nó vẫn như cũ, như đứng bên lề thời gian, rất bình yên. Vẫn những đồ đạc màu tối, tĩnh mịch, chị giúp việc người xứ bourguigne có giọng nói lung củng khiến lâu nay tôi cứ ngỡ chị là người Nga gốc Ba Lan. Và tình bạn êm dịu, kín đáo của vợ chồng Lavater.

Không bao giờ lục vấn tôi, sống với họ như một người trong gia đình làm tôi dịu lại, tuy cảnh tượng đôi vợ chồng hòa thuận đến thế sau một phần tư thế kỷ lấy nhau thực ra cũng không phải một cảnh làm tôi phẫn chấn lắm.

Đích thân Marc lái xe đưa tôi ra sân bay Roissy. Hai thợ ảnh đã chụp sẵn, điềm nhiên bấm máy lia lịa. Rõ ràng bọn Yates lúc nào cũng biết tôi đang ở đâu. Cuộc săn đuổi vô lý này kéo dài đã ba tháng rồi. Tuy chúng không thường xuyên theo sát gót nhưng xuất hiện rất đều đặn dường như cố ý chứng tỏ chúng thừa sức tóm được tôi bất kỳ lúc nào, bất kể tôi đi đâu, làm gì. Mặc dầu tôi giả bộ không trông thấy chúng nhưng sự hiện diện thường trực này đã thành một ám ảnh.

— Marc, trong bọn phó nhòm có một con bé nó chụp ảnh tôi hai lần, ở Amsterdam và San Francisco. Tuy không chắc lắm nhưng mình vẫn tin là con bé ở trong bọn. Bữa ở Amsterdam nó đi có một mình.

Tôi tả hình dáng cô gái tóc đen. Lavater gật đầu, bảo sẽ dặn Callaway điều tra.

Tôi lên máy bay. Philip Vandenberg đợi tôi ở phi trường Kennedy.

4

Đây cũng là một người không hề nhếch mép khi đọc bài đăng trên báo Fortune (tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu có điều gì hoặc người nào cù được cho Vandenberg cười). Tôi hỏi: “Có vợ chưa?” Anh ta nhìn tôi từ đầu xuống chân bằng cặp mắt lạnh băng: “Điều ấy liên quan gì đến anh?”

Thế đấy, tình bạn giữa hai chúng tôi mới thăm thiết làm sao! Tôi mỉm cười: “Dù thế nào đi nữa, tôi cũng không định lấy anh đâu mà...”

Kể cũng lạ. Trong số những người thân cận, tôi khó lòng tin rằng Vandenberg cũng như Lavater, lại có thể về hòa với Yahl để diệt tôi. Như trong tiểu thuyết trinh thám anh ta có đầy đủ dáng vẻ của tên phản bội nên chắc chắn không phải là anh. Anh bảo: “Nếu được biết địa chỉ tôi đã gọi điện cho anh rồi. Có nhiều điều quan trọng cần quyết định”.

Philip Vandenberg là người được tôi giao điều hành vụ kinh doanh bạc, bạc kim loại chứ không phải bạc giấy. Cũng như vàng, đồng và các kim loại khác, việc mua bán bạc thường thực hiện theo hai cách: Trả tiền ngay hoặc sau một thời hạn, theo thời giá chính thức. Giá cả biến động theo luật cung cầu, cung và cầu lại biến động do nhiều nguyên nhân đơn thuần kinh tế, chính trị, các hoạt động tiền tệ.

Tôi nhảy vào kinh doanh bạc là do Hassan Fezzali, một lão Libanais ở Beyrouth bây giờ có khi đã mang hộ chiếu Ai Cập, Ả Rập Saudi hoặc một nước nào họa may có thánh Allah mới biết. Lão là bạn của bố tôi, ấy là theo lời lão nói với tôi. Lão đã đóng vai trò quyết định giúp tôi thực hiện các kế hoạch nhằm trả thù lão Yahl, góp cho tôi hàng trăm triệu đôla rất đúng lúc bằng túi tiền của các hoàng tử Ả Rập mà lão là một trong những người quản lý sáng suốt. Lão chỉ có một điểm yếu, nhỏ thôi: Rất mê ăn kem. Ngoài tật ấy ra, lão lạnh lẽ và kín đáo như đám mây. Paul Hazzard nhắc đến tên lão với dụng ý để tôi biết rằng, các tay Texas tôi liệp súc ở Dallas đều quen biết Fezzali và biết tôi làm ăn với lão. Suy nghĩ về điều đó, trực giác

mách tôi rằng trong vụ kinh doanh bạc này Fezzali đã móc ngoặc với một số nhà tài chính ở Dallas. Ngay từ hồi tháng giêng vừa qua thấy tôi gọi chuyện đầu cơ bạc, lão chỉ nói: “Thú vị đấy, Franz”, thế thôi, không nói hơn. Nhưng với Fezzali, phải suy đoán ngay cả sự im lặng của lão nữa.

Các nước Phương Tây mỗi năm sản xuất bảy ngàn tám trăm tấn bạc, về nguyên tắc, sản lượng đó quy định giới hạn thị trường bạc. Chắc bạn đọc cho rằng: Về lý thuyết ta không thể mua hoặc bán nhiều bạc hơn số lượng có trên thực tế. Tuyệt nhiên không phải thế. Sự thật diễn ra khác hẳn, khác đến kỳ quái. Thị trường đầu cơ vàng, ngoại tệ, bạc chính thức chỉ mới xuất hiện gần đây, vào khoảng 1974. Ngay sau đó nó bắt đầu nhộn nhịp rất nhanh, vì trên thực tế chỉ có một số rất ít hợp đồng có thời hạn đòi hỏi phải có hàng bằng hiện vật. Nói cách khác, điều này có nghĩa là trong hầu hết mọi trường hợp, người ta mua hoặc bán một khoản bạc hay vàng không có trong thực tế.

Những điều này do Philip Vandenberg xác nhận với tôi bằng cái giọng lạnh lùng của anh ta. Anh ta rất thông thạo chuyện này, chính vì thế tôi mới sử dụng anh ta.

— Không quá một phần trăm các bản hợp đồng buộc phải có bạc hiện vật để trao đổi. Mà đây không phải là hiện tượng riêng biệt của việc buôn bán kim loại. Năm nay trên thị trường mua chịu bán chịu có thời hạn của Chicago, Minneapolis và Kansas City, người ta trao đổi với nhau số lượng lúa mì gấp bảy, tám lần sản lượng của Hoa Kỳ; ngô cũng vậy: Khối lượng trao đổi trên giấy tờ gấp hai lần sản lượng toàn thế giới. Trên thị trường vàng ở New York và Chicago, trong mười hai tháng gần đây người ta ghi nhận có tám triệu hợp đồng mua bán, mỗi hợp đồng một trăm ounce. Tổng cộng bảy trăm hai mươi triệu ounce, gấp mười tám lần sản lượng toàn thế giới trong cùng thời gian.

— Bạc thì thế nào?

— Cũng vậy. Chừng năm triệu hợp đồng. Gấp sáu bảy mươi lần sản lượng thế giới.

— Ban này anh bảo có nhiều vấn đề cần quyết định, có nhiều diễn biến đang xảy ra.

— Có một nhóm đang đồn dập mua vào của Comex và của Chicago Mercantile Exchange.

— Đồn dập là bao nhiêu, một trăm, hai trăm, năm trăm hợp đồng?

— Hàng ngàn.

— Bọn nào?

— Bọn Texas, bọn Ả Rập, và một tên Brazil.

Tôi suy ra, có thể đúng cũng có thể sai. Đó là Fezzali và cánh Dallas không nhất thiết dùng bọn tôi để tiếp xúc (sau này mới biết: Không phải bọn đó, không thật đúng là bọn đó). Nếu thông tin của Vandenberg chính xác, chưa bao giờ anh ta nhầm lẫn trong chuyện này, thì có nghĩa là đang có một hoạt động rộng lớn, một vụ đầu tư vượt quá sức tôi nhưng tôi có thể lợi dụng. Trừ phi đó là cạm bẫy của Yahl chẳng ra.

— Anh đã mua một triệu đôla hợp đồng, - Vandenberg nhắc. - Trong tình hình hiện nay, hoặc là anh bán đi, hoặc anh tiếp tục theo đuổi, bỏ thêm vốn.

— Ý anh?

— Không có ý kiến. - Anh ta đáp với nụ cười ranh mãnh. - Anh mới là thiên tài kinh doanh. Không phải tôi.

Tôi gọi Beyrouth giữa hai tiếng nổ của cuộc nội chiến đang quyết liệt, họ trả lời: Chắc hẳn Hassan đang ở Riyad. Nhưng không thấy ở đấy, ở Cairo cũng không, cuối cùng tìm được lão ta ở Roma. Tìm được sau khi tra cứu hàng đồng danh bạ điện thoại của các khách sạn và nhớ ra địa chỉ khách sạn bé tẹo trên đường Sforza gần Sainte Marie Majeure, là nơi thỉnh thoảng lão ta đến trọ, không buồn vào các đại khách sạn. Tôi bảo lão ta:

— Dám cược một ngàn đô là tôi biết chắc ông đang làm gì lúc này.

— Đấng tiên tri cấm đánh cược.

— Dóc tổ! Ông đang ngồi nhét kem đầy bụng.

— Đấng tiên tri không bắt kiêng kem.

Im lặng. Lão đợi tôi nói, còn tôi thì đến giây cuối cùng lại dậm ra do dự. Tôi tự hỏi không biết mình gọi lão ta thế này là nên hay không nên. Biết nói gì, hỏi gì đây? Tuy cặp Lavater cố công lôi tôi ra khỏi cơn buồn chán nhưng nó không chịu tan đi mà càng dầy đặc hơn. Đủ thứ lẫn lộn trong đó: Catherine và thằng nhóc ở xa, trong ngôi nhà không phải của tôi, nơi tôi cảm thấy mình chỉ là khách lạ. Bọn phó nhòm săn đuổi. Và cuộc chiến với những bóng ma, bản khoản không rõ kẻ nào phản mình hoặc kẻ nào cùng chiến đấu với mình. Cả gã Vandenberg, hẳn đã biết rõ tôi không được yên ổn và chắc đang khoái chí: Tay này có thể đứng yên nhìn tôi chết đuối mà không buồn cứu vớt.

Điện thoại vẫn lặng ngắt, Fezzali vẫn đợi. Bỗng nhiên tôi lao như người nhảy xuống nước và kể hết với lão ta: Horst, bọn thợ ảnh, bác sĩ tim mạch tới chăm sóc Yahl và tuyên bố lão bị loại khỏi vòng chiến. Vẫn im lặng.

— Xem ra có vẻ không thuận buồm xuôi gió. - Mãi Fezzali mới lên tiếng.

— Đúng thế.

— Sẽ không kéo dài đâu.

Nghe tiếng lão ta nuốt một miếng gì.

— Biết nói thế nào với anh được, Franz. Rõ ràng chúng đang giăng bẫy anh, một cái bẫy theo tôi còn rộng lớn hơn cái anh đã chăng bắt lão chủ nhà băng Thụy Sĩ. Và mục tiêu đầu tiên là cô lập anh, làm anh nghi ngờ tất cả những người thân cận. Anh đã đến mức nghi Lavater chưa?

— Rồi.

Lão ta cười:

— Nghĩa là luôn cả tôi nữa. Và anh đúng: Rất có thể tôi sắm một vai trong âm mưu chống lại anh. Dù tôi có thể điều ngược lại anh cũng không tin. Nên tôi tiết kiệm lời thề. Tôi tin rằng thiên hạ sắp xôn xao về anh. Không phải vì âm mưu này nọ mà về một vụ làm ăn. Đây là câu trả lời cho câu hỏi mà anh chưa đặt ra cho tôi. Đồng ý. Rõ ràng chưa?

— Rõ rồi.

Nói cách khác: Hãy lao mạnh vào vụ đầu cơ bạc. Fezzali lại cười, giọng ghen lại vì vốc kem vừa tọng vào mồm.

— Nếu tôi tham gia vào âm mưu thì lời khuyên của tôi có thể là một bộ phận của cái bẫy đấy nhé.

— Quỷ tha ma bắt ông đi.

Lão tỏ vẻ tự mãn:

— Tôi không tin có ma quỷ trên trời. Nếu có nó phải ở dưới trái đất này. Đấng tiên tri đã đích thân cam kết sẽ mở cho tôi cửa thiên đàng của thánh Allah đây bọn gái đẹp ranh ma.

Tôi lại gọi Philip Vandenberg ở văn phòng phố Fulton.

— Sau khi cân nhắc kỹ, tôi quyết định: Tăng lên mười lần.

Năm 1969, chỉ riêng trên thị trường Hoa Kỳ đã có chín triệu hợp đồng được ký kết, số tiền trao đổi lên tới tám mươi tỉ đôla. Con số khiêm tốn gần như không đáng kể. Sau có vài năm đã tăng lên kinh khủng: Gần năm chục triệu hợp đồng trị giá một ngàn ba trăm năm chục tỉ đôla. Số tiền tôi bỏ ra chỉ là giọt nước trong biển cả. Trong nghề buôn bán bạc, thông thường người ta ký hợp đồng mua hoặc bán. Ký bao nhiêu cũng được, không có giới hạn. Mỗi hợp đồng chuyển dịch năm ngàn ounce (28,35 gr một ounce). Tiền ký quỹ mỗi hợp đồng là bảy chục ngàn đôla nếu ký dưới một trăm hợp đồng, tám chục ngàn nếu ký quá hai trăm năm mươi. Lệnh tôi vừa truyền cho Vandenberg và anh ta sẽ truyền xuống cho bọn môi giới, có nghĩa là tôi nhận làm một trăm bốn hai hợp đồng và phải ký quỹ chín triệu chín trăm bốn chục ngàn đôla, mười lần số tiền đầu tư trước đây. Bằng khoảng một phần tư vốn tôi đưa vào kinh doanh.

Nếu áp phe này có gài bẫy, hẳn là tôi đang lao đầu vào bẫy một cách điên cuồng. Vì ngoài số vốn ném vào đấy tôi còn đầu tư năm triệu vào Săn Thú. Chưa hết, tôi còn nhiều dự án khác nữa và nhất quyết sẽ bỏ vốn thêm. Trong tháng tám này, đây là đợt phản công đầu tiên của tôi để trả lời sự thách thức của Horst. Tôi không chịu cố thủ trong pháo đài xây bằng những của cải đã giành được, mà kiên quyết tiến lên.

Đúng lúc này xảy ra sự kiện mà thoát tiên tôi coi thường, lúc hiểu ra thì đã muộn.

Tôi thận trọng rời khách sạn Pierre để gặp Fezzali. Băng qua đại lộ số 5, đi bộ đến Plaza, từ đó gọi điện cho lão. Bảy giờ tối mới rời Plaza trong lòng vẫn còn buồn bực chưa nguôi pha lẫn cơn sốt liệt dữ dần, căng thẳng, ác ôn. Tôi rời Plaza qua chiếc cửa thông ra phố 58 Tây đối diện Solow Building. Đi ngang cửa hàng thời trang Bergdorf Goodman, với dụng ý lơ mờ sẽ đến xem cửa hàng đồ chơi trẻ con Schwarz ở bên kia đường. Bỗng một toán thanh niên ào ra chỗ vòi nước phun Pulitzer, gã nào cũng cao kều, trông có vẻ một đội bóng rổ chệnh choáng hơi men trước trận đấu ở quảng trường Madison hoặc gần đấy. Trong một lúc tôi ngập trong đám khổng lồ, bị họ xô đẩy đôi lần, họ mỉm cười xin lỗi rồi bỏ đi. Chính đó là lúc sự việc xảy ra, thủ phạm rõ ràng là một chuyên gia có hạng nên tôi chẳng hay biết gì. Phải đến mười lăm phút sau tôi mới nhận ra sự tổn thất: Tên nào đó đã móc mất ví. Thật bực mình nhưng không đáng nghiêm trọng, tôi không phải là nạn nhân đầu tiên của bọn chôm chia New York. Trong ví có chừng một ngàn hai trăm đôla, nhưng cái chính là giấy tờ tùy thân, giấy phép lái xe, thẻ căn cước Pháp, phiếu mua chịu.

Tổn thất không đến nỗi không bù đắp nổi. Tôi nhớ lúc ấy còn thấy phần khích vì tên kẻ cắp đã để lại chiếc bao da mỏng trong đó có các tấm ảnh chụp Catherine và Marc Andrea, nhất là một bức rất quý chụp hai mẹ con đứng trên boong tàu rực nắng vàng giữa biển Cortès.

5

Bang Florida, dưới rừng được mặt đối mặt bọn cá sấu. Ngoài tôi ra còn có Li và Liu với các lời khuyên và hai người đại diện cho bọn Texas. Flint cũng có mặt, dĩ nhiên, dù sao đây là đất của anh ta. Có cả gã Ocoee Séminole nữa. Li và Liu ngấm ngấm.

— Một tay Indien chính cống, hả?

— Đích thị! Franz. Anh biết không, bộ lạc Séminole là bộ lạc Indien duy nhất ở Hoa Kỳ vẫn chưa chịu ký hòa ước với Hiệp Chúng Quốc Bắc Mỹ. Thế đấy. Ngộ nhớ hãn lột da đầu chúng mình thì sao?

— Hãn chỉ chiến tranh với bọn Mặt Nhọt thôi. Việc gì các cậu phải sợ?

Lúc này là tháng mười, lần thứ ba tôi tới bên hồ Blue Cypress, trên miếng đất của Flint. Công việc tiến triển nhanh đáng ngạc nhiên. Thực ra nếu đi sâu vào thì cũng chẳng đáng ngạc nhiên lắm: Bọn Texas có đủ sức thuê những chuyên viên cừ nhất trong mọi lĩnh vực; theo Paul Hazzard, tài sản họ gom được lên tới suýt soát mười lăm tỉ đôla, tức sáu mươi ba tỉ franc Pháp, tức sáu ngàn ba trăm tỉ xu. Giàu, nghĩa là như thế!

“Có cả một con sông à?” Chúng tôi cảm cú nghiên cứu sơ đồ, các bức ảnh chụp từ máy bay, có cả những tấm chụp từ vệ tinh. Có hình con sông, những đầm ao nối nhau thành tràng liên tục. Phải làm nhiều công trình, để có thể đến vùng Săn Thú (tên tạm thời) vừa bằng tàu thủy, bằng xe hơi, vừa bằng máy bay. Đây là một thuận lợi quyết định, tôi đã nhấn mạnh: Thủy lộ chạy dọc bờ biển nối thẳng vào con sông này nên vùng Săn Thú sẽ đón được khách đi du thuyền.

— Phải có những con tinh tinh. - Li hoặc Liu nói đúng lúc tôi cũng đang nghi đến. - Ta phải có nhiều tinh tinh. Không phải tinh tinh thật, mà những con tinh tinh máy biết đấm ngực thùm thụp và biết bắt cóc các phu nhân - du khách xinh đẹp ôm chặt trong vòng tay lông lá rồi vọt lên ngọn cây.

— Và nhiều Tarzan, - Liu hoặc Li tiếp - Hàng trăm Tarzan đùi thật bự, thật đẹp, hú AaaaOoooUuuu - Houbatagada rồi giăng các phu nhân - du khách xinh tươi khỏi tay lông lá của tinh tinh, đi ngủ ngay con vật mất dạy chào người đẹp, vân vân.

— Và trâu nữa. Những con trâu rừng thật to lớn béo. Vài hécta đất rào kín. Trong khu rào kín này, người và thú, thợ săn và trâu rừng đối đầu nhau...

— Người đi săn có khẩu súng...

— Trâu rừng thì không. Nhưng súng không lấp đạn...

— Súng bảo vệ sinh thái.

— Thay vào đạn là một thứ thuốc tiêm dưới da làm trâu ngủ khì. Tuy thế vẫn rất hồi hộp cực kỳ: Ai sẽ thắng?Thợ săn hay thú rừng? Chà, vô cùng kịch tính, cuộc đụng đầu khủng khiếp! Tôi run lên đây này!

— Tất nhiên, nhà săn bắn của chúng ta được bảo vệ kín đáo để được tuyệt đối an toàn.

— Và nếu hạ được con trâu, hẳn ta sẽ vô cùng khoái: Được chụp tấm ảnh màu, đứng gác cái cổng vinh quang lên xác con mỗi năm ngủ...

— Có một rắc rối, tuy có thể là nhỏ. Phản ứng của chú trâu khi chú bị nằm ngủ mười một lần trong ngày.

— Bọn trâu có thể nổi cáu...

— Có khi còn tệ hại hơn: Đình công.

— Không sao! Bọn trâu sẽ bầu ra các đại diện và ta sẽ ký các bản thỏa hiệp...

Các nhà doanh chủ Dallas trở mắt sừng sốt ngắm Li và Liu, hình như còn có ý nghi ngờ nữa, choáng ngợp trước dòng lũ ý tưởng kỳ quặc. Tôi buộc phải giảng giải cho họ hiểu: Hai anh bạn Tàu của tôi tuy rất sẵn sàng sắm vai diễn, nhưng hễ bàn đến chuyện tiền nong là hết điên ngay. Họ được minh chứng điều đó khi trở về khách sạn Breaker, đại bản doanh của chúng tôi để cùng nhau - bọn Texas, bọn Tàu và tôi - kết luận những nghiên cứu bước đầu về dự án Săn Thú. Quả nhiên số vốn đầu tư thật đồ sộ: Sáu trăm triệu đôla cho đợt đầu, và ít nhất chừng ấy nữa cho đợt tiếp theo, một tỉ hai trăm triệu đôla. Bọn Texas nói:

— Ý định xây dựng khu rừng kiểu Tarzan đã thú vị nhưng cần mở rộng hơn như đã dự tính.

Ý định ban đầu của tôi từng bước được mở rộng sau khi bàn cãi rất nghiêm chỉnh với Li và Liu. Lúc đầu định xây dựng một khu giải trí sao cho thật độc đáo. Trí tưởng tượng nóng lên, chúng tôi càng đi xa hơn. Và bây giờ, cái mà chúng tôi sẽ xây dựng trên mảnh đất của Flint và những mảnh lân cận sẽ mua thêm, là cảnh xen kẽ hai thế giới vô cùng ngoạn mục khác hẳn nhau, cách xa nhau hàng triệu năm.

Trước hết xuất phát từ ý tưởng về cuộc săn. về con người cô độc đối đầu với thiên nhiên thù nghịch, sẽ trình bày trái đất như thời con người chưa chinh phục được. Làm nổi bật sự thách thức kỳ lạ mà hẳn phải chấp nhận trong hàng ngàn năm.

Dĩ nhiên cách trình bày này cho phép tạo dựng những cảnh kỳ lạ nhất. Du khách đi cùng gia đình, nếu thích sẽ được khoác tấm da thú (bằng sợi tổng hợp), đóng vai người Neanderthal hoặc Cro Magnon^[11], tham dự cuộc thi vui lấy lửa bằng mảnh gỗ và được tuyên dương là người vượn Phương Nam, có bằng chứng nhận nếu lấy được lửa; có thể đi thám hiểm nghĩa địa bí mật của voi và mỏ ngọc lục bảo; hoặc tham gia cuộc tìm kiếm Livingstone (muốn được bắt tay Livingstone: 5 đôla); anh ta sẽ được đi trong rừng bọ ăn thịt người đến ngọn núi lửa sát nhân sắp phun lửa đến nơi; được nếm món bánh mì kẹp thịt trăn, thịt con thú mỏ vịt và món bít tết khủng long; sẽ cắm trại bên bờ sông Amazone (một con cá răng dao dựng trong bình thủy tinh; 1.50 đôla); bị bọ thú nhỏ đầu rình mò (mỗi cái đầu thú nhỏ: 3,95 đôla), sẽ được chứng kiến cảnh Christophe Colomb^[12] tìm ra Châu Mỹ và tham dự buổi trở về của chiếc thuyền Caravelle cuối cùng của Magellan^[13] cập bến Guadalquivir ở Séville, kết thúc chuyến đi vòng quanh thế giới không bao giờ thực hiện; Sẽ là người tìm ra “bánh xe”, là người đầu tiên trong bình minh nhân loại...

Song song với thế giới này là một thế giới khác hẳn một cách kỳ lạ, vẫn người du khách ấy chỉ cần vượt qua chiếc cầu thuyền là coi như nhảy một bước hụt hơi qua thời gian. Thế giới tương lai không còn là thứ trong tưởng

tượng, mọi sự phát triển của khoa học hiện đại trong mọi lĩnh vực đều được thể hiện: Năng lượng, giao thông vận tải, chinh phục đại dương và vũ trụ, dinh dưỡng, đồ dùng lặt vặt, người máy, phương tiện thông tin sắp được phát minh.

— Chính phần thứ hai này của dự án mà khả năng xin tài trợ lại lớn hơn cả. - Li và Liu nhấn mạnh, vẻ hoàn toàn nghiêm chỉnh.

Họ có lý, bọn Texas cũng gật gù. Hai anh Tàu ở San Francisco đã huy động một số chuyên viên kỹ xảo điện ảnh của họ bắt tay vào thực hiện dự án. Cũng là nơi họ đã bỏ khá nhiều tiền vào, cộng với những kinh phí nghiên cứu của chính họ. Họ đưa ra đủ chứng từ cần thiết. Điều khiến bọn Texas cuối cùng phải thừa nhận đó là những cộng tác viên xứng đáng. Cuộc họp kết thúc trong không khí tốt đẹp nhất. Ngoài ra cũng đã quyết định một số vấn đề khác, sẽ giao cho một công ty quảng cáo lớn ở New York phụ trách những công việc mở đầu để chào hàng, do tôi điều hành; bọn Texas lo tiếp xúc với các cơ quan chính quyền liên bang, bang Florida, các phòng kiến trúc sư (do Li và Liu cùng kiểm soát) và các doanh nghiệp xây cất nhận thi công các công trình đầu tiên, đồng thời cùng với tôi thăm dò cái gọi là khả năng tài trợ bên ngoài. Trong thực tế toàn bộ công cuộc có tính chất sáng tạo này do hai anh Tàu đảm trách. Ấn định nhiều cuộc gặp tiếp theo rải suốt nhiều tháng sau. Nếu không có gì trục trặc chắc sẽ có máy ủi bắt đầu khởi công trước mùa xuân sang năm, công việc sẽ rất khẩn trương.

Họp xong, bọn Texas trở về Dallas, bọn Tàu về San Francisco. Tôi ở lại một mình với Flint. Anh ta vẫn chưa hết bàng hoàng: “Không ngờ quy mô lớn đến thế!” Tôi cũng vậy. Gần như choáng váng. Quá trình một ý định biến thành hiện thực, thậm chí ngay sự ra đời của ý định bao giờ cũng có cái gì đó rất lạ thường, rất thần diệu. Tôi vẫn nhớ hồi bốn năm trước ở Mombasa bên Kenya, khi lần đầu tiên kiếm được tiền nhờ nghĩ ra một ý định, tôi đã kinh ngạc hết sức tuy chỉ có hai mươi tám đôla. Không quên được con số đó... Vậy mà giờ đây ngồi trong một đại khách sạn bang Florida tôi đang tính chuyện đầu tư một tỉ đến một tỉ rưỡi đôla!

— Tôi bao anh một chầu champagne, Franz.

— Việc xoàng nhất anh nên làm.

Bọn Texas có hỏi tôi: Trong công việc này ai là cánh tay phải của tôi khi tôi đi vắng, và vì không có văn phòng, họ biết gọi điện cho ai? Ngoài Lavater tôi vẫn có ba luật sư giúp việc: Rosen, Lupino và Vandenberg. Vandenberg lo chuyện buôn bán bạc cho tôi. Rosen thì đã dành cho một dự án khác. Vì vậy tôi đáp: Lupino.

Jo Lupino ba mươi bảy tuổi, có khiếu hài hước, khác hẳn Vandenberg và Rosen. Tôi nói cho anh ta biết dự án Săn Thú. Anh ta phá lên cười:

— Anh điên mất rồi!

Tôi trả miếng:

— Chứng cứ: Tôi thuê anh.

— Tôi nghĩ đến gã Tarzan phát sáng bay qua khu rừng lúc hoàng hôn.

— Còn tôi thì nghĩ đến số nghìn hai, nghìn rưỡi triệu đôla vút vào đấy, và tự nhủ: Giao trách nhiệm, dù chỉ một phần thôi cho ông luật sư coi tôi là điên thì thật là ngu.

Anh ta không vì thế mà cụt hứng, lắc đầu cả cười: “Lại cái rồi thì phải”.

Tôi có nhiều lý do để bức mình. Trong đó có hai tên thợ ảnh chực sẵn tôi từ Florida về; không những chúng bấm máy lia lịa như thường lệ mà còn chìa ra bức ảnh chụp qua ống kính tê-lê, trên đó có tôi, Li và Liu cùng với mấy gã Texas. Không nói nửa lời, tên thợ ảnh trao cho tôi rồi tiếp tục chụp nữa. Không nghi ngờ gì nữa, đúng là họ muốn làm tôi hiểu rằng không một lúc nào họ buông lỏng tôi. Và sự thể còn chưa đủ, một kẻ nào đó đã cẩn thận ghi rõ tên từng người trong ảnh lên phía sau. Những cái đó làm tôi nổi sung lên, và lo lắng nữa. Tuy thế tôi vẫn cố mỉm cười với Lupino.

— Sẽ khá hơn nếu được anh mời đi nhậu.

Anh ta đưa tôi về nhà. Chị vợ cũng người gốc Ý, cùng lớn lên bên nhau, hai bên bố mẹ cùng di cư trong những năm 20, từ cùng một ngôi làng ra đi. Tuy tôi cố cưỡng lại những niềm cay đắng về thân phận cô đơn trước cảnh sống êm đềm hạnh phúc này cứ đột nhiên trỗi dậy trong lòng.

Hôm sau và những ngày tiếp theo, cả Lupino và tôi cùng làm việc thật miệt mài. Công việc ở Florida không thuộc loại có thể giải quyết xong vài ba cú điện thoại. Bọn Texas, bọn Li và Liu không phải là những tay cộng tác trể nải. Thành ra toàn bộ nhân viên của văn phòng Lupino, mười hai

người cả thấy, phải làm việc suốt ngày đêm về bản dự án. “Franz, khối lượng công việc quả là đồ sộ, doanh nghiệp này lớn quá trời. Càng ngày anh càng lên cao. Đến lúc quái quỷ nào anh mới chịu dừng lại?”

Nhưng lại sao tôi lại dừng?

Marc Lavater trở lại New York, đưa cho tôi một phong bì lớn. Bên trong có không dưới một trăm tấm ảnh chụp Martin Yahl trong dinh cơ Genava của lão. Ảnh chụp qua têlê như chúng đã chụp tôi ở Florida. Kể cũng ngộ, tôi hăm hở đầy thù hận nhìn các tấm ảnh, thấy rõ một Martin Yahl gầy yếu, lưng còng, lê từng bước nặng nề trong thửa vườn rộng. Một điểm mới: Lão chống gậy. Chẳng lẽ lão già này, sự đồ sộ này mà lại đe dọa được tôi?

— Mẹ kiếp! Chắc không chụp từ xa hơn nữa được! Bọn thám tử đứng tận đâu vậy? Trên đỉnh núi Blanc à?

— Chúng canh gác kỹ lắm, không phải dễ.

Các thám tử không chỉ dùng ống kính têlê. Marc lấy trong vali ra tập báo cáo dày như cuốn danh bạ điện thoại.

— Trong này có danh sách tất cả những người đến gặp Yahl từ khi ta bắt đầu giám sát. Từ mục sư đến thợ sửa tivi. Mỗi người một tập hồ sơ. Mặt khác, nhưng đừng hỏi tôi rằng, các thám tử đã làm cách nào, cả ba đường điện thoại của lão đều bị nghe trộm. Ai gọi, gọi cho ai, nói cái gì đều có đủ hồ sơ, tha hồ đọc. Nhưng xin nói trước: Toàn chuyện vớ vẩn, trừ vài ba cuộc trao đổi giữa Yahl và những người được ủy quyền khi lão còn đứng chủ ngân hàng. Không lần nào nói động đến tên anh. Có các cuộn băng trong này.

Có cảm tưởng Marc vẫn để dành điều gì đó.

— Nói hết ra!

— Đúng, còn điều này nữa: Các thám tử đã gặp bộ tham mưu của Yahl hỏi lão làm giám đốc nhà ngân hàng mà anh đã buộc lão phải từ bỏ sau đó. Bọn đại diện ủy thác chẳng đáng chú ý: Họ giỏi nghiệp vụ ngân hàng chứ không có khả năng đóng vai mật vụ. Chỉ nhớ ra hai tên: Jean Pierre

Hubrecht và Walter Maurer. Cả hai đều ăn nên làm ra trong công ty ngân hàng tư nhân vô danh Martin Yahl. Cả hai đều thông minh, nhiều tham vọng và cứng. Giám sát hăm bốn trên hăm bốn. Hubrecht không có gì. Maurer vừa đi London cách đây tám hôm, hẳn rất thận trọng đề phòng nhưng không thoát. Anh xem đây.

Marc đưa tấm ảnh. Hai người vừa ra khỏi một khách sạn. Một người trông không quen. “Walter Maurer đấy!” Marc chỉ cho tôi. Trái lại tôi nhận ra người kia ngay lập tức: Horst.

Marc: “Tôi đã nói với anh rằng toán thám tử đang đảm trách vụ Yahl này là toán cừ nhất nước. Tất nhiên anh sẽ mất vào đấy cả một gia tài. Nhưng cũng đáng, tiền nào của ấy. Họ không dừng lại ở thành công đầu tiên này, họ còn tìm được người trước kia làm vườn cho Yahl, người Nam Tư này đã hồi hương. Anh ta nhận ra những người trong ảnh và cam đoan: Horst đã tới gặp Yahl nhiều lần, trước khi lão bị nhồi máu cơ tim, tức là từ tháng giêng năm nay. Trước khi Horst hiện ra trước mặt chúng ta trong khách sạn Biltmore ở New York”.

Im lặng.

— Anh có hiểu thế là thế nào không?

Hiểu quá đi chứ! Đó là bằng chứng Horst làm thuê cho Yahl, hoặc ít ra cùng cộng tác chặt chẽ với lão. Như vậy nghĩa là có một kế hoạch chu đáo, một âm mưu được xếp đặt công phu.

Tuy chưa biết đòn đánh sẽ từ phía nào tới, tôi đã thấy rõ thế nào cũng bị ăn đòn và Yahl đứng đằng sau mọi chuyện.

6

Tấn công là cách phòng ngự tốt nhất. Điều này đúng với Clausewitz^[14], Napoléon^[15] và Mohamed Ali^[16] gộp lại, chắc cùng đúng với tôi. Tôi đã mở đầu cuộc phản công khi cho giám sát Yahl như lão đã cho giám sát tôi (tôi lồng vào một khung kính hai tấm ảnh bên nhau: Ảnh chụp tôi ở Florida và ảnh chụp Yahl ở Geneva); tôi mở rộng cuộc phản công bằng cách tăng gấp mười số vốn đầu tư vào món bạc, rồi triển khai áp phe đồ sộ nhất từ trước tới nay của tôi: Dự án Săn Thú. Mà không phải chỉ có thế. Tôi đã từng nói: Còn nhiều dự án nữa. Đã đến lúc tôi triển khai thêm một cái. Ý định nảy sinh một cách ngớ ngẩn: Trước máy thu hình. Tôi thấy nó có năm lợi thế đáng kể.

- * Chưa ai nghĩ ra.
- * Có thể thực hiện trong thời hạn tương đối ngắn.
- * Không có nguy cơ đưa tôi vào tù.
- * Không đòi hỏi vốn ban đầu nhiều, thậm chí, tôi có thể biến nó thành hiện thực mà không phải bỏ ra xu nào.
- * Nó có thể sinh lời hàng chục triệu đôla.

Tóm lại, một ý hay. Đó là nhận định của tôi, tôi hoàn toàn tán thành nhận định đó.

Đầu tháng mười ấy, khoảng mùng 5 mùng 6 thì phải, tôi ở New York. Trời mưa, không dám nói rằng tôi đã đoán trước được trận mưa nhưng quả thật nó đã phụ giúp cho tôi. Nhờ nó nên tôi mặc được chiếc áo mưa khá rộng để che giấu chiếc máy ghi âm nhỏ để ghi lại tất cả những lời tôi nói và các câu trả lời. Adriano Letta ngồi trong xe cách tôi không xa, chỉ độ sáu chục mét, sau tay lái chiếc vận tải nhẹ tôi thuê cho công việc này. Trên xe có tay kỹ thuật viên radio chịu trách nhiệm ghi âm qua những chiếc micro tôi đeo trên người, phóng khi máy ghi âm của tôi bị trục trặc (tôi không hề

tin cậy các thứ máy móc này). Nghe tôi dặn dò công việc thuê anh ta làm, tay kỹ thuật viên nghi ngại nhìn tôi:

— Anh là gián điệp à?

— Đâu có!

— Anh làm việc cho CIA?

— Chắc chắn không phải.

— Tôi không muốn dính líu vào một vụ Watergate thứ hai.

— Thì tôi cũng vậy.

Một lát anh ta hỏi:

— Thế anh có biết tôi tên gì không?

— Không.

— Richard Dixon.

Mà tên anh ta đúng như vậy thật, kỳ thế! Cả hai chúng tôi cùng cười phá lên. Sau đó tôi đã làm cho anh ta yên tâm, nói rằng việc sắp làm đây hoàn toàn không có gì bất hợp pháp, anh nghe rõ được từng lời nói, và nếu thấy có gì đáng nghi anh vẫn có thể phôn ngay cho FBI^[17] hoặc báo Bưu Điện Washington^[18].

Nhân thế tôi cũng xin nói, thực ra tôi không cần giấu micro và ghi âm trên người mới thực hiện được việc định làm. Có thể không có cũng xong. Tuy nhiên, sự bố trí này sẽ có lợi cho tôi về sau. Chỗ tôi đang đứng là phường Queens cách không xa công viên Bushwick. Mưa nhẹ, năm giờ chiều mà trời đã tối, có thể vì trời đầy mây thấp. Chủ gara là một người da đen trạc năm mươi tuổi, luôn mồm nhấm đầu điếu xì gà không châm. Ông ta ngồi trên chiếc ghế bành ngả ra sau, chân thượng lên mặt bàn. Tôi cười thật dễ thương.

— Ông có cái gara thật đẹp.

— Không bán đâu.

— Thật may cho tôi. Tôi đang không muốn mua.

Ông ta gật đầu bằng lòng:

— Vậy là tốt, khỏi cãi nhau, thế tôi có giúp anh được việc gì không?

— Tôi muốn xem qua cái mái nhà. Định thuê.

Ông ta ngạc nhiên không nói được nữa. Đứng dậy đi ra ngoài mưa ngấm mái mái nhà rồi trở vào, chẳng thấy có gì đặc biệt trên đó. Tất nhiên vì đây không phải cái gara tồi tàn nhất New York mà cũng chẳng phải loại đứng đầu bảng; một kiến trúc kiểu hai tầng: Tầng dưới làm văn phòng, xưởng sửa chữa, chỗ đậu xe, tầng trên hoàn toàn để chứa xe, mái bằng, chỉ có chiếc ống khói nhỏ tí xây lệch một bên.

Lúc quay lại, chủ gara hỏi tôi định làm trò trống gì trên cái mái chưa bao giờ dùng vào việc gì từ đời xưa đời xưa đến giờ, và tôi có biết rằng pháp luật cấm xây cất trên mái, rằng liệu tôi có hơi mất trí không? Tôi đáp theo tôi biết thì thần kinh tôi rất lành mạnh. Có chứ, tôi biết không được xây cất, cái tôi định làm với chiếc mái này là hoàn toàn hợp pháp, không có vấn đề gì. Hơn nữa tôi là người tử tế trông rõ mồn một, hơn nữa ông sẽ được hai trăm đôla mỗi tháng.

— Những hai trăm đô?

— Hai trăm.

— Hoàn toàn hợp pháp?

— Hợp pháp nhất trần đời.

Chơi không mà lĩnh hai trăm đô một tháng. Chúng tôi cùng trèo lên mái, tôi mặc áo mưa, chủ gara che chiếc dù màu hồng thật choáng. Lững thững dưới trời mưa đếm bước trên một mặt phẳng cực kỳ nhẵn, trát bằng nhựa đường trộn xi măng, có tường thấp chừng ba tấc bao quanh. Ống khói ở vị trí rất thích hợp, không gây vướng. Kích thước vừa đúng như tôi mong ước: Công trình hình chữ L cạnh dài độ tám chục mét, cạnh ngắn gần bốn chục. Vừa vặn theo yêu cầu của tôi, con mắt của Adriano quả là tinh, anh đã ước lượng rất đúng khi được tôi cử đến trinh sát. Thực ra cũng khó đòi hỏi hơn ở bước khởi đầu như trong mơ. Tôi bảo chủ gara:

— Còn lâu mới đạt yêu cầu. Lên xem tận mắt mới thấy chưa nên nói đến hai trăm đô. Dù sao cũng không phải tôi là người quyết định.

— Lạy Chúa, ai mới quyết định được và về việc gì cơ?

Tôi đưa cho ông tấm danh thiếp của văn phòng Rosen phố 56 Đông Manhattan. Tôi giải thích rằng tôi không giải thích được gì hết, tôi chỉ là người đi chào hàng theo lệnh chủ và chẳng biết nói gì hơn. Tuy nhiên, bất

cứ ai ở New York đều biết tường tận văn phòng Rosen rất nghiêm chỉnh và có tín nhiệm. Đúng như thế. Giữa đại dương những điều tôi nói dối, đây là một hòn đảo sự thật. Tôi nói tiếp: “Tôi sẽ báo cáo, nếu các ông chủ thấy được họ sẽ đến gặp”.

Ông ta gãi đầu gãi tai tiến chân tôi. Bảo: Chẳng phải làm gì mà được thêm hai trăm đô mỗi tháng, tất nhiên phải đúng luật lệ, là rất ngon lành, ông sẽ có cách tiêu. Tôi đáp: “Điều đó chẳng làm tôi ngạc nhiên. Tôi cũng như ông”, rồi chia tay nhau thân ái như hai bạn nối khố.

Ra khỏi tầm nhìn từ gara, Adriano Letta lái chiếc xe tải nhẹ đến bên tôi.

— Ghi được chứ?

Richard Dixon ra hiệu được. Nhưng anh chàng chẳng hiểu gì. “Anh chơi trò gì thế?” Sẽ hiểu ngay thôi. Tôi nói sao cho tiếng nói của tôi cũng được ghi vào băng từ: “Trái với điều đã nói với chủ gara, tôi xác nhận rằng chiếc mái nhà tôi vừa xem hoàn toàn thích hợp cho công việc”.

Rồi tiếp tục. Nấp dưới mái hiên một cửa hàng tivi - radio, tôi vừa nghiên cứu bản danh sách đã liệt kê cùng với Adriano vừa nghiên cứu bản sơ đồ phường. Dĩ nhiên những nhà tôi định đến xem đều ở quanh quần gần đây. Ghi địa chỉ từng nhà lên sơ đồ, tôi lần lượt đến xem theo vệt đường hợp lý nhất. Bị hai nhà thẳng thừng phản đối, bà chủ nhà đi làm chưa về, còn lại chín thì sáu nhà ưng thuận ngay, thậm chí còn tỏ ra sốt sắng, số còn lại hứa sẽ trả lời sau. Chắc họ sẽ nhận sau khi biết chắc việc này không phải chuyện đùa cợt, hơn nữa không phải chuyện lừa đảo. Tôi lại đi một vòng nữa, nếu trong ba người ban nãy đã đi làm về và nhận lời - người thứ ba là phóng viên báo làm ca đêm. Năm nhà giữ tôi ở lại ăn tối. Mười giờ đêm mới hoàn tất cuộc thăm viếng. Hai cẳng chân tê dại, nhưng đạt được kết quả vượt mong muốn: Tám khách hàng ăn chắc, có thể đến mười một.

— Lần này cũng ghi được?

Dixon lắc đầu:

— Được. Nhưng ý của anh thật khác thường. Liệu có ăn không?

Anh ta nhìn tôi cười, rồi tự trả lời: “Ăn”.

Sân quần vợt hình chữ nhật một chiều 23,77m và chiều kia 10,97m. Lấy tròn thành bốn mươi và mười sáu để người chơi có đất chạy bên ngoài biên ngang và biên dọc. Bốn mươi và mười sáu mét là gần khớp với kích thước tôi đã đo được ba lần trên nóc gara, sai số có hai tấc. Như vậy có nghĩa là trên mặt phẳng này có thể tạo ra ba sân quần vợt. Chỉ cần phủ lên tấm chất dẻo tổng hợp để chơi được cả dưới mưa, ít nhất là ngay sau khi mưa tạnh.

Trước khi lao vào cuộc tôi đã tìm hiểu nhiều khía cạnh liên quan. Trước hết, về luật cấm xây cất. Tôi chuẩn bị sẵn sàng đổ máu để chứng minh rằng căng tấm lưới và quây rào trên một mặt phẳng hoàn toàn không phải là xây cất. Tôi vô cùng sùng sốt (vì xưa nay vẫn rất có thiện chí đối với sự thiếu thiện chí của nhà chức trách) khi thấy họ lập tức thừa nhận lý lẽ của tôi. Thành ra suýt nữa tôi cứng họng không nói được gì. Sau đó tôi bèn phản công, nói rằng: Lợp mái trên sân quần vợt và thương những tấm vách tháo ra được (khi trời nóng) xung quanh sân thì có vi phạm luật, nhưng xây cất nên những sân này chứng tỏ tôi vừa quan tâm đến vấn đề sinh thái vừa quan tâm đến sự phát triển lành mạnh của lớp trẻ - có sân chơi bóng, chúng sẽ thôi tấn công các bà già và các tiệm thực phẩm - hơn nữa tôi còn tranh đấu cho sự phồn vinh của các phường trong trung tâm thành phố, cho nền thể thao, cho một lô lốc các điều hay ho khác. Họ còn hỏi: Công quỹ sẽ tốn vào đó bao nhiêu. Tôi đáp: Không một xu nhỏ. Thế là lập tức họ thấy tôi rất dễ thương.

Tôi kể danh sách các đài phát thanh, truyền hình, báo ngày, tạp chí, nói chung tất cả những ai có thể quan tâm đến khả năng trưng quảng cáo trên các tấm vách và mái sân quần vợt; đứng ở cửa sổ các ngôi nhà cao lân cận nhìn xuống rất rõ. Bản thứ hai kê tất cả các gara, siêu thị, các nhà mái bằng trong phường. Bản thứ ba kê tên khách hàng: Những người chơi tennis, những người thực sự chơi từ trước đã rất đông, nên tính đến sự bùng nổ phong trào quần vợt đang thịnh hành, tôi cho rằng số người chơi có khả năng còn đông nữa.

Tìm hiểu giá cả của các câu lạc bộ quần vợt và địa điểm sân bãi, tôi thấy đúng như đã dự đoán: Một triệu dân New York sinh trưởng hoặc làm ăn trong thành phố muốn đánh tennis thường phải đi khá xa, mỗi lần đi về mất

đến hai hoặc ba tiếng đồng hồ. Sân bãi của tôi chỉ cách chỗ ở, chỗ làm việc của họ có ba phút đi bộ. Họ có thể đem chơi lúc giải lao giữa hai cuộc họp, lúc nghỉ ăn trưa, giá cả lại thấp hơn của các câu lạc bộ.

Sau đó tôi tìm đến một hãng tin học. Họ hiểu ngay ý định của tôi: “Anh cho chúng tôi bản kê địa điểm các sân chơi, số lượng, chúng tôi cho vào bộ nhớ máy tính điện tử. Khách hàng của anh chỉ cần hỏi tổng đài điện thoại của hãng chúng tôi là biết ngay có thể đến chơi ở sân nào, vào giờ nào. Anh có khách thuê bao chứ”.

— Có, tôi sẽ bán những phiếu thuê sân theo giờ. Vị khách X sẽ được sử dụng sân trên gara Belder từ bảy đến chín giờ các ngày thứ ba và thứ sáu, vị khách Y nếu muốn sẽ thuê sân ấy cả năm, các chiều thứ bảy từ mười sáu giờ đến mười tám giờ.

— Sẽ ghi hết vào máy tính, dễ ợt.

— Ngay cả khi có đến hai ngàn sân?

— Một triệu cũng vẫn được. Làm chương trình cho máy, thế thôi. Thời gian trả lời vị khách hỏi sân chơi chỉ mất ba mươi, bốn mươi giây là cùng, dù số sân, số khách thuê bao đông đến bao nhiêu cũng vậy.

Những tuần sau đó tôi còn khám phá được một điều trái hẳn với suy nghĩ và lo lắng của tôi. Ngay cả ban đêm cũng có khách thuê sân. Ở New York cũng như ở mọi thành phố lớn bao giờ cũng có những người ít ngủ, những người làm ca đêm. Trong số đó nhất định có những người muốn chơi một hai tiếng tennis từ ba đến năm giờ sáng. Adriano Letta chở tôi trên xe tải của anh ta vượt qua sông East để trở về Manhattan. Tôi bảo Dixon cho nghe vài phút những cuốn băng ghi cuộc đi gõ cửa từng nhà mệc muốn chết vừa rồi. Anh ta nháy mắt: “Ông tán giỏi thiệt”. Tôi gật đầu. Nhưng đó đâu phải là điều quan trọng nhất. Tôi bảo Letta: “Bây giờ phải kiếm cho tôi một trăm người môi giới. Cho họ học thuộc lòng những cuốn băng này. Coi như nó là thánh kinh của người bán phiếu thuê sân theo giờ và phiếu thuê sân quần vợt trên mái nhà. Họ phải lặp đúng những lí lẽ của tôi, đúng từng câu chữ. Xung phong!”

Và đặt cho chiến dịch này cái tên: Quần Vợt Trên Trời.

Tôi gọi gã Thổ ở London. Gã tức giận gầm lên:

— Không biết bây giờ là mấy giờ hả?

Thì ra tôi lại nhầm khi tính múi giờ.

—Này chàng Thổ, đang có áp phe định bàn với cậu đây.

Cần nhẫn nại đến một phút nữa, để hiểu thôi vì lúc này bên London mới bốn giờ bốn mươi phút sáng. Mãi gã mới dịu đi, thỏa thuận sẽ gặp nhau khi tôi qua bên đó.

— Cả Ute cũng có mặt, Franz ạ. Cô Đan Mạch khổng lồ cậu sang tên cho mình bây giờ cũng mơ trở thành triệu phú. Bằng những phương tiện của chính cô ta. Áp phe của cô ấy đấy.

— Sao lại không?

— Sao lại không?

Ôm hôn nhau rồi gác máy. Ở New York bây giờ đã nửa đêm. Mãi lúc này tôi mới để ý đến lời nhắn do tổng đài khách sạn Pierre ghi lại: Gọi Callaway ở Los Angeles. Callaway là giám đốc hãng thám tử tư được Marc Lavater thuê điều tra bọn thợ ảnh của Yates và điều tra cả Yates

— Cimballi đây.

— Ted Callaway. Về con bé tóc đen ấy, anh cần chúng tôi gửi báo cáo bằng văn bản, hay nói những điểm chính ngay bây giờ?

— Cả hai thứ.

— Tên: Sharon Maria De Santis, sinh quán New York, hai mươi tuổi. Ly hôn, con gái lên ba. Còn bố mẹ. Bố làm ở bộ phận kỹ thuật sân bay La Guardia, cán bộ, không phải nhân viên thường. Đã học khá tốt về luật và báo chí. Bỏ việc sau khi lấy chồng, lại đi làm sau khi li dị. Được tòa cho giữ con, gửi nó chỗ bố mẹ ở gần công viên Kissena Park, tại Flushing. Làm phóng viên nhiếp ảnh theo hợp đồng cho Thời Báo New York trong mùa hè sau đó làm cho một hãng thông tấn, được cử sang Nam Mỹ, ở Argentina và nhất là Brazil. Nói được tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Gặp Yates ở Rio, làm cho hắn. Đầu năm nay trở về New York kiếm việc làm. Thất bại.

Nổi lại, hoặc do Yates tìm nổi lại, đưa vào làm tại hãng thông tấn của hẳn ngày 20 tháng tư. Sang Amsterdam ngày 6 tháng năm.

— Chồng cũ thế nào?

— Không có gì đặc biệt. Bác sĩ nội khoa ở ngôi làng tên là Lodi phía bắc bang New York. Đã tái giá, đúc lại một thằng con trai. Không liên hệ với Sharon.

— Với Yates?

— Có lẽ đã ngủ với nhau nhưng không thường xuyên. Cô nàng vẫn tự lập.

— Với Horst?

— Không nắm được.

— Gì nữa?

— Đây là những điểm chính, vẫn tiếp tục theo dõi cô nàng?

Tôi do dự, không biết vì sao. Trước sau mới gặp cô này có hai lần, trong vài phút. Chỉ là một trong những thợ ảnh luân phiên nhau săn đuổi tôi, và lại cô ta ít xuất hiện hơn những tên khác mà tôi đã nhắm mắt.

— Thôi, tạm ngưng. Chuyển sang dò mối liên hệ giữa Yates và Horst.

— Tôi không nắm được gì mấy về tên Horst.

— Hỏi Lavater sẽ biết.

Đúng thế, một toán thám tử tư khác của tôi đã nhận phần đeo bám Horst. Thật rối rắm quá thế.

Tôi gác máy. Hôm sau nhảy lên chuyến bay đầu tiên sang Châu Âu.

Ute Jenssen đã một thời làm người mẫu, nên có thói quen đi đâu cũng đội ba tập Bách Khoa Từ Điển Anh Quốc trên đầu, luôn mồm nhai cà rốt sống đựng trong bịch thường đeo lưng lửng ở cổ chẳng khác gì con ngựa kéo xe nhai cỏ.

— Anh Franzy thương yêu, em đã nghĩ là anh không yêu em nữa. Gặp lại anh sau những tháng dài dằng dặc chung sống với gã Thổ nhầy nhụa, em thật sung sướng.

Gã Thổ nhầy nhựa tức tối:

— Cô ta gọi anh là Franzy đấy thôi.

— Cô ấy thì được. Cậu thì không.

Họ vẫn ở ngôi biệt thự Hampstead tại London. Trong vườn càng có thêm nhiều pho tượng khiêu dâm làm nghẹt thở, mọi người phục dịch từ đầu bếp trưởng, người nấu ăn cho các cô báo vụ telex đều là những cô ả tuyệt đẹp trần trụi như sự thật. Chắc chắn những người đến giao hàng, giao bưu kiện bảo đảm phải đánh nhau giành quyền được tới đây. Các cỗ máy telex vẫn ở nguyên chỗ cũ trên lầu một. Nhờ chúng gã Thổ thỏa mãn được thú mê đánh cá ngựa trên khắp thế giới, cùng mặt trời đuổi theo các cuộc đua ngựa, từ cuộc đua đường dài ở Vincennes sang cuộc đua tốc độ ở Sarotoga đến cuộc đua vượt chướng ngại ở San Diego, ở Tokyo hoặc ở Australia.

— Bây giờ còn tìm được cách tham gia cá độ tập thể ở Moscou, trên trường đua phố Begovaia. Anh biết chỗ đó không?

Hắn là không.

— Được lời sáu mươi tư rúp, Franzy. Chỉ phiền một nỗi là phải sang tận nơi mới tiêu được.

— Đừng gọi mình là Franzy.

Gã mỉm cười thân mật, cặp mắt đen một mí viền lông mi thật dài trông càng có dáng phụ nữ hơn bao giờ hết. Theo thói quen xưa nay, gã mặc toàn đồ lụa óng ánh, sơmi và quần may phồng, đi ủng kiểu cosaque nhỏ nhắn bằng da đen, sọ cạo trọc lốc nhưng để bộ ria rậm rì. Nhìn gã là tôi đủ bức mình, nhiều khi tôi nghĩ bụng: “Thằng cha này chẳng từ cái gì mà không dám làm”, ấy vậy mà vẫn có thiện cảm với gã. Mặt khác, các nhà tài chính cổ điển thường hay khất lần nên bao giờ cũng làm tôi chán ngán, còn gã thì cho cái cách tôi điều hành công việc là bình thường. Những người như gã không nhiều.

Tôi thuyết minh cho Ute và gã Thổ về dự án quần vợt trên trời. “Anh định cho chúng tôi tham gia?” - “Ừ. cùng góp vốn”. Họ hỏi tại sao tôi cần đến họ, ở New York này đã có Adriano Letta và équipe vững vàng của Rosen nắm vụ này trong tay rồi. Tôi đáp: “Khi có một ý hay phải khai thác

ngay lập tức càng nhanh càng tốt, từ lúc nó bắt đầu lộ ra trước công chúng. Và lại tôi định không dừng lại ở New York. Vâng, tất nhiên ở cả các thành phố lớn của Hoa Kỳ nữa, mà cũng không phải chỉ ở đây. Còn Canada... và Châu Âu. Và Nhật. Và Hong Kong.

Ute đã ra sân bay London đón tôi, tuy trời tháng mười ở London khá lạnh, cô nàng chỉ khoác chiếc áo mưa vải nhựa đen, bận chiếc quần lụa đen bó sát và chiếc áo dệt kim ngắn tay đỏ rực in dòng chữ trắng: “Hãy Sống Khỏa Thân”. Cô đã cởi bỏ áo mưa nhưng vẫn thấy nóng quá nên cởi luôn chiếc áo dệt. Đôi vú vẫn đẹp tuyệt vời. Cô ngẫm nghĩ rồi tuyên bố:

— Với em thế là tốt, Franzy. Rất thích là khác. Nhất là nếu được anh Thổ nhầy nhựa giúp một tay.

Ba bốn năm trước, khi tuyển cô nàng làm nhân viên rao bán các đồ dùng vật vãnh made in Hong Kong của tôi, thoát tiên tôi chỉ cho cô là một ả chào hàng có sức quyến rũ khách mua nhờ chiếc áo ngực rất rộng do đó cô có thể bán cho khách bất cứ thứ gì. Một sự đánh giá sai lầm: Với một tốc độ chóng mặt cô Đan Mạch khổng lồ đã dựng lên mạng lưới bán hàng rộng khắp các hòn đảo Anh Quốc, các nước Scandinavie, đã góp phần rất lớn vào thành công của tôi hồi đó. Chắc cô nàng sẽ làm lại được thành tích này.

— Em hoàn toàn có thể làm lại như cũ, anh thân yêu.

Gã Thổ càng không do dự lâu. Hẳn là một con bạc, bao giờ cũng quyết định rất nhanh: “Nếu nhận lời, cô Ute và tôi sẽ góp hai phần riêng rẽ vào công ty do chúng ta thành lập”. Tôi chấp thuận: Về việc thành lập công ty đó, họ cứ trực tiếp hoặc cử người được ủy quyền của họ gặp Rosen, anh này đã được tôi chỉ dẫn đầy đủ.

Ute bốc ngay, cô nàng đã tưởng tượng mình cho thuê mái Viện Trocadéro ở Paris, sân thượng của lâu đài nào đó bên Đan Mạch (chắc không phải lâu đài của Hamlet ở Elsenaur), cả quảng trường Saint Pierre ở Roma, các chiều chủ nhật khi Giáo Hoàng đã đi tắm biển. Cô ôm hôn tôi: “Người anh căng như sợi dây vĩ cầm rồi, Franzy. Anh có muốn làm tình với em cho dịu thần kinh không? Anh chàng Thổ đang có mặt ở đây sẽ ngồi đọc chuyện một lúc”. Tôi đáp: “Không, cảm ơn, tôi sắp bay”. Cô tiễn tôi ra sân bay Heathrow, lại ôm hôn tôi lần nữa, son môi thơm phức mùi dâu tây.

— Cảm ơn Franzy đã nghĩ đến chúng em.

Không thấy gã Thổ và cô ta đã động đến Catherine và thằng nhóc của tôi. Tôi biết rõ không phải vì họ quên. Còn tồi tệ hơn: Họ biết có sự trực trặc, và nhìn rõ hơn tôi điều sắp xảy ra.

Tôi đang bộ ở Paris cùng Catherine. Tôi nắm lấy tay cô, cô không cưỡng lại nhưng chỉ trong nháy mắt cô tạo cố phải sắp xếp lại đồ đạc trong túi xách để rút tay ra, rồi dùng cả hai tay ôm chặt xách vào người. Thế là không đụng vào cô được nữa.

Tôi phải đến tìm cô ở đại lộ Ségur, nơi cô đến ở đã được hai tuần sau khi từ Thượng Loire về. Thoạt đầu, cái kiểu cô ấy chạy từ nhà người thân thuộc này sang nhà kia như người chạy tìm nơi trú mưa giữa cơn giông, hết tìm sự che chở của mẹ đẻ, của bố dượng đến của ông bà ngoại, chú bác, cô dì và ai ai nữa chỉ chúa trời mới biết đã làm tôi tức điên lên. Sau đó tôi bình tĩnh lại được. Nổi cáu không phải là cách giải quyết. Tôi rủ đi ăn tối ở tiệm Maxim, ở Tháp Bạc, ở tiệm Lasserre, tiệm Taillevent. Không. Chỉ lắc đầu. Hay ta đến một chỗ không quá sang, thân mật hơn. Cũng không. Dù sao chúng mình cũng phải đến chỗ nào ăn tối chứ. Cô đáp: Không đói. Từ đại lộ Ségur, chúng tôi chỉ đi đến quảng trường Champ De Mars thì tôi dừng xe. “Ta xuống đi bộ nhé!”. Cô chẳng ừ, cũng chẳng không, vẫn chỉ hơi nhếch mép, vẻ xa xăm như cách tôi mấy triệu năm ánh sáng. Nhưng cũng chịu xuống xe, đi bên tôi.

— Catherine.

Không đáp, cũng chẳng buồn quay đầu lại. Nếu như tôi đứng lại, chắc hẳn cô vẫn tiếp tục đi một mình.

— Anh xin em, Catherine.

Tôi năn nì, nói rằng đã cố hết mình tìm hiểu điều gì đã xảy ra, có chúa chứng giám cho tôi là đã thực sự cố gắng hết sức. Để thấy hết lỗi lầm. Tôi biết rõ mình phạm nhiều lỗi lầm. Mấy tuần nay không lúc nào không nghĩ đến tội.

— Catherine, tối nay anh thấy mình cô đơn ghê gớm.

Nhưng biết làm sao được? Chả lẽ vứt bỏ hết công việc, chui về ở trong nhà bố mẹ họ hàng cô, những người hình như vẫn coi tôi là khách lạ, hơi khùng tuy may mắn là có nhiều tiền. Có nhiều tiền vì đã phát rất nhanh trong một thời gian kỷ lục, điều mà theo tiêu chuẩn Pháp rõ ràng là dấu hiệu chứng tỏ tôi là một tên gian manh, không đáng tin cậy, nghĩa là một tên bịp.

— Anh nói quá lời.

Đi đến chân tháp Eiffel lúc nào không hay. Quay trở lại nơi để xe. Đúng, tôi có nói quá. Thật ra, vì tôi không có thói quen sống trong gia đình, chưa bao giờ sống thế. Sự tình là như vậy, đâu phải lỗi tại tôi. Về phía cô, cũng nên thử tìm hiểu về công việc tôi làm, với những chuyến đi bắt buộc, không dứt. Chắc sau này thời gian sẽ làm dịu tất cả những cái đó. Nhưng bây giờ còn quá sớm để nghĩ đến.

— Catherine ạ, anh có nhiều điều phiền muộn. Thế mà em lại chọn đúng lúc này.

Về đến xe đúng lúc những hạt mưa đầu tiên trút xuống. Chúng tôi lên xe. Cô muốn đi về phía nào? Cô không biết. Tôi cũng thế. Rất máy móc, tôi nổ máy cho xe lăn bánh.

Mãi cô mới hỏi:

— Cái gì khiến anh phiền muộn?

— Murtin Yahl.

Quảng trường Ngôi Sao với cuộc chạy đua như điên dưới mưa, giờ cao điểm. Tôi bỗng nhớ lại cuộc dạo chơi sóng đôi trong thời gian xen giữa những giờ nóng bỏng của trận đánh cuối cùng với Martin Yahl. Bữa ấy tôi chỉ dừng chân Paris được vài giờ, cùng đi với Catherine trên những con đường quê xung quanh Senlis. Vào tháng năm. Tôi vẫn còn nhớ như in từng phút của mấy giờ hôm đó. Còn cô? Có nhớ, mãi cô mới đáp về miễn cưỡng! Cô cũng còn nhớ. Bỗng nhiên cô òa khóc, tôi cuống lên không biết làm gì, nói gì được, ngồi trong xe ngó những cái gạt nước vô tình đưa qua đưa lại, giữa luồng xe chật cứng chuyển động như điên khiến tôi không có cách nào dừng lại được.

— Catherine.

Rồi sẽ qua thôi...

Cô ngồi khóc thầm không ra tiếng. Tôi rời con đường vòng đã lái vào từ lúc nào không biết, lao lên xa lộ mà không biết để đi đâu. Đi trong im lặng. Định tìm câu gì để nói mà không tìm được. Có lẽ thực ra, vì tôi sợ khi lên tiếng sẽ phá vỡ sự cân bằng hình như vừa thiết lập được.

Đành phải mở cuốn hướng dẫn đi đường ra xem. Tôi rời xa lộ ở chỗ cách Paris một trăm kilômètres, bắt vào con đường rừng chạy tới gần La Fère en Tardenois, thì đến một khách sạn nhỏ. Tuy đã gần mười giờ đêm, họ vẫn vui lòng dọn cho ăn, mà còn mang lên tận phòng trọ cho nữa. Khách sạn là một ngôi nhà rất đẹp từ bốn trăm năm nay, giữa vườn cây đầm đìa nước mưa. Người ta nhóm lò sưởi trong phòng, tạo nên khung cảnh góp phần xua tan nỗi bối rối của tôi. Rồi bắt đầu thao thao, tôi kể các câu chuyện về gã Océee Séminole tung hứng con thằn lằn hoang thú giống như Donald O'Connor tung hứng người mẫu của anh ta trong phim Ta Hát Dưới Mưa; về dự án Sân Thú và những ý đồ nông cuồng của bộ ba Li, Liu và tôi; kể cả những buổi lần mò gõ từng cánh cửa New York để dạm bán những giờ tennis trên mái gara.

Trong đôi mắt vàng óng lại lấp lánh ánh lửa, tựa hồ cô ta đang từ từ tỉnh cơn mộng mị. Lần đầu tiên từ khi đến đón cô ở đại lộ Ségur đến giờ, thực tế là từ nhiều tháng nay mới lại thấy cô nhìn tôi thực sự. Và dịu dàng lắc đầu: “Chắc anh chẳng bao giờ đổi tính đổi nết”.

Đó không phải một lời trách, và lại cô còn mỉm cười nữa. làm cổ tôi nghẹn lại:

— Anh cũng sợ sẽ như thế thật.

Một thoáng quang mây, và tôi tin sẽ tới những ngày đẹp trời hơn. Tôi thực lòng tin như thế.

Sáu bảy tháng trước đây tôi đã chuộc lại ngôi nhà ở phố Pompe, nhà bố mẹ tôi đã từng cư ngụ. Khi bố tôi qua đời, những kẻ được ủy thác gia tài

thừa kế, tức Martin Yahl và bác tôi đã bán đi, viện cố tình hình do người quá cố để lại đòi hỏi phải lập tức phát mại tất cả của cải.

Tôi không giữ lại được kỷ niệm nào về ngôi nhà này. Vì lần cuối cùng về đây ở tôi còn rất bé, mới lên bảy. Hơn nữa những người mua hoặc thuê nhà nối tiếp nhau sau đó đã sửa đi khá nhiều. Nên bây giờ không nhận ra một thứ gì ngoài chiếc thang máy đáng lẽ phải vào viện bảo tàng. Nhìn về mặt Catherine cũng thấy quang cảnh nơi đây chỉ gợi cho cô nguồn cảm hứng rất vừa phải.

— Dù nhớ đến tay nhà họa sĩ trang trí khủng nhất Paris?

— Cũng thế thôi.

Tuy nhiên tôi vẫn còn trong tay một con bài khác. Françoise Lavater vốn là người mê săn lùng nhà như một số người mê tập đi bộ đã mách tôi một ngôi nhà đáng đến xem ở đại lộ Henri Martin. Gần như một dinh thự biệt lập, đúng là như thế nếu trên lầu ba, lầu cao nhất, không có căn hộ của bà chủ nhà rút lên đây như vị chúa lâu đài bị vây hãm rút vào cố thủ trong tháp vọng lâu. Đến nơi chúng tôi giáp mặt - tương đối thôi - với một bà lão nhỏ nhắn cao độ một mét mười hai, gương đôi mắt nghiêm khắc nhìn soi mói. Nếu tôi không thắt cravate chắc sẽ bị bà coi là đồ hippy. Rõ ràng thấy chúng tôi còn quá trẻ nên bà nghi ngại. “Mấy người có tiền trả bốn trăm triệu không?” Có lẽ bà nói giá theo franc cũ (tôi hy vọng thế) “Không trả đến bốn trăm đâu ạ, ba trăm thôi”. Đây là Catherine trả lời trong lúc tôi chưa kịp mở miệng. Sau đó là ba bốn chục phút mặc cả kịch liệt - nhẹ nhàng nhưng kịch liệt - giữa vợ tôi và bà già.

— Ba trăm bảy lăm.

— Hai trăm tám.

— Ba trăm năm chục.

Hai trăm chín chục, với điều kiện bà cụt để cả cho chúng tôi căn phòng phụ cho bà vú... Cứ như thế kéo dài mãi. Tôi không xen vào được câu nào, điều chưa bao giờ tôi chịu xưa nay. Chỉ sững sờ đứng nhìn Catherine, với cảm giác sung sướng đã tìm lại được cô, đơn giản hơn nữa đã khám phá ra cô.

Ra ngoài, tôi bảo:

— Mẹ kiếp, trò gì vậy? Anh mới là người cầm tay hòm chìa khóa trong gia đình chứ!

— Chỉ trả ba triệu cũng xong.

— Vấn đề không phải ở chỗ đó.

Họ ngừng cuộc mặc cả với mức ba trăm hai, nghĩa là ba triệu hai. Thế mà suýt nữa tôi nổi cáu. Cả hai đều phá lên cười. Thế là hay rồi. Những ngày sau, chúng tôi quần quýt bên nhau không lúc nào rời. Trong khi chờ bà lão một mét mười hai phân đầu hàng vô điều kiện, tôi thuê một căn hộ ở phố Raynouard và dọn đến luôn, trong nhà có sẵn đồ đạc.

Đáng lẽ tôi phải bay sang Hoa Kỳ rồi, họ đang đợi tôi. Rosen đã nhiều lần gọi tôi về chuyện quần vợt trên trời, Adriano Panatta đã lập nhiều kỳ công bằng đội quân chào hàng hùng hậu do anh tuyển mộ với sự tiếp tay của các người anh em Mỹ gốc Ý. Bản thân Rosen, qua trung gian một hãng quảng cáo được anh báo tin, đã chấp được một mối đây hứa hẹn với đài phát thanh, họ nhận sẽ vui lòng đỡ đầu toàn bộ công trình; đồng thời khá đông doanh nghiệp đã tỏ ra quan tâm, trước hết là các nhà sản xuất dụng cụ quần vợt. Tóm lại, công việc tiến triển hết sức thuận lợi. Tuy vẫn còn nhiều việc cần dứt điểm như việc xây dựng sân bãi. Tôi đã có ý định gọi cho gã Thổ ở London. Gã nhận lời sang Paris, đổ bộ vào khách sạn George V với cả bầy tì thiếp bận đồ dù chiến. Ute không đi cùng được. Đang ở Copenhagen với bố. Hay Stockholm cũng nên. Dù ở đâu hai bố con chắc đang du ngoạn trên các mái nhà Scandinaves, thước gập trên tay.

— Chỉ một mình anh cũng đủ. Tôi không đến nỗi khó tính.

Tôi trình bày ý định dựng một sân quần vợt hoàn chỉnh: Phủ nền, lưới, cọc, rào... tốn khoảng hai mươi một nghìn đôla, chưa có mái. Đó là giá trung bình xác định được qua hỏi giá độ nửa tá chủ hãng xây cất khác nhau. Tất nhiên nếu không chỉ dựng có một mà hàng trăm, thậm chí hàng ngàn sân thì giá có thể hạ hơn.

— Vẫn theo tôi chứ, chàng Thổ?

— Theo từng bước chân.

— Bây giờ tính đến sàn lợp mái. Theo bọn của Rosen cho biết...

Tôi kê một lô con số dài dằng dặc. Rút cục gã Thổ chỉ ghi nhớ có một.

— Thu hồi vốn sau khoảng một năm. - Gã nhẩm tính.

— Đúng. Nhưng có thể còn nhanh hơn. Bằng cách tự ta xây cất sân. Chàng Thổ có thấy đây là áp phe có lời, ngay trong trường hợp ta thuê làm sân?

— Hình như thế.

— Cậu vẫn đi với mình chứ?

— Vẫn đi.

— Cả Ute nữa?

— Chân cẳng cô ta như thế, còn đi trước cả chúng mình ấy chứ.

— Nếu ta làm sân lấy, còn được lời hơn nhiều.

— Tôi hãi công việc chân tay lắm.

— Rosen đã lòng được một xí nghiệp rất thích hợp với ta: Một công ty chuyên xây cất bể bơi và sân quần vợt cho tư gia. Ta sẽ mua lại cổ phần của họ. Mua phần lớn.

— Công ty Mỹ?

— Ủ. Được phép làm ăn không những ở New York mà cả Los Angeles và Denver.

— Bao nhiêu?

— Chia đôi. Mình năm mươi mốt, Ute và cậu bốn chín. Cô cậu chia chác với nhau.

— Năm mươi năm mươi.

— Cậu tưởng mình chịu à? Ý của mình nghĩ ra.

Gã cười:

— Xong ngay. Phải bỏ ra bao nhiêu?

— Hai đơn vị.

— Hai triệu đôla?

— Không, trực thăng “quả chuối”. Chịu không?

— Nếu anh cho phép, tôi xin đến tận nơi xem sao đã. Với giá như vậy...”

Tôi nghĩ bụng: Gã sẽ làm thế. Hơn nữa tôi cũng mong gã sẽ làm thế cho. Gã càng nhập cuộc bên tôi, tôi càng chắc tay hơn, ít ra cũng trong áp phe quần vợt này. Gã Thổ tuy không đủ tài đối đầu trực diện với Maryin Yahl, nhưng có gã sau lưng mai thành lũy cũng thêm phần vững chãi. Tất

nhiên trừ phi gã đã đứng vào phe Yahl. Và phản bội tôi. Gã thuộc loại rất có thể làm chuyện đó.

Li và Liu từ San Francisco gọi điện. Nhất quyết muốn tôi cùng chia cuộc cười như điên của họ. Báo tin: Đang dàn dựng những cảnh kỹ xảo đặc biệt cho Săn Thú. Đại khái đã cùng các chuyên viên kỹ thuật hoàn tất những dàn tinh tinh máy rất kỳ diệu biết nghe răng gào huba huba và khi những quái vật cao hai mét rưỡi đâm vào ngực, thiên hạ sẽ nghe tiếng đàn định mệnh của Beethoven^[19] gõ cửa.

— Gọi anh không phải vì những cái đó. Mà vì bọn Tarzan.

Tôi vẫn nhớ việc liên quan đến các chàng Tarzan. “Các” là số nhiều. Tôi hỏi:

— Tại sao phải có nhiều Tarzan thế? Độ bao nhiêu?

— Khoảng ba trăm. Và cũng chừng ấy cô Jane. Nhiều Jane hơn Tarzan nữa kia, các ả đều bận quần xà lỏn bé tẹo bằng da hổ.

Châu Phi làm quái gì có hổ, nhưng thôi cho qua.

— Thì sao?

— Ba trăm chàng Tarzan cộng bốn trăm nàng Jane, vị chi bảy trăm mống. Cộng thêm số đóng thay nữa thành một ngàn. Tốt nhất là tuyển diễn viên chuyên nghiệp đang thất nghiệp cả đám. Nhưng diễn viên chuyên nghiệp có nghiệp đoàn của họ...

Hai thằng điên ở đầu dây đằng kia cười sặc sụa, không nói tiếp được.

— Thì sao?

— Nghiệp đoàn đặt điều kiện: Mười tám phẩy sáu phần trăm số Tarzan và Jane của ta phải là người da đen.

8

Chúng tôi tậu ngôi nhà trên đại lộ Henri Martin. Tự Catherine chọn thuê một họa sĩ trang trí, tuy là dân Nhật chính hiệu, nhưng anh ta lại muốn biến đổi nơi đây thành phong cảnh xứ Normand thật điển hình. Điển hình qua con mắt Nhật Bản. Anh ta đưa cho xem những bức vẽ làm tôi mơ màng, chỉ thiếu có đàn bò cái trong gian đại sảnh. Tôi hỏi: “Liệu chúng tôi có cần xén thảm trải sàn mỗi tuần không?” Họa sĩ nước Mặt Trời Mọc nhìn tôi từ đầu xuống chân với vẻ khinh bỉ tột cùng. Còn Catherine thì thích thú như hóa dại: “Anh này, chúng mình sẽ có ngôi nhà điên nhất Paris!” Nói thế còn là ít, tôi đã thấy lạnh hết sống lưng.

Trong những ngày cuối tháng mười tiếp sau lần dần hòa tôi tin là bền lâu này, Catherine tỏ ra khác hẳn trước. Niềm vui của cô rất bùng bột, đồng thời cũng biểu lộ một sự phấn khích khiến tôi đôi lúc thấy lo ngại, sự phấn khích hơi quá mức của người muốn tự hủy hoại. Không lúc nào ở nguyên chỗ, tối nào cũng lúi lúi đi, hết xem một vở tuồng làm tôi gà gât, lại đi dự những cuộc hòa nhạc làm tôi ngủ khì, liên tục dự lễ khánh thành phòng tranh, tiệc rượu, tiệc mặn... Tôi chỉ đặc biệt ghi nhận một điều tuy trong lúc này không thật quan trọng nhưng cũng khiến tôi hài lòng: Cô tỏ ra muốn lánh xa các người thân thích họ hàng, trừ bà mẹ lâu lâu mới đến, ngoài ra không thấy mặt nào trong vô số các ông cậu, các bà dì, các anh chị em họ và đồng minh của họ kéo đến, tuy từ khi quen cô ấy tôi vẫn phải thường xuyên đối đầu với đội quân đông đúc ấy.

— Em giận họ sao?

— Anh nghĩ hay nhỉ! Đờn nào! Đờn giản chỉ là, vì em là vợ anh rồi.

Tôi thấy hình như thế thật. Tuy rất khó hiểu: Mới cách đây có hai tuần, tôi không hề tồn tại đối với cô ấy, khi tôi nói cô ấy như chẳng nghe thấy gì.

Nhưng chẳng cố tìm hiểu làm gì. Mẹ cô rất có lý khi giải thích thái độ của con bà là do tuổi trẻ, do sinh nở, do cách ăn ở của tôi, luôn chân nhảy

từ máy bay này sang máy bay kia, nối liền áp phe này với áp phe nọ, lúc nào cũng hối hả sôi sục. Không, không thử tìm hiểu làm gì, điều cốt yếu là vợ tôi, con tôi đang chung sống với tôi, tôi đang hoàn toàn hạnh phúc, tuy phi lý đấy, nhưng thật sự thấy hạnh phúc. Chú Marc Andrea lúc này đã được năm tháng, càng ngày càng khiến tôi phục lẫn, mẹ chú dành cho chú một tình yêu gần như man rợ, trong đó tôi cũng có phần.

Dĩ nhiên việc kinh doanh của tôi vì thế mà sa sút đáng kể. Hơn thế nữa. Thực tình đây là lần đầu tiên sau nhiều năm, từ khi bắt đầu nhập cuộc, tôi bị chao đảo. Nghĩ là định làm theo lời Marc Lavater đã khuyên: Bẻ gãy lòng với của cải đã kiếm được. Nào có ít ỏi gì? Tôi có đủ để sống hai trăm năm mà không chút lo lắng về vật chất, tội gì cứ rượt đuổi mãi?

Vũ khúc đi vào nhịp đậm chân tại chỗ. Tôi đã nhiều lần khước từ lời đề nghị của Rosen, Li và Liu, của Lupino và của Philip Vadenberg liên tiếp hỏi bao giờ tôi đến New York, đến Hoa Kỳ. Ngay gã Thổ cũng lấy làm lạ. Gã đã sang New York ở mấy ngày lo vụ quần vợt trên trời.

— Ngày Franzy, tôi thấy hình như anh phó mặc mọi việc cho tôi thì phải.

— Thì đã sao? Tôi đã phải nghĩ ra kế hoạch, mà kế hoạch ấy tốt đấy chứ?

— Điều ấy đúng! - Gã Thổ thừa nhận - Gã Letta của anh tuy nói tiếng Anh như dân cosaque, nhưng cũng thu được kết quả cực kỳ: Hẳn đã rủ được hai nghìn khách và đang làm hơn thế, hơn rất nhiều.

Căn cứ tình hình này chỉ vài tháng nữa có thể dựng xong và khánh thành một trăm năm chục câu lạc bộ quần vợt trên trời, tức độ xuýt xoát một trăm sân.

— Khoái không, Franzy?

Khoái. Trừ việc gã gọi tôi là Franzy. Càng khoái hơn về sự tiến triển của công việc ở các bang khác ngoài New York. Theo đúng chỉ dẫn của tôi, Rosen và Adriano Letta đồng loạt tiến công ở Chicago, Boston, Philadelphia, Washington, Baltimore, nhớ không xuể. Cả bên Châu Âu. Nàng khổng lồ Ute được hỗ trợ về luật lệ của Lavater và cố vấn riêng của cô đã ký với bốn công ty siêu thị lớn để được quyền sử dụng mái nhà của

họ, cả bãi đậu xe những ngày siêu thị đóng cửa (trừ những bãi dưới hầm, hoặc trần quá thấp).

Cả bên Nhật. Lúc đầu tôi định sử dụng Hyatt, vẫn còn ở Hong Kong. Nhưng anh chàng này không có nước rút cần thiết. Tôi sức nhớ đến Li và Liu, hai gã không thỏa mãn với số lãi kiếm được nhờ sản xuất loại phim hoành tráng mà còn hợp tác sản xuất loại phim nhiều tập cho truyền hình Nhật, phim hoạt hình với nhân vật chính là những hiệp sĩ vũ trụ lên là gì gì Rak hoặc gì gì Tor, được trình chiếu trên màn ảnh nhỏ toàn thế giới. Nhân tiện xin nói luôn: Chính vì thế nên không đáng ngạc nhiên khi hai chú Tàu gàn có đủ sức góp một góc tỉ đôla cho dự án Săn Thú. Thấy tôi hỏi, Li và Liu không chậm trễ tìm ra ngay người tôi đang cần, người có khả năng khuấy động phong trào quần vợt trên trời Thiên Hoàng. Ute nhảy ngay sang Tokyo gặp anh ta, đánh giá anh ta khá, rất khá (không hiểu cô ả đã kiểm tra anh ta về môn nào).

— Franzy, đồ anh biết đàn ông Nhật khác đàn ông Thổ ở cái gì?

— Khỏi cần nói, đời tư của cô không liên quan đến tôi, cô bé khốn khổ ạ.

— Đàn ông Nhật có hai mắt giống nhau. Nhất là mắt bên trái.

Ute hoàn toàn vui sướng trước chiều hướng phát triển của tình hình, nó làm cô ả nhớ lại những ngày vinh quang cô bán các đồ dùng vật vĩnh từng xẻng một.

Ute cũng như Letta đều dùng kỹ thuật do tôi phát minh và đã ghi âm tại trận: Xác định sân bãi trên thực địa, tìm hiểu xem có cho thuê được không; sau đó lượng định số khách hàng có thể có trong bán kính vài trăm mét (trong thành phố lớn, con số này có thể tới hàng chục ngàn người). Trên cơ sở đó đề ra hai thể thức: Hoặc là khách hàng trở thành hội viên câu lạc bộ do chúng tôi thành lập, đóng hội phí và tiền nhập hội, hoặc trở thành chủ sở hữu, không phải của sân bãi và các công trình lắp đặt trên đó, mà của một số giờ nhất định (có thể mua cho suốt đời, hoặc trong một năm, mười, hai mươi năm, thậm chí trong thời gian cư ngụ tại một thành phố nào đó - dân Mỹ thường đổi chỗ ở xoành xoạch). Đó là thể thức mua quyền sở hữu có

thời hạn, như kiểu mua nhà nghỉ ở vùng núi trong mười lăm ngày nghỉ lễ Giáng Sinh.

Cần lưu ý: Trong chiến dịch quần vợt này tuy tôi có đầu tư nhưng hoàn toàn có thể không cần bỏ ra một xu. Mà tất nhiên vẫn thu lãi về, đó là điều hiển nhiên. Nhưng như thế sẽ mất nhiều thì giờ. Thì giờ ấy phải dành cho nhiều việc khác.

Tay họa sĩ trang trí Nhật Bản - Normand bắt đầu công cuộc biến ngôi nhà trên đại lộ Henri Martin thành vườn tược, đồng ruộng. Anh ta tuyên bố sẽ hoàn tất vào dịp Noel, chắc chắn vào trung tuần tháng giêng. Trong khi chờ đợi Catherine bắt đầu tiếp khách tại phố Raynouard, trong ngôi nhà vốn là dinh cơ một nhà đạo diễn điện ảnh đang đi đâu không biết để quay nốt cuộc phiêu lưu của tên siêu gián điệp. Tôi để cô ấy muốn làm gì thì làm, trong lúc ngày tháng nối tiếp trôi qua thấm thoát đã hết tháng mười và nửa tháng mười một. Lupino đi cùng vợ đến Paris gặp tôi báo cáo sự tiến triển của dự án Săn Thú. Bọn Texas lao hết tốc độ, việc nghiên cứu trên thực địa được đẩy mạnh đáng kể; tuy chưa lập tiến độ thi công nhưng khoảng cuối tháng giêng sẽ xúc những xẻng đất đầu tiên. Đúng như dự định, những công trình chính sẽ được khởi công trong chưa đến một năm.

— Đây là công trường lớn nhất Hoa Kỳ sau đập Hoover.

Anh ta thuyết trình về các market do Li và Liu thực hiện và anh đã tận mắt xem nhân dịp tới San Francisco. Tả cho tôi nghe cái mấy anh Tàu gọi là khu dành riêng cho săn bắn, tên gọi được ghi trong dự án.

— Cần mượn những dân chuyên nghiệp để lo chuyện này. Những người hướng dẫn săn bắn thứ thiệt...

Tôi chợt nhớ đến anh bạn Joachim ngày xưa, người đã gọi cho tôi phần lớn những ý đồ trong dự án Săn Thú tuy anh ta không ngờ. Gọi được anh ta ở Mombasa thật vô cùng gian khổ nhưng cuối cùng tôi cũng liên lạc được. Tôi đề nghị cử anh vào chức cố vấn kỹ thuật. Anh vốn là chuyên viên kỳ cựu về súng đạn dùng trong săn bắn và trong chiến trận và đã tổ chức nhiều

cuộc săn bắn bên Kenya. Tuy anh ta một mực từ chối nhưng tôi thừa biết tình cảnh anh ta hiện giờ không bóng bẩy gì.

— Tôi nói tiếng Anh không rành.

— Sang Florida sẽ luyện thêm.

— Tôi chẳng quen biết ai bên ấy.

— Sẽ có một người bạn rất thân với mình, người Séminole tên là Ocoee, rất ăn ý với cậu...

Mãi anh mới chấp thuận. Gọi được cho Joachim là do tôi nhờ một người bạn cũ khác, một nhà buôn Ấn Độ tên là Chandra cũng ở Mombasa giúp đỡ. Đây là người đã mua giúp chiếc đồng hồ của tôi đúng lúc tôi đặt chân lên xứ sở Kenya trong túi không có một xu. Nhờ số tiền bán đồng hồ mà tôi sống sót, hơn nữa còn có vốn thực hiện cuộc áp phe đầu tiên. Sau đó anh ta nối tiếp nghề cho thuê xe hơi do tôi khởi xướng và trở nên giàu sụ, tôi yêu cầu anh ta đặt Joachim vào máy bay và lo liệu chu tất cho anh ta mọi thứ. Tôi gửi hai chục ngàn đôla phí tổn. Chandra hứa: Chậm nhất ngày 5 tháng mười hai Joachim sẽ có mặt ở khách sạn Palm Beach, dù có phải dùng đến bạo lực cùng đành. Chandra bảo: “Anh nghĩ đến hẳn thật là quý hóa. Hẳn không gặp may. Đã già đi nhiều, nếu không có khoản lợi tức anh bạn tôi cấp thì hẳn có thể đã chết đói từ lâu”. Cimballi con người hảo tâm.

Lupino vẫn thản nhiên kể cho tôi nghe hàng đồng con số: Khi Săn Thú bắt đầu hoạt động có thể sẽ sử dụng độ mười mười lăm ngàn người. Lúc này con số ấy không làm tôi phấn khởi. Đến nỗi vị luật sư không khỏi trở mặt ngạc nhiên nhìn tôi:

— Không ổn sao, Franz?

— Trái hẳn thế.

Hơn nữa từ khi tôi hạ xuống sân bay Roissy để đến đại lộ Ségur tìm Catherine và gần như giằng cô ấy ra khỏi họ hàng thân thích, đến nay đã nhiều tuần trôi qua. Mà từ đấy đến giờ bọn thợ ảnh vẫn săn đuổi tôi đột nhiên biến mất hết, như có phép lạ. Dù bọn chúng vẫn bám theo dấu vết của tôi, chắc hẳn tôi cũng không nhận biết.

Marc Lavater nói: “Có khi chúng đã chán trò săn đuổi ngu ngốc ấy rồi. Tôi muốn ám chỉ Yates và bọn tài trợ hăn bất kể bọn nào.”

— Anh nghĩ thế sao?

Marc ngẫm nghĩ, nhún vai:

— Khó tin được như thế!

Trong số các người gần gũi và làm việc cho tôi chỉ một mình anh được biết cặn kẽ tất cả mọi chuyện làm ăn của tôi. Buôn bạc, săn thú, quần vợt, từng vụ đầu tư nhà đất một, và các chuyện khác. Chính Françoise, vợ anh đã tìm giúp ngôi nhà ở Henri Martin. Anh bảo tôi:

— Tôi đã kiểm điểm kỹ từng vụ đến từng chi tiết, thử tìm xem có điều gì sơ hở mà Martin Yahl hoặc bất cứ tên nào muốn gây rắc rối nghiêm trọng cho anh có thể lợi dụng để diệt anh. Hoặc thử tìm cách hại anh với kết quả đáng kể.

— Anh thấy được gì?

Bản thân tôi cũng đã nhiều lần phân tích điều này.

— Chẳng thấy có gì. Có lẽ chỉ trừ... - Anh lường lự - Vụ cà phê đang triển khai.

Tôi mỉm cười:

— Những cái đầu lớn gặp nhau.

— Thế ra anh cũng nghĩ đến rồi. Đã hành động gì chưa?

— Hành động thế nào?

— Đến tại chỗ. Không có cách nào khác đâu.

Lại phải rời xa Paris, xa Catherine và chú Marc Andrea. Im lặng. Lúc này chúng tôi đang ở trong ngôi nhà phố Raynouard. Thời tiết Paris rất tuyệt tuy đã là mùa 10 tháng mười một. Điện thoại reo: Bạn bè Catherine nhắc lại lời cô hứa sẽ cùng với tôi đưa họ đi tới Dombes săn cái quái quỷ gì đó, tôi thấy kệ. Tiếp đó họ còn dặn tôi đừng quên thỏa thuận cùng nhau đi tắm nắng đông bên Ma Rốc. Dặn nhắc Catherine khi nào về phải gọi ngay cho họ. Tôi không quên chứ? Quên sao được. Tôi gác máy.

— Đến đâu. Marc?

— Tôi đặt mình vào địa vị Yahl hoặc Horst. Tôi nghĩ cách đánh bẫy anh thử xem. Và nghĩ đến khoản cà phê. Họ có thể gian lận trên thị trường cà

phê ở hai nơi: Tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường giá cả.

— Cả hai trường hợp đều không dễ.

— Không dễ, đúng vậy.

Lại im lặng.

— Ai sẽ đi đến tận nơi, Marc? Anh chứ?

Ngay sau đó tôi đoán chắc anh ta hiểu lầm câu hỏi, cho rằng tôi hàm ý nghi ngờ. Anh thản nhiên đáp:

— Hẳn không phải là tôi. Tôi đi phỏng có ích gì. Những tin tức tôi mang về liệu có giá trị gì? Không ai lại cử đi lên trước làm nhiệm vụ phát hiện ổ phức kích của đối thủ, một người nghi là tay sai của chúng.

— Tôi có định nói thế đâu, Marc.

Nhưng việc đã lỡ rồi, tôi biết vậy. Muốn nói gì làm gì cũng thế thôi. Điều tệ hại nhất là anh ta hoàn toàn có lý, không phải ở chỗ cho rằng tôi nghi anh, mà ở chỗ: Tôi phải hết sức thận trọng. Tôi phải hoặc từ bỏ vị trí trên thị trường cà phê nhiều bất trắc hoặc phải nắm thật chắc tình hình. Trước hết ở chỗ các nhà sản xuất.

Sau khi từ cuộc săn ngó ngẩn ở vùng Dombes trở về, cuộc săn trong đó tôi ra sức bắn trượt tất cả những thứ người ta chỉ cho tôi bắn, tôi báo cho Catherine biết sự cấp thiết của chuyến đi sắp tới. Tôi nói: “Nhưng anh muốn em cùng đi. Mình đã dự tính cùng đi Marrakech, bây giờ chỉ đi quá xuống phía Nam một ít, thế thôi”. Ở đây ánh nắng tràn trề. Tôi chuẩn bị tinh thần đón một cơn lôi đình, một trận hờn dỗi, những lời trách móc, chẳng thiếu thứ gì, nhưng không ngờ lại gặp vẻ mặt tỉnh bơ. Cô bảo có hai lý do khiến cô không thể cùng đi: Thứ nhất là chú Marc Andrea, không muốn để chú bé ở lại, nhưng cũng không thể bắt chú chịu đựng sự thay đổi khí hậu quá đột ngột. Hai là cô sẽ làm tôi vương vãi, vì bị chậm lại. Cô thừa biết khi tôi chạy công việc tôi thường chạy với tốc độ chóng mặt.

Thành ra ngày 18 tháng mười một chỉ có một mình tôi bay sang Châu Phi xích đạo, cụ thể là sang Uganda.

9

Gã ở Mombasa bên Kenya tên là Chandra. Bên Uganda, ở Kampala cũng tên như thế nhưng không phải gã ấy, gã này là em họ gã kia.

— Anh tôi đã nói nhiều với tôi về anh.

Không phải tôi tự ấn định ngày lên đường là 18 tháng mười một. Khi gọi Chandra 1 ở Mombasa hỏi xem anh ta có quen biết ai, anh ta giới thiệu Chandra 2. Cũng sắp sang Kampala về chuyện làm ăn. Vậy sao không cùng đi với anh ta?

— Anh tôi khen ngợi anh hết lời. Phần lớn của cải hiện có là nhờ tay anh gây dựng.

Chandra 2 là người Ấn Độ ở Uganda. Bị trục xuất cùng với hàng ngàn đồng hương hồi 1972, khi chính quyền Uganda quyết định đuổi khỏi đất nước những người Châu Á nắm độc quyền thương mại và công nghiệp.

— Tuy chính thức tá túc ở Toronto nhưng tôi trở lại đây luôn. Rất đều đặn là khác. Ở đây có nhiều việc để làm ăn mặc dầu tất cả những chuyện đang diễn ra. Tôi có nhiều bạn, kể cả trong đám quan to.

Chúng tôi hẹn gặp nhau ở sân bay Entebbe, anh ta từ Nairobi sang, tôi từ Paris tới. Cùng nhau dễ dàng lọt qua vòng kiểm soát của hải quan và cảnh sát dưới cặp mắt gườm gườm của bọn nhà binh. Chandra giảng giải: Bọn này không phải người Uganda thứ thiệt mà là dân Anyanya, bộ lạc trên lý thuyết theo Thiên Chúa Giáo gốc

ở Nam Soudan hiện là nòng cốt vững chắc của quân đội. Tôi nhìn xung quanh với con mắt tò mò không hoàn toàn thanh thản. Mới cách đây không lâu, hồi tháng bảy 1976 một đội biệt kích Israel đã dùng vũ lực loại lại hành khách trên chuyến bay của hãng hàng không Pháp bị người Palestine cưỡng chiếm, vết đạn vẫn còn rõ. Tim tôi thót lại: Tại sao tôi dẫn xác tới đây. Chắc Chandra đoán biết tâm trạng lo lắng của tôi, anh mỉm cười: “Không xảy ra chuyện gì đâu ông Cimbali, tôi tin chắc như vậy - ”Gọi tôi là

Franz“. Qua các trạm soát, ra đến ngoài. Trời không nóng bức lắm như đã dự kiến, chắc vì độ cao một nghìn ba trăm mét và hơi ẩm từ hồ Victoria cạnh đây thổi vào. Sau một lúc trà trộn trong đám người da trắng hình như là người Liên Xô, chúng tôi được một chàng da đen lịch sự thắt cravate tới đón. Anh ta đối xử với Chandra như anh em. Tên là Yusuf Mwamba, một quan chức cỡ bự ở Bộ Công Nghiệp. “Sắp lên bộ trưởng đấy, xứng đáng lắm”...

“Còn về việc của anh, xin báo một tin rất mừng: Đáp lại yêu cầu của anh muốn tiếp xúc với những người phụ trách việc sản xuất và xuất khẩu cà phê của Uganda, tôi giới thiệu anh bạn Yusuf, đây là nhân vật mạnh nhất trong lĩnh vực này...”.

(Tôi nghĩ bụng: Không biết tình bạn mùi mẫn này che đậy những mánh mung gì. Và tự hỏi: Không biết tôi sẽ mất độ bao nhiêu tiền lót tay).

“... Trong lĩnh vực này. Chỉ thua kém có một người. Tin mừng lớn nhất đây: Anh sẽ được hội kiến ngài Thống Chế”.

Thiên hạ đầu cơ cà phê cũng như họ đầu cơ các mặt hàng khác. Nghĩa là thế nào? Ồ, rất đơn giản: Nghĩa là bạn có thể mua cà phê từ trước mùa hái quả - mỗi năm chỉ có một vụ hái, nên mọi giao dịch mua bán cà phê của năm nay được tiến hành từ năm ngoái. Nếu để sau khi thu hái mới mua thì chẳng còn tác dụng gì, vì lúc ấy mọi người đều đã biết sản lượng, biết nhu cầu và do đó mà biết rõ giá cả rồi. Có thể vớ bẫm cũng có thể sạt nghiệp vì cho đến ngày cuối cùng vẫn chưa biết sản lượng vụ thu hoạch lời đích xác là bao nhiêu. Giá cả trên thị trường tất nhiên còn bị ảnh hưởng của các hoạt động kinh doanh tiền tệ thuần túy nhưng ta có thể nói đơn giản như thế này: Nói chung cà phê tăng giá nếu cung không đủ cầu và giảm nếu trúng vụ. Vì thế, người mua hoặc bán cà phê đều dựa vào dự đoán giá cả thị trường sẽ tăng hoặc giảm, họ có thể thu lãi lớn mà cũng có thể lỗ to. Mặt khác, cần nhớ rằng các nước sản xuất cà phê phần lớn đều không phải là những hình mẫu về sự ổn định chính trị, nên khả năng bất trắc càng có nhiều. Thị trường này đòi hỏi phải có thần kinh thật vững. Một thị trường đầy rẫy hiểm họa, tôi đã biết thế từ lâu.

Yếu tố then chốt lại là nạn băng giá. Cần biết rằng cây cà phê bị đóng băng ở 0 độ C; khi đã bị chỉ còn nước nhổ lên và đem làm củi; những cây dặm lại phải sau bốn năm mới cho quả. Như thế có nghĩa là nếu trong năm xảy ra băng giá thì trên thị trường của năm ấy và của cả ba năm tiếp theo giá cà phê sẽ bị ảnh hưởng lớn.

Chắc bạn đặt câu hỏi: Cà phê chủ yếu được trồng ở các nước nhiệt đới khả năng bị băng giá rất ít, có thể nói là không có? Không phải thế. Vì cây cà phê chỉ chịu được độ nóng vừa phải thôi nên các nhà sản xuất thường trồng trên các cao nguyên bên Mỹ La Tinh, Brazil, Colombia, Mexico. Cứ mỗi trăm ký được đưa ra thị trường thì có gần một nửa xuất xứ từ Brazil, Colombia và Mexico.

Mua bán cà phê chủ yếu theo phương thức mua chịu bán chịu có thời hạn. Mỗi khu vực trên thế giới lại chuyên doanh một loại cà phê nhất định. Thị trường New York kinh doanh loại Arabica trồng nhiều ở Trung và Nam Mỹ. Mỗi hợp đồng tối thiểu mười bảy tấn, đơn giá tính theo livre. Ký hợp đồng qua trung gian những người môi giới, họ buộc phải ký quỹ mười phần trăm; ngoài ra nếu cần thì hàng ngày còn phải nộp bổ sung cho đủ tỉ lệ tiền ký quỹ, đáp ứng sự trượt giá, được gọi là những “đòi hỏi bên lề”, margin calls. Cổ điển.

Với cà phê Robusta cũng vậy, loại này được trồng nhiều ở Bờ Biển Ngà, Angola, Uganda, ít hơn một chút ở Cameroun, Zaïre, Madagascar, Kenya, Tanzanie.v.v... Tiêu thụ trên thị trường London, Hamburg, Rotterdam và Le Havre. Hợp đồng tối thiểu là năm tấn, đơn giá tính theo tấn.

Tôi nhảy vào thị trường cà phê trên cơ sở hai dữ kiện mà tôi đã và vẫn cho là rất quan trọng. Nhiều hứa hẹn sinh lợi. Thứ nhất là thông tin do Rosen cung cấp hồi tháng ba vừa rồi. Theo anh, Brazil và Colombia có thể sắp thành lập một thứ OPEP về cà phê, giống như tổ chức các nước sản xuất dầu mỏ và cũng nhằm mục đích ổn định giá, thậm chí còn làm tăng giá cà phê. Thông tin này rất chính xác: OPEP cà phê đã ra đời.

Thứ hai: Tình hình chính trị các nước sản xuất cà phê hàng đầu. Nước thì thực hiện thuyết “cách mạng không ngừng”, nước thì bị nội chiến chia sẻ như Angola, nước thì nằm dưới quyền những nhân vật có trình độ khoa

học kinh tế và tài chính chưa hết chiếc đĩa bốn lỗ vòng, còn thừa khối chỗ cho âm nhạc. Đó là trường hợp Uganda, nước này muốn xuất khẩu phải phụ thuộc một cách thảm hại vào con đường huyết mạch (đường bộ và đường sắt) chạy qua lãnh thổ Nairobi, Kenya ra Ấn Độ Dương. Nhưng giữa Kenya và ngài Thống chế - Tổng Thống - Bác sĩ - Giáo sư.v.v... đang có nhiều trục trặc. Nairobi đòi phải trả tiền quá cảnh mỗi thứ hàng hóa của Uganda sang Mombasa bằng ngoại tệ chuyển đổi. Uganda trả đũa: Cắt dòng điện vẫn cung cấp lâu nay cho Kenya (điện từ nhà máy trên đập Jin Ja được xây dựng ở nơi nước hồ Victoria đổ vào sông Nil). Kenya đáp lại bằng cách rút ra khỏi cộng đồng kinh tế Kenya - Uganda - Tanzanie.

Thêm vào đó là tình hình mất an ninh trên lãnh thổ Uganda và việc ngài Thống Chế - Tổng Thống quyết định tăng giá cà phê.

Các yếu tố đó đưa đến hậu quả: Việc xuất khẩu cà phê của Uganda gặp khó khăn lớn. Nếu tôi ở địa vị Martin Yahl, tình hình trên đây nhất định sẽ làm tôi chú ý và tìm cách gài bẫy Cimballi. Điều đó giải thích tại sao Marc Lavater và tôi đều cảm thấy nghi hoặc. Tôi bèn nghĩ cách kiểm tra xem Yahl có mưu mô gì không. Khi trao đổi với Marc về việc tôi sắp tiến hành, anh ta lập tức vừa nhướng lông mày vừa nhún vai. Kể ra, cũng có lý do thật. Nhưng xưa nay tôi có sợ ai khi trong đầu xảy ra những ý định kỳ cục.

Thực tế sự việc thật đáng tức cười. Chúng tôi đang đối mặt nhau, nếu có thể nói như thế, ông ta cao cần hai mét, nặng một tạ tư, tôi thấp hơn ba tấc, nhẹ hơn tám yến thịt. Trước đó tôi hình dung ông mặc bộ đồ Thống Chế kiểu Offenbach, nhưng không, ông chỉ mặc quần tây áo sơmi như mọi người. Ông ngồi sau bàn giấy, nhưng không mời tôi ngồi xuống, cứ để tôi phải đứng. Cùng đi với tôi có Chandra 2 và Mwamba, trong phòng còn có hai người nữa trong đó có một người tôi tin chắc là dân Palestine (Chandra 2 có tiết lộ với tôi rằng phần lớn vệ sĩ của Thống Chế là người Palestine, điều này làm tôi luôn nơm nớp).

— Anh đã từng sang Kenya?

— Ở Nairobi và nhất là ở Mumhasa.

Tay ông ta xoắn chặt chiếc thước sắt rồi lại nói ra.

— Tôi cũng có ở bên đó, cách đây ít nhất đã hai chục năm. Đã thịt nhiều tên Mau Mau và bọn ăn trộm gia súc.

Rồi ông ta thuật lại cách đối xử với những kẻ lọt vào tay ông khi ông chỉ huy một đơn vị của người Anh giao cho ông. Đủ mọi chi tiết kinh người. Nếu ý đồ của ông ta là làm tôi chết khiếp thì rõ ràng ông đã đạt được mục đích, không nghi ngờ gì nữa. Tôi đã cảm thấy hoàn toàn bối rối. Ông ta bỗng cười phá lên:

— Anh đang lo hả?

Tôi đáp: Ông gây ấn tượng thật mạnh. Xem ra đó là câu trả lời thích hợp. Ông ta tỏ vẻ hài lòng, chuyển hướng câu chuyện hỏi tôi có thạo nước Anh không. Có à? Thế ý kiến của tôi về nền độc lập của xứ Scotland thế nào? Tôi có biết ông ta sắp giúp người Scotland thoát khỏi tay chủ nghĩa đế quốc Anh không? Cả người Ireland nữa. Và người xứ Wales nữa. Tôi định hỏi: Thế người Jersey và Guernesey thì sao. Không được gì à? Nhưng tôi im lặng. Đây không phải lúc tỏ ra mình ranh ma.

— Anh quan tâm đến cà phê hử? Tại sao?

— Tại vì tôi đã bán một số cà phê hiện chưa có trong tay, và phải nhiều tháng sau mới giao hàng. Độ tháng chín tới.

(Thực ra, tôi đã nói trái hẳn với việc tôi đã làm, vì tôi mua vào chứ không bán ra. Nhưng lúc này tôi đang sắm vai Yahl).

— Anh bán cho ai vậy?

Bọn chủ lò rang, không phải bọn Anh mà Thụy Sĩ (tôi hy vọng ông ta không kinh bọn Thụy Sĩ). Nếu sang tháng chín vừa vặn khi đến kỳ hạn phải giao hàng theo hợp đồng đã ký, giá cà phê hạ xuống, tôi sẽ mua vào để hôm sau sẽ bán ra, có thể bán ra ngay trong ngày cũng nên, nhưng không bán theo giá tháng chín mà theo giá ghi trong hợp đồng ký trước đó một năm.

— Anh bao nhiêu tuổi?

Tôi nói tuổi. Im lặng. Ông ta vẫn nghịch chiếc thước sắt, tôi bỗng có cảm tưởng hết sức khó chịu: Nếu thích thú, ông ta có thể quật chiếc thước

này vào mặt tôi. Nhớ đến Dora Bloch, con tin trên chiếc máy bay ở Entebbe, bị mất tích không tìm ra dấu vết gì.

Sau đó mới đến câu hỏi tôi chờ đợi mãi và đã chuẩn bị sẵn câu đáp lại; tôi phải đi đến tận đây cũng vì nó: Chuyện buôn bán của tôi liên quan gì đến Uganda?

Đáp:

— Vì Uganda là một nước chính sản xuất cà phê trên thế giới. Nên có nhiều cà phê, có dự trữ trong kho nữa. Nếu trong mấy tháng nữa, trước khi tôi kết thúc hợp đồng riêng của tôi, bỗng nhiên số cà phê dự trữ của Uganda tràn ra thị trường thì giá cà phê sẽ hạ xuống rõ rệt.

— Và anh sẽ kiếm được nhiều tiền. Và sẵn sàng chia chác số lãi đó với người nào tiếp tay cho anh chứ gì?

Nhìn mắt ông ta tôi biết mình bắt đầu làm ông ta bức. Ông ta bật dậy, đi vòng chiếc bàn qua bên tôi sát sạt, gần chạm người tôi; tôi thấy mình chỉ là chiếc xuống vỏ cây bé tẹo bị con tàu sân bay vượt qua.

— Anh tên là Cimballi? Franz Cimballi phải không?

Tôi khúm núm xác nhận, thưa gửi Đức Ngài, thưa Tổng Thống, Thống Chế, Bác Sĩ Giáo Sư... thưa cả mớ, lung tung, lộn xộn, nhớ gì thưa nấy.

Ông ta trở lại chỗ ngồi. Thoạt đầu còn nói năng từ tốn giảng giải; Uganda là nước trong sạch, đã được ông ta, người con vĩ đại nhất từ trước tới nay của tổ quốc quét dọn sạch sẽ hết mọi rác rưởi, ông đã hiến dâng cả cuộc đời cho cuộc đấu tranh chống sa đọa tham nhũng và thói chạy theo lợi nhuận. Sau đó ông ta mỗi lúc mỗi lớn tiếng; tuyên bố thẳng thừng: Ông không có nhiều ý nghĩ tốt đẹp về tôi, sự căm giận của tôi là quá gối, nếu tôi là công dân Uganda thì nhất định sẽ bị lôi thôi to. Tuy ông ta không gầm lên để tổng cổ tôi ra cửa, nhưng cũng chẳng khác gì.

Tiếng tăm của tôi trong vùng bỗng sứt hẫng xuống. Yusuf Mwamba sức nhớ ra một cuộc gặp khẩn cấp. Chandra 2 bỏ qua những lời thiên hạ ca tụng tôi, lánh xa như thể tôi bị mắc bệnh truyền nhiễm. Bảo tôi: “Tốt hơn hết là ông nên nhảy lên chuyến bay đầu tiên rời khỏi đây”.

Ý kiến hay tuyệt!

Tôi đã ký quỹ ba triệu đôla tiền mua cà phê, bằng mười phần trăm tổng giá trị của hợp đồng. Tức là sẽ được mua ba mươi triệu đôla cà phê, một trăm ba lăm triệu franc Pháp, mười ba tỉ năm trăm triệu xu. Sẽ nhận hàng vào tháng chín tới.

Tôi ký hợp đồng với thị trường New York và London, mua Arabica và Robusta: Ở New York sáu chục phần trăm, London bốn chục. Theo lệ, tôi không đứng tên mà do bộ máy xưa nay vẫn hoạt động cho tôi: Công ty vô danh ở Panama. Công ty này là một bộ phận của công ty vô danh ở Curacao, và công ty Curacao này lại chỉ biết có ngân hàng của tôi ở Nassau.

Vẫn còn những rủi ro trên thị trường. Trong trường hợp khốn nạn nhất - giá cà phê sụt mạnh trong lúc tôi lại đặt cược vào sự lên giá - tôi vẫn chẳng cần nghĩ đến chuyện tự tử. Tôi sẽ mất đứt tiền đặt cọc là cái chắc, có thể mất thêm cả tiền bổ sung trượt giá nữa. Nghĩa là mưu của Yahl có thể làm tôi thiệt độ ba triệu, nhiều nhất cũng chỉ đến năm, sáu triệu đôla là cùng. Chẳng vui thú gì nhưng cũng chưa đến nỗi khánh kiệt. Nhưng liệu lão có mẹo gì? Vừa rồi sang Uganda, tôi đã hành động đúng như Martin Yahl hoặc tay chân của lão có thể làm. Tôi không xuất hiện với tư cách người đang cầu giá cà phê tăng, tuy thực sự tôi thuộc loại này, mà với tư cách người của phe đối địch. Ngỏ ý với Yusuf Mwamba, sau đó (điều đáng ngạc nhiên là chỗ này đây) với Thống Chế, Tổng Thống rằng tôi sẵn sàng chi tiền nếu họ làm giảm giá cà phê xuống trước tháng chín sắp tới. Kết quả thật đầy sức thuyết phục: Các vị Uganda đã tống tôi ra khỏi cửa không cần xét xử gì.

Đó chính là điều tôi mong ước. Nếu mai kia, lão Yahl, tên Horst hoặc một tên nào khác dẫn xác đến gạ gẫm họ như tôi đã làm, nhất định hắn ta cũng chịu chung số phận như tôi. Tôi yên tâm.

Marc Lavater đến tìm khi tôi vừa ở Châu Phi về. Tôi thuật lại buổi hội kiến với vị nguyên thủ Uganda. Anh nhận xét:

— Hơi liều!

— Ông ta cũng liều: Có thể lây cúm của tôi.

— Tôi biết anh đã ghé Bờ Biển Ngà trước khi về đây.

Khi rời Kampala tôi có tạt qua Abidjan thật. Vì trên thị trường cà phê thế giới Bờ Biển Ngà có vai trò rất lớn. Gặp bốn người đều là chuyên viên thực thụ trong sản xuất, xuất khẩu và định giá cà phê của xứ này trên thị trường thế giới. Với từng người tôi đều tán tỉnh như đã làm bên Uganda, tuy lời lẽ có thận trọng hơn. Ngụ ý tôi sẽ rất biết ơn những vị giúp tôi thực hiện một mảnh lớn về cà phê trong mấy tháng tới.

Tôi còn trắng trợn tỏ ra thực sự đốn mạt khi dư mỗi mấy trăm ngàn đôla, hứa sẽ trả công sự giúp đỡ ấy và sẽ kín đáo gửi tiền vào một tài khoản bên Thụy Sĩ hoặc bất cứ đâu. Hai người trong số họ xỉ vả tôi thậm tệ, chỉ có một người ửng thuận nhưng ngay sau đó đã cho thấy rõ anh ta không đủ sức thực hiện các tham vọng bất lương của mình, còn người thứ tư thì cười thẳng vào mũi tôi, coi tôi là thộn. “Bờ Biển Ngà không phải là Uganda. Mà muốn thực hiện mảnh của anh tưởng tượng ra, phải mua được cả Ngài Tổng Thống mới ăn thua. Tôi đến chết cười vì ông, ông Cimballi ạ”. Đến nỗi cuối cùng tôi phải thú thật, rằng tôi đang thử điều tra xem có một đòn ngầm nào đấy đang được chuẩn bị không. Anh ta cho biết: “Nếu có, cũng không phải ở đây”.

Tóm lại, thất bại hoàn toàn. Một thất bại làm tôi mừng không để đâu cho hết. Vì tôi đóng vai Yahl. Trong lúc đứng đợi hành lý, Marc bảo: “Đáng lẽ chả cần đi Abidjan. Bên ấy khác với Uganda. Nhưng thôi, đã lỡ rồi, anh đã làm họ phì cười, bọn ở Cocody ấy, nhưng cũng đã làm họ sinh nghi. Từ nay họ sẽ theo dõi chặt thị trường.”

— Cả bên Uganda cũng thế.

— Hẳn vậy. Anh gặp ai bên đó?

— Yusuf Mwamba.

— Đúng tên ấy. Tôi đã nghe nói về hẳn. Hẳn là con người của tình thế. Cà phê Uganda tức là hẳn không phải ai khác. Anh hồ rồi, vấn đề tế nhị thế

mà anh giải quyết quá vụng về như dẫm chân lên đĩa người ta.

— Dẫm lên chén thôi.

— Buồn cười quá, cười đau cả bụng.

Marc tủm tỉm cười với tôi, tôi mỉm cười với anh ta, tình bạn được khôi phục. Đúng lúc ấy, qua vai Lavater, tôi bỗng trông thấy ở cách xa mười mét, giữa đám đông người qua đường, đôi mắt đen láy của cô gái Amsterdam và San Francisco, đích thị cô Sharon Maria De Santis. Tôi buột miệng kêu lên trong khi cô ta bấm máy liên hồi. Marc quay lại:

— Nó đâu?

Không lẽ anh ta không nhìn thấy cô ả. Vô lý, và đáng bực mình, một mình cô ả nổi bật rõ mồn một, và lại cô buông máy quay lưng lại rồi bỏ đi, không quên tặng tôi nụ cười mỉa mai. Rồi biến trong đám đông.

— Mình chẳng nhìn thấy gì sất, Marc bướng bỉnh nhắc lại.

Rời xa Paris có bốn ngày vậy mà trong thời gian ngắn ngủi này giá rét mùa đông đã tới đóng đô xong xuôi. Điều này càng thấy rõ vì hệ thống sưởi ấm trong ngôi nhà phố Raynouard bị trục trặc, nói thẳng ra là nó đang thoi thóp nên các căn phòng mênh mông có cửa kính đồ sộ hướng ra mặt sông Seine, đều lạnh ngắt.

“Phải chuẩn khỏi đây thôi”.

Tôi mất ba bốn ngày mới thuyết phục được Catherine. Nhờ có sự trợ lực bất ngờ của ông bố dưỡng vợ lần đầu tiên tỏ ra được việc. Nhận chân cùng với bà mẹ Catherine quản lý trang trại bên Arizona - chỉ làm vì thôi nhưng ông tỏ ra rất coi trọng vai trò của mình - ông sẽ khoan khoái tận hưởng những ngày nắng ráo bên ấy, nhất là lại do tôi chi mọi tốn phí. Ông gợi ý: Nên đi đường qua Nassau. Sao lại không? Tôi nghĩ bụng. Bèn mở cuộc hội thảo cuối cùng với họa sĩ Nhật Bản trên đại lộ Henri Martin, cãi nhau sơ sơ: Anh ta đòi đặt trong phòng ăn một chiếc máng (đựng cỏ bằng chất dẻo)... “Hài hước lắm, rất ngộ nghĩnh!”. Anh ta giải thích với giọng nói lơ lớ giống hệt giọng Li và Liu khi bọn này làm trò hề. Tôi khẳng khái: Không đặt máng cỏ. Chẳng ”hài hước” thì dừng!

Ngày 2 tháng 12 chúng tôi rời Paris bay thẳng sang Bahamas. Chúng tôi nghĩa là: Catherine, Marc Andrea, bố mẹ vợ và tôi. Trong khi đại quân hạ trại ở khách sạn Britannia Beach, một mình tôi lên đi New York gặp Lupino kiểm điểm công việc bên Florida, gặp Rosen về chuyện cà phê (tôi giao cho anh ta trông coi việc này) và chuyện quần vợt, gặp Vandenberg về chuyện đầu cơ bạc.

Nhân các cuộc kiểm điểm này tôi soát xét lại toàn bộ các dữ kiện một lần nữa, lần thứ hai mươi, đặt mình vào địa vị Martin Yahl tìm cách diệt Franz Cimballi. Không phát hiện được gì, không thấy cạm bẫy ở chỗ nào. Trong tất cả các vụ: Bạc, làm ăn với bọn Tàu và bọn Texas, cà phê... Riêng

về khoản cà phê muốn chắc ăn hơn tôi định sẽ bổ sung chuyến đi Châu Phi vừa rồi bằng một chuyến đi Nam Mỹ, sang Brazil và Colombia là hai nước chính sản xuất cà phê để kiểm tra một lần nữa lời cam đoan của tất cả các chuyên viên Âu Mỹ đã tham khảo ý kiến. Mẹ kiếp, còn làm gì hơn được nữa?

Còn lúc này tôi tự cho phép mình tiếp tục nghỉ ngơi. Và nảy ra một ý hay hay. Dĩ nhiên tôi không thiếu nhà ở: Có biệt thự ở St. Tropez, ở Beverly Hills, trang trại bên Arizona, căn hộ ở khu Manhattan có lẽ sắp phải bán hoặc cho thuê vì không dùng đến, bây giờ lại thêm ngôi nhà hai tầng ở đại lộ Henri Martin tại Paris nữa. “Anh điên rồi đấy”, Marc bảo tôi thế, “phải đi khám bác sĩ tâm thần xem” - “Tôi sẽ mua luôn cả phòng khám của ông ta”. Được, tôi công nhận là có vẻ trẻ con, là thừa, và bác sĩ tâm thần có thể tìm ra trong đó một thói tật cầu kỳ về nhà ở chẳng hạn, nhưng thực tế là thế này: Tôi rất thèm mua hẳn cho tôi một hòn đảo.

Từ New York lại quay về Nassau. Catherine không thích New York. Nó làm cô ngợp, bấn thiêu, mới chập tối đã không dám đi dạo ngoài phố. Nếu sang Florida ở ít lâu có được không? Ừ thì Florida.

Bố mẹ vợ tôi bay về trang trại Arizona, chúng tôi đi máy bay của Flint về khách sạn Palm Beach. Nhưng không lưu lại đó, đi tham quan cảnh thế giới Disney ở Đông Nam Orlando, chỉ có độc một người đi theo là chị vú người Pháp trông coi ông con tôi. Ngẫu nhiên tôi điện giữ chỗ trước ở Hồ Buena; khối bê tông của khách sạn Contemporain không gợi cảm đối với tôi, Thiên đường người chơi golf cũng không hơn gì vì tôi không chơi golf. Càng không mê làng Polynésien, nơi chỉ có con đường sắt một rat là phương tiện đi lại.

Con tôi mới được sáu tháng, còn hơi bé để biết thưởng thức thế giới Mickey^[20]. Tôi có cảm tưởng mình thuộc vào loại những ông bố mua đoàn tàu chạy điện nói là để cho con nhưng thực ra để bố được chơi. Nên cuối cùng chỉ có tôi là vui như khướu cùng với Catherine nhớn nhợ khắp lâu đài

Lọ Lem, làng Pinocchio, thế giới của Peter Pan, của Merlin, của lũ mèo quý tộc...

Hassan Fezzali nhằm đúng lúc này để điện cho tôi.

— Anh đang ở đâu vậy, Franz?

— Ông đi vòng qua chú voi Dumbo, kính cần chào Nàng Bạch Tuyết là thấy tôi, không thể trật được. Còn ông?

— New York.

Lão ta nói tên một khách sạn lạ hoắc, ở đâu đó về phía phố 30, vẫn thói thường xưa nay của lão ta, chỉ trọ ở những khách sạn vừa phải tuy trong tay có đủ tiền mặt mua ngay một lúc cả mấy đại khách sạn Carlyle, Pierre, Waldorf.

— Anh vừa nói đến voi việc gì thế?

Đến lượt tôi phải giải thích: Đang ở trong thế giới Disney. Lão ta mĩa: “Rõ hợp với tuổi của anh!”.

— Một hai năm nữa nó mới hợp với tuổi ông. Thế gọi tôi để bàn công việc hay để chửi bới đấy?

— Có việc nhưng không nói qua điện thoại được.

Tôi nghĩ thật nhanh, cân nhắc xem có nên làm một chuyến tàu con thoi Orlando - New York trong ngày, trước bữa ăn tối không. Nhưng Fezzali đã nói tiếp: “Tôi sẽ nhảy sang chỗ anh, còn đủ thì giờ”.

Lão nhảy và ngay chiều hôm đó chúng tôi đã ngồi bên nhau đối diện những núi kem kinh khủng và mái vòm kiểu trường phái vị lai của tòa nhà Thế Giới Ngày Mai, bên tay phải là Tấm Thảm Kỳ Ảo rất hợp với buổi gặp mặt hôm nay. Fezzali mặc kiểu thường dân, nếu có thể nói được như thế. Nghĩa là: Một bộ đồ như mọi người vẫn mặc, nhưng thuộc loại rẻ tiền, hình như quần áo thuê thì phải. Với cái mũi vừa to vừa khoằm, trông lão giống vị tù trưởng Indien già vừa ở trường quay Hollywood bước ra. Lão tợp cốc kem, há mồm đầy phè hởi:

— Mới đây anh gọi điện cho tôi chắc để được yên tâm về một áp phe đang tiến hành chứ gì?

Khéo vờ vịt. Lão ta nhớ đến từng câu từng chữ ấy chứ! Cáo già thế. Hôm ấy tôi đã gọi cho lão về chuyện đầu cơ bạc. Và nói hết về tên Horst,

về sự thách đố của hắn.

— Thế sao, có gì mới?

— Mình thích cái của bọn Ý hơn, của bọn này không khoái bằng. (Tôi đoán lão ta nói về kem thì phải). Không, chẳng có gì mới. Tôi ăn suốt kem của anh nhá, nếu anh không dùng.

Tôi biết: Không nên thúc giục. Lão ta ngốn luôn vại kem của tôi cùng một kiểu như lúc ăn phần của mình, rồi thuôn mặt tiếc rẻ ngấm mặt bàn trống trơn, sau đó ngỏ ý “nhân thể tôi đã đến đây”, muốn tham quan thế giới kỳ ảo của Walt Disney. Thế là tôi đành dẫn lão ta làm lại cuộc hành trình tôi vừa đi hai hôm trước. Nhìn con quỷ Ả Rập du cư cao lớn xương xẩu đã ngoại lục tuần này trà trộn giữa đám trẻ con Mỹ, kể cũng ngộ thật. Nhưng mọi lời trêu chọc của tôi chẳng làm lão mảy may động lòng, vẫn giữ vững vẻ trang nghiêm oai vệ đi xem hết mọi chỗ, từ Con Tàu Bọn Hải Tặc đến chuyến bay của Peter Pan.

— Sẽ may cho ông một bộ đồ kiểu Mickey thật vừa vặn. Khách giả Beirut hoặc Cairo sẽ hoan hô kịch liệt.

Lại một châu kem nữa. “Của này dù sao cũng không đến nỗi tồi”. Mãi lão ta mới nói:

— Nào, ta bàn công việc, anh bạn trẻ. Tôi đang tìm người hợp tác làm ăn với tôi.

Đôi mắt sắc nhọn của chim săn mồi, dưới cặp lông mày sâu róm nhìn tôi chăm chăm.

— Thế nào anh bạn? Chịu chơi không?

— Món gì?

Lão ta sửa một tiếng ngắn gọn:

— Còn món gì khác? Dầu mỡ!

Ngày hôm đó tôi gọi Lavater ở Paris, sau nhiều ngày không liên lạc. Anh ta không đợi tôi giải thích nhiều:

— Biết rồi, Franz. Hassan đã gọi cho tôi từ hôm kia, trước khi nói chuyện với anh...

Quái nhỉ. Tại sao Marc không báo cho tôi ngay? Mới vừa tự hỏi thế tôi đã tìm ngay được câu trả lời: Marc muốn xem tôi còn tin cần anh ta đến

mức dám thông báo cho anh biết một áp phe mới đang còn ở giai đoạn phác thảo.

— Marc, lão có cho anh biết ý định của lão không?

— Có.

— Tất cả các chi tiết?

— Tất cả.

— Ý anh thế nào?

Rõ ràng Marc đã chuẩn bị sẵn câu trả lời: “Tôi hỏi ông ta liệu tôi có thể góp vốn vào áp phe đó không. Ông ta bảo: được, nếu anh cũng chịu chơi”.

— Anh định góp bao nhiêu?

— Bốn triệu franc.

Tức gần một triệu đôla, “Marc, cứ coi là một triệu đôla”. Theo tôi biết, đó là gần toàn bộ số vốn của Marc, không kể bất động sản. Và tôi hiểu ngay: Anh đưa hết tài sản riêng vào cuộc để chứng minh lòng thành của anh đối với tôi. Hoặc, cũng có thể đó là một cạm bẫy tinh vi anh ta nhân dịp này hợp lực với Hassan Fezzali để hại tôi. “Thôi đi Cimhalli, mày đa nghi đến loạn trí rồi đấy!” Tôi bảo Marc:

— Anh không cần bỏ chỗ tiền ấy vào.

Trong đôi lúc hiếm hoi bị xúc động, anh ta trở lại giọng lo lắng của người xứ Bourguignon. Như lúc này đây: “Tôi góp vốn vào vụ này vì thấy chắc ăn. Khi các chiến hữu tin cần của tôi như Hassan, như Franz cũng nhập cuộc”. Cười khê: “Vội lại, cũng mong kiếm món lãi to”.

Tôi gọi cho Marc từ một cabin điện thoại trên bờ con hồ nhỏ Buena. Màn đêm vừa phủ kín Florida, mọi ngọn đèn trong thế giới kỳ ảo đều bật sáng. Ngay trước mặt tôi chiếc tàu chạy guồng Nữ Hoàng Lilly phô đủ năm tầng thượng sáng choang với hai ống khói. Áp phe do Hassan Fezzali đến tận đây giới thiệu và Marc Lavater khuyến khích tôi chấp nhận bằng cách chính anh ta cũng hùn vào, là áp phe đầu cơ dầu ở trên thị trường tự do Rotterdam. Mà không phải chuyện mua bán bình thường. Fezzali cam kết sẽ mua được của các nhà sản xuất Iran với giá rất thấp không ai cạnh tranh nổi. Rồi đẩy một phần cho Israel, một phần cho Nam Phi là hai nước gặp nhiều khó khăn như ta đã biết trong việc tự họ trực tiếp giao dịch mua dầu.

Một áp phe rất lớn, Fezzali đưa ra con số vốn phải bỏ ra đến ba mươi triệu đôla, rủ tôi bỏ mười, lão ta lo chỗ còn lại.

— Franz, anh có đồng ý để tôi cùng tham gia không?

— Nếu anh thiết tha.

— Rất.

Còi tàu Nữ Hoàng Lilly nổi lên như để báo hiệu tàu rời bến.

— Đồng ý, Marc. Nào ta lên đường.

Tôi gác máy, đi qua bến lên tàu. Catherine đã cùng Hassan ngồi vào bàn trong một phòng ăn trên tàu, Boong Người Câu Cá, trên tầng hai. Tuy từ mấy tuần nay thần kinh cô vẫn bị căng thẳng nhưng lúc này cô gắng gượng tỏ vẻ vui tươi, hồn nhiên; cô kể: Trong lúc ngồi đợi tôi cô đã tranh luận với Hassan về thân phận người phụ nữ ở những nước Hồi Giáo. Cô hỏi: “Anh thấy thế nào?” Fezzali trân tráo nhìn thẳng mắt tôi; thẳng cha nửa Libanon nửa Ả Rập du cư nghiện kem này chắc hẳn biết tôi đang nghĩ gì, biết những băn khoăn của tôi về tâm địa lão, về vụ áp phe lão giới thiệu, về Marc Lavater, về nổi nghi hoặc không biết họ thực bụng hay phản trắc gì đây, và lão tỏ ra thích chí.

— Anh thấy thế nào? - Catherine có vẻ hơi chệnh choáng lại gặng tôi.

— Anh sẽ theo Đạo Hồi, sẽ được gọi là El Cimbali.

— Rồi tôi sẽ cùng đi La Mecca^[21]. - Fezzali nói - Tôi sẽ cho mượn cuốn Kinh Coran riêng của tôi.

Tôi ngắm những chiếc guồng của con tàu ở ngang bên kia cửa kính. Bỗng có cảm tưởng khó giải thích, hoàn toàn trực giác, rằng mình đang dẫn thân vào một cái gì đó rất hệ trọng, không biết là tốt hay xấu. Tôi nói: “Chúng ta có ba người trong áp phe này. Tôi chơi, nói đúng hơn là chúng ta cùng chơi. Trả lời dứt khoát cho ông”.

Lão ta gật đầu, mặt lạnh như tiền.

— Đói muốn chết. Phải ăn thêm vại kem, và dăm món tôm ốc ngêu sò.

Hôm sau lão ta ra đi. Đến phút cuối cùng vẫn còn nằng nặc đòi tham quan tiếp thế giới Disney, tôi đành phải trao tặng ngay cho lão chú chuột Mickey bằng nhựa dẻo thối phồng lên được. Thối sẵn. Mặt mày vẫn tỉnh bơ, lão ta trèo lên máy bay như trèo lên lưng con lạc đà của mình, ghì chặt Mickey trên ngực. Đúng là đứa con sa mạc không biết sợ lỗ bịch.

Chúng tôi, nghĩa là Catherine, Marc Andrea, chị vú và tôi trở về khách sạn Palm Beach. Bộ mặt quen thuộc đầu tiên bắt gặp trong đại sảnh là của Joachim vừa tới lúc sáng, thẳng một mạch từ Mombasa bay sang. Anh ta có vẻ hơi hoảng trước tình hình. Chandra đã sắm sửa cho anh đầy đủ từ đầu xuống chân.

— Trông cậu tuyệt đẹp.

Anh ta càu nhàu, cử động ỳ ạch, ngượng ngịu trước mặt Catherine, thấy bức bối không thoải mái, nguyện vọng duy nhất là mau chóng biến khỏi khách sạn xứ Florida xa lạ này chẳng giống chút nào với anh ta. Tôi nhớ lại cái ổ chuột ở Mombasa, thấy tấm ván thùng, đồ dùng chủ yếu là chiếc hòm sắt to đùng.

— Có mang theo hòm không?

Dĩ nhiên có mang theo. “Để lại bên ấy cho chúng nó lấy cắp à?”, anh ta còn mang theo cả bốn khẩu súng săn đang còn bị hải quan giữ lại.

— Để tôi lo. Họ sẽ trả lại cho anh.

Cả tượng Đức Thánh Bà Fatima anh vẫn quỳ dưới chân cầu nguyện mỗi đêm. Nhân lúc nói đến tôn giáo, anh rút túi ngực lấy ra một vật bọc trong miếng da hươu: Sợi dây chuyền có gắn huy hiệu.

— Cho con anh. Đeo lấy khước.

Huy hiệu bằng vàng. Một mặt khắc hình Đức Mẹ Fatima, mặt sau hình một người lạ.

— Ai đây?

— Eusebio, cầu thủ vĩ đại nhất trong lịch sử. Hơn cả Pelé.

Mặt anh ta vẫn nghiêm trang như mặt Giáo Hoàng. Tôi không dám cười, sợ anh giận. Nhưng vẫn thấy kỳ, ghép hình một cầu thủ bóng đá với hình Đức Mẹ Đồng Trinh Bồ Đào Nha!

— Huy hiệu đẹp quá! - Catherine tâm tặc.

Để chứng minh cô choàng ngay dây chuyền vào cổ Marc Andrea. Joachim khoái lắm. Chúng tôi cùng ăn tối, kể chuyện Kenya.

Ngày hôm sau tôi dẫn anh bạn Bồ Đào Nha kèm theo chiếc hòm nặng có đến ba trăm ký là ít - có chúa mới biết anh ta nhét những gì trong đó - đến chỗ gã Ocoee Seminole. Anh này lợi dụng ngay dịp tốt diễn lại màn xiếc với con cá sấu. Nhưng Joachim không sợ, anh ta còn định làm theo là khác. Thành ra hai chàng, đúng như tôi mong ước, rất nhanh chóng hợp nhau tuy nghe hiểu nhau còn thấy khó. “Nhưng tôi rất hài lòng” Joachim tuyên bố. Thấy thích cảnh Florida, thấy hợp với vùng Everglades. Anh nóng lòng muốn bắt tay ngay vào việc kiến lập khu dự trữ săn bắn.

Trong lúc chờ đưa gia đình đi Arizona vui lễ cuối năm, tôi dành trọn thì giờ hướng dẫn Joachim làm nhiệm vụ cổ vấn kỹ thuật và đưa Catherine đến thăm vùng Săn Thú. Tôi chỉ vắng mặt ở Florida có một bận độ ba bốn ngày, khoảng giữa tháng mười hai. Trên danh nghĩa là đi New York. Nhưng chỉ ở Manhattan có một chiều và một đêm, vừa đủ thời gian kiểm điểm công việc với các cổ vấn và với Adriano Letta. Các équipe chào hàng của anh ta làm ăn rất tốt, quả như vậy. Giải quyết mọi thủ tục trong việc Ute và gã Thổ tham gia xây cất sân Quần Vợt Trên Trời. Nói cách khác tình hình khả quan trên tất cả các mặt trận. Tôi lại nhảy lên máy bay của Flint, hướng: Nassau. Máy bay hạ cánh lúc mười giờ rưỡi sáng.

Lại đi tiếp ngay, bằng thủy phi cơ thuê do Flint lái, hướng Nam - Đông Nam. Quần đảo Antilles kéo một dãy dài những hòn đảo lớn bắt đầu là Cuba, rồi đến His Paniola một phần thuộc Haiti một phần thuộc cộng hòa Dominica, đến Portor Rico, các đảo Vierges, tận cùng bằng chuỗi đảo nhỏ hơn - Antilles thuộc Pháp và thuộc Anh - chạy thẳng hướng chính nam đến

sát đất liền Venezuela. Ở phía trước loạt đảo này là một dãy đảo khác kéo dài trên một nghìn kilometres, bao gồm hàng nghìn đảo, bãi đá ở ngay rìa vùng sâu của Đại Tây Dương. Dài nhất là quần đảo Bahamas, quá xuống phía Nam là quần đảo Cairo và Turks. Hòn đảo tôi định mua nằm gần chí tuyến Bắc, thuộc lãnh thổ Bahamas.

Flint nhìn vào bản đồ: “Không chắc đã tìm ra nó”. Anh ta cười và để biểu thị cơn cao hứng anh bèn trình diễn cho tôi thấy tính cơ động cao của chiếc máy bay: Lúc xà xuống sát mặt biển trong veo nhuộm màu san hô, lúc lướt trên ngọn các cây cọ, cây vang. Cuộc phiêu lưu này làm anh ta vô cùng thích thú, cả tôi cũng vậy. Nó có khía cạnh hòn đảo kho vàng làm tôi khoái trá thực sự. Flint gào to bài “My Bonny is over the Ocean”^[22], tôi hòa theo, cổ gào cho thật to hơn. Dưới cánh máy bay bên phải là vùng Watling, San Salvador, nơi in dấu bước chân đặt lên đất liền đầu tiên của Christophe Colomb. Bên trái là đảo dài với thị trấn nhỏ Deadman’s Cay, dịch ra thành Đảo Người Chết. Sặc mùi cướp biển, thổ phi. Càng bay quá xuống Nam càng nhiều đảo, bãi chi chít và càng hoang vắng.

“Kia rồi”.

Nhờ màu nước biển mà nhận ra nó: Phía Đông mặt biển màu xanh sẫm gần như màu đen (hải đồ ghi rõ độ sâu năm ngàn mét) phía Tây biển màu xanh nhạt gần ngả sang tím ở những quãng biển sâu có vài mét, đáy lộ bãi san hô vẽ nên những hình hoa văn sắc sỡ.

Đảo là chiếc ban công kỳ diệu một mặt hướng ra đại dương bát ngát, mặt kia nhìn vào vịnh Caraiibe phẳng lặng dịu hiền.

— Chắc chắn rồi. Đây là hòn Maria.

Các tấm ảnh của công ty bất động sản Nassau gửi cho tôi xác nhận chúng tôi đã tới đúng chỗ: Chiều dài chín kilometres, chỗ rộng nhất một ngàn tám trăm mét. Phía bên phải có khoảng đất nhô lên - không đáng gọi là núi, là gò đồi cũng không - mồm cao nhất chỉ hơn mặt biển khoảng năm chục mét. Có nhiều cây cối hơn tôi hình dung trước: Gụ, thông, bá hương, vang và dĩ nhiên rất nhiều cọ. Không một dấu hiệu có người, như đã biết từ trước và càng khẳng định sau hai lần Flint lướt qua ở cao độ rất thấp. Flint

hạ cánh, ngắt điện, để máy bay theo đà trôi nhẹ trên mặt biển. Sự im lặng nổ tung, làm choáng ngợp.

— Có thể vào gần bờ hơn nữa.

— Khỏi.

Tôi mặc áo tắm, bơi vài sải đã vào tới bờ cát trắng xóa. Đã gần hết năm, chỉ vài ngày nữa là lễ Giáng Sinh mà lại có nắng ấm trên vai, giữa hòn đảo hầu như không thay đổi từ trước khi đoàn thuyền buồm của Colomb lướt qua, cảm giác thật kỳ diệu xiết bao! Nhìn kỹ tấm bản đồ gửi kèm các bức ảnh tôi đoán chắc ngôi nhà phải ở quanh quần đảo đó mé tay phải, cách đây chừng vài ba trăm mét, dựa vào sườn mô đất đầy cây xanh. Nó ở đây thật, lấp kín dưới lùm cây tươi tốt, bị rừng xâm lấn. Như người ta đã miêu tả cho tôi, quả nhiên có một hàng hiên rất rộng vừa che chắn ngôi nhà vừa là nơi chủ nhân cũ của đảo, một cặp vợ chồng hưu trí người Anh đặt mấy chục chuồng chim. Cả hai người vốn rất yêu chim đã sắp xếp nhà ở sao cho tất cả mỗi loài chim thường và hiếm của vùng Caraibe đều có thể tự do vào xây tổ. Giờ đây, bốn năm sau khi cặp vợ chồng già không còn nữa, đám bè bạn có cánh của họ càng đông đúc trong những chiếc chuồng không cửa. Cứ ngỡ sẽ bị nghe tiếng ồn ào nhức óc nhưng không: Bầu không khí tuy tràn đầy tiếng chim gù nhưng nền âm thanh này sao mà thanh bình, êm ái, mê hồn, kỳ diệu đến thế.

Quả tình tôi thấy khó dứt ra khỏi nơi đây. Tôi đi xuống mé bên kia đảo, phía Đại Tây Dương. Đứng trên con đường mòn cũ ở độ cao mười lăm hai mươi mét là đủ phóng được ra xa đến vô tận và tôi bỗng thấy nghẹt thở: Một cõi hư không ngoài đại dương bát ngát. Nhìn xuống dưới còn thấy rõ bến tàu bên vụng nước sâu chưa thành hình hẳn: Một mẫu của con đê chắn sóng và một lán gỗ chờ đợi tôi đến thăm là đổ sập sau khi làm tròn bốn phận đến cùng. Cặp vợ chồng người Anh về ẩn dật trên đảo Maria có chiếc du thuyền hạng nặng vẫn đỗ ở bến này.

Tôi vào ngôi cạnh Flint trong chiếc thủy phi cơ. Bảo: “Chịu khó lượn thêm một vòng nữa nhé”. Chắc anh ta đọc được trên mặt tôi niềm xúc động đang trải qua nên anh im lặng chiều ý tôi, lượn một vòng thật chậm quanh đảo, êm ái đến mức gọi thành cảm giác khoái lạc.

Từ đó về đến Nassau không ai nói một câu nào.

Nhân viên hãng bất động sản trao giấy tờ cho tôi. Vì có những luật lệ hạn chế người nước ngoài nên tôi không mua đứt được hòn đảo, tuy vậy cũng ký được hợp đồng thuê hòn Maria trong chín mươi chín năm, với giá bốn trăm ba chục ngàn đôla, do chủ ngân hàng tôi trả ngay tức thì. Ngoài hai người đó và Flint, không ai biết được chuyện này, ngay cả Catherina tôi cũng chưa nói, để dành sự bất ngờ. Khoảng thời gian còn lại của ngày hôm ấy, tôi bàn với người phụ trách xây cất về những việc tu sửa cần thiết, không lớn lắm, ý định của tôi là giữ nguyên hiện trạng, chỉ sửa lặt vặt để tăng thêm tiện nghi thôi.

Bọn thợ ảnh, hai tên hiện ra trên sân bay Nassau, đúng lúc tôi sắp bước lên chiếc Gramman của Flint, chúng chụp lia lịa. Bất giác tôi làm một cử chỉ thô bạo thiếu suy xét: Giằng lấy máy ảnh của tên đến gần. Sắp quật xuống đất cho nát bét thì tôi dịu ngay lại. Chính đó là mục đích của cuộc săn đuổi rồ dại này: Dồn cho tôi kiệt quệ. Không cho chúng được hưởng niềm vui thấy tôi gục gã dù chỉ trong giây lát. Tôi trả máy cho tên thợ ảnh và bảo hắn: “Sau đây tôi sẽ lần lượt đến các nơi: New York, Palm Beach, Phoenix, Arizona”. Chẳng khác gì nói với chiếc bánh xe máy bay, tôi thấy hắn hình như không thêm để ý nghe, tiếp tục chụp tôi.

Ở thời điểm ấy tôi chưa ý thức được ngay, phải một thời gian sau tôi mới nhận ra rằng mọi sự việc, cuộc gặp gỡ, các tình tiết, quyết định và các chuyện bất ngờ đều ăn khớp với nhau tạo thành cái toàn thể. Ngay các nhân vật cũng vậy: Marc Lavater và Hassan Fezzali trong áp phe dầu mỏ, Lupino trong dự án Sân Thú bên Florida, Rosen trong Quần Vợt Trên Trời và cà phê, Philip Vandenberg trong áp phe bạc, cả Horst, cả Yahl gần như liệt giường, sắp chết đến nơi, bị “toán thám tử giỏi nhất thế giới” giám sát chặt. Và Catherine cùng với Marc Andrea ở Arizona.

Tất cả đều ở đúng chỗ.

Kể cả chiếc bẫy. Nó đã giương lên, nhưng có lẽ tôi chưa phát hiện được.

PHẦN III
NÚI RỪNG VÙNG SAN BERNARDINO

1

— Chỉ có hai khả năng, - Paul Hazzard nói - Một là ta rơi xuống cái hố rất sâu, hai là xuống sông Mississippi rồi.

Chiếc Ford mui trần mang biển số bang Texas của chúng tôi đang là đang chúi mũi xuống, nếu tôi không ghì chặt tay lái thì đã húc đầu vào kính chắn gió rồi. Paul mở cửa bước xuống xem, mới đi được hai mét đã bị sương mù nuốt chửng, mất tăm. Anh hiện ra, đến tựa cửa xe bên tôi.

— Chắc không rơi xuống sông. Không thấy có thuyền bè. Chắc xuống hố thôi. Nhưng sao có tiếng ùng ục rất lạ.

Anh ta cười phá lên.

— Chắc thế. Mình cũng buồn cười đến ngạt thở luôn. Nhưng còn phải làm gì nữa chứ, chỉ cười thôi à?

Cảnh tượng thật lạ lùng: Sương mù dày đặc đến nỗi chỉ trông thấy nửa trên người anh ta. “Cặp giò của anh đâu rồi?” Như cảnh quay kỹ xảo trong phim ấy! Anh ta bảo: “Nhấn còi”.

Tôi ngoan ngoãn bấm còi tuy thầm cho là vô ích: Ngoài hai mươi thước chẳng có ai nghe thấy. Hôm nay là ngày 10 tháng giêng, ở Louisiane, phía Tây Nam New Orleans, đại khái gần một thành phố nhỏ tên là Larose.

— Nữa.

— Hết điện mất.

— Còn hơn là ngồi trong xe hết đêm. Mà nó lại đang lún.

Quả thật độ nghiêng tăng thêm, nói theo ngôn ngữ hàng hải thì chiếc Ford càng lúc càng lật sang bên phải. Và tiếng ùng ục nghe rất rõ. Chúng tôi từ bang Texas kể cận sang đây. Paul Hazzard vừa mừng năm mới bên Arizona cùng với gia đình tôi. Anh đã góp phần đáng kể tạo không khí hội hè, nhưng tôi thấy ngay anh ta đến trang trại không phải chỉ để chén chú chén anh. Anh kéo tôi ra một chỗ thầm thì: “Có muốn làm wildcater với tôi không?” Tôi pha trò: “Đừng có rủ rê làm trò bậy bạ”. Thực ra tôi có biết

wildcater là cái quái gì đâu. Anh ta giảng giải: Dịch sát nghĩa là “người thu hoạch hoang dã”, tức là người tìm kiếm và khai thác dầu mỏ trong những khu vực không thuộc quyền các công ty lớn rồi bán lại cho họ, được thùng nào bán thùng ấy. ”Tại sao tôi trở thành wildcater? - Vì anh sẽ được vài triệu đô nhiều ít gì cũng được khoản lợi tức kha khá hàng tháng. Mà chẳng phải bỏ ra xu nào nếu anh không muốn”. Tôi lại hay chuộng những áp phe thu lãi nhiều mà không phải bỏ vốn.

— Bóp còi nữa. Từng tiếng ngắn thôi.

Tôi nhấn theo điệu bài “Đến với anh, hỡi gà mái thân thương”. Paul hể hả reo lên: “A, nghe biết liền: Marseillaise hử?” Vẫn giảng giải về dân wildcater, anh ta tiếp: Vấn đề chính không phải ở chỗ kiếm được vốn mà là kiếm ra dầu. Tôi cũng đoán biết được như vậy. Thế giải quyết vấn đề bằng cách nào? Ồ, dễ ợt: Thuê được tay chuyên viên thật cừ, kiếm ra cái mũi thính nhất, xác định thật chính xác nơi có dầu. Phương pháp cổ điển: Tuyển mộ một kỹ sư. Nhưng Paul biết có một tay còn giỏi hơn cả kỹ sư, một gã ở Louisiane “có cái mũi huyền thoại”.

— Tiếp tục chơi Marseillaise nữa, - Paul giục. - Nhưng phải nhảy xuống, xe đang lún sâu lắm.

Đừng hòng, tôi sẽ chìm cùng với con tàu. Dù sao, chính tôi đã thuê chiếc xe khốn kiếp này!

Tôi tiếp tục chơi dương cầm bài “Đến với anh, gà mái”. Đang nhấn còi thì ánh đèn pha bỗng chọc thủng màn sương, chiếc xe tải nhỏ hiện ra, một người xuống xe đến hỏi tôi nhiều thứ bằng tiếng Pháp, nhất là hỏi chúng tôi sao dám vào vườn ông ta mà bóp còi inh ỏi theo điệu Trên Cây Cầu Avignon thế này?

— Anh nói được tiếng Pháp chứ? - Thibodeaux hỏi tôi.

Tôi tin là được. Ông ta nói một câu gì đó, theo tôi hiểu, đó cũng có thể là tiếng Croate. Lẽ dĩ nhiên tôi không nhúc nhích.

— Anh hiểu tôi nói gì chứ?

— Không hiểu hết.

— Anh tin chắc là anh biết tiếng Pháp?

Tôi thanh minh: Theo tôi sở dĩ có khó khăn này là vì tôi sinh ra ở St. Tropez. Ông ta nói không biết St. Tropez ở đâu, chưa hề nghe nói đến. Ở miền Nam nước Pháp, một nơi heo hút, quê mùa, toàn những dân cù lằn nói thứ tiếng Pháp cổ lỗ không giống tiếng Paris, tất nhiên. Tôi nói tiếng Pháp St. Tropez còn ông ta có lẽ nói tiếng vùng Paris, hai người không hiểu được nhau là chuyện bình thường.

Phải nói thế vì sợ ông già tốt bụng này nhảy xổ vào tôi. Ông có đôi bàn tay to như cuốn danh bạ điện thoại, cao lớn như Paul Hazzard nhưng nặng cân hơn nhiều. Tuy đã bảy chục xuân xanh nhưng xem ra ông có thể cho tôi cái bạt tai văng ra tận giữa vịnh Mexico là ít. Vả lại, người có “cái mũi huyền thoại” Hazzard vừa nói tới lại chính là ông này.

Ông chăm chú nhìn mặt tôi rồi bất thành linh bật cười:

— Đúng là dân ba lớp chính hiệu!

Bằng tiếng Pháp gần như bình thường. Ông già chơi xỏ tôi!

— Ông cũng chả kém cạnh gì!

Ông ta chẳng lạ gì St. Tropez, đã nghe nói đến vùng ấy, nơi thiên hạ cời truồng đi trên bờ biển. Ông mời uống whisky đựng trong chiếc hũ nhỏ, chắc là rượu do ông tự nấu với danh nghĩa người nấu rượu lậu có môn bài. Tên là Thibodeaux trùng tên với thành phố gần đây, tên tục là Duke. Chúng tôi lần lượt tợp rượu và có lẽ rượu nặng làm tôi cảm thấy sương mù đang tan. Đã nhìn rõ ngôi nhà chúng tôi đang ngồi, nó to rộng hơn lúc nãy thoát nhìn; sau này đi xem kỹ mới biết: Bên trong nhà sang trọng cực kỳ, nhìn vẻ bên ngoài không thể ngờ tới. Chỗ chúng tôi ngồi là một hàng hiên rất mẫu, đặt chiếc ghế bành xích đu cũng rất mẫu. Thibodeaux ngồi trên chiếc ghế đó, đung đưa, hình ảnh sinh động của hạnh phúc hoàn toàn.

— Vùng này có cá sấu không?

— Một ít. Anh cần?

Bây giờ sương mù tan rất nhanh. Để lộ ra thửa vườn gợi nhớ những thửa vườn trong các đại khách sạn Florida. Chỉ khác một điều: Trong vườn có tiếng động không rõ là tiếng gì, nó giống tiếng hỗn hển của máy móc cơ khí. Paul Hazzard chắc nghe đã thạo, lên tiếng hỏi: “Ngày được mấy thùng?”.

Thibodeaux giơ bàn tay phải, cụp một ngón cái: Bốn. Paul: “Mỗi ngày thu nhập được một trăm, trăm hai chục đô la nhĩ!”

Ông già đặt hũ rượu xuống, ngồi thụt sâu vào ghế vớ chiếc đàn guimbarde bập nhẹ cái lưỡi thép với vẻ đĩnh ninh ông đang chơi đàn.

— Gần được.

— Các giếng khác?

Đàn nín bặt. Tay phải giơ lên: Năm giếng nữa. Đàn lại bập bùng. “Mỗi giếng ngày được mấy thùng?” ba thùng. Tổng cộng mười lăm thùng. Cộng bốn thùng của giếng thứ nhất, được mười chín. Thibodeaux lại phùng phùng ranh mãnh nhìn tôi. Ông già đúng là đang đóng phim một chút, nhưng không sao, tôi cũng thấy thích.

— Thấy rồi chứ, - Paul nói. - Đây là điều tôi muốn chỉ cho anh thấy, vì nó mà tôi lôi anh đến tận đây, ngoài những lý do khác. Những con số vừa nói hoàn toàn chính xác cả. Anh có thể kiểm chứng. Thibodeaux là một wildcater, cỡ nhỏ thôi...

— Có chú ý đến mọi sự khác nhau, - ông già bổ sung.

— Ông ta có sáu giếng, lấy được mỗi ngày mười chín thùng. Lãi ròng: Khoảng năm trăm đô mỗi ngày. Anh biết ông ta phải làm gì để thu được số lãi ấy không?

Đàn càng từng từng ầm ĩ hơn. Sương tan hết, bầu trời Louisiane đẹp vô cùng.

— Hoàn toàn “không phải làm gì”. Và không phải bỏ ra một xu.

Ở một nơi nào đó trên đất Pháp, ở Boulogne Billancourt, ở Colombey Deux Eglises hoặc Saint Quay Portrieux chẳng hạn, bạn có một mảnh vườn. Giả dụ bạn nảy ra ý tìm dầu mỏ trong vườn. Hơn nữa, giả dụ bạn tìm thấy nó. Lúc ấy bạn cũng đừng vội may sắm bộ cánh hoàng tử Ả Rập. Lòng đất là dinh cơ riêng của bạn không thuộc quyền sở hữu của bạn, vậy chỗ dầu dưới đó cũng không phải của bạn. Bên Hoa Kỳ thì khác. Bên ấy không những bạn có quyền khai thác toàn bộ số dầu nằm dưới hai luống cà chua

trong vườn nhà bạn, mà còn được phép tha hồ bán cho ai trả giá cao nhất. Hơn nữa, bạn chẳng cần có vườn riêng hoặc có một tấc đất nào cả, rồi bạn sẽ hiểu.

Ta hãy trở lại giả thiết ban nãy: Bạn có mảnh vườn, bạn cho rằng, có thể đúng có thể sai, bên dưới có túi dầu. Tất nhiên bạn nghĩ đến việc khoan một cái giếng. Mọi việc bắt đầu từ điểm này đây. Muốn khoan giếng phải có tiền, nhưng bạn không có. Đừng buồn vội. Trước hết phải thuê một hoặc nhiều chuyên viên đến khảo sát. Phải là những người được đào tạo trong nghề ở đại học Texas, đã có kinh nghiệm vài năm hành nghề ở ngay Texas hoặc ở California, Ả Rập Saudi chẳng hạn. Có nhiều chuyên viên cỡ đó, họ có thể đảm bảo phát hiện có dầu dưới gốc cà chua trong vườn bạn hoặc dưới bụi cỏ ngoài thảo nguyên với xác suất chừng sáu chục phần trăm. Dĩ nhiên bạn phải trả công cho các chuyên viên. Phải mua sắm vật liệu, dựng dàn khoan trong vườn nhà, tiền công thợ. Tổng cộng lại mọi khoản chi phí, bảo hiểm, mỗi giếng ngốn của bạn năm chục ngàn đô. Mỗi đô ăn bốn franc rưỡi vị chi thành hai trăm hai trăm ngàn franc, hai mươi ười hai triệu rưỡi xu.

Nhưng trong tay bạn ngay đồng xu đầu tiên cũng chẳng có.

Không sao.

Có một sự khác biệt nổi bật, đập vào mắt mọi người giữa hai cách quảng cáo của ngân hàng Pháp và ngân hàng Mỹ. Ngân hàng Pháp đồng dặc tuyên bố: “Hãy mang tiền của quý khách gửi cho chúng tôi“. Ngân hàng Mỹ: “Nếu quý khách cần đến một triệu đôla xin mời tới gặp chúng tôi” (If you need a million dollars, come to see us).

Số 50.000 đôla bạn đang cần, bạn chỉ việc đến vay ngân hàng. Tất cả. Ngân hàng thực hiện một số biện pháp đảm bảo, ví dụ: Kiểm tra để biết chắc có dầu dưới luống cà chua. Họ sẽ mở két bạc nhanh đến mức chính bạn sẽ kinh ngạc. Họ đồng ý cho bạn trả nợ rải ra trong mười năm, lãi suất 12 phần trăm một năm. Như vậy mỗi tháng bạn phải nộp cho họ, kể cả tiền

lãi: 916 đôla. Tốn phí không chỉ có vậy (trong trường hợp tìm được dầu). Bạn còn phải nộp thuế, tuy không nặng như mọi người tưởng. Bạn chỉ là wildcater cỡ nhỏ, nghĩa là mỗi ngày sản xuất dưới một ngàn thùng, bạn sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi (nhà nước khuyến khích việc tư nhân tìm kiếm dầu). Mỗi thùng dầu phải chịu thuế 7 phần trăm, tức 2,66 đôla. Một khoản thuế khác, “thuế một phần tư”, bạn nộp 30 phần trăm trên giá bán một thùng dầu 15,50 đôla, tức 6,75 đôla. Sau hết, khi đặt giàn bơm, lấy được dầu, bạn phải chi các phí tổn khai thác: Bảo dưỡng thiết bị, cung cấp năng lượng, giấy tờ, giặt lau, chó giữ nhà hoặc chuông báo động để kẻ trộm khỏi vào lấy dầu lúc bạn nằm ngủ. Tổng cộng 3,26 đôla.

Bạn cộng tất cả lại: 2,66 với 6,75 và 3,26 thành 12,67 đôla mỗi thùng. Trong một tháng có ba mươi ngày, phải chi hết 380 đôla 10 xu. Nếu mỗi giếng cung cấp một ngày ba thùng - mức thấp nhất - bạn nhân lên với ba thành 1.140,30 đôla phí tổn mỗi tháng. Thêm trả tiền ngân hàng 916 đôla. Tính hết tất tật: 1.140,30 cộng 916 thành 2.056,30 đôla.

Xin bạn nhớ kỹ con số này cho.

Ai sẽ mua cho bạn số dầu bơm từ vườn cà chua nhà bạn? Các công ty lớn, mua với mọi sự thuận lợi cho bạn. Đồng nghiệp với nhau mà. Bạn bán mỗi ngày ba thùng cho Exxon hoặc Gulf. Mỗi thùng chứa 42 gallon, mỗi gallon là 3,7854 lít. Một thùng dầu như vậy chứa 158.99 lít. Exxon, hoặc Gulf trả cho bạn 38 đô. Giếng của bạn khai thác mỗi ngày ba thùng, bạn được 114 đô một ngày, 3.420 đôla một tháng 30 ngày. Chi phí mất 2.056,30, bạn còn lãi 1.363,70 đôla, trừ đi 20 đôla bảo hiểm còn được 1.343,70 đôla tức 6.046,65 franc Pháp, tức 6.046,65 franc Pháp. Số tiền rút túi đàn ông hoàng mà chẳng phải động chân động tay gì hết, ngoài việc ngồi lên ghế nệm xích đu hút thuốc vật.

Như đã thỏa thuận từ nãy, với sản lượng ba thùng - ngay bạn chỉ là một wildcater cỡ (rất) nhỏ, không có lệ luật nào ngăn các bạn làm lại cuộc vận động ngân hàng bỏ vốn, nhất là khi giếng thứ nhất đã thành công, để bạn khoan thêm thật nhiều giếng giữa các gốc cà chua. Và bạn cứ việc nhân 6.046,65 franc lên với số giếng.

Cũng như đã thỏa thuận với nhau, nếu bạn không hút được giọt nào, bạn vẫn cứ phải trả nợ ngân hàng. Chẳng cuộc phiêu lưu nào không có bất trắc.

Chưa hết. Bạn đã tìm thấy dầu trong vườn nhà, trong dầu tất nhiên sẽ nảy ra nhiều ý khác (bạn thật là quái quỉ!). Ví dụ: Gạ người hàng xóm đứng “tên bạn“, khoan giếng trong vườn ”anh ta”. Luật cho phép thế, nếu anh hàng xóm bằng lòng. Nhưng không phải anh ta đứng vay tiền ngân hàng mà vẫn là bạn. Luật còn quy định: Nếu có dầu bạn phải trả cho chủ vườn 5,40 đôla mỗi thùng. Thành 480 đôla một tháng. Giả dụ chiếc giếng trong vườn người hàng xóm cho mức thấp nhất ba thùng ngày, bạn sẽ được: 1.343,30 trừ 480 còn 863 đôla trừ hết các khoản thuế má.

Nếu bạn khoan nhiều giếng trong vườn hàng xóm... Nếu bạn có nhiều hàng xóm dễ tính, hoặc lười biếng...

Tôi hỏi Thibodeaux: “Liệu tôi có sai không khi nghĩ rằng ông có khoan đôi ba giếng trong vườn hàng xóm?”

Chiếc guimbarde không im cho. Tuy Paul Hazzard và tôi đã ở đây mấy tiếng rồi. Chủ nhà mời ăn trưa với gia đình, một đàn Thibodeaux đủ mọi lứa tuổi và giới tính. Cuối bữa, vị trưởng tộc lại nhảy lên ghế xích đu, vừa tùm tùm vừa gẩy bài “Ôi Suzannah”. Mãi mới thú nhận:

— Có, cũng có khoan đôi cái chỗ này chỗ kia.

— Bao nhiêu?

Ôi Suzannah lần thứ mười sáu hoặc mười bảy.

— 67 giếng có dầu.

— Là bao nhiêu thùng tất cả?

Ôi Suzannah...

— Cứ cho là 220 đi, anh bạn trẻ.

— Đã tính vào đây số 19 thùng, ngày của vườn nhà chưa?

Ôi Suzannah...

— Úi dào, anh bạn!

— 19 thùng ngày của giếng nhà cộng 201 thùng ngày của các giếng hàng xóm, thành... 68.915 đôla và 90 xu nếu tôi không lầm. Đúng không.

Ông già nhún vai. Chẳng có ý kiến. Ôi Suzannah! Đàn vẫn rít lên. Sáng danh Chúa! 68.915 đôla một tháng, trừ hết các thứ thuế. Tức 310.117,50 franc Pháp. Tôi tìm ánh mắt Paul Hazzard và phát hiện thằng thộn đang chết vì cười. Hắn nói:

— Thuyết phục ông già làm việc cho ta không dễ đâu. Tôi đã hỏi bốn lần. Cả bốn lần đều bị từ chối.

— Tại sao?

— Ông già thích chữ nhàn hơn!

"Chữ nhàn! Thế đấy. Với 32 triệu xu mỗi tháng. Chỉ ngồi gảy đàn chơi.

Thibodeaux buông đàn, vươn vai, ngáp, mút một ngụm trong hũ, tùm tùm cười bảo tôi:

— Thử đưa ra một lý lẽ nào lọt tai để tôi chịu đi với các anh khắp mấy bang Texas, Oklahoma, từ bỏ cuộc sống an nhàn ở nhà mình.

Ôi Suzannah!

2

Ý đồ mà Paul Hazzard đã trình bày với tôi không nhằm vào các mảnh vườn rau. Anh ta coi Thibodeaux chỉ là một wildcater loại xoàng. Paul muốn hợp tác với tôi để cùng trở thành wildcater cỡ bự. Theo đúng cung cách ông già gầy đàn nhưng với quy mô lớn hơn gấp bội.

Paul Hazzard là gã Texas quê San Antonio tôi quen biết ở Bahamas. Anh ta đã môi giới cho tôi tiếp xúc với cánh ở Dallas để rủ họ bỏ vốn vào dự án Săn Thú. Từ đó anh ta rút ra kết luận nửa kín nửa hở là tôi phải trả nợ anh ta, đại loại bằng cách hợp tác với anh. Chúng tôi không nán lại lâu ở nhà Thibodeaux, phần vì sợ bị trận say dữ dội chịu không thấu, phần vì thần kinh tôi bắt đầu rã rời vì tiếng đàn phập phùng. Rút lui về New Orleans, vào khách sạn Royal Sonesta trên phố Bourbon. Paul lại tán tỉnh: Đã dự liệu hết mọi thứ, tính toán chi li, những khoảnh đất sẽ khảo sát đều ở Oklahoma trong ba quận xung quanh Tulsa, đã được một nhà địa chất khảo sát sơ bộ.

— Tôi đã chuẩn bị sẵn tập hồ sơ này để anh xem. Có tất cả trong đó.

Đúng là chẳng thiếu thứ gì: Bản đồ chi tiết vùng lưu vực sông Arkansas, ảnh chụp các khoảnh đất, số giếng định khoan, năng suất dự kiến, lợi nhuận sau khi thu lại khoản vốn đầu tư ban đầu vào khoảng hai triệu bốn mươi bảy ngàn đôla.

— Chắc anh cũng biết, ta không cần bỏ ra tất cả từng ấy. Chỉ độ năm trăm ngàn thôi, còn sẽ do ngân hàng thương mại của Dallas ứng ra, với điều kiện các giếng khoan đầu tiên có dầu. Mà nhất định sẽ có dầu.

— Anh cam đoan nhất định có, nhưng chắc cũng ước được ông già Thibodeaux đến xem qua một chút.

Anh ta cười: “Có thể thật, ông già lập dị này nổi tiếng không bao giờ lầm lẫn. Các công ty lớn đều biết lão, đã đúc những cây cầu bằng vàng

nhưng lão không thèm đặt chân lên. Có ông già, ngân hàng cũng yên tâm hơn”.

Rồi tiếp tục tuôn ra những con số. Giới thiệu với tôi nhiều khoản. Chỉ trên một khoản dự kiến khoan từ hai chục đến hai sáu giếng, năng suất đã có thể lên tới sáu trăm thùng, ngày. Thu nhập sẽ là mười hai ngàn đôla ngày, nhân lên ba trăm năm chục ngày một năm thành bốn triệu hai trăm ngàn đôla. Trên lý thuyết các giếng sẽ cho dầu trong hai mươi, hai lăm năm.

Tôi lắng nghe Paul nhưng không quyết định nổi, Tuy nửa triệu đôla đôi với tôi chỉ là giọt nước còn con. Nhưng khốn nỗi, khi cộng tất cả các khoản đã tung vào các áp phe và các khoản chi tiêu khác, tôi buộc phải thừa nhận không còn chút dự trữ nào nữa: Buôn cà phê, bạc, đầu tư vào Săn Thú, đưa cho Fezzali buôn dầu mỏ trên thị trường tự do, rồi Quần Vợt Trên Trời, tiền mua đảo, tiền chi tiêu hàng ngày vô cùng tốn kém, tiền công của nhóm thám tử Callaway và nhóm bên Anh chuyên việc giám sát Yahl. Tôi đã phải chi cả các khoản franc Thụy Sĩ bòn vét các ngân kéo. Chạm trán với Horst trong khách sạn Biltmore ở New York từ tám tháng trước, bây giờ đã tháng giêng. Trong tám tháng ấy, để chuẩn bị đối phó với cuộc tiến công có thể xảy ra tôi đã huy động tối đa lực lượng có trong tay, tiến mạnh trên tất cả các mặt trận. Nhưng chưa thấy đối phương động tĩnh gì, chưa có dấu hiệu gì ngoài sự hiện diện như ma ám của bọn phó nhòm.

— Franz, chỉ bỏ ra có 500.000 thôi, còn 2 triệu sẽ vay ngân hàng.

— Cũng phải bảo lãnh chứ.

— Có, nhưng sau khi các giếng dầu đã cho dầu, ta sẽ bán đi lấy tiền đập thêm vào vốn và sau năm năm sẽ đạt năng suất 2.500 thùng, ngày. Mỗi ngày thu về 40 đến 50 ngàn đôla, tức 14,6 đến 18,2 triệu một năm. Tính ra franc Pháp là khoảng từ 65.700.000 đến 81.900.000 franc, trên 8 tỉ xu. Bỏ công đây chứ!

Bỏ thì bỏ thật nhưng tôi phải cân nhắc. Việc này và các việc khác. Tôi cho Paul Hazzard biết thế, cuối cùng anh ta phải chịu, tỏ vẻ thất vọng và hơi ngạc nhiên thấy tôi không mẫn mà. Sáng hôm sau anh ta đi San Antonio. Còn lại một mình tôi ở New Orleans. Tối hôm trước tôi đã gọi về

trang trại bên Arizona nhưng cả Catherine và hai ông bà đều đi ăn tối ở nhà bạn. Lúc sau tôi gọi nữa, diễn một màn kịch ngắn với ông bố dưỡng vợ nhất định không chịu đánh thức “con gái tôi đi ngủ muộn”, cuối cùng vẫn nói chuyện được với vợ tôi. Cô từ chối không chịu đến Orleans với tôi. Orleans chẳng hơn gì New York, ở trại thích hơn, có khi sẽ trở về Pháp cũng nên, còn đang tính. Trên điện thoại cũng thấy rõ cô ấy đang căng thẳng thần kinh. Tôi hai lần khuyên cô nên đi khám bác sĩ xem, cô cứ uống lén những viên thuốc làm tôi lo lắng. Cả hai lần cô đều giận dữ bác đi, lại có cả bố mẹ, nhất là ông bố tích cực ủng hộ. Chẳng biết ông ta mò đến chỗ điện thoại làm trò gì? Tôi cáu sùng gác máy luôn.

Tôi tản bộ trên đường phố New Orleans, một trong mấy thành phố ở Hoa Kỳ mà người đi bộ thấy dễ chịu, ít ra cũng ở khu trung tâm. Tôi bức mình, chịu không nổi nữa. Tám tháng chờ đợi từ bữa tên Horst thách thức đã làm thần kinh tôi mệt mỏi, cộng với những trục trặc trong cuộc sống vợ chồng. Thậm chí tôi còn mong cho trận đòn xảy ra, nếu thực sự có trận đòn ấy, vì có những ngày tôi nghi hoặc: Phải chăng mình đang là nạn nhân một trò bịp lớn? Tuy nhiên, tôi thấy giả thiết này không đứng được mỗi lần nhớ lại cặp mắt của Horst trong khách sạn Biltmore ở New York.

Cú điện thoại của Marc Lavater:

— Anh làm gì ở New Orleans thế?"

— Sao anh biết tôi ở đây?

— Paul Hazzard nói. Ta cần gặp nhau Franz. Hai ngày nữa, à ba ngày, ngày 15 tháng giêng tôi sẽ tới New York.

— Tôi sẽ đến. Có chuyện gì vậy?

— Rục rịch ở Geneva. Yahl đã lên đường. Lão đã đến khách sạn Brown ở London từ tối qua. Qua cuộc điều tra kín đáo ở bộ phận tiếp tân được biết lão đang chờ người tới gặp. Theo anh đoán, đó là người nào?

— Mẹ kiếp, tôi hơi sức đâu chơi trò đoán câu đố!

— Tên Horst. Chưa hết đâu Franz. Lão còn chuyển dịch vốn qua trung gian của Hubrecht, cựu phụ tá của lão mà anh ta nghe nói. Riêng một ngày hôm qua đã bảy triệu dola. Từ Zurich chuyển bốn triệu sang New York, ba triệu sang New Orleans. Anh tới đây hôm nào?

Rõ ràng không phải là tình cờ mà số tiền trên được chuyển vào ngân hàng phố Carondelet ở Louisiane lúc mười giờ sáng, đúng lúc Paul Hazzard và tôi đang đi tìm ngôi nhà của tổ tiên Thibodeaux giữa làn sương mù dày đặc.

— Còn số tiền chuyển về New York thì nộp vào tài khoản người tên Solon R. Ridgewood, để ở ngân hàng phố Fulton khu Manhattan.

— Solon R. Ridgewood là tên nào?

— Không rõ. Đang điều tra. Franz này, đang có âm mưu gì đấy ta chưa biết nhưng gần lắm rồi.

— Horst hiện nay ở đâu?

— Trên đường đi London, chắc sắp tới nơi.

— Phải bám chặt hắn từ bây giờ trở đi, suốt ngày đêm.

— Làm sao giám sát cả quả đất này được?

— Sao không được?

— Bình tĩnh, Franz.

Thì bình tĩnh! Tôi bèn dặn Marc đến khách sạn Royal Sonesta ở New York chờ tôi tới. Tôi gác máy.

* **

Khách sạn Royal Sonesta nằm ở phố Bourbon ngay giữa trung tâm Vieux Carré. Thoạt nhìn không thể ngờ nó có đến năm trăm phòng, mà lại không đến nỗi ồn ào như ta tưởng tuy nằm giữa vô số vũ trường thoát y, quán nhậu có ban nhạc sống, ban nào cũng vỗ ngực chỉ có mình chơi đúng bài bản Nam Mỹ thứ thiệt, đua nhau gào hét cỡ để lẫn át nhau. Giữa lòng khách sạn có chiếc sân trong yên tĩnh lạ lùng. Trước khi nhận cú phôn của Lavater tôi đã ngồi đây ăn trưa. Rồi về phòng gọi đi một loạt nơi, cho Catherine, cho các luật sư của tôi ở New York. Lúc mười một giờ tôi cuốc bộ ra ngoài đường phố. Ở New York có hai chỗ cho dân Mỹ trác táng lui tới: Sòng Las Vegas chỗ tôi đang đi, French Quarter với những đường phố được đặt tên Bourbon, Chartres, Dauphine, Bienville, Ursulines hoặc Toulouse, với ngôi chợ bán rau quả đầu mùa đáng đặt ở Toulouse hoặc Nice bên Pháp, nơi có giáo đường kề ngang bên tiệm cà phê Thế Giới. Riêng tôi thì lại chú ý nhiều hơn đến tình trạng dơ bẩn trên đường phố, nhà

cửa xuống cấp, sự thấp kém quá đáng của các trò tiêu khiển. Ở đây, mọi thứ đều nhiễm mùi bùn. Chôn người chết cũng không xong, trong nghĩa trang, các ngôi mộ đều phải đắp cao từ hai trăm năm chục năm nay vì không thể chôn sâu bất cứ vật gì xuống nền đất xốp. Không thể nhìn thấy sông Mississippi, nó bị con đê khổng lồ che khuất; như thế lại hơn vì nước sông màu xám xịt bốc mùi thối. Người nào mơ tưởng sẽ gặp ở đây dòng sông rực nắng vàng chở theo những con tàu guồng sẽ nhanh chóng vỡ mộng, cái cảnh gọi là đẹp mắt mới lạ tinh tế của cảnh New Orleans nào có khác gì cảng Newcastle hoặc Hambourg.

Đúng lúc cô ta băng qua đường phố Bourbon cách tôi chừng ba chục mét thì tôi nhận ngay ra bộ tóc đen nhánh, đôi vai, dáng nghênh, đầu khinh khinh. Cô bạn quần jean, sơmi xắn tay, hai chiếc máy ảnh lủng lẳng bên tay trái. Rõ ràng cô ta chưa thấy tôi. Tôi đang trên đường đi tới ngân hàng phố Carondelet ngó qua nơi Yahl cách đây hai mươi bốn giờ vừa chuyển đến ba triệu đôla, trùng hợp một cách đáng lo ngại với việc tôi đặt chân đến Louisiane. Lão chuyển tiền sang nhằm mục đích gì, tôi chưa biết. Không do dự tôi bám theo Sharon Maria De Santis.

Không ra vẻ người đi tới nơi hò hẹn, la cà, dán mũi vào cửa kính các tiệm đồ cổ trên đường Royal. Tôi đi theo phía sau cách chừng ba chục mét. Tuy phố này hẹp, khác hẳn các đường phố khác trong thành phố của Mỹ, nhưng không lo bị cô phát hiện vì có rất đông người đi trên hè. Đi một quãng xa, cô ta rẽ phải đi vào con phố nhỏ Pirate Alley bên hông nhà thờ, ra quảng trường Jackson. Lại nhớn nhợ la cà trước các bức họa trưng bày ngoài trời dọc theo hàng rào công viên. Cứ thế hai người theo nhau đi hết một vòng quanh công viên, thỉnh thoảng mấy chú xà ích trên xe ngựa lại vẫy gọi. Cuộc bám đuôi này thật thú vị: Lần này các vai bị đảo ngược.

Cuối cùng cô ta vào ngồi trong quán cà phê Pontalba ở góc đường Chartres và quảng trường. Ngay lúc ấy tôi chợt có ý muốn rất ngu ngốc: Đến ngồi bên cô ta, nhưng rồi lại thấy nên nán lại xem đã. Và thấy ngay ý nghĩ ấy là đúng: Vừa vào tới nơi cô ta liền rỉ tai một ả hầu bàn, sau đó ả này quay lại ra dấu. Đồng hồ của tôi lúc này chỉ đúng mười một giờ ba mươi. Cô gái nói điện thoại rất ngắn, ghi cái gì đó lên cuốn sổ tay nhỏ đặt lên bàn

rồi ngồi xuống. Một loáng thôi, cô thò tay vào chiếc túi giống bao đạn đeo ở thắt lưng chắc để lấy tiền trả. Xông tới ngay. Đang đứng rình ở cửa rạp hát, tôi nhảy vài bước băng qua đường đến bên cô ta hỏi bằng tiếng Tây Ban Nha:

— Quiere dinero? (cần tiền?)

Cô quay người nhìn tôi, không tỏ ra ngạc nhiên bao nhiêu, trong đôi mắt đen láy còn thoáng vẻ thích thú nữa:

— Ai chẳng cần tiền?

Một lần nữa tôi từng sờ thấy cô thật giống Sarah Kyle, cô gái đã chung sống với tôi hơn một năm trời trước khi tôi lấy vợ, sau đó đã tự ý rời xa tôi khi thấy tôi gặp Catherine. Sarah có mái tóc hung hung ngả màu hạt dẻ, đôi mắt biếc, người Ireland; Sharon tóc nâu, mắt đen, chắc chắn là người gốc Ý. Nhưng hai khuôn mặt gần như nhau, đều thóp ở phía dưới, hai nụ cười nửa miệng y như nhau, và cái kiểu nhìn giấu cợt nhưng không chọc tức cũng thế. Cô thợ ảnh này còn nhìn tôi với vẻ gần như thân thiện nữa. Tôi nói:

— Xin có lời quở trách cô: Toàn chụp nghiêng bên phía tôi xấu trai.

Cô ngăm nghía: “Thử quay phía kia xem nào”. Lại nhìn chăm chăm rồi gật gù: “Anh nói đúng. Phía trái khá hơn. Rất lấy làm tiếc”.

Tôi ngồi xuống.

— Không thật đẹp nhưng có khá hơn, - cô nói tiếp. - Cho thêm bia, anh.

Cuốn sổ nhỏ vẫn nằm trên bàn cẩm thạch. Tôi gọi hai vại; trong lúc ngồi đợi, cô nhìn thẳng mắt tôi với vẻ dạn dĩ thản nhiên, hơi ranh mãnh. Tôi hỏi:

— Bữa nay không chụp à?

— Ờ nhỉ, may có anh nhắc.

Cô đứng dậy lấy máy ra khỏi bao da, lùi xa vài bước rồi điềm nhiên bấm vài pô. Trở lại ngồi xuống ghế.

— Chụp nghiêng bên trái theo đúng yêu cầu.

— Cô tên là Sharon Maria De Santis đúng không? Thường gọi là gì, Sharon à?

— Maria.

— Hai mươi tuổi, ly hôn, con gái lên ba.

— Sắp lên bốn.

— Hiện gửi cho ông bà già ở Flushing. Làm cho chủ tên là Yates. Chồng cũ là bác sĩ, đã tái giá, một con, hiện ở vùng gần thác Niagara.

Vừa nói tôi vừa nhìn cuốn sổ tay. Bia được mang tới. Tôi không đụng tới, cô ta vừa nâng cốc lên môi thì tôi vớ quyển sổ lật tìm trang viết cuối cùng “Royal, phòng 265”. Phòng tôi trọ. Cô thản nhiên đặt cốc xuống mỉm cười: “Ừ, đây!” Thái độ hồn nhiên thư thái của cô làm ai mà chả sửng sồ. Cứ như thế những lần chạm trán trước đây ở Amsterdam, San Francisco, Paris đã kết hai chúng tôi thành bạn cố tri. Được, đã thế thì tôi cũng chơi. Tôi ngỏ lời mời cô ăn trưa, cô khẽ nhún vai: “Sao lại từ chối?” Tuy biết tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, theo báo cáo của Callaway, cô không biết tiếng Pháp, và bản kê món ăn to dùng của tiếng Antoine, không phụ đề tiếng Anh làm cô phân vân. Để một lát, tôi hỏi cô có thích món sò huyết nâu kiểu Rockefeller không, cô phớt tỉnh trả lời: “Ghê muốn chết!” Thế cô còn làm gì ở New Orleans này ngoài việc chụp ảnh tôi? Chẳng làm gì khác. Đến lúc này thái độ cô mới thay đổi. Bàn tay cô duỗi ra, ngón tay lướt nhẹ qua tay tôi “Ông Cimbali, em đâu có thích làm chuyện đang phải làm”, Tôi nghĩ bụng: Cô ta không làm thì sẽ có người khác làm, nhưng không hiểu cô thực lòng hay đang đóng kịch đây. “Thà cô làm tôi còn thấy thú vị hơn người nào khác”. Cô ra dấu cảm ơn, cúi đầu xuống rất duyên dáng. Nhìn vào các lọn tóc ngắn phủ trên gáy cô, nhìn chiếc cằm và cặp môi cô, trong ký ức tôi hình ảnh nàng Sarah lại dồn dập tràn về.

— Trông cô thật giống người tôi đã từng quen thân.

Cô chế nhạo:

— Người ấy hẳn là hấp dẫn lắm!

— Nhất là khi vừa cạo nhẵn thín.

Cô bật cười: “Một không!” Bằng tiếng Pháp, chắc đó là từ duy nhất cô biết. Bữa ăn kết thúc bằng tách cà phê hàm kinh khủng, khi ra ngoài đường cô đột nhiên bảo tôi: ”lúc anh sắp tới đây, họ phân cho tôi báo anh trọ ở Royal Sonesta.

— Ai phân?

— Văn phòng Yates, như mọi bận.

— Họ bảo có phải đến New Orleans lúc nào?

— Tối qua, ở New York. Sáng nay tôi lên máy bay.

Thế nghĩa là tối qua Yates còn chưa biết tôi vào khách sạn nào nhưng hẳn đã biết tôi đang ở Louisiane. Không phải do Paul Hazzard, anh ta đã trực tiếp báo giữ chỗ ở khách sạn Royal Sonesta. Nghĩa là chúng theo dõi tôi từ lúc tôi rời khỏi Texas, có khi từ lúc tôi rời trang trại Arizona không chừng. Lo lắng và bức dọc.

— Họ trả công bao nhiêu?

— Mỗi tuần bốn trăm năm chục đôla, cộng phụ phí.

Cô ta hiểu ngay tôi định đi đến đâu. Cô lắc đầu sau một lúc do dự:

— Đừng, xin đừng mặc cả. Tôi không nhận lời đâu.

— Mỗi tuần hai ngàn.

Chúng tôi đang đi trở lại Royal Sonesta.

— Không được. Tôi sẽ không làm lâu dài với Yates. Đang sắp có việc làm bên Brazil.

— Tôi cũng có thể kiếm việc làm cho cô. Sau này.

Cô sóng bước bên tôi, hình như định nhận lời. Mãi mới thốt lên: “Không. Dù sao, xin cảm ơn”.

Đến cửa khách sạn cô tách ra chụp vài pô, trên mặt còn đọng vẻ phân vân trước đề nghị của tôi. Để đối lại, mà có lẽ chỉ để pha trò thôi, tôi bèn làm những điệu bộ ngông nghênh nhất. Cô nàng tủm tỉm cười, gật đầu: “Anh thật dễ thương”. Tôi chưa kịp quay đi cô đã xấn đến hôn lên môi tôi. “Cảm ơn đã mời ăn”. Rồi bỏ đi, chỉ quay lại nhìn một lần giơ tay vẫy nhẹ. Cô gái kỳ lạ. Nên nghĩ về cô thế nào đây?

Lúc tôi đi vắng Lavater đã gọi điện đến khách sạn, để lại lời nhắn trong đó các tên người đều viết tắt: Horst đã từ New Orleans tới London gặp Yahl, lúc này bên ấy đang chín giờ tối. Hẳn tới New Orleans gần như cùng một lúc với tôi. Tôi vẫn đang có mặt ở đây, nơi Martin Yahl đã chuyển đến ba triệu trong số bảy triệu đôla của lão.

Thật khó hiểu.

Ngày tối đó tôi tới New York.

Đợt nghỉ cuối năm trong trang trại, cuộc thăm viếng Thibodeaux cùng với Paul Hazzard vừa qua giống như một đoạn ghi thêm trong ngoặc đơn. Bây giờ đã đến lúc và đã cấp thiết phải kiểm thật cẩn kẽ từng khoản đầu tư của tôi. Quần Vợt Trên Trời, Săn Thú, Bạc, Dầu Mỏ, Cà Phê, với những người được tôi giao phó việc điều hành các công việc này.

Trước hết, Rosen.

3

Rosen nhỏ con hơn tôi khiến tôi yên tâm. Hình như anh ta làm việc ngay cả trong giấc ngủ. Ngay lập tức anh ta ấn tôi lút đầu dưới cơn lũ con số xung quanh Quần Vợt Trên Trời. Tôi chặn ngay:

— Ngon ăn không?

— Ngon, ngon quá trời, đang ngon ngay từ bây giờ.

Đơn giản là trước đây trong áp phe “đồ dùng lật vật” tình hình đã diễn ra thế nào bây giờ cũng y hệt: Sáng kiến của tôi vừa đưa ra công chúng là lập tức bị nhiều kẻ tóm bắt, áp dụng và cạnh tranh với tôi.

— Chúng làm nhậy vô cùng, Franz. Ta phải chạy nhanh hơn chúng mới ăn. Không dám trách, nhưng quả tình gần đây anh hơi buông lỏng chúng tôi.

— Chúng là ai?

— Dân kinh doanh Chicago. Rất mạnh.

— Còn gã Thổ?

Gã Thổ có đến hai lần. Với hãn thế là nhiều, vì hãn đâu có muốn rời dinh cơ Hampstead. Tới New York tiến hành công chuyện của riêng gã và của tôi, gã đã hoàn tất nhiều công trình, thúc đẩy; tiếp sức cho công ty xây cất chúng tôi đã mua lại đồng thời các đội của Letta cũng làm ăn mạnh ở New York, từ Long Island đến Yonkers, theo một dọc qua Queens, Brooklyn, Bronx, Manhattan. Không những thế mà cả tại nhiều thành phố lớn khác: Boston, Chicago, Philadelphia, Washington.

— Đây là bản kê chi tiết các chỉ tiêu đã đạt được và cần thực hiện qua kết quả nghiên cứu.

Rosen đưa giấy má ra. Tôi hoảng hồn. Quy mô phát triển của công việc tôi khởi xướng làm tôi sửng sốt. Tuy không quá mức. Tôi hỏi: “Quảng cáo?”

— Cũng tiến triển đáng khích lệ. Trừ một điều: Đối thủ cạnh tranh không kém dữ dội trong lĩnh vực này. Thành ra nhiều hãng đã nhận đang quảng cáo, đài phát thanh đã nhận đỡ đầu toàn bộ chương trình bóng rổ ra lần chần, do dự...

Bữa ở Louisiane trong khi ngồi đồng tai mà lại cố khỏi phải nghe tiếng guimbarde của ông già Thibodeaux, tôi có nảy ra hai ý. Ý thứ nhất:

— Jimmy, tôi muốn tổ chức việc thi đấu liên phường, giữa câu lạc bộ Quần Vợt Trên Trời phố 23 với câu lạc bộ nào đó ở Bronx chẳng hạn. Không cho các cầu thủ chuyên nghiệp, có hạn dự, chỉ dành cho dân trong phường. Câu lạc bộ thắng lại thi đấu với một câu lạc bộ khác. Nhà quán quân trong tuần sẽ được tặng huy hiệu, hoặc hơn thế, một chiếc áo vàng như trong giải đua xe đạp vòng quanh nước Pháp, thêm một phần thưởng bằng tiền hoặc dụng cụ. Giải chung kết là một chuyến du lịch Wimbledon. Tất nhiên giải thưởng và phí tổn tổ chức không do ta chi tiền mà do một hãng thuê quảng cáo. Là ai tôi cóc cần biết. Đại loại hãng Coca Cola, hãng làm vợt Boum Boum, hoặc hãng sản xuất slip hiệu “Anh Tôm Được Em Rồi!”.

Rosen gật đầu. Làm thế những bọn đang do dự mới hạ quyết tâm. Thế là đạt kết quả đầu tiên. Bây giờ đến ý thứ hai, chắc nó ngồ ngộ hay sao ấy nên tuy anh ta cũng như Letta đều thuộc loại khó nhếch mép nhưng nghe tôi thuyết trình anh toét mồm cười.

— Một vấn đề khác, Jimmy?

Đó là vấn đề tiền. Sự phát triển cực nhanh của chương trình Quần Vợt Trên Trời, đội quân đông đúc được huy động, cuộc chiến đấu chọi lại bọn Chicago... dẫn đến những chi phí rất lớn. Và báo trước còn tốn kém nhiều.

— Bao nhiêu?

Hai triệu đô. Theo anh ta phải tung thêm tiền, nếu không sẽ bị đối thủ chiếm hết những chỗ còn bỏ trống. Anh còn tin chắc: Bọn này sau đó sẽ tìm cách loại chúng tôi ra ngoài vòng chiến. Tốt nhất là phải bám thật chắc ngay từ giờ.

Jimmy, họ là bọn nào? Tôi thấy chúng ra tay rất lẹ, lẹ một cách không bình thường chút nào; theo báo cáo của Letta thì những tên đi bắt mỗi đã

nhảy vào cuộc ngay ba tuần sau người của ta.

— Và cũng làm đúng theo cách của ta.

— Horst? Hay Yahl?

— Không nghe nói đến hai tên này. Chỉ thấy có thằng cha Ridgewood nào đó.

Như một ánh chớp lóe lên: “Solon Ridgewood”.

Rosen gật đầu, vẻ ngạc nhiên. “Anh biết hẳn?”.

— Tôi không biết. Đó là gã cách đây ba mươi tiếng đã nhận vào tài khoản của hắn ở New York bốn triệu đôla do Yahl chuyển cho.

Thế mà tôi cứ mong đợi cuộc tiến công. Nó đang mở màn.

Tôi trở về khách sạn Pierre gặp Lupino. Ít ra cũng còn thấy có anh là người cho đời là đẹp. “Anh chú ý vào chỗ nào vậy Franz? Tôi đi khắp nơi không thấy. Chắc lại vớ được con bé tóc vàng nào phải không cún?” Về phần anh ta: Cảm ơn, mọi việc đều tốt, vừa đi Florida về, rất hài lòng: “Vì do anh đài thọ hết, thời tiết bên ấy rất tuyệt, nhân thể xin báo: Tôi đợi anh một tiếng rồi đây”.

— Mình bị Rosen giữ lâu quá. Công việc đến đâu rồi?

— Lupino đã có cuộc họp với các đồng sự Texas và Tàu ở khách sạn Palm Beach. Họ tỏ ra dễ tính, cuộc họp bế mạc bằng buổi nghiên cứu sâu vào bọn con gái Florida đúc ra từ cùng một khuôn, điều này đập mạnh vào mắt họ vì áo tắm của các ả nó...

— Ngày Jo, mình đểch cần nghe chuyện đó.

Vậy thì nói chuyện làm ăn. Công việc bên đó chạy ầm ầm Franz ạ. Anh biết không, cái công trường ta vừa khởi công là công trường vĩ đại nhất Hoa Kỳ kể từ thuở... Biết rồi. Tôi dẫn giọng nhắc anh ta mười một giờ khuya rồi đấy, tôi chong mắt thức thế này là để nghe những tin mới mẻ. Nhưng anh ta chẳng có tin gì mới ngoài tin công việc tiến triển tốt...

— Tóm lại anh đợi một giờ để báo tin chẳng có tin gì.

Anh ta cười vui vẻ: “Cáu hử? Thôi, nói chuyện nghiêm chỉnh nhé. Các bạn Tàu của anh đã chi năm chục triệu đôla dùng cho thiết kế tổng thể, như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bọn Texas xác nhận sẽ góp hai trăm năm chục triệu và sẽ còn thêm. Chúng kiên quyết nhập cuộc hết mình. Tôi cũng xác nhận sự đóng góp của anh trong giai đoạn này đúng như anh đã chỉ thị.”

— Con số chính xác?

— Năm triệu sáu trăm ba chục ngàn đô. Từ nay đến thứ sáu tới phải giao tiền.

Anh ta chăm chú nhìn tôi:

— Có trục trặc à?

— Không nghiêm trọng.

— Nếu thấy hứng thì đến nhà vợ chồng Lupino chén món mì que. Đôi ấy rất hay. Có tấm lòng vàng.

Anh bỏ đi. Nếu tay này là tên phản trắc hẳn đáng được tặng giải Oscar.

Đã mười một giờ đêm, tức chín giờ ở Arizona theo giờ vùng núi. Gọi điện về trang trại, chuông đổ trong nhà trông. Sau đó, thật lạ, chính Catherine đến nhắc máy. Tôi hỏi:

— Có chuyện gì thế? Sao không thấy ai trả lời? Người hầu đâu cả?

— Thì em nghe đây thôi. Có gì mà to chuyện thế?

— Không phải làm to chuyện. Nhưng...

Thế đấy, lại sắp sửa cãi nhau. Tôi bình tĩnh lại:

— Em ở nhà một mình?

Cáu kình, châm chọc cay độc: “ Đời nào. Đang có hai nhân tình nằm bên em. Một chàng thứ ba chui dưới gầm giường không cho hai chàng kia biết.”

—Thôi thôi, Catherine, đừng nói nữa.

—Chính anh gây sự trước. Thở ra cái giọng ngu ngốc đến là khó chịu. Bây giờ lại nghi ngờ người ta nữa.

Một thôi một hồi. Tôi chỉ nhớ những điểm chính. Bố mẹ cô đang xem Video, Marc Andrea ngủ. “Chín giờ đêm rồi, anh không biết à? Đây là giờ trẻ con ngủ rồi, đã hỏi thì nói cho mà biết”. Tôi lấy làm lạ tại sao...Mẹ kiếp!

Tôi uất đến cổ, gác máy. Trong khi đang nghe Catherine, lại có người gọi điện. Tôi nhận ra Ute Jenssen. Từ London gọi tới.

— Franzy, không tài nào tóm được anh.

— Tóm được rồi đấy. Bắn đi.

— Có trục trặc, Cướp biển đẹp trai ạ. Có đứa muốn hại ta.

— Về vụ Quần Vợt Trên Trời à?

Cô bật cười: “ Đứa nào định hiếp em sẽ phải trả giá đắt đấy. Đúng, về vụ Quần Vợt...”. Theo cô, bên Châu Âu đang có kẻ nào đó làm giống bọn bên Bắc Mỹ hiện giờ: Lập ra một tổ chức rất mạnh cạnh tranh với Ute, săn tìm những nơi làm sân quần vợt.

— Có thể chúng nghĩ ra sáng kiến ấy đồng thời với anh, hoặc là cóp trộm của ta, quân đều. Chúng hành động rất sấm sét. Mỗi lần nhân viên giao dịch nam hoặc nữ (Ute sử dụng rất nhiều nữ) đến chỗ nào, lập tức có người của chúng theo sát gót, có khi còn đến trước người của ta. Chúng trả giá cao hơn ta, nắm tình hình của ta rất chắc. Em đã phát hiện hai con bé làm tay trong cho chúng. Tổng đi rồi, nhưng thế nào cũng vẫn còn những đứa khác. Có nội phản rồi.

Một điểm nữa: Địch thủ tỏ ra không cần được lãi.

— Mục đích của chúng là loại được ta. Rất nghiêm trọng. Anh Franzy, bọn em nhập cuộc vì tưởng sẽ được lời nhiều mà không phải bỏ vốn lớn. Mơ ước hão. Cùng lắm, chúng em sẽ không bỏ ra một shilling nào hết. Nhưng chúng đã muốn chiến tranh thì chiến tranh.

— Nghĩa là em muốn đầu tư thêm nữa?

— Còn cách nào khác đâu, Franzy? Gã Thổ đã bỏ tiền vào công ty xây cất đó rồi. Không thể buông xuôi, đi đòi hết vốn liếng, chí ít cũng mất một phần. Chúng em mất, anh cũng mất. Công ty ấy có giá trị gì nếu không còn đất để làm sân?

Cặp này đã tính toán với nhau, ở biệt thự Hempstead. Thấy trước mắt cần thêm một triệu. Chia đôi mỗi anh chịu một nửa, tất nhiên.

— Em sẽ gửi giấy má cho anh, các bản thống kê và vân vân... Mà có lẽ để em tự tay mang đến cho.

Thấy tôi chưa trả lời.

- Franzy, cái ấy không ổn sao?
- Em đùa đấy chứ? Anh đang hăng lắm.
- Đừng hòng! Thế nhé, mai em đến. Gửi anh nhiều cái sờ.

Ngày 9 tháng giêng tôi rời Arizona đi Dallas, rồi Texas gặp Paul Hazzard. Tối hôm ấy anh ta lại một lần nữa rủ tôi đi làm wildcater loại bụi, bố trí để tôi gặp một tay địa chất vùng Tulsa được anh triệu tới chỉ cốt để giáp mặt tôi. Hôm sau, ngày 10, chúng tôi cùng đi Louisiane gặp Thibodeaux. Tối và đêm hôm đó ngủ một mình ở New Orleans. Sau đó gặp Sharon Maria De Santis rồi lên đường về New York.

Sáng 12 tháng giêng, taxi chở tôi từ khách sạn Pierre - trước ống kính hai gã thợ ảnh của Yates như mọi bận - đến đỗ trước cửa trụ sở bưu điện liên bang tại phố Vesey. Tôi đi bộ vào quảng trường lát cẩm thạch, có vòi nước phun giữa hàng ghế đá bao quanh. Mùa hè ở đây có nhiều hoa nhưng bây giờ đang giữa mùa đông, mọi thứ đều lạnh lẽo, trơ trụi. Trời đã khá quang đãng tuy có mây từ vịnh New York, từ Đại Tây Dương phía bên kia cầu Verrazzano kéo về. Lúc này là chín giờ mười lăm.

Lần đầu tiên tôi ngược nhìn lên. Muốn ngợp luôn. Trước mặt tôi là hai ngôi tháp liền nhau của Trung Tâm Giao Dịch Quốc Tế lừng lững trên bán đảo Manhattan. Đồ sộ, trắng lóa mắt, thẳng đứng đến mức kỳ quái. Cao bốn trăm mười một mét và bốn tám centimètres, với một trăm ba chục ngàn người nhung nhúc bên trong. Tôi đứng ngây người nhìn con vật máy lạ mắt đang trèo lên một bức tường mặt tiền: Một cái rọ di động có mỗi một người bên trong. Anh ta làm công việc lau chùi cửa kính trên tòa nhà. Có tất cả bốn mươi ba ngàn sáu trăm cửa, mỗi cửa chỉ lau qua một lượt cũng mất đứt hai tháng, lau hết lại quay lại lau từ đầu.

Tôi chen vào dòng người tuôn ra từ các đường hầm dẫn vào bãi đỗ xe và tàu điện ngầm. Người tôi đến gặp ngồi trên tầng sáu mươi bốn, trong căn phòng đầu hồi nhìn được toàn cảnh khu Manhattan ở bên trái. Con sông East và Brooklyn ở bên phải. Người Mỹ gốc Ý bạn thân của Lupino, đã

được báo trước về chuyến viếng thăm của tôi. Ông ta mới thật sự là sếp của thành phố. Nghe tôi trình bày dự kiến ông cũng phản ứng gần giống Rosen, có khác chăng là ở chỗ ông này thẳng thừng pha trò: “Thật là một ý ngông hết chỗ nói, ngông nhất trong các ý ngông!” - “Nhưng có thể thực hiện được chứ?” - “Hẳn rồi“. Ông gọi điện, giới thiệu tôi với một phụ tá. Tôi cùng người này ra thang máy vút lên sân thượng. Điều lạ thứ nhất: Rét, rét hơn tầng dưới rất nhiều. “Chênh lệch mười độ so với dưới đường”. Điều ngạc nhiên thứ hai: Tầm nhìn. Hết sức kỳ dị. Mọi ngôi tháp chỉ còn là những túp lều, ngay building của Empire State cũng trở nên tầm thường, cả thành phố New York đồ sộ bỗng biến thành một market kiến trúc. Đại Tây Dương hiện ra với tất cả vẻ mênh mông thăm thẳm của nó. Nghĩa là đáng lẽ nhìn thấy nó nếu không có mây che; những đám mây ban này đứng dưới đường tôi thấy bay trên đầu thì bây giờ lại ở dưới chân. Mây đang bay đến rất nhanh. Chỉ hai phút sau đã phủ đầy phía dưới, New York chìm ngấm trong màu sương mù dày đặc chỉ còn hai ngọn tháp này nhô lên. Kỳ lạ thật.

— Thường như thế này?

— Có những ngày nhân viên làm việc trên tầng cao phải điện xuống người gác cửa hỏi xem ở New York đang mưa hay có tuyết rơi.

Hai người sỏi chân trên các tấm bê tông. Tôi nghĩ tiếc không mang theo thước dây. “Khỏi cần“, tay kỹ sư cũng đi bảo tôi. “Chính tôi cũng chơi quần vợt, đảm bảo đủ chỗ. Chỉ cần sửa sang lại tí chút“. Anh ta bật người, vỗ đùi: “Đây sẽ là chiếc sân có móng dày nhất thế giới. Bốn trăm bốn trăm mét bê tông”.

Đây là sáng kiến thứ hai của tôi trong vụ Quần Vợt, ý này đã làm ngay cả tên Rosen cũng buồn cười. Tổ chức cuộc đấu tennis trên nóc ngôi nhà chọc trời cao nhất New York. Tay kỹ sư hỏi:

— Chỉ một cuộc thôi à?

— Một thôi. Bỏ vào đấy ba trăm ngàn đô.

— Borg đấu với Jimmy Connors?

— Hoặc với John MacEnroe. Cũng có thể MacEnroe với Connors?

— Tôi không thích tay Junior.

— Đây là chuyện của anh và của hẳn ta.

Kỹ sư cười gật gù:

— Anh đặt áp phe này là gì?

— Quần Vợt Trên Trời.

4

Tôi đã kiểm điểm món Quần Vợt Trên Trời với Rosen, món Săn Thú với Lupino.

Bây giờ là Philip Vadenberg:

— Ta cần thông cảm nhau, anh Cimballi: Anh đã ủy quyền cho tôi trông nom quyền lợi của anh trong công việc làm ăn trên thị trường bạc. Tôi đã lo chuyện đó và đang tiếp tục lo.

Nếu chỉ lấy hiệu quả làm chuẩn và nếu phải lựa chọn giữa ba văn phòng kinh doanh tôi đang thuê ở New York: Của Rosen, của Lupino và của Vandenberg - dứt khoát tôi sẽ chọn anh này. Về mặt quan hệ con người với con người thì khác hẳn, Vandenberg luôn làm tôi xù lông, và chắc tôi cũng tác động y như thế đến anh ta. Tôi bảo: “Anh bạn tiếp tục nói đi”.

Cái nhìn lạnh lẽo có thể làm gã Esquimau lão luyện cũng phải đông cứng.

— Tôi chỉ tiếp tục làm việc đó nếu được liên lạc thường xuyên với anh. Tôi không thể chịu đựng cảnh nhân viên của tôi mất gần hết thì giờ vào việc tìm xem anh ở đâu.

Tôi phải trả cho tên này một trăm năm chục ngàn đôla tiền công một năm, tức sáu trăm bảy lăm ngàn franc Pháp. Chắc tôi không phải khách hàng duy nhất của hắn, ít ra cũng là một trong những người quan trọng nhất. Dù hắn có lý, tôi không muốn để hắn vặc tôi.

— Về hướng Nam Tây Nam, hướng Chihuahua, nước Mexico, tỉnh cùng tên. Cách xa anh 3,12 mét. Có chiếc cửa. Mở ra.

Anh ta đứng lên. Đi tới chiếc cửa. Rồi quay lại.

— Chính tôi đã môi giới cho anh gặp Horst, anh còn nhớ không?

Anh ta định đi đến đâu vậy? Lại nói tiếp:

— Horst vừa gọi điện cho tôi hôm qua.

Tôi im lặng đợi

— Hẳn yêu cầu gặp tôi với quyền lợi chung của hai người.

Tôi vẫn đợi. Nhớ lại: Theo Lavater nói, Horst đang ở London, trong khách sạn Brown.

— Hẳn từ London gọi về.

Dường như Vandenberg đọc được ý nghĩ của tôi. Một lát

— Tôi từ chối.

Anh ta quay trở lại rất nghiêm trang. Khi bàn đến công việc, óc suy luận lạnh lùng và có phương pháp của anh lập tức lại bộc lộ. Tôi đã có một trăm bốn mươi hai bản hợp đồng mua bạc, ký quỹ tất cả chín trăm bốn chục ngàn đôla, nghĩa là giá trị thực của các hợp đồng gấp mười lần chừng ấy. Vandenberg:

— Nhìn chung vẫn có khuynh hướng lên giá. Cách đây một năm mỗi ounce giá năm đôla, trong vài tháng sắp tới, có khi chỉ vài tuần sắp tới có thể lên đến bốn mươi, năm mươi đôla.

Nguyên nhân bạc lên giá: Nhóm Texas được bọn Ả Rập và Brazil tài trợ đang liên tục mua vào với khối lượng rất lớn. Rõ ràng bọn họ câu kết với nhau hòng giành lấy vị trí gọi theo tiếng lóng trong nghề là “đá móng”. Nghĩa là vị trí cho phép họ tùy ý cho giá trên thị trường. Phải có số vốn kinh khủng mới làm nổi điều đó.

— Theo nhịp hiện nay, bọn họ sắp nắm trong tay từ mười đến mười hai tỉ đôla bạc.

Im lặng. Tôi nhận xét: “Anh nắm tình hình khá chắc”. Anh ta nhún vai: “Hẳn rồi - Và cũng tung vốn vào đây? - Theo khả năng của tôi, kém xa của anh”. Lại im lặng. Anh ta thản nhiên nhìn tôi. Dám đoán chắc anh ta đã đoán biết tôi đang nghĩ gì: Nếu những thông tin anh ta nắm được là chính xác. Tại sao anh ta lại cung cấp cho tôi là người anh không ưa? Tôi chẳng cần hỏi câu ấy, vì đã đoán được câu trả lời: Vì tôi làm việc cho anh. Philip Vandenberg sao mà tử tế, sao mà trung thực thế!

Tuy vậy vẫn có một khả năng khác: Anh ta muốn nhử tôi vào chiếc bẫy ẩn giấu dưới món bạc này. Tôi lên tiếng trước:

— Sao vội vàng báo tin cho tôi thế?

Tại vì chiều hướng chung là lên giá nhưng vẫn có những đợt biến động, những lúc xuống giá tạm thời được xác nhận bằng yêu cầu ký quỹ bổ sung, vì tôi cần giá lên.

— Năm trăm ngàn đôla thôi. Chưa đến. Tôi thừa sức.

— Vandenberg, từ nay tôi sẽ thu xếp để bất kỳ lúc nào anh cũng liên lạc được với tôi, ban ngày cũng như ban đêm.

Vẫn bộ mặt vô cảm:

— Tôi không mong gì hơn, anh Cimbali.

Hôm sau 13 tháng 1, Marc Lavater từ Paris sang. Cái anh tìm kiếm trước tiên là bọn thợ ảnh muôn thuở.

— Chúng vẫn lảng nhãng theo anh?

— Càng bám riết hơn trước!

— Anh tài thật, chịu đựng chúng mãi được. Ở địa vị anh tôi đã phát điên lên rồi.

— Cảm ơn anh đã lên dây cót tinh thần cho tôi.

Anh ta hỏi thăm về Catherine. Tôi đáp: “Cô ta ở trang trại”.

— Một mình?

Câu hỏi làm tôi bức: Tất nhiên không chỉ một mình. Còn bố mẹ. Còn bốn người hầu. Cộng với bạn bè người Pháp ở California tới chơi vài ngày. Sao lại hỏi thế?

— Thì thôi. Rút câu hỏi.

Anh ta tùm tùm, giờ cả hai tay tỏ ý đầu hàng. Nhưng tôi biết anh đang nhìn tôi với vẻ tò mò lo ngại. Nhưng cũng có thể là tôi nghĩ ngợi vớ vẩn. Tôi nói cho anh biết các việc đang làm (trừ việc mua hòn đảo tôi sẽ còn giữ kín khá lâu), anh cũng cho tôi biết tin về Yahl, về chuyến lão sang London. “Lão đã gặp Horst khá lâu, bàn tính với nhau trong xe hơi chạy trên đồng quê vắng vẻ”. Một thông tin đáng

chú ý: Cả hai đã gặp một chủ ngân hàng Anh và một chủ ngân hàng người Đức ở Frankfurt. “Nhưng không biết được gì hơn. Bọn chủ ngân

hàng bao giờ cũng kín như bưng. Cả bốn người hôm nay đều trở về nhà hết rồi. Xem đây”. Một tấm ảnh chụp qua kính tele như mọi khi, không thật rõ: Martin Yahl từ khách sạn Brown đi ra, bước lên chiếc xe có màn che kín kính hậu.

— Đúng là một lão già gần đất xa trời.

— Tất cả các điều tra viên bám lão đều chung cảm nghĩ như vậy. Vả lại, phải có một bác sĩ kèm bên lão trong cả cuộc hành trình. Còn cái này nữa.

Các bản chụp phiếu khám bệnh có tiêu đề. Tôi đọc nhưng không hiểu hết: “Thể này là thể nào?”

— Bất cứ bác sĩ nào đều có thể xác nhận bệnh nhân này đã lâm vào tình trạng nguy kịch. Có thể chết bất cứ lúc nào. Đáng lẽ lão không nên đi xa.

— Có đúng lão Yahl không đã?

— Chẳng lẽ ba bác sĩ tim mạch giỏi nhất nước Pháp lại chơi trò bịp bợm! Không thể có như thế. Cả ba đều khám cho lão, đều kết luận giống nhau.

Tiêu đề ghi đúng tên của một trong số ba bác sĩ nọ. Tôi dám cho rằng: Đã xảy ra một vụ bẻ khóa vào nhà lấy trộm.

— Marc này, liệu ta có làm quá tay không đây?

Anh không đáp, ít nhất là ngay lúc tôi hỏi, lâu nay bận rộn với những công việc của chính mình. Lại gặp anh ta luôn, nên hàng mấy tháng nay chưa lúc nào tôi để thì giờ ngẫm kỹ. Bây giờ mới để ý, mới thấy anh ta đã gãy tọt đi, căng thẳng như một sợi dây đàn, thay đổi rất khác xưa. Chắc hẳn anh đang khổ sở. Vì tôi tất cả, tôi đã bứt anh ra khỏi cuộc sống ảm đạm, lôi anh cùng nhảy vào vũ khúc điên cuồng của tôi. Trong lòng bỗng dội mạnh làn sóng tình bằng hữu, không thực ra là tình thương mến dạt dào.

— Đến lượt tôi xin rút câu hỏi vừa rồi, anh Marc.

Anh mỉm cười đáp lại: “Hội đồng xét xử đồng ý không tính đến câu đó”. Tôi nói luôn: “Mời anh đến Bốn Mùa ăn trưa với tôi. Xả láng”. Anh cười hết cỡ: “Thật đúng lúc, đây là giờ tôi vẫn uống trà”

Chênh lệch múi giờ tai hại thật.

Trước khi đi New York, anh hùng hực quần nhau với tập hồ sơ đầu mỏ, tức là với áp phe mà Fezzali đã bàn với tôi, trong đó chính Marc cũng đã

dốc hết dự trữ vào.

Trên thế giới, có thị trường dầu mỏ chính thức do OPEP định ra giá cao nhất sau khi thỏa thuận về nguyên tắc với khách hàng. Song song với thị trường chính thức còn có thị trường tự do, Giá một thùng dầu đầu tiên trên thị trường này không cố định, nó biến động theo luật cung cầu, Các nước sản xuất dầu bao giờ cũng tung một sản lượng dầu lượng dầu của họ vào thị trường này. Họ được lợi, và đó cũng là cánh cửa mở rộng cho sự đầu cơ.

Marc đã hoàn tất một khối công việc thật khổng lồ. Mánh lới làm ăn chẳng có gì khó hiểu: Fezzali mua tận gốc, ví dụ ở vịnh Persique. Chở dầu đi bằng những tàu chở thuê của các hãng tàu độc lập (độc lập với các công ty dầu lớn có đội tàu riêng của họ). Thuê “chuyến” hoặc thuê “ngày” Marc so sánh các thứ giá cả, tìm ra các phương thức có lợi nhất. Anh tuyên bố: “Thế là chúng mình nghiêm nhiên thành chủ tàu! - Đúng. Từ nay hãy gọi tôi là Socrates”. Các tàu chở dầu này kéo cờ Panama, hoặc Liberia, chạy sang Rotterdam, mang dầu tới đó bán. Nhưng cũng có thể bán dọc đường, bán đi bán lại nhiều lần. Đó là chuyện thường xảy ra, có những tàu dầu đổi chủ đến mười lăm lần trên quãng đường từ kênh đào Mozambique đến Biển Bắc. Tùy theo sự biến động trên thị trường tự do.

Các khía cạnh tài chính của việc này đều được Marc tính toán căn kẽ. Toàn bộ công việc sẽ do công ty Curacao thực hiện, công ty này do một công ty khác ở Liechtenstein điều khiển từ xa, công ty Liechtenstein hoạt động bằng số vốn của Fezzali (mười chín triệu đôla) của Marc (một triệu) và của tôi (mười triệu).

— Một lần nữa tôi khuyên anh không nên dẫn vào đấy sâu thế!

Nhưng Marc vẫn bướng bỉnh một cách lịch sự theo kiểu riêng của anh. Sao lại không? Anh tin chắc cái này rất ngon lành; đâu phải ngày nào cũng có dịp may được nhập hội làm ăn cùng với cặp Fezzali - Cimballi; Đời nào lại nhả ra! Dù tôi cho rằng anh tham gia chỉ cốt để chứng minh sự trung thực của anh, chứng minh rằng anh tin tưởng sẽ thành công, tôi cũng không thể từ chối không cho anh tham gia. Và chẳng, chính tôi cũng tin chắc sẽ có lãi to. Một điểm quan trọng nữa: Vốn kinh doanh của công ty mới thành lập

này chỉ được đưa vào sử dụng khi cả ba bên đều chấp thuận, nếu có người tử vong thì do đại diện được ủy quyền của người đó thay thế.

Hassan có đồng ý không? Marc gật đầu. Anh đã đến Cairo gặp người Con Của Sa Mạc và đạt được thỏa thuận. Cuối tháng này hai người sẽ gặp nhau, có thể ở Ý.

Ngay sau khi Fezzali chịu góp vốn tôi đã thuê một văn phòng kinh doanh ở London nghiên cứu toàn diện thị trường Rotterdam, cả lợi thế và bất trắc ở đây. Bản điều tra này đang nằm trước mặt tôi, trong đó không có điểm nào trái với kết luận của Marc. Tôi bỏ ra hai tiếng liền đọc lại thật kỹ, thỉnh thoảng gọi điện hỏi một câu tối nghĩa, hoặc khi vấp phải một từ luật khiến tôi xù lông. Tất cả đều hợp thức. Tôi ký tên.

Trong thời gian ấy Marc kín đáo tránh đi chỗ khác. Khi quay về, có cô Ute tràn trề nhựa sống và tình yêu toàn nhân loại về theo. Cô vừa từ London tới, cô rất yêu cả Marc lẫn tôi. Chắc cô vừa yêu Marc sát sà sạt, nhìn mặt anh ta là đủ biết.

— Nói chắc anh không tin, nhưng thực sự cái cô Đan Mạch cuồng dâm này vừa định hiếp tôi trong thang máy.

— Anh chàng tưởng bỏ đây, em chỉ định tỏ tình ân ái thôi.

Cô nhìn tôi chăm chăm làm tôi lo ngại, vội lẩn ra sau chiếc bàn.

— Em đi ngủ đi!

— Với anh nào ạ?

Tôi đành kéo cả hai cùng đi ăn tối. Trời tháng giêng, New York rét chết co, ngựa của cảnh sát thành phố phì ra những đám mây trắng xóa, đến dân Bắc Cực cũng phải bận áo len dày, thế mà Ute chỉ khoác manh áo hở ngực trông rùng mình. Nếu bên ngoài không có chiếc áo lông chồn và đồng kim cương trên người - “Tặng vật của gã Thổ đấy, thằng cha ngoại kiều lý lịch bất minh này mê em quá trời!” - Cô sẽ giống một vũ nữ thoát y trong bộ đồ lao động. Cô chiêu đãi trong một tiệm ăn Đan Mạch ở số 56 phố Tây rồi lôi vào một câu lạc bộ. Chúng tôi cố giả bộ khiêu vũ hết mình giữa đàn nhân viên ngoại giao các nước Scandinaves, là bạn thân thiết của cô ta được tiết trời giá lạnh làm vui nhộn nả trời. Giữa cơn lốc xoáy cuốn phăng cả đám lao theo, chẳng hiểu cô ả làm thế nào chộp đúng thời cơ dúi cho tôi tập tài

liệu cô đã hứa, liên quan đến Quần Vợt Trên Trời bên Châu Âu. “Cứ từ từ Franzy, sáng mai trả lời em cũng kịp. Em sẽ đến vuốt ve anh vào giờ điểm tâm”.

Khoảng bốn giờ sáng Marc và tôi hèn mặt bỏ rơi cô trong tay bọn Scandinaves say mềm. Trở về khách sạn Pierre, bọn thợ ảnh của Yates đã đứng đón sẵn trên hè phố số 5. Marc còn mệt hơn tôi nhiều, vì đối với anh lúc này đã là mười giờ sáng theo giờ Paris. Tuy vậy xem chừng anh chưa chịu lên giường ngủ.

— Ta còn chưa ăn mừng sự hợp tác làm ăn với nhau. Lâu nay tôi chỉ là người giúp việc anh, bây giờ đã thành người cộng tác.

— Thực tình tôi rất mừng.

Anh gật đầu: “Tuy vậy không vì thế, mà thay đổi được gì nhiều, mong anh nhớ cho. Không biết vì mệt mỏi hay vì thần kinh căng thẳng trông anh lúc này chẳng có vẻ của người đang muốn ăn mừng.”

— OK. Anh nói thẳng ra xem nào.

Anh ngồi xuống chiếc ghế bành, tựa gáy vào lưng ghế nhắm nghiền mắt. Anh nói: Đây không phải là trách nhiệm của anh nhưng anh lại là người duy nhất biết cặn kẽ mọi chuyện làm ăn của tôi. Và trong những công việc tôi làm mấy tháng gần đây anh thấy có hai điều lo ngại.

— Điều thứ nhất: Số lượng và qui mô các vụ đầu tư. Gần đây anh nhân lên đến mức không thể tưởng tượng nổi.

Mắt vẫn nhắm, anh giơ tay chặn trước không cho cãi.

— Vẫn biết anh có chủ trương phản kích và phân tán trứng ra nhiều giỏ. Có thể anh có lí. Nhưng anh dốc hết dự trữ là điều thậm nguy hiểm. Bao nhiêu triệu cho Săn Thú, bao nhiêu cho Cà Phê, bao nhiêu nữa cho dầu mỏ và bao nhiêu nữa cho Bạc. Lại còn khoản Quần Vợt. Có thể chậm lại sau cũng được. Cô Ute hứa với anh sẽ cấp thêm vốn phải không?

— Phải.

— Anh nhận lời?

— Không thể bỏ rơi gã Thổ và cô ấy.

Marc đẩy tròng mắt qua đôi mi vẫn nhắm.

— Đây là nỗi lo đầu tiên của tôi: Anh bộc lộ ghê quá. Xin để tôi nói hết đã!

— Nhưng chính anh đã thúc tôi làm món đầu mỗ cùng với Hassan.

— Vì nó chắc ăn.

— Cảm ơn Bố.

Anh tảng lờ không nghe thấy, nói tiếp:

— Mỗi lo thứ hai, cũng liên quan đến mỗi thứ nhất: Chắc chắn Yahl sắp chuyển sang tiến công. Rất gần đây thôi, và...Tôi xin anh, hãy để tôi nói đã, anh đừng phát biểu vội!

Một lát.

— Franz, tôi không mê chuyện xảy ra ở London. Làm việc trong ngành tài chính đã ba chục năm tôi đã từng đối mặt nhiều tên lừa đảo trong đó có những tên cực kỳ ranh ma. Nhưng không tên nào che nổi mắt tôi. Nhất định có chuyện với lão Yahl rồi đấy.

Im lặng. Anh mở mắt nhìn tôi.

— Hình như anh cũng cảm thấy thế phải không Franz?

Phải. Marc lại gật đầu:

— Nhưng cũng như anh, tôi chưa biết chuyện gì đang xảy ra. Có thể nói chính tôi cũng bắt đầu thấy sợ.

Biết trả lời anh ta thế nào đây?

— Franz, anh nói rằng tên Horst đánh giá vụ Quần Vợt, nhưng tôi cho đấy chỉ là nghi binh thôi. Hiểm họa ở phía khác.

— Cà phê chẳng hạn?

Tôi vào buồng tắm kể bên lấy chai nước khoáng trong tủ lạnh. Ngửa cổ tu luôn. Lát sau nghe tiếng Marc đến đứng ở bậc cửa: “Tôi làm anh căng thẳng, hử?”. Tôi đáp: “Còn phải nói”. Lúc này đã hơn bốn giờ sáng, những điều Marc vừa nói cũng lại là những điều làm tôi bồn chồn trong nhiều đêm không ngủ nên càng làm tôi phát điên. Vì Yahl, vì Catherine. Vì Marc và vì chính bản thân tôi. Thật quá nhiều đối với một con người. Im lặng kéo dài.

— Tôi đi ngủ đây, - Marc nói.

Anh bỏ đi. Tôi cố tự kiềm chế và gọi giật anh lại khi anh sắp đi vào hành lang ngăn giữa hai phòng chúng tôi.

— Đúng đấy, Marc. Tôi cho là anh có lý. Tôi sẽ bay sang Nam Mỹ xem lại khoản cà phê.

5

Theo chỉ dẫn của gã Thổ tới Rio. Tôi tiếp xúc với bạn hàng tốt nhất với bên ấy, một gã Brazil nhỏ con, lịch sự, hơi kín đáo nhưng rất nhanh nhẹn, mỗi lúc cất tiếng là múa tí hai bàn tay bé tí, đúng là một con diên thực thụ (Gã Thổ đã báo trước cho tôi chi tiết này). Tên anh ta là Joachim Gigio, thường gọi là Gigi. Để bắt chuyện tôi bảo:

— Tôi có quen một anh cũng tên là Joachim hồi ở bên Kenya.

— Đẹp trai chứ?

Tay anh ta gầy gầy chiếc cổ áo sơmi hồng mở rất rộng viền đăng ten.

— Không thể tưởng tượng được. Đẹp như thiên thần.

Mỗi lần nhớ đến Joachim thứ thiệt trước đây ở Kenya nay đã sang Florida, một gã nặng tạ hai lúc lòng không dạ dối có vẻ mặt của tên sát nhân, là mỗi lần tôi phì cười. Gigi dẫu môi rất điệu: “Anh nói làm tôi thêm sang Kenya quá đi!”. Gã Thổ đã rụt rè tả cho tôi nghe về Gigi bằng một câu ngắn ngủi. Hẳn thuộc giới kinh doanh tài chính. Hiếu ngâm: Một tên dặt mỗi vay tiền bạc rất lẹ, chỉ sau một ngày thậm chí một giờ đã kiếm được cho anh năm sáu triệu đồng đôla nếu hẳn biết chắc chắn anh sẽ trả được nợ. Có thể nói hẳn ta là gã Thổ miền nhiệt đới.

Hẳn có một tòa nhà đồ sộ ngay trên vũng Rodrigo Freitas, hai tầng sáu trăm mét vuông, có bể bơi trên sân thượng. Đồ đạc trong nhà hết sức xa hoa chứng tỏ chủ nhân biết chơi và có điều kiện thỏa mãn thú chơi. Hẳn bảo tôi: “Gã Thổ đã nói với tôi khá kĩ về anh. Nói anh đang quan tâm đến cà phê?”

Gã Thổ đã dặn tôi: “Franzy... Nay đừng gọi mình là Franzy”. Franz anh có thể hỏi Gigi bất cứ cái gì, tin tức, tiền nong, vũ khí, đàn ông và đàn bà. Hẳn quen tốt, quen tất cả bọn nhà binh to đầu ở Nam Mỹ. Đừng xét đoán sai về hẳn, nhất là về ngoài, hẳn lớn tuổi hơn tuy trông còn trẻ, và làm ăn rất giỏi”.

Gigi hỏi tôi có thấy trời nóng quá không? Có muốn tắm không? Không cần áo tắm? Tôi đáp có muốn tắm, nhưng có áo tắm thì hơn. Một lát sau hai người bì bõm trong bể bơi và tôi chợt nhận thấy đáy bể bằng thủy tinh trong suốt thành ra người ở dưới hiện tằng triệt có thể nhìn rõ chúng tôi trong bể. Lúc ấy có ba bốn chú choai choai trần trụi như bàn tay nằm tắm nắng đang ngược mặt nhìn lên. Khung cảnh thật ngộ.

Sau khi nghe tôi trình bày, Gigi nói: “Được. Tôi đã hiểu anh cần cái gì. Trước hết ta hãy nói về cái anh gọi là OPEP cà phê, thực ra là nhóm Bogota đang tồn tại và đang hoạt động. Chắc anh biết họ đã bỏ ra năm ngoài số tiền sáu trăm triệu đôla để giữ giá, hơn nữa, để đẩy giá lên. Theo tôi biết sự móc ngoặc giữa Brazil và Bolivia sẽ tiếp nối sang năm nay.”

— Điều ấy cần được kiểm tra.

— Tất nhiên tôi sẽ kiểm tra. Tôi rất mê tên của anh Franz.

Kiểm tra đi, và cho tôi biết kết quả. Thường xuyên báo tôi biết điều gì có thể xảy ra. Đồng ý, anh có thể gọi tôi là Franz.

— Bây giờ đến các khoản vật vãn...

Hắn nằm ngửa trên mặt nước hất đầu thẳng ra phía sau. “Nhìn thử coi?” Tôi cũng làm như hắn nhưng chẳng nhìn thấy gì ngoài bầu trời Rio xanh biếc.

— Anh không thấy được nhưng các vệ tinh thời tiết vẫn bay, vẫn cung cấp thông tin cho các cơ quan chuyên trách đều đều hằng ngày. Với trình độ hiện nay chúng chưa dự báo được sẽ có băng giá hay không có băng giá trong mấy tháng tới. Nhưng vai trò của chúng ngày càng quan trọng khi sắp tới vụ thu hoạch, từ đầu tháng sáu đến cuối tháng tám.

— Có giả mạo được không?

— Giả mạo các số liệu do vệ tinh cung cấp à? - Hắn trở mắt nhìn tôi - nghĩa là sẽ có người chịu chi thật bộn tiền để lật ngược các số liệu vệ tinh, đáng lẽ có băng giá lại thành thời tiết tốt? Hoặc ngược lại. Phải không?

— Được hay không được?

Hắn tùm tùm: “Bạn Franz thân mến, ý của bạn thật kỳ cục. Chỉ có thể trả lời thế này: Kể tên tất cả những người cần mua chuyện giả mạo này rồi bàn với họ xem sao”.

Đây cũng là chiến thuật tôi đã áp dụng ở Uganda và ở Bờ Biển Ngà.

— Anh làm đi.

— Bạn Franz thân mến, tôi cần có tiền lẻ.

— Anh sẽ có.

Và hẳn hẳn nghe loáng thoáng được điều gì có liên quan dù rất xa đến cà phê thì dù ban ngày hay ban đêm hẳn phải lập tức báo cáo ngay theo thứ tự: Tôi, Lavater, Rosen. Tôi trao cho hẳn bản ghi các số điện thoại, địa chỉ. Hẳn mời tôi ở lại ăn tối.

— Bạn Franz rất quý mến, tôi sẽ tổ chức cho bạn một đêm tuyệt vời.

Theo đà này, chắc hẳn sẽ gọi tôi là Franz thương yêu mất. Tôi vội rút lui. Vả lại tôi còn những hai chuyến bay nữa.

Lúc này tôi đang bay chuyến thứ hai trên chiếc máy bay du lịch xinh xắn đưa tôi từ La Paz, đến Cochabamba, một thành phố khác của Bolivia. Dưới cánh máy bay trải dài sườn Đông dãy Andes hoang dại khó tưởng tượng nổi, với những mỏm nâu có đỉnh sắc nhọn, chắn ánh nắng chiều vạch một vệt đen rất đậm kéo suốt triền núi. Tôi nói chuyện bằng tiếng Pháp với viên phi công đồng thời là chủ nhân chiếc máy bay. Anh ta người gốc Pháp. Thật tình cờ, anh là người anh em họ xa với Françoise Lavater, vợ của Marc, sự tình cờ làm tôi thiếu chút nữa thì sinh nghi. Trong lúc bay dọc theo triền dãy Andes, anh ta kể chuyện về xứ Bourbon, về Chagny nơi anh đã ở hồi năm năm trước. Sang Bolivia anh trở thành đại địa chủ và làm chơi bời nghề xuất nhập khẩu. Kể chuyện bà nội người Pháp lấy chồng người Bolivia giàu sụ, chuyện vợ vẫn tôi cóc cần biết. Và tỏ ý tiếc chuyến bay ngắn ngủi.

— Anh không thể nán lại lâu hơn sao?

Chắc là không. Nhiều việc lắm. Chúng tôi hạ cánh xuống Cochabamba tuy ở tít dưới chân thung lũng rất sâu nhưng vẫn cao hơn mặt biển hai ngàn sáu trăm mét. Theo yêu cầu của tôi anh ta chỉ cho xem những cây cà phê thứ thiệt, trồng dưới đất hẳn hoi, trông chẳng lấy gì làm ghê gớm. Tổ chức

một bữa tiếp tân để tôi tiếp xúc với một vị tai to mặt lớn trong ngành trồng cà phê hai quan chức cỡ bự của các bộ Nông Nghiệp và Thương Mại, một chuyên viên của thị trường cà phê Bolivia và một tay dân sự xem ra phải là một đại tá. Một buổi tối tệ nhạt muốn chết khiến tôi thầm rửa Marc Lavater sao lại đưa tôi vào cuộc điều tra buồn ngủ này. Họ nói chuyện về các ông tướng mà họ tôn thờ, về những người Indiens “đáng tống khứ khỏi đất nước Bolivia”, về Salicla Al Mar, vụ định mở đường thông ra Thái Bình Dương nhưng bị nước Chile của ông tướng tốt bụng Pinochet bạn thân của họ tranh chấp. Hỏi tôi ở bên Pháp tôi có biết “nhà cách mạng” Régis Debray^[23] không. Không, tôi không biết, tôi chỉ quan tâm đến cà phê thôi. Họ ngạc nhiên: Cà phê à? Tại sao tôi lại phải lo lắng về chuyện cà phê? Tốt đẹp lắm mà, các thỏa thuận giữa chúng tôi với người Brazil có hiệu quả lắm và sẽ tiếp tục như vậy. Đang có âm mưu phá giá à? Họ cau mặt: Señor ời, Bolivia là xứ sở của trật tự. Chuyện tới đây thì đoàn nhạc công kéo đến, toàn người Indiens: Đàn bà bận váy rộng màu đỏ, da cam, màu xanh, đội mũ rơm chòm cao, đàn ông khoác portant đội mũ kiểu vùng Andin, gọi là chullo có tai. Họ nhảy múa với bộ mặt màu da đồng vô cảm như mặt ma, không một chút vui tươi nào, trong lúc bọn kia nói chuyện với nhau bằng tiếng Tây Ban Nha. Tôi giả bộ không nghe hiểu, nên họ tận dụng lợi thế bàn tính hết với nhau. Và tôi thấy lợm giọng. Nhớ lại một cảnh trong vở Kaputt của Malaparte^[24].

Sáng hôm sau nhân có chuyến bay thẳng Cochabamba - Rio, tôi lại lên đường. Máy bay của hãng Lloyd Bolivia, đáng nghi ngại chẳng khác gì mấy ông bạn cùng dự tiệc tối qua. Mà lại còn phải cảm ơn nữa.

Bình thường máy bay vẫn hạ cánh xuống sân bay quốc tế Galeao. Nhưng vì có trục trặc kỹ thuật, viên chỉ huy bay thông báo sẽ đổ xuống sân bay Santos Dumont ở Flamengo. Chỗ này về khách sạn càng gần hơn nên tôi không thấy có gì trở ngại.

Điều đáng ngạc nhiên là tuy có sự thay đổi này, nhưng khi tôi vừa lợt qua các trạm kiểm soát là thấy ngay tên thợ chụp ảnh thứ nhất của Yates tiến đến. Nói tên thứ nhất vì thường vẫn có hai. Bất giác tôi đưa mắt tìm tên thứ hai. Tên này thuộc giống cái: Cô Maria De Santis. Tôi đi qua trước mặt cô nhìn vào mắt cô ta nhưng cô thản nhiên bặm máy như mọi bận. Cô nhìn tôi có một thoáng mắt, cặp lông mày hơi động đậy ra ý bảo: “Đừng nói.” Tôi bỏ đi.

Tôi vào Meridien ở Copacabana. Lại tập bài thể dục thường lệ với các múi giờ: Rio và Paris chênh nhau bốn tiếng. Vậy bên ấy bây giờ là mười sáu giờ mười lăm phút. Phải sau nửa giờ mới nghe tiếng Marc Lavater trong máy:

— Anh và trực giác của anh thật vô tích sự!

Tôi gọi anh ta chủ yếu để thở ra cơn oán hận trong lòng: “Mac này, bọn khốn kiếp ở Bolivia là đồ rác rưởi mạt hạng nhất tôi đụng phải từ trước đến giờ!” Nhưng anh ta vẫn điềm tĩnh như thường, lại còn tỏ vẻ tin rằng chuyến đi của tôi có kết quả; anh một mực đòi biết tỉ mỉ về cuộc thương thảo.

— Gã gặp ở Rio thế nào?

Anh ta không biết tên gã là Gigio. Vì tôi chỉ nói qua loa rằng gã Thổ có giới thiệu cho một gã.

— Tên hăn là Gigio. Joachim Gigio. Hăn sẽ điện cho anh, hoặc tôi nếu có chuyện khác thường xảy ra.

— Tốt.

Một thoáng yên lặng. Sau đó Marc báo tin anh sắp rời Paris đi Roma và Naples, ở đây anh sẽ gặp Hassan để hoàn tất việc dựng lên công ty tay ba của chúng tôi. Tuy mọi vấn đề đều đã giải quyết xong, ngân hàng Curacao đã ra đời, ngân hàng Liechtenstein cũng vậy, các khoản vốn đã góp đủ. Chỉ còn khởi động cho bộ máy chạy thôi. Nên anh phải sang đó. Chính lúc tôi gọi cho anh là lúc anh sửa soạn ra sân bay Orly. Tôi hỏi:

— Chừng nào anh về?

— Ngày kia. Sáng 23. Chắc lúc ấy anh đã trở lại New York?

— Hẳn thế. Nhờ anh tặng một li kem của tôi cho Hassan.

Thực ra, đưa Con Sa mạc đã có đủ tiền ăn kem vì tôi vừa chuyển vào tài khoản công ty của chúng tôi số tiền mười triệu đôla. Nhưng gã chỉ được đụng vào đó nếu được Marc và tôi cùng thỏa thuận. Sự thận trọng khôn ngoan.

Sau Lavater tôi gọi Philip Vandenberg ở New York, lúc này ở bên ấy chưa đến mười giờ. Anh ta đã có mặt tại văn phòng rồi. “Cần tôi à? Sau đó bốn mươi tiếng nữa tôi sẽ tới New York?”.

— Được, tôi sẽ đợi.

Cả Rosen và Lupino đều trả lời tôi như thế.

Đến lượt Gigio. Anh ta kêu: “Làm gì đã có kết quả!” Mới gặp nhau cách đây có hai mươi bốn tiếng!

Sau những cú phôn dồn dập, tôi vừa định gác máy thì được báo có người gọi cho tôi;

— Em cần gặp anh, - cô nói. - Gặp riêng.

— Ngay bây giờ?

— Ở phường Leblon, số 1235 đại lộ Ataulfo de Paiva, tiệm Baco. Sau nửa giờ nữa em đến đây.

Cô vẫn bận chiếc quần vải với chiếc blouson da như khi tôi gặp ở sân bay Copacabana. Đang ngồi uống bia.

— Bolivia chắc là đẹp?

— Không đẹp nếu mình là dân Bolivia thực thụ.

Cô liếc nhìn xung quanh với vẻ lo ngại thoáng qua, khó thấy:

— Này anh, em không muốn họ thấy chúng mình gặp nhau. Nhưng lại có việc cần nói. Anh có mang theo xe không?

Lát sau, hai xe của hai chúng tôi nối nhau lăn bánh, cô ta tự tay lái chiếc xe của mình. Chúng tôi đi theo hướng Đông xuyên qua thành phố, tôi đã tưởng cô đưa tôi trở lại sân bay Galeao nhưng không phải, cô rẽ lên cầu Niteroi. Qua cầu đã đến bãi biển, sau lưng là vũng Itaipu tuyệt đẹp.

Xe cô đỗ lại trước ngôi biệt thự xinh xắn, khiêm nhường, đứng cô đơn một mình với hàng hiên là bãi cát. Quang cảnh thật đẹp. Tôi sững sờ trước

cảnh tĩnh mịch bao phủ quanh đây, đi tới bên thiếu phụ.

— Làm gì bây giờ?

Cô tủm tỉm cười ranh mãnh:

— Thú nhận đi, anh tưởng bị dắt vào bẫy phải không?

— Sợ thật đấy. Bây giờ vẫn còn run. Ai ở ngôi nhà này vậy?

— Em. Em đã từng ở Brazil mà. Tắm không anh?

Cô cởi chiếc blouson da mỏng tang, lúc ấy tôi mới biết bên dưới không còn xống áo gì khác. Đôi vú nhỏ nhắn nhưng chắc, rám nắng rần đều. Đến lượt chiếc quần tuột xuống. “Quay mặt đi một lát nào”. Tôi tuân lời, khi quay lại đã thấy cô thay slip bằng mảnh áo tắm kiểu Brazil gọi là tanga để hở suốt hai bên hông và thực ra cũng chẳng che đậy gì nhiều. “Em xuống tắm đây. Anh tắm hay không tùy thích. Sau đó sẽ nói chuyện”. Chưa dứt lời cô đã xuống đương đầu với con sóng lớn của Đại Tây Dương và các đợt sóng còn mà bãi tắm nào ở Rio này đều không tránh khỏi, nó không thuận lợi cho việc trở tài “bơi trườn”. Không mang theo áo tắm, tôi mặc quần lót lao xuống biển. Nước không nóng lắm tuy đang giữa mùa hè, khác với nước biển Caraibe.

Chúng tôi cùng lên bờ. Sóng bước trên bãi cát. Không một bóng người trong phạm vi mấy cây số xung quanh.

— Em chỉ được báo là anh đã đi Bolivia. Tay đồng nghiệp và em chực sẵn ở sân bay Galeao nhưng đến phút cuối cùng mới được tin anh xuống sân bay Santos.

— Ai báo?

— Một gã làm cho Yates, cũng như bọn em. Gã không xưng tên nhưng nghe trong điện thoại em nhận ra gã là người Brazil, phóng viên, tên Cabrai. Cánh làm cho Yates có nhiều người là phóng viên.

— Họ có nói anh sang Bolivia làm gì không?

— Không, không bao giờ họ đã động đến điều này. Công việc bọn em là chụp ảnh anh ở các nơi công cộng, thế thôi.

— Thế em biết anh sang Brazil lúc nào? Và em sang đây lúc nào?

Cô vắt nước biển trên tóc. Nước chảy từng giọt xuống núm vú. Trời vẫn rất nóng hơn 30 độ C, tuy ngày đang tàn.

— Sáng bữa kia, 19. Evans cùng đi với em, rời New York bằng chuyến bay mười một giờ năm mươi.

Sau tôi gần bốn tiếng.

— Thế có biết anh đã làm những gì ở Rio không?

— Không. Anh vừa đến thì họ báo bọn em là anh đã giữ chỗ ở khách sạn Meridien phố Leme. Chúng em tới đấy thì biết anh chỉ rẽ qua để gửi hành lý. Evans gọi điện cho ai đó không biết. Chúng em nháo nhào đến sân bay thì anh đã vù đi La Paz. Quay đi chỗ khác một tí nhé. Nhưng thôi, anh thích nhìn thì cho nhìn.

Một lát, tôi không nhúc nhích, tim giật thót một cú. Bốn mắt dán chặt vào nhau.

— Xong, có mấy hạt cát trong áo tắm. Sóng còn thật phiền.

— Tại em có sáng kiến mặc áo tắm vừa to vừa thùng thình thế kia.

— Vì tính em cả thẹn lắm ông tướng ạ.

— Ban này em bảo có chuyện cần nói.

Lúc này sao tôi thấy nói chuyện làm ăn khó thế! Cô điềm nhiên bảo: “Tay Yates cứ đòi ăn nằm với em. Ý định ấy lồng lộn trong lòng hăn từ bao giờ bao giờ rồi ấy. Hăn gan lỳ lắm cơ. Mò đến New York để xin nộp đơn.”

— Chuyện tình cảm của em hấp dẫn không thể tưởng tượng được.

— Gã đến mời em đi ăn tối. Cuối cùng lại hóa ra có những ba người. Người thứ ba cao lớn, tóc vàng, môi đỏ, bốn mươi tuổi, mắt màu sáng. Tên là Horst. Erwin Horst. Quen không?

— Quen.

— Hăn cũng biết anh đấy. Gọi anh là nghệ sĩ nhảy múa. Dù hăn và Yates không nói tên, em cũng hiểu được đó chính là anh.

Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện. Tôi dừng lại, ngồi xuống, thọc hai tay xuống cát ấm. Maria De Santis đi thêm một hai bước nữa mới biết tôi đã dừng lại bèn quay gót đi trở lại phía tôi. Cô hỏi: “Anh có người bạn là dân Ả Rập à?”

Tôi ngừng đầu ngược nhìn thẳng vào đôi mắt đen láy. Cô tiếp:

— Họ có nói đến một gã Ả Rập và bảo mọi thứ đã thanh toán xong với hăn ta.

— Có nói tên không?

Lắc đầu: “Chỉ nói: Gã Ả Rập”

— Họ còn nói những gì? Em cố nhớ thật đúng từng câu từng chữ coi.

— Yates hỏi: “Tên Ả Rập thì sao?” Horst trả lời: “Thanh toán rồi”. Chỉ có thế.

Tôi quay nhìn ngôi biệt thự xinh xắn phía sau cách chưa đến hai trăm mét:

— Ở nhà có điện thoại không?

— Có đòi gì thêm nữa không?

Tôi cố lục trí nhớ, gắng sức một cách tuyệt vọng, cố nghĩ ra điều Marc Lavater vừa nói qua điện thoại cách đây vài ba tiếng, lúc tôi liên lạc với anh vào lúc anh sắp sửa rời Paris đi Roma. Từ Roma anh sẽ đi Naples gặp Hassan Fezzali. Nhìn đồng hồ tôi nhẩm tính: Lúc này nhất định Marc đã tới Roma, không chừng đang trên đường tới Naples. Bằng máy bay hay đường bộ? Tôi đứng phắt dậy.

— Về nhà đi em. Anh cần gọi điện ngay.

Bây giờ nhớ lại lúc ấy tôi không cảm thấy thực sự lo lắng, mà chỉ thấy tức giận và gần như thấy yên tâm nữa: Đòn đầu tiên đánh vào Quần Vợt chỉ là đòn nghi binh chúng mới nghĩ ra; đòn thứ hai này đánh vào đầu mỏ vừa được Maria De Santis gọi cho tôi đoán biết mới là đòn đã được chuẩn bị từ lâu, đúng với điều tôi đã chờ đợi lâu nay. Fezzali có đồng lõa trong vụ này không? Điều chắc chắn: Phải báo động ngay cho Marc. Tôi nhắc lại:

— Nhất thiết anh phải gọi điện ngay.

— Không chậm lại một tí xúu được à?

Cô nói với giọng bình tĩnh dịu dàng, và đây là lần đầu tiên từ khi biết cô tôi thấy trong đôi mắt đen kia không còn ánh giễu cợt mọi bận. Cô đến bên tôi, cởi bỏ mảnh tanga. Trong cuộc đời có những lúc ta thấy rõ mình quả đúng là một thằng thộn. Lúc ấy là một lúc như vậy. Tôi buồn bã tin chắc lúc này dù mình làm gì nói gì đi nữa cũng chỉ khiến tình thế càng nghiêm trọng hơn và càng làm nổi bật thêm sự ngốc nghếch của mình, nên tôi chỉ vuốt má cô ấy, ôm hôn rồi co cẳng chuồn.

Thành phố gần đây nhất là Niteroi. Vào giờ này dĩ nhiên bưu điện đã đóng cửa, các văn phòng của công ty Embratel cũng thế (tôi định gửi điện tín cho văn phòng Lavater ở Paris, xong mới chợt nhớ ra là do chênh lệch múi giờ nên lúc này ở Paris đã gần nửa đêm nên sẽ chẳng có ai nhận điện). Thì gọi tổng đài của khách sạn chính Samangua nhưng vì mới có một chuyến bay riêng của du khách vừa tới nên ở đấy hết sức nhộn nhạo. Không hy vọng có thể dàn xếp được với các vị Brazil có nét nhớn nhơ rất dễ thương này. Không hiểu Marc Lavater đã vào hoặc sẽ đến khách sạn nào ở Naples. Tốt hơn hết là tôi trở về Rio tìm trong các cuốn niên giám.

Về đến Meridien đã gần chín giờ. Đầu óc rất căng thẳng. Tôi tung thật nhiều tiền trà nước cố nhờ gọi về biệt thự Chagny: Không ai trả lời, ngay bà phục vụ người bourguigno - Ba Lan cũng không có nhà; gọi về văn phòng, về nhà riêng Lavater ở Paris phố Lille, không ai đáp; gọi cho bạn bè ở Paris, không, họ không biết Marc hiện ở đâu, Françoise cũng không, họ sẽ tìm hiểu và nếu có kết quả sẽ gọi cho tôi sau; tôi gọi phụ tá của Marc là Cannat, anh ta không có nhà, hình như ở Cung Thể Thao Mùa Đông nhưng không biết đích xác, có lẽ ở Alpe D'Huez; xin được hai số máy của Fezzali ở Cairo: Không có trả lời; gọi cho Riyad, không có trả lời; gọi số máy ở Kuwait, không có trả lời ngoài một gã nào đó xì xồ bằng tiếng Ả Rập chịu không hiểu nổi; tôi chỉ nghe tiếng đồ chuông trong phòng vắng người khi gọi hai số máy của Adriano Letta ở Roma.

Cùng lúc với tôi, một người giúp việc giám đốc khách sạn đã vui lòng giúp một tay, quay số gọi các khách sạn. ở Naples với hy vọng tìm được một nơi Lavater hoặc Fezzali đã giữ chỗ. "Không có ở Excelsior, cả ở Vesuvio, San Germano, Parkers, Royal, cả Majestic đều không. Hay là các vị ấy đến những khách sạn rẻ tiền hơn, tôi làm sao lường hết được thói keo kiệt của Fezzali!

— Thử gọi các khách sạn ở ngoại vi xem.

— Họ đều không có telex.

Mất bao nhiêu thì giờ tìm kiếm, đến tận lúc ở Rio mười một giờ đêm, tức ba giờ sáng bên Châu Âu. Tôi còn nhớ đến lúc ấy tôi bắt đầu chuyển từ nóng ruột sang lo lắng, một nỗi lo âm ỉ bắt nguồn từ trực giác báo cho biết

đã xảy ra chuyện không hay. Cuối cùng tôi quyết định gọi sang London cho Ute Jenssen.

— Anh rất biết lúc này là mấy giờ, Ute ạ. Nhưng nếu không có việc nghiêm chỉnh thì anh đã chẳng quấy rầy em giữa đêm hôm thế này.

Tôi nói rõ điều muốn nhờ cô ta giúp. Cô quát lên: “Thế mà kêu là việc nghiêm chỉnh! Naples có hàng ngàn khách sạn ở cả nội và ngoại thị, Fezzali và Lavater có thể vào bất cứ cái nào. Và theo em nghĩ thì lúc này họ đang ngủ yên. Còn anh thì định bắt em xung trận chỉ vì trực giác của anh.”

Cậu trợ lý giám đốc đến giúp tôi đã bỏ đi ngủ nhưng...

— Đồng ý, Franzy. Em sẽ ra khỏi giường nệm âm êm, sẽ thuê một chiếc Boeing và bay đi Naples. Còn nếu anh muốn biết ý riêng của em thì...

— Không cần biết.

... nhưng trước khi về phòng ngủ, cậu ta đã có sáng kiến: Gửi một bức telex cho văn phòng Hãng Hàng Không Pháp ở Naples đặt ngay tại sân bay. Bây giờ họ trả lời: Một hành khách tên là Lavater đã tới đây lúc mười chín giờ bốn mươi phút.

Sau đó là sáu tiếng khắc khoải chết người. Ute là người đầu tiên phá vỡ sự yên lặng.

— Có tin chẳng lành, Franzy.

Tôi ngẩng nhìn Copacabana từ bóng đêm bước ra. Ánh bình minh sơ khai soi rõ một người đàn ông đang nhún nhảy dọc theo lằn ranh giữa bờ cát và nước biển. Hòn Chóp Nón hiện ra, phía trên đồi Leme.

Hassan Fezzali đã mất tăm. Không để lại chút dấu vết. Hẳn không đến khách sạn đã dặn giữ chỗ trước: Khách sạn Parco Principi ở Sorrente, cách Naples bốn tám kilomètres.

Nhưng đã tìm được Marc. Bị tai nạn xe hơi. Không chết nhưng ở trong tình trạng nguy ngập. Tiếng Ute Jenssen:

— Em đã xem vết tích tai nạn, tưởng chừng anh ta định tự sát.

6

Vừa đặt chân xuống đất Ý tôi nhào ngay tới bệnh viện Marc được đưa vào.

Françoise vừa từ Alpe D'Huez cuống cuống chạy tới, cho biết anh vẫn chưa tỉnh. Bác sĩ chưa báo bao giờ anh mới nói được. Ở đây chẳng được việc gì. Tôi quyết định tự mình đến hiện trường điều tra vụ này.

Tai nạn xảy ra trên đoạn đường chênh vênh, rất khúc khuỷu, nhiều đoạn rất hẹp của tỉnh lộ từ Sorrente đi Naples. Nhân chứng là bốn chàng trai Ý đi chiếc Fiat nhỏ. Tôi gặp một cậu trong đồn cảnh sát Sant Agnello và cùng cả bọn đến hiện trường.

Đó là nơi cách Sorrente từ tám đến mười kilomètres. Điều lạ thứ nhất: Lavater không đi tới Sorrente mà là từ đó chạy về. Lúc ấy đã một giờ sáng. "Chính chỗ này, signor... ông ấy vượt chúng tôi giữa cua. Nếu có xe chạy từ phía trước lại chắc bọn tôi chết hết. Ông ấy phóng nhanh, nhanh lắm lắm. Vẫn bám được đường đã là lạ, sau đó ông lại vào tiếp cua nữa mà không giảm tốc độ. Bánh sau bị trượt, xe quệt vào rào chắn lộn mấy vòng. Vừa đúng lúc chúng tôi lao tới. May hãm lại kịp.

— Có xe nào khác ngoài hai chiếc của ông ta và các anh?

— Không. Ông ấy chạy quá nhanh.

Adriano Letta đã làm mọi việc cần thiết: Ngoài các chuyên viên đã kiểm tra xe bị nạn. Ngoài những hư hỏng vì va quệt, còn tất cả: Nhíp, bánh, phanh, tay lái đều bình thường; không có dấu vết khả nghi có phá hoại. Và chẳng chiếc Fiat này là xe thuê, chọn lấy trong cả đám. Adriano còn lập lại thời gian biểu của Lavater. Anh này sau khi xuống máy bay lúc mười chín giờ bốn mươi đã thuê chiếc xe này lái đi Sorrente ngay lúc gần hai một giờ thì tới khách sạn Parco Principi, ngồi ăn một mình trong khách sạn rất vắng vẻ vào mùa này, sau khi hỏi tin và được báo cho biết là Fezzali chưa tới. Ăn xong, Marc còn ngồi chuyện vãn với chủ quầy rượu đã từng làm việc bên

Pháp. Lúc hăm ba giờ ba mươi anh lên phòng trọ. Chừng hai chục phút sau có điện từ Cairo gọi anh. Cuộc đàm thoại rất ngắn theo lời người gác đêm trực tổng đài. Trong một tiếng sau đó không có gì đặc biệt. Bỗng nhiên Marc Lavater quay lại đại sảnh. Trả tiền trọ bằng phiếu tín dụng. Trông mắt rất kích động, cau có, gần như đang cuống cuống về chuyện gì đó, khiến người gác đêm thấy hơi lo. Marc lên xe lái đi. Mười phút sau tai nạn xảy ra.

— Ai gọi điện tới đây? Fezzali?

— Người gác đêm không biết. Chỉ thấy nói muốn gặp ông Lavater. Không xưng tên.

Tôi quay lại Sorrente ngay, vào bệnh viện tìm Marc. Ute đang ở đại sảnh:

— Lên được đây Franzy. Nhưng vô ích, anh ấy đang dùng thuốc chống viêm và những gì gì ấy.

Lúc này là mười một giờ sáng 23 tháng giêng. Tôi đến Ý từ tối hôm qua, hạ cánh xuống Roma lúc mười giờ tối, từ Rio bay sang. Chưa nói được câu nào với Marc. Không ai nói được với anh ta. Cả Ute cũng vậy. Ngay khi đặt chân xuống sân bay Naples cô đã nghĩ ngay việc kiểm tra xem Lavater có thuê mướn xe không. Sau khi biết rõ, cô gọi ngay cho cảnh sát giao thông và được tin tai nạn vừa xảy ra. Đúng lúc cảnh sát đang cần tìm ra người để báo tin.

Tôi lại lên phòng Marc năm một lần nữa. Françoise trông thấy tôi, lắc đầu ra hiệu: Marc vẫn chưa tỉnh. Chụp X quang cho thấy anh bị gãy hai ống chân, xương chậu bị nứt, xương cánh tay trái cũng gãy; các đốt sống cổ đều bị chấn thương, chưa biết hậu quả sẽ ra sao. “Bao giờ anh ấy mới tỉnh?” - “Phải sau nhiều giờ nữa. Nếu não không có việc gì. Ôi, anh Franz!” Tôi ngậy người nhìn Marc nằm bất tỉnh, mặt sưng húp khó nhận ra. Nhớ lại dáng vẻ anh năm năm trước, hôm tôi kéo anh ra khỏi một bữa tiệc mời và dẫn anh đến cuộc gặp gỡ có phần bí ẩn. Hồi đó anh xấp xỉ năm mươi, đáng tuổi làm bố tôi, dáng dấp đúng với địa vị của anh, một viên chức cấp cao đã chuyển về làm tư nhưng vẫn giữ lại đôi chút cứng rắn. Anh thừa thông minh và không có đủ thói uế oải cần thiết để ngồi cạo giấy, dù là trên những chiếc ghế thật cao. Anh bảo tôi: “Đến một lúc nào đó ta cần lựa

chọn. Mình không còn hy vọng ngồi vào chức tổng thống nước cộng hòa, vì đã có một đồng nghiệp mơ đến nó trước mình rồi. Chỉ còn một nước lo làm giàu thôi”.

Vợ chồng anh không có con, tuy rất đông cháu trai cháu gái, có hai người đến Sorrente cứu nguy cho bà dì. Họ chỉ chào tôi qua loa cho phải phép, rõ ràng họ không ưa tôi lắm. Tuy vẫn nhận lời, với ít nhiều thái độ hạ cố, để tôi chịu mọi phí tổn đưa về nước bằng máy bay y tế. Ra ý: “Đó là lỗi tại anh”. Về điểm này tôi không nghĩ khác họ bao nhiêu.

Tôi vẫn nhìn Marc nằm bất động. Françoise thì nhìn tôi. Trong mắt chị tuyệt nhiên không tỏ ý trách móc. Nhưng tôi tin chắc chị đang nghĩ như tôi rằng nếu không vì vũ khúc Cimballi thì chị và chồng chị lúc này hẳn đang yên ấm trong biệt thự Chagny.

Tôi vẫn nhìn Marc, trong lòng day dứt câu hỏi: Tại sao anh vội vã rời khỏi khách sạn Parco Principi vào giữa lúc nửa đêm khuya khoắt?

Và Hassan Fezzali đang ở đâu?

Adriano Letta bỏ hẳn một ngày và một đêm thức trắng cố tìm cho bằng được Hassan. Không kết quả. Ở Cairo người ta chỉ biết: Lão ta lên xe rồi đi thẳng từ nhà ra sân bay để bay sang Ý. Từ đây bật tin, chỉ biết chắc khi máy bay cất cánh đi Roma không thấy lão ta đến. Mà chính văn phòng của lão ta đã điện giữ chỗ trong khách sạn ở Sorrente cho Fezzali và Lavater. Fezzali vốn là khách quen của Sorrente, thường tới đây luôn, lần nào cũng vào dịp trái mùa. Tôi nghĩ đến lão ta ở thì quá khứ. Trực giác báo: Lão ta đã chết rồi.

Thấy ở bệnh viện chẳng được việc gì, tôi về khách sạn Excelsior Vittoria ở ngay bến cảng đi Capri, đứng trên sân thượng nhìn ra cảnh rất đẹp của vịnh Naples và núi lửa Vésuve. Ute đã giữ phòng cho tôi. Tuy vô cùng chán ngán, tôi lại quay điện thoại. Gọi Cannat ở Paris: Nghe giọng anh ta tôi đã biết ngay tình hình chẳng mấy tốt đẹp.

— Những điều ta lo ngại rất có cơ sở, ông Cimbali. Tôi đã liên lạc với Vaduz: Các món phải chuyển khoản đều đã thực hiện đầy đủ, phần của ông, của Marc và của ông Ả Rập cộng tác với ông. Điều hợp thức hết và đã vào sổ.

— Nhưng các khoản tiền ấy đều không ai được rút ra, phải không?

— Vâng, nếu không có đủ ba chữ ký của ba ông. Điều lệ của công ty và hợp đồng ủy thác đều ghi rõ.

— Tôi sẵn sàng ký. Marc sớm muộn gì cũng sẽ ký được. Chỉ còn Fezzali. Ông ấy cũng không thể một mình rút tiền được à?

— Không được, cũng giống ông và ông Marc vậy. Mười chín triệu của ông ấy không còn thuộc quyền sử dụng của ông ấy nữa, chỉ còn trên lý thuyết thôi.

— Theo tôi nhớ thì trong trường hợp Fezzali từ trần, những người đại diện của ông ấy có quyền ký thay, ông ấy có chỉ định người đại diện không?

— Có. Nhưng họ chỉ được quyền thay mặt khi ông ấy từ trần hoặc bất lực về thể chất.

— Ông ta biến mất rồi.

— Khó khăn chính là ở chỗ đó. Nếu chính thức qua đời hoặc chính thức được xác định là bất lực do bị tai nạn, vấn đề Fezzali không gây trở ngại gì. Nếu mất tích thì lại khác. Có thể là cố tình.

— Ngộ không phải cố tình thì sao? Ví dụ bị bắt cóc?

— Thì việc người đại diện hoặc người nối tiếp đứng ra thay thế sẽ tiến hành bình thường. Với điều kiện phải xuất trình được bằng chứng có giá trị pháp lý về vụ bắt cóc, nó cũng là bằng chứng ông Fezzali không có khả năng thực hiện trách nhiệm của mình. Ông Cimbali, có lẽ ông cũng ngờ như tôi: Sự việc ông Fezzali mất tích xảy ra trong những hoàn cảnh khiến ta có thể cho rằng nó không nhằm mục đích nào khác là giảm chết sổ vốn đó.

Dù Hassan Fezali có đồng lõa hay không.

— Làm cách nào để giải phóng vốn thật nhanh?

— Không nhanh được. Tuy vẫn có khả năng rút được vốn. Nhưng nếu không chứng minh được rằng ông Fezzali không tự ý biến đi thì thủ tục sẽ kéo dài vô tận.

Hơn nữa công ty Liechtenstein lại móc với công ty Curacao là công ty vô danh, số tiền nó đang nắm giữ là những khoản tiền đến với nó bằng những con đường kín đáo. Phần của Marc chắc từ Thụy Sĩ sang, của tôi từ Bahamas, còn của Fezzali thì không rõ. Gỡ được mỗi bong bong này là công việc rất căng, phải tung vào đó cả một văn phòng luật sư. Tóm lại chúng tôi là nạn nhân của sự thận trọng của chính mình.

Đã thế anh chàng Cannat lại cứ luôn mồm nhắc đi nhắc lại làm tôi phát điên lên được vì biết anh ta có lý: Phải mất hàng năm trời.

Biết bao giờ? Tôi bảo anh ta: “Không chậm một phút! Hãy làm ngay các thủ tục pháp lý cần thiết”.

Và cử Adriano Letta đi ngay Cairo.

Marc Lavater không mở mắt, tôi chỉ thấy mạch máu đập mạnh ở thái dương anh ta.

— Marc, ai điện cho anh? Hassan à?

Sau một lúc lâu tưởng như vô tận Marc mới trả lời, dường như anh ta ở nơi xa xôi hàng ngàn kilômètres. Toàn bộ buổi trò chuyện giữa hai chúng tôi diễn ra với vẻ phi thực đó, riêng tôi thì cảm thấy mình thật tồi tệ vì cứ mãi hành hạ bạn mình đang ở trong tình trạng thế này bằng những câu hỏi liên tiếp.

— Không phải Fezzali.

— Hay một cộng tác viên của anh ta ở Cairo? Không à? Vậy thì ai, Marc? Tôi rất cần biết.

Marc nói nhát gừng, hỗn hển, nửa tỉnh nửa mê, đứt từng quãng dài, vẻ đau đớn. Kẻ gọi điện cho Marc nói tiếng Anh pha giọng Ả Rập khá nặng, không xưng tên cũng không nói thay mặt cho ai. Chỉ báo tin Hassan Fezzali sẽ không tới chỗ hẹn vào ngày đã ấn định, những ngày sau cũng sẽ không tới. Thế thôi. Sự thật sẽ hiển nhiên: Hassan biến mất, dù cố ý hay không thì điều đó sẽ có hậu quả chắc chắn là “Vụ Liechtenstein” sẽ bị chặn đứng nếu như chúng tôi không biết tin anh ta sau một thời gian dài nữa.

— Marc, ngoài ra hẳn có nói gì nữa không?

Không. Nhưng thế cũng đủ rõ: Marc Lavater đoán ngay anh đã kéo tôi vào bẫy cùng với chính bản thân anh. Và cũng hiểu ngay: Cú phôn nặc danh này chẳng có chút giá trị gì khi anh tiến hành các thủ tục pháp lý để rút tiền, vì chỉ có một mình anh nhận điện mà anh lại là một bên liên can. Lời làm chứng của anh sẽ không có hiệu lực trong vụ kiện cáo sau này.

Tôi rất hiểu Marc nên không khó khăn gì mà không đoán biết lúc ấy anh suy nghĩ ra sao. Anh hoảng lên, giống như viên kế toán ngay thẳng chợt phát hiện có sự nhầm lẫn khủng khiếp trong sổ sách tính toán của mình.

— Đáng lẽ anh phải báo động ngay cho tôi. Báo ngay lập tức sau đó, không chậm một giây.

Nhưng anh không báo. Đáng lẽ làm như thế, anh lại một mình suy nghĩ trong phòng trọ ở Parco Principi, rồi nhảy lên xe trong tâm trạng bị kích thích khác thường.

— Lỗi tại tôi hết, Franz.

Anh định đi đâu? Chính anh cũng không biết, lúc này anh không nhớ nữa, mà đã hành động theo phản ứng tức thì. Có thể đi Cairo thử xem điều gì đã xảy ra với Fezzali - mà anh cho là vô tội trong vụ này. Hoặc đi gặp cảnh sát thành phố Naples hoặc về Paris, về biệt thự Chagny vùi mình trong đó để cố trấn tĩnh lại và đánh giá tình hình. Trí nhớ lẫn lộn lung tung. Khi lao trên con đường chật hẹp ngoằn ngoèo từ Sorrente đi Naples đầu óc anh còn rối bời hơn nữa. Tôi vẫn biết: Marc Lavater thuộc loại người có trí thông minh đặc biệt, có khả năng thực hiện những tiết mục kỹ xảo trí tuệ tuyệt diệu, nhưng chỉ khi nào bản thân họ không vướng víu vào công việc, tuy đó là công việc họ rất thèm muốn. Đây chính là điểm vừa cách biệt lại vừa hòa hợp hai người chúng tôi.

— Lỗi tại tôi hết, Franz.

Cả tai nạn cũng vậy. Theo anh ta, một mình anh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Anh xác nhận kết luận của cảnh sát và lời khai của nhân chứng: Anh chạy xe quá nhanh. Có thể đây là mức thấp nhất trong mục đích giảng dạy của Yahl và Horst, làm chúng tôi, làm bản thân tôi bị hụt mất một phần lớn số vốn có trong tay.

Nếu đúng thế, phải công nhận chúng đã thành công mỹ mãn. Tai nạn của Marc không nằm trong kế hoạch của chúng. Nhưng nó đã xảy ra. Hậu quả là tôi sẽ mất đi sự tiếp tay, sự nâng đỡ của Marc Lavater đúng vào lúc xảy ra đòn đánh mãnh liệt chúng đã đe trước đây. Tôi tin chắc đã đến lúc...

Bác sĩ ra hiệu: Tôi đã làm bệnh nhân mệt lắm rồi. Tuy bệnh nhân vẫn đang nhắc đi nhắc lại lời cầu nguyện tuyệt vọng: “Lỗi tại tôi. Lỗi tại tôi”.

Sáng ngày 25 tháng giêng tôi đến Geneva gặp người chỉ huy toán thám tử được Lavater thuê giám sát Martin Yahl. Một gã người Anh, đặt tên là Chatham, trạc độ ngũ tuần, tóc mai bạc trắng, mắt xanh đầy vẻ ngây thơ. Chắc anh ta phục vụ trong cơ quan mật vụ của Nữ Hoàng nên anh có cái vẻ lừng khừng giả tạo, giọng nói mượt mà, cách chọn từng câu từng chữ hết sức thận trọng và thói làm ra vẻ mình chỉ là dân tài tử, suy thực ra lại là tay chuyên nghiệp chính cống. Anh chưa biết Lavater bị tai nạn, tôi thuật lại cho anh ta nghe:

— Do đó, từ nay trở đi anh trực tiếp báo cáo với tôi.

Có, anh ta đã biết là thực ra anh làm cho tôi. Anh tùm tùm, gián điệp mà không biết mình làm cho ông chủ nào thì đáng giá mấy xu? Tôi ngỏ ý muốn đến tận nhà Yahl xem qua. Anh ta trở mắt ngạc nhiên: “Có gì mà xem!” Anh lái xe đưa tôi đi. Dinh thự nằm ngay bên bờ hồ Léman, trên con đường chạy dọc theo hồ đến Hermance, tức là đến chỗ ranh giới giữa bờ hồ Thụy Sĩ và bờ hồ thuộc đất Pháp, về phía Thonon và Evian. Bức tường cao chằng thép gai bọc kín dinh thự. Rất nhiều cây tuy mùa này trụi lá nhưng đều cao hơn, dày hơn trong ký ức tôi. Tay người Anh hỏi: “Ông đã vào tận trong đó rồi?”

Tôi công nhận. Không những đã vào hẳn trong mà còn nghỉ hè ba bốn vụ ở đó hồi mới lên mười lăm tuổi sau khi mẹ tôi qua đời. Hồi ức về những chuyến đi nghỉ này thật thê thảm: Ngôi nhà rộng hiu quạnh, chỉ có những người hầu rạp khuôn theo ông chủ, nghĩa là những bộ mặt vô cùng ảo não. Tôi ăn dưới bếp buổi trưa, còn bữa tối thì ăn với vị đỡ đầu Martin Yahl

cũng như ông bác Giancarlo đồ dần. Ông ta lái nhải chuyện học hành của tôi, dĩ nhiên nó hết sức tồi tệ.

Tay người Anh nói: “Khi từ London trở về, lão về thẳng đây và không hề nhúc nhích. Hầu như không có khách khứa, ngoài ông bác sĩ tim mạch ở Paris vẫn đi theo, và ông bác sĩ nội khoa người Geneva. Cùng một chủ ngân hàng, công chứng viên quen từ lâu”.

Tôi thực sự nhớ điều Lavater nói ở New York trước khi tôi lên đường đi Rio.

— Lavater cố nói với tôi một điều hơi lạ: Theo anh ta thì có chuyện gì đó không ổn.

— Không phải là theo ông Lavater. Mà, là theo tôi. Chính tôi đã nhận xét như vậy, ông ấy chỉ nhắc lại cho ông thôi. Tôi đã có mặt ở London khi Yahl tới đó, tôi đã chứng kiến lão đến Brown, lúc lão gặp Horst. Chính lúc ấy mà tôi đã thoáng có cảm tưởng họ đóng kịch. Họ có vẻ đánh hơi thấy bị chúng ta giám sát và bảo nhau diễn một màn hài kịch...

Tôi nhìn kỹ mặt anh ta. Anh nhún vai với vẻ hiền hậu của gã người Anh vừa hạ ta 6 - 0, 6 - 0 trên sân tennis và do đó nên không hề cảm giận ta chút nào.

— Rất tiếc. Tôi không biết họ diễn trò gì, nhằm mục đích gì. Vả lại cũng có thể tôi lầm. Tôi vốn có thói không tin người đời, không hiểu tại sao như vậy.

— Chắc lại vì anh hay soi gương và nhìn mình trong đó.

— Rất dí dỏm!

— Được anh giúp đỡ thật quý hóa quá.

— Ông phải đòi hỏi nhiều hơn nữa. Công việc này khá buồn tẻ.

Tôi ngắm dinh cơ của Yahl. Tuy vườn cây trơ cành nhưng phải nhìn qua một chỗ trống giữa lùm cây mới trông thấy ngôi nhà. Đến mùa xuân cây cối đâm chồi mọc lá, đứng ngoài đường chắc chắn không thể nhìn thấy được.

— Horst thế nào?

— Ông Lavater có chuyển yêu cầu của ông bảo điều tra các chuyến dịch của lão ta. Chúng tôi làm hết sức mình để bám chặt. Không dễ, lão đi khiếp lăm, nhảy từ máy bay này sang máy bay khác.

Tôi nhớ lại cảnh do Maria De Santis kể lại: Cô ta, Horst và Yahl gặp nhau, nói đến Hassan Fezzali, với câu: “Đã thanh toán đầy đủ”. Tôi bảo tay người Anh:

— Lão có mặt ở New York vào ngày 17 hoặc 18 tháng giêng vừa rồi. Ăn tối với Yates giám đốc một hãng thông tấn.

Anh ta mỉm cười: “Tin rất chính xác, không hiểu ông lấy ở đâu ra. Bữa ăn diễn ra trong một tiệm cao lầu người Tàu ở đại lộ số 2. Thực ra có những ba người cùng ăn: Thêm một cô phóng viên nhiếp ảnh còn trẻ và rất đẹp tên là Sharon De Santis.”

— Hiện nay tôi đang ở New York. Nếu Horst gặp gỡ một người như Yates ở đây, cần báo ngay cho tôi. Tôi chi khá nhiều tiền chỉ cốt có thể.

— Chúng tôi đã phải tốn nhiều thì giờ để tìm ra lão Yates và cô gái đó. Và theo lệnh thì tôi phải báo cáo cho ông Lavater. Tôi đã báo cáo rồi, bản báo cáo về sự đi lại của Horst, những người đã tiếp xúc với lão, địa điểm, nội dung gặp gỡ... đã gửi cho ông Lavater cách đây hai ngày. Nếu không xảy ra tai nạn vừa rồi chắc hẳn ông đã nắm được.

— Từ nay anh sẽ gửi báo cáo thẳng cho tôi. Bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm, nếu thấy có tin quan trọng anh phải gọi điện ngay cho tôi.

Anh ta gật đầu. Lái xe đưa tôi trở lại Geneva kịp một chuyến bay đang đợi. Tôi lại hỏi:

— Horst đi những đâu?

— Chẳng lẽ ông bắt tôi kể thực lòng sao?

— Những điểm chính.

— Châu Âu, Hoa Kỳ, đi về liên tục. Cả Viễn Đông và Nam Mỹ nữa.

— Lão có đi Cairo không?

— Không.

— Ở Nam Mỹ cụ thể là đâu?

— Mới vài ba ngày trước vừa đến Rio.

— Ở đây ngày 20 và 21?

— Đúng.

Nghĩa là cùng lúc với tôi. Và mấy ngày trước đó, Horst cũng cùng ở New York như tôi. Lão lên đường đi Rio đúng vào lúc tôi khởi hành.

Chắc lão bám theo tôi! Hôm nay có khi lão cũng đang ở Geneva không chừng.

Bữa ở Sorrente tôi đã một lần gọi Catherine ở Arizona thấy cô tỏ ra căng thẳng hơn lúc nào hết, hùng hổ đến nỗi tin Marc ngộ nạn không làm cô dịu bớt. Thực ra, cô cũng chẳng buồn để tai nghe tôi nói gì.

Tối 25 tới Paris tôi lại gọi lần nữa. Lần này còn tệ hại hơn nhiều. Tôi bảo cho tôi nói chuyện với bà mẹ, ở điện thoại. Thế là Catherine nổi khùng:

— Nói với em đây này!

— Nhưng mẹ em có đấy không?

— Không thì ở đâu nữa?

— Thế các bạn chúng mình từ Los Angeles?

— Cũng thế. Chỉ thiếu mặt anh. Như mọi bận.

Tôi phải nói lảng sang chuyện ngôi nhà ở đại lộ Henri Martin mới làm cô nguội bớt, hết lời tán tụng công trình kỳ diệu của họa sĩ trang trí (tuy thực ra tôi chưa hề đặt chân tới). Cuối cùng tôi định gác máy, trong bụng còn hậm hực vì bà mẹ vợ chẳng thềm cầm máy hỏi thăm tình hình của Marc tuy xưa nay bà vẫn tỏ ra mến anh ấy.

Tôi nào có biết ở Arizona đang xảy ra chuyện gì!

Chagny. Marc từ Ý được chuyển về đây. Anh hoàn toàn không đi lại được, cả nửa dưới người bó bột cứng nhắc, hơn nữa còn bị chiếc mũ thạch cao giữ chặt cổ. Anh không chịu nằm trong phòng mọi khi mà đòi nằm ở phòng đọc sách, phải đặt giường của anh tại đó.

Hai chúng tôi chỉ có một lần trao đổi về vấn đề Hassan Fezzali mất tích (anh vẫn kiên trì ý nghĩ cho đây không phải do cố ý, đúng là Hassan bị bắt cóc). Dù thế nào mặc lòng, anh cũng thừa hiểu qua kinh nghiệm nghề nghiệp rằng vụ mất tích này có ảnh hưởng như thế nào đến anh và đến bản thân tôi: Bị giam mười triệu đôla đúng vào thời điểm các cố gắng về tài chính của tôi đã tới cực điểm, có thể nói là quá mức. “Quá mức thật đấy Franz, và theo ý tôi thì...”. Anh chợt dừng, thoáng mỉm cười cay đắng: “Nhưng tôi là cái thá gì để mà khuyên anh nên thế này thế nọ? Chính tôi đã cam đoan rằng áp phe dầu lửa rất chắc ăn... Chắc ăn thật. Có điều là cái mình không thể dự liệu trước đã ập đến”.

Biệt thự Chagny chật cứng các cô cháu, cậu cháu, tất cả đều nhìn tôi bằng cặp mắt cầu cạo. Chắc chẳng mấy lúc nữa họ làm tôi hiểu rõ tôi là kẻ không mời mà đến.

Ngày 28 tôi về Paris, gặp Ute từ Đức sang. Cô nàng đang giáp chiến dữ dội với tổ chức rõ ràng do Horst dựng lên để tranh giành địa điểm. Lão Horst đúng là có mặt khắp mọi nơi! “Một cuộc chiến thật dữ dội, Franz. Nhưng bọn em không lùi bước!” Cô đưa ra nhiều con số, lần nào chả thế.

— Tiếc rằng anh không thể chi viện thêm được cho Ute.

— Còn em thì rất tiếc cho Marc. Anh sẽ thấy thiếu anh ấy rất nghiêm trọng.

— Anh hiểu.

Cũng tại Paris tôi lại bàn thêm với Cannat. Anh đảm trách việc tìm cách thu hồi vốn cho công ty Liechtenstein đồng thời gánh vác các trách nhiệm

do Marc Lavater chuyển giao cho. Vì chắc chắn phải sau nhiều tháng nữa anh mới trở lại làm việc. “Nếu còn trở lại được”, Cannat nhận xét.

Đây cũng là một tên phản thù ngành tài chính. Ba mươi tuổi, nhanh nhẹn, cứng rắn, có hơi hướng của Vandenberg trong cung cách nhìn nhận mọi vấn đề với con mắt hoàn toàn lạnh lùng.

— Marc sẽ trở lại.

— Cứ hy vọng thế.

Theo như đã bàn, anh ta nhờ sự chi viện của một nhóm luật gia quốc tế cừ khôi để giải quyết vụ công ty Liechtenstein.

— Dù vậy, sẽ rất lâu mới xong như tôi đã báo trước.

— Thì cứ làm hết sức mình đi.

Sáng 29, đi New York. Không định nén lại lâu. Tôi sẽ tiếp tục đi thẳng tới Phoenix và trang trại. Nhưng lại bị Vandenberg níu chặt qua điện thoại. Tôi đến văn phòng anh ta. Câu chuyện của anh vồn vện trong vài từ: Giá bạc tiếp tục lên mạnh đến chóng mặt, bọn Texas vẫn tuân tự mua vào khối lượng rất lớn. Đã vượt quá khối lượng kinh khủng một trăm năm chục triệu once. Mọi dấu hiệu đều cho thấy chúng sắp đạt đến hai trăm triệu. Khoảng hai phần ba số bạc nằm trong tay tư nhân toàn thế giới, ngót tám chục phần trăm sản lượng năm của các nước Phương Tây. Theo thời giá, ước tính vào khoảng mười tỉ đôla.

Văn phòng Philip Vandenberg so với tất cả những phòng làm việc tôi có dịp quan sát thì rất độc đáo, về mặt nào đó nó là nơi đẹp nhất. Tường ốp ván gỗ sồi, trần lợp cũng bằng gỗ sồi, sân cũng vậy, trải tấm thảm Tàu màu xanh biếc như mắt người sử dụng căn phòng. Trên tường không có gì khác ngoài bức tranh của Claude Monet^[25].

— Theo anh, tôi nên làm gì bây giờ?

— Có lẽ nên thả trôi theo giòng như vẫn làm từ trước đến nay.

— Không thể cứ lên giá mãi thế này.

— Chẳng có cái gì mãi mãi.

— Anh cho rằng tôi còn đủ thì giờ?

Đây cũng là ý kiến của ba chủ nhà băng tôi đã tham khảo.

— Theo tôi: Nhiều tháng nữa.

Mười triệu đôla bị kẹt ở Liechtenstein không sử dụng được, có thể trong thời gian còn dài. Và mười triệu khác tung vào vụ tích trữ bạc này...

Cimballi, có lẽ đã đến lúc phải cân nhắc thận trọng.

Ngồi trên máy bay vượt qua Đại Tây Dương, và cả lúc ngồi taxi từ sân bay Kennedy, một lần nữa tôi lại kiểm tra các số liệu với niềm thích thú gần như say mê tôi vẫn có khi làm việc này. Tất cả ý kiến đều thống nhất, mọi người ở khắp bốn phương tám hướng đều xác nhận với tôi: Giá bạc có thể, nhất định sẽ còn lên nhiều. Thực ra sự lựa chọn của tôi rất đơn giản. Chỉ có một trong hai cách: Hoặc là vẫn để lại tiền trên thảm với hy vọng giá bạc còn lên nữa và sẽ được lãi to.

Xin nhắc lại tất cả không trừ một ai đều xui tôi ngã theo phương án này, kể cả Vandenberg xưa nay vẫn thận trọng hơn ai hết. Nhưng tôi vẫn không quên điều Vandenberg đã tiết lộ: Horst đã tiếp xúc với anh ta và đã rủ anh ta, hoặc định rủ anh ta, chắc chắn như thế, móc ngoặc với lão để đánh tôi. Theo lời anh ta thì cuộc thương lượng đã không thành vì anh ta từ chối không tiếp lão ta, anh ta là người tử tế trung thực. Có thật thế không? Và nếu trong vụ này có cạm bẫy thì cạm bẫy nằm ở chỗ nào đây? Qua Fezzali, tên Horst đã cho thấy bằng chứng rõ ràng về điều tôi không hề ngờ tới: Chúng căm thù tôi đến mức dám ra những ngọn đòn kỳ quái vô liêm sỉ nhất.

Giả thuyết rằng Horst đã thật sự tiếp xúc với Vandenberg. Biết đâu lão cố làm ra thế để tôi được báo tin? Nhằm khích tôi dẫn sâu hơn nữa vào vụ buôn bạc, hoặc ngược lại, để tôi chần chừ không dám mạnh tay nữa trong áp phe ngon lành này, tôi bảo luật sư:

— Để tôi suy nghĩ thêm.

Thản nhiên: “Đấy là việc của ông, ông Cimballi”. Nói chung tôi chỉ dừng chân ở New York độ ha bốn giờ. Nhưng tôi quyết định ở lại lâu hơn. Từ văn phòng Vandenberg tôi gọi về Arizona và trang trại, một lần nữa

chuông lại đổ rất lâu mới có người hầu đến cầm máy. Một cô hầu, tôi chỉ nhớ mang máng hình như đã lớn hoặc hãy còn con gái, đã từng gặp trong bếp thì phải. Cô mới di tản từ Mexico tới nên nói tiếng Anh còn bập bẹ. Còn tôi tuy nghe hiểu tiếng Tây Ban Nha nhưng vẫn bị lúng túng khi nói qua điện thoại; điều này vẫn xảy ra với tôi khi đụng đến tiếng nước ngoài.

— Señora đâu?

Người hầu gái đáp: Đi khỏi. Đi en el coche với cháu bé. Đi Phoenix à? No sé. Thế bố mẹ bà chủ, ông bà Jeffries đâu? Marcharse, cũng đi khỏi. Không còn ai ở nhà! No senior. Các bạn của bà chủ ở Los Angeles tới và định ở chơi đến cuối tháng? Cũng đi khỏi. Mọi chuyện nực cười và bi thảm đều từ câu “đi khỏi” này mà ra. Câu trả lời mà tôi hiểu sai đi trong lúc bận rộn vì công việc, và là sự rụt rè của cô hầu gái không quen nói chuyện điện thoại. Tôi nhắn: Khi Señora về phải báo cho bà biết hôm nay tôi không về nhà như đã báo trước, mai mới về được, cô hiểu chứ? “Nhắc lại xem”. Cô ta ngoan ngoãn nhắc lại, không, cô không quên đâu. Tôi gác máy.

Lúc ấy vào khoảng mười một giờ ba mươi ngày 29 tháng giêng.

Đó là một phóng viên tài chính của tờ Bưu Điện Washington. Tôi đã gặp ba bốn lần và có thiện cảm đến mức mời anh ta “vào một dịp hè nào đó” sẽ đến chơi nhà ở St. Tropez, nơi rất có sức quyến rũ các bạn người Mỹ của tôi. May sao lúc này anh ta đang ở New York và lại thu xếp được để có thì giờ rảnh vào buổi ăn trưa. Ngồi ăn trong phòng Rainbow trên lầu sáu mươi lăm cao ốc R.C.A của Trung Tâm Rockefeller. Tôi thuật lại chuyện đang làm tôi phân vân. Anh ta cười phá lên:

— Tôi đang tự hỏi ai sẽ chi bữa chén này. Bây giờ những lo ngại những đắn đo của tôi đã biến hết. Anh là người phải chi. Người biết nhanh chân nhảy lên con tàu tốc hành Texas - Ả Rập - Brazil bao giờ cũng là người sung mãn.

— Trong bao lâu?

Anh ta thôi cười, đưa cặp mắt sắc sảo của con nhà báo chăm chú nhìn tôi với vẻ đột nhiên đánh hơi thấy có chuyện.

— Anh có lý do để nghĩ rằng sẽ không được lâu?

— Tôi đang hỏi anh.

Anh ta lắc đầu.

— Người ta vẫn cho rằng bạc trị giá bằng một phần mười vàng, vàng trị giá bằng hai mươi chín thùng dầu mỏ. Nhân thế xin nói luôn, đó là lập luận của bọn Ả Rập, bọn Venezuela để chứng minh giá dầu của họ là phải chăng.

— Tôi cóc cần biết cái đó.

— Được thôi. Nhưng này, giá vàng giá dầu không ngừng tăng, à tôi chưa thấy có thể giảm. Vậy giá bạc sao lại không tăng theo?

— Ngộ nhờ việc bạc lên giá này là do một nhóm nào đó tìm cách nắm giữ vị trí “hòn đá tảng” để họ tùy ý đặt ra bất cứ giá nào thì sao?

— Anh đừng cường điệu, không thể tùy ý đặt bất cứ giá nào. Không thể thô bạo đến mức ấy. Nhưng tất nhiên họ vẫn cứ làm, không có luật lệ nào cấm đoán họ. Vả lại bọn Texas không phải tay vừa, chúng có đủ phương tiện: Mười tỉ đôla, có khi hơn, nặng cân lắm đấy.

Tôi chưa đựng tay đến con tôm hùm vừa mang lên. Biết nói gì bây giờ? Chẳng có gì để nói, trừ nỗi lo trực cảm là trong việc này có thể có gài bẫy. Tôi hỏi:

— Ai sẽ có lợi nếu giá bạc hạ?

— Bọn đầu cơ nào nhằm vào sự tụt giá đó, tất nhiên. Nhưng đấy không phải là chủ yếu. Phải nói: Những người sử dụng đến bạc.

— Ai vậy?

Nhún vai: “Đại loại các nhà công nghiệp ngành ảnh, ngành phim. Làm phim phải dùng đến bạc. Nhưng tôi không thạo chuyện này lắm”.

— Liệu có tồn tại một lobby ngành phim ảnh, một nhóm gây sức ép có các chính khách tham gia không?

Anh ta cười khẩy: “Lạy Chúa! Có lobby tã lót, Lobby đậu phộng chiên, thì tại sao anh không có lobby phim ảnh?”

— Bọn nào làm ô dù cho lobby này ở Hạ Viện, ở Thượng Viện, trong Chính Phủ? Tên nào đã lộ mặt khi tham luận?

Im lặng. Anh ta nhìn soi mói: “Anh định đi đến đâu thế?” Tuy nhiên hẳn là câu hỏi tôi vừa nêu vẫn đang lờng lộn trong đầu anh ta. Anh đặt khăn ăn xuống. ”Đợi tôi”. Đứng lên, đi về phía đặt điện thoại, sau mười lăm phút mới trở lại, ngồi xuống:

— Chủ yếu do một Thượng Nghị Sĩ. Gần đây ông ta tuôn ra nhiều lời lẽ cay độc, tự xưng là người bênh vực các tay buôn nhỏ trên thị trường bạc. Theo lão ta thì những người buôn bán nhỏ là sức sống của đất nước, của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ sâu sắc và trung thực, và táo bạo v.v.. đang bị bọn đầu cơ Ả Rập - Texas khốn nạn tấn công rất dã man. Nhất là bọn Ả Rập bị lão căm lắm. Nếu có một kẻ như anh hỏi thì đấy là hẳn.

Anh ta ngẩng đĩa thức ăn với vẻ khoan khoái: “Anh đã cho đổi con tôm hùm tôi đang dùng dở lấy một con mới toanh”.

— Tôi có tấm lòng vàng.

Nữ thư ký của vị Thượng Nghị Sĩ nói giọng miền Nam:

— Anh vừa cho biết quý danh là '?

— Horst, Erwin James Horst.

— Ông vui lòng đánh vần cho, ông Horst.

Tôi quật luôn lá bài thứ hai. Nói: “Vô ích. Cứ thưa với Thượng Nghị Sĩ là tôi muốn gặp theo ủy nhiệm của ông Martin Yahl.

Thế mà ăn. Rất ngon lành. Chiếc bầy thô sơ có hiệu quả ngoài mong muốn. Rõ ràng tên tuổi lão Yahl rất quen thuộc với nữ thư ký ngài Thượng Nghị Sĩ, tuy đáng lí ra cô không biết mới phải.

— Ô, ông Yahl à? Xin cầm máy cho, tôi sẽ gọi cho Thượng Nghị Sĩ...

Tôi gác máy luôn không đợi nữa. Thế là rõ. Tôi quay số máy của Philip Vandenberg:

— Cimbali đây. Tôi đã hứa với anh là sẽ suy nghĩ thêm. Bây giờ nghĩ xong rồi. Bán hết bạc đi. Bán nhẵn nhụi.

Dĩ nhiên ngay lúc đó tôi chưa lường hết sự khôn ngoan của quyết định ấy. Phải sau vài tuần lễ. Nhưng mọi việc đã diễn ra gần như do phù phép nghiệt ngã như máy. Mở đầu là chiến dịch báo chí như thường lệ. Và cũng theo lệ, tiếp sau là chiến dịch phản công của bọn Texas có trong tay kho của cải huyền thoại. Họ nghênh chiến và chịu thua trận.

Vì có hai quyết định của Chính Phủ.

Quyết định thứ nhất nhằm mục đích bảo vệ các nhà đầu tư ít vốn. Nó thay đổi lệ ký quỹ khi làm hợp đồng mua bán bạc. Hồi tôi bắt đầu kinh doanh món hàng này, tiền ký quỹ ấn định vào khoảng từ năm đến mười phần trăm giá trị của hợp đồng tùy theo sự tín nhiệm đối với người bỏ vốn; do đó bất cứ ai cũng có thể - nói một cách đại cương - chỉ ứng ra có mười đôla để mua được số hàng giá một trăm đôla. Bây giờ chính quyền liên bang quyết định: Nâng mức ký quỹ bắt buộc lên mười đến ba chục phần trăm. Quyết định này dẫn tới hai hậu quả: Hạn chế những người ít vốn lao vào thị trường (một cách bảo vệ họ chống lại bản thân họ), và do đó làm giá bạc hạ xuống.

Khi công bố quyết định thứ hai, giá bạc càng tụt nhanh, tỉ lệ sụt giá càng cao. Quyết định này hạn chế số lượng hợp đồng mà một người hoặc một nhóm bất kể thành phần như thế nào được phép chính thức ký kết. Thế là bọn Texas và các cộng tác viên Ả Rập của họ buộc phải bán ra. Và bán ra một thị trường đã vắng bóng những tay buôn ít vốn như trên đã nói. Do đó, họ phải bán lỗ.

Trước đây họ mua vào với khối lượng rất lớn làm giá vọt lên kinh khủng, bây giờ bị ép phải bán tống bán tháo nên giá bạc tụt xuống càng khủng khiếp gấp bội. Chỉ trong vài ngày mọi việc đã kết thúc một cách tàn nhẫn không nói xiết. Giá một once chỉ còn hai mươi đôla. Nhóm Texas mất đi tám tỉ. Tức: Ba trăm sáu mươi triệu franc Pháp, ba mươi sáu tỉ xu. Nhưng không vì thế mà bọn Texas bị sạt nghiệp.

Riêng phần tôi, tôi đã nhanh chân rút ra khỏi cuộc chiến khổng lồ vượt quá sức mình đến mức đáng mỉa mai. Và rút ra được không phải chỉ giành lấy có vinh quang suông. Trong thực tế, cú phen đơn giản gọi cho nữ thư ký của vị Thượng Nghị Sĩ tôi không biết mặt và sẽ không bao giờ gặp

(nhưng lão ta lại quen thân tay chủ ngân hàng Thụy Sĩ về hưu tên là Martin Yahl, và tôi chỉ cần nắm được bằng chứng ấy thôi là đủ) đã mang về cho tôi chừng chín triệu đôla.

Lúc ấy, và đến tận bây giờ tôi vẫn chưa rõ vai trò của Martin Yahl trong vụ này, ít có khả năng, hơn nữa dứt khoát không có khả năng lão nhúng tay vào đây. Tuy lão rất có nhiều tiền, có nhiều liên hệ với các chính khách Hoa Kỳ, nhưng chắc chắn những cái đó không cho phép lão lôi kéo những nhóm công nghiệp khổng lồ và lôi kéo chính quyền liên bang theo đuôi lão. Hơn nữa, lại là trong đòn đánh thẳng vào thẳng bé Cimbali cô độc, dễ thương và yếu ớt thế này. Có lẽ thực ra là lão đã phân tích đúng tình hình vào đúng lúc, trước cả tôi nữa. Và lão đã tận dụng được, nhờ có chiếc ô Thượng Nghị Sĩ.

Nhưng ngày 9 tháng giêng ấy tôi chưa nghĩ đến đấy. Chỉ mới vừa quyết định rời bỏ vị trí trên trận địa bạc và chưa thật tin mình đã hành động đúng. Tôi đã đi nước thận trọng, tuy thận trọng chưa bao giờ là đặc điểm chính trong Vũ Khúc của tôi. Quyết định ấy để lại dư vị thật khó chịu.

Từ cabin điện thoại của phòng Rainbow ở gần trên đỉnh Trung Tâm Rockefeller tôi gọi cho Philip Vandenberg. Đúng như tôi đã dự đoán, lệnh miện tôi truyền qua điện thoại chưa đủ hiệu lực với anh ta.

— Tiện thể anh sang New York, tôi muốn có một lệnh viết ngay trong ngày. Sẽ có người chạy giấy đến chỗ anh nhận.

— Cứ làm tới đi.

— Không có lệnh viết chưa làm.

Tôi còn nhớ lúc ấy suýt nữa thì phì cười. Xét cho cùng, nhiều lúc mối quan hệ với Vandenberg làm tôi thích thú, sự nóng nảy mà hai người không bao giờ bỏ lỡ dịp biểu lộ đối với nhau trở thành ngồ ngộ.

Hơn nữa nghĩ cho kỹ thì quyết định vừa rồi làm tôi nhẹ hẫng người. Đúng là cất được một gánh nặng. Nhất là vì số lãi lớn trong vụ buôn bạc này giúp tôi khôi phục được tình hình tài chính đang làm tôi lo lắng sau khi Fezzali mất tích. Tuy số lãi này không làm tôi bốc, tôi đã dự kiến từ nhiều tuần trước và đã quen với ý nghĩ đó.

Lúc này đã gần ba rưỡi chiều. Cứ mưa ở New York, không mưa to, chỉ là mưa phùn lạnh buốt không trở ngại tôi nhiều. Tôi lững thững tản bộ, mơ màng nghĩ đến hòn đảo của tôi, đến hàng hiên rộng mở cho hàng ngàn chim tự do. Cũng nghĩ đến Vandenberg - điều không lấy gì làm mơ mộng - đến lời hẹn thề sẽ đến vào lúc năm giờ để trao cho anh ta tất cả các giấy tờ cần cho việc thanh toán hàng. Phần chủ yếu để giải quyết xong bằng bức điện mật gửi cho chủ ngân hàng của tôi ở Bahamas. Chỉ còn mỗi việc gửi cho Vandenberg một tờ xác nhận, đã viết xong và bỏ vào phong bì.

Chợt tôi chợt nhớ ra: Vì có dự định bay thẳng đi Phoenix nên tôi không hề chuẩn bị gì để ngủ lại New York. Chỗ này không xa khách sạn Pierre mấy, tôi cuộc bộ về đó. Ban tiếp đón tươi cười nghe tôi trình bày và đính chính ngay khi tôi giải thích việc quên không giữ chỗ trước:

— Đâu có chuyện đó, ông Cimbali. Phòng ông vẫn thuê đã được giữ lại rồi.

— Ai bảo?

— Thư ký của ông.

Ô kìa! Thế ra bây giờ tôi lại có một cô thư ký riêng nữa cơ đấy! Tôi hỏi:

— Nam hay nữ?

— Nam.

Anh ta gọi điện vào khoảng trưa, gần khoảng tôi trên đường đi tới Trung Tâm Rockefeller sau khi từ già Philip Vandenberg và hẹn chàng phóng viên tờ Bưu Điện Washington cùng đi ăn trưa. Nhân viên tiếp đón còn nói thêm:

— Họ còn mang tới cho ông một gói to.

Tôi lên phòng. Gói hàng đặt ngay một chỗ dễ trông thấy trong phòng khách. Dài suýt soát một mét, dày độ hai mươi lăm centimètres. Bọc ngoài bằng tờ giấy đen vừa khít. Không kèm theo danh thiếp, không đề từ đâu tới, địa chỉ người gửi.

Ngộ nhỡ đây là một quả mìn? Đầu nhà người sẽ nát bét, Cimbali! Nhưng tôi cứ mở gói. Toàn những tấm ảnh màu. Khổ chín mươi nhân tám mươi centimètres. Độ sáu mươi bức, xếp theo thứ tự thời gian, bức trên cùng là bức chụp trước tiên. Chụp Cimbali Franz đứng trước khách sạn Amstel, ở Amsterdam cùng với Maria De Santis. Chụp đúng lúc tôi mím

cười nói với thiếu phụ câu đại loại: “Vừa gặp em, anh cảm thấy ngay một tình yêu sét đánh đúng không?” Tất nhiên tấm ảnh không thể hiện lời tôi nói, chỉ ghi lại hình ảnh hai người đang tươi cười chuyện vãn trước một khách sạn bên Hà Lan. Maria De Santis đứng cách tôi chưa đến một mét; trên ảnh không có chiếc máy ảnh cô cầm trên tay vì bị tôi che khuất. Cũng không có hình Adriano Letta và phóng viên tờ Fortune là MacQueen, tuy họ đứng rất gần đây vì thợ ảnh lấy khuôn hình rất hẹp. Trên bộ mặt Maria De Santis chụp chính diện, đôi mắt đen như đang dán vào tôi với vẻ rất bông bột và dịu dàng. Năm bức ở Amsterdam, năm ở Francisco chụp Maria De Santis đi sau tôi từ sân bay ra, chụp cô đứng bên tôi đợi nhận hành lý. Và chụp hai chúng tôi sóng bước trên con dốc đồi Telegraph gần nhà Li và Liu, cô đang nhìn tôi bằng cặp mắt nồng nàn yêu đương. Còn rất nhiều tấm chụp ở New Orleans. Hai người ngồi trước các vại bia, chuyện trò vui vẻ ở hiện tiệm cà phê Pontalba (ở Hoa Kỳ rất hiếm nơi có hiên nhìn ra phố như ở đây), cảnh hai người ngồi riêng với nhau ở Antoine, cảnh đi bên nhau trên đường Royal, chắc đang định vào khách sạn Royal Sonesta. Đến trước cửa khách sạn, một gã thợ ảnh chụp được lúc cô đang bấm máy còn tôi thì làm đủ điệu bộ một thằng thộn. Cuối cùng là ảnh chụp ở Rio. Chẳng thiếu cảnh nào. Có những tấm chụp qua kính tele phóng rất to nhưng vẫn rất nét, chụp cô ta trần truồng bên bãi tắm Itaipu, nhìn tôi với cặp mắt chờ đợi trong khi tôi vuốt má cô rồi ôm hôn cô.

Chuông đổ vô hồi, nhưng tôi vẫn cứ gọi, mãi rồi cũng phải có người đến cầm máy. Nhưng không, hình như ngôi nhà đã bị bỏ trống. Chẳng lẽ Catherine đi khỏi trang trại mà không báo cho tôi biết? Đi đâu, về Châu Âu cùng với bố mẹ và Marc Andrea chẳng? Dù sao thằng bé cũng là con tôi, tôi có quyền biết nó đang ở đâu chứ. Hay là đã xảy ra chuyện gì rồi? Làm gì bây giờ? Tôi thấy vô cùng lo lắng tuy không có duyên cớ rõ ràng.

Tôi bèn gọi cho quận trưởng địa phương. Ông ta tỏ vẻ ngạc nhiên, làm gì có chuyện bất thường, người nhà đi vắng hết, có thể thôi. Nhưng thấy tôi

nài nỉ ông ta bằng lòng đi đến tận trang trại xem sao. Sau nửa giờ bất tận, quận trưởng gọi đến. Tôi cảm ơn. Rồi gọi cho Flint ở New York. Anh ta nhắc máy ngay. Tôi bảo:

— Máy bay đâu?

— Ở sân bay La Guardia.

— Bốn lăm phút nữa cất cánh đi Arizona.

Tôi linh cảm một tai họa ghê gớm.

8

Tôi lê chân dưới trần xây cuốn các căn phòng bằng gạch không nung, lần lượt đi từ phòng này sang phòng khác hai lần, ba lần. Sự im lặng thật nặng nề, sự trống vắng đầy lo âu. Cuối cùng tôi ngồi xuống chiếc ghế bành. Một mối cùng với sự thiếu vắng sinh khí trong ngôi nhà nặng trĩu đôi vai. Tôi thấy như mình đã hóa đá.

Tiếng xe hơi. Tôi ra ngoài. Flint đến cùng ông quận trưởng, ông này hỏi:

— Đây tớ cũng không có ai?

— Không.

— Ông có mượn người giúp việc chứ?

— Có năm người, ba nữ hai nam.

— Chắc ông có địa chỉ của họ ở đâu đó?

Ông ta tiếp. Rõ ràng khi thấy tôi gọi cho ông ta ở New York, ông nghĩ đây chỉ là chuyện vặt vãnh, chuyện vợ chồng xích mích thôi. Ông ta cùng tôi đi lục lọi tìm giấy tờ còn lại. “Đây rồi, có cái này”, giấy tờ của lái xe người Mỹ gốc Mexico như tất cả các người giúp việc trong nhà. Quận trưởng ra xe dùng vô tuyến điện gửi đi một mệnh lệnh. Đêm xuống từ lâu rồi, bây giờ đã mười giờ, theo giờ vùng núi. Từ Paris ra đi sáng 29, đến lúc này tôi đã thức trọn hai mươi sáu tiếng không được ngả lưng.

Quận trưởng cảnh sát quay vào:

— Có thể bà Cimballi đột ngột đi xa, bế theo cậu bé?

— Nếu thế, sao lại bỏ hộ chiếu, giấy tờ, túi xách, tất cả vali lại?

— Hay đến nhà bà bạn chơi và về muộn?

Nhưng tôi và Flint đã gọi điện đi khắp chốn. Từ mấy ngày nay bạn hữu không hề gặp cô.

— Tôi có xuống gara xem, - quận trưởng nói, - có hai chiếc xe trong ấy.

Vậy là thiếu hai chiếc nữa: Chiếc Truck bốn người ở vẫn dùng chạy loanh quanh và chiếc Range Rover. Flint thuật lại tỉ mỉ: Chúng tôi ra đi từ

La Guardia tới Phoenix, rồi tới đây lúc trời chưa tối, gần như tất cả các ngọn đèn trong nhà đều còn đang cháy trong các phòng ở (trừ các phòng của người hầu vẫn gọn gàng, cửa đóng chặt, đèn không thắp). Các cửa đều thấy để ngỏ, dường như chủ nhà bỏ đi một cách vội vã. Nhưng vali vẫn còn kia, vẫn đóng chặt. Flint nhận xét: “Đến lúc tìm thấy các giấy tờ của chị ấy để lại tôi mới bắt đầu thấy lo. Nếu ra đi bình thường hẳn là chị ấy phải mang theo giấy tờ tùy thân”.

Tiếng máy vô tuyến rào rào trên xe quận trưởng. Ông ta ra nói chuyện rồi quay vào:

— Đã tìm thấy lái xe Gil Lopez. Đang ở nhà với vợ con, rất bình thường, khai rằng chị ấy cho tất cả về từ hôm kia, và cho mượn cả chiếc Truck để họ đi cho nhanh. Chị ấy bảo: Phải cho họ thôi việc vì đã bán trang trại cho người khác, anh sắp tới đón chị đi. Người lái xe cho biết có thể tìm được những người hầu khác.

Ông hỏi:

— Thường thường khi về nhà, ngoài chị, cháu bé và người ở, anh còn thấy có ai nữa?

Flint trả lời thay tôi: “Chúng tôi tưởng sẽ còn gặp bố mẹ bà Cimbali và bạn hữu đến ở chơi đây đến cuối tháng là ít”.

Vâng, đã gọi điện hỏi họ, đầu tiên đã làm là việc đó. Không liên lạc được với ông bà Jeffries vì số máy ở đại lộ Ségur tại Paris không trả lời. Còn các bạn người Pháp ở California thì trả lời ngay nhưng tỏ ra lúng túng vì họ đã rời khỏi trang trại từ năm ngày trước. Sao lại rút ngắn thời gian nghỉ ngơi? “Anh Franz ạ, xin nói thẳng ra là: Chính Catherine đã tổng chúng tôi đi. Anh cũng biết đấy, chị ấy đang có cơn thần kinh mà...”.

Quận trưởng nhìn tôi soi mói. Lúc đầu ông ta cho đây là chuyện cãi lộn giữa vợ chồng những ngoại kiều lăm của. Sau đó thấy không còn người hầu ông ta lại nghĩ đến một vụ mưu sát đẫm máu do các đầy tớ ra tay. Bây giờ ông cho mình đã tiếp cận sự thật. Mấy từ “Cơn thần kinh” làm ông thấy sáng ra. Đúng lúc điện thoại reo.

Cannat đã tìm được bà mẹ Catherine ở khách sạn Megève. Tôi báo tin:

— Catherine đã biến mất cùng với cháu Marc.

Im lặng. CƠn sự hãi ử dột trong tôi tan dần. Khi bà mẹ vợ bắt đầu hỏi dồn dập rồi cắt luôn. Sự việc dần dần rõ ra. Bố mẹ Catherine rời trang trại từ một tuần trước để trở về Pháp. “Nó ở lại với bạn bè California. Và cho biết ngay tối hôm đó sẽ về với anh ở Los Angeles. Tôi còn giúp nó đóng gói hành lý mà”.

— Cô ấy nói dối. Lần nào con gọi cho cô ấy đều bị cô ấy nói dối, bào rằng mẹ vẫn còn ở trang trại.

— Vô lý! Cách đây ba ngày tôi vừa mới gọi điện cho nó, nó bảo anh đang ở phòng bên cạnh!

— Lúc ấy con đang ở bên Châu Âu.

Còn bố mẹ vợ tôi đã về ở Megève lúc tôi đang gặp gã người Anh ở Geneva. Hai người đều không biết tin Marc gặp nạn, bà mẹ vợ tôi không hỏi thăm anh ta là vì thế.

— Lạy Chúa! Bây giờ biết nó ở đâu, anh Franz?

— Có thể cô ấy lái chiếc Range Rover đi thẳng về phía trước.

Tôi thấy tuồng như mình vừa nói: “Có thể cô ấy đã hoàn toàn phát điên”.

Đã tìm thấy bốn trong số năm người đầy tớ. Người còn thiếu là người coi vườn đi về thăm gia đình ở Tucson. Tôi bảo ông quận trưởng:

— Mới sáng nay thôi, khi tôi gọi điện đã nghe có tiếng người trả lời, tiếng đàn bà.

Đó là cô trẻ nhất trong ba người, mới độ mười sáu mười bảy, sợ mất vía trước lực lượng được huy động, lại bị triệu vào giữa nửa đêm. Có, tất nhiên cô có nhớ đã nói chuyện với tôi. Mà cô nói với tôi rất đúng sự thật: Lúc tôi gọi, Señora đã lên đường cùng với cháu bé, cả bố mẹ và bạn hữu nữa. Đã lên đường. Không phải “đi khỏi”.

Cô đã dùng từ Marcharse chứ không nói Salir (đi khỏi). Tôi hiểu sai.

— Señora lên đường từ lúc nào?

— Mới sáng nay.

Cô cũng lẩn y như tôi. Từ hôm qua hay mới sáng nay? Đó là sáng 29 tháng giêng. Khoảng tám giờ. Catherine lái chiếc Range Rover. Đi về phía nào? Cô ta không biết nữa, chỉ nghe tiếng nổ máy xe ngoài sân.

Đến lúc này, sự việc xảy ra đã mười sáu tiếng rồi. Quận trưởng ra lệnh qua vô tuyến điện: Vào tất cả các khách sạn, ô tô, các trạm xe, các đồn cảnh sát lân cận. Và hỏi tôi:

— Chiếc Range Rover có tầm hoạt động bao nhiêu?

Tôi đâu có biết chắc? BỐM trăm kilometres chẳng? Và nhớ ra rằng vì hay đi dạo trên sa mạc, tôi đã lắp trên xe hai can xăng phụ và một can nước.

— Nghĩa là cô ấy có thể chạy một mạch không dừng lại tiếp xăng cho đến tận Utah, đến Colorado, đến New Mexico hoặc California. Dù sao đến Mexico cũng không qua được biên giới vì không có giấy tờ tùy thân. Nhưng chẳng vì thế mà dễ tìm.

Lại tiếp tục cật vấn cô bé hầu phòng lúc tôi từ văn phòng Vandenberg gọi về, cô có mặt tại đây hoàn toàn do tình cờ. Cô cũng bị đuổi việc như mấy người kia, chỉ quay về để lấy chiếc đài bán dẫn bỏ quên. Cô ngạc nhiên khi gặp Señora vẫn còn ở nhà. “Bà chủ nói đi cùng Señor Cimbali sắp tới đón”. Sau khi chiếc Range Rover lăn bánh độ hai ba phút - cô nghe rõ tiếng xe chạy đi chứ không nhìn thấy - thì chuông điện thoại reo. Cô nhắc máy nói, nói: “Señora lên đường rồi”. Cô tưởng là Catherine đi đến nơi hẹn gặp tôi.

Ba xe cảnh sát mới đến mấy phút trước đây đã lao đi. Quận trưởng cũng từ biệt. Chỉ còn Flint ở lại với tôi trong ngôi nhà vắng ngắt. Hai người lại lục lọi tìm kiếm. Còn biết làm gì khác? Tôi đã định đi theo các cảnh sát viên nhưng họ gàn: Biết đâu Catherine bỏ đi trong một cơn nổi khùng nghĩ lại và gọi về từ một nơi nào đó để báo tin?

Nhưng rõ ràng cô ấy đã sửa soạn kỹ lưỡng cuộc đi trốn trong điều kiện hoàn toàn vắng vẻ: Báo tin tôi sắp về để bố mẹ cô trở về Pháp, đuổi khéo số bạn bè đồng hương, buộc đầy tớ nghỉ việc... nói dối tất cả mọi người. Chẳng có nguyên nhân gì khác ngoài nguyên nhân: Một cơn rối loạn tâm thần.

— Franz này!

Flint từ ngoài ban công có cửa sổ kiểu Pháp thông vào phòng ngủ. Tôi chạy ra.

— Nhìn đây. Hình như chị ấy đốt đi cái gì ấy.

Tro đã lạnh. Bối lên, tôi tìm thấy trước hết một mảnh bìa nhỏ, thứ bìa màu đen bọc ngoài gói hàng đặt trong phòng tôi thuê ở khách sạn Pierre. Không chỉ có thế, còn có những mẫu cháy dở dang của tấm ảnh màu nhìn thoáng qua tôi đã nhận ra ngay. Trên đó còn sót lại vài chữ tên của khách sạn ở Amsterdam. Trước khách sạn, cô Maria De Santis và tôi được tên thợ ảnh nào đó chụp trong một khuôn hình căn rất khéo.

Bình minh ngày 30 tháng giêng đang ló rạng. Các cuộc tìm kiếm của cảnh sát tuy tiến hành trong phạm vi toàn bang vẫn chưa có kết quả. Cảnh sát các bang lân cận đã được báo động lúc tám giờ sáng, kèm theo nhận dạng Catherine và con tôi cùng số biển xe Range Rover.

Cả đêm tôi không hề chớp mắt mảy may nên sáng ra mặt đến lợm giọng. Lúc mười giờ Flint quay lại với chiếc máy bay du lịch nhỏ đưa tôi lướt khắp vùng. Nhìn tấm bản đồ Arizona trước mặt, tôi mới thấy bài toán thật rộng lớn: Catherine và Marc Andrea có thể ở bất cứ chỗ nào, trên các cao nguyên miền Bắc với Hẻm Núi lớn mà cũng có thể giữa sa mạc Sonora, hoặc Mojave. Catherine có thể tới Las Vegas hoặc trên đường đi Albuquerque hoặc đi Denver. Hoặc về thành phố khổng lồ Los Angeles (đã lục soát biệt thự trên đồi Beverley Hills nhưng không thấy). Cũng có khi cô ấy đã lọt được sang Mexico. Dù không mang theo giấy tờ; nhà chức trách không khắt khe lắm với những người từ Bắc xuống Nam. Vả lại cô có các giấy tờ của xe móc sau kính che nắng, có thể có cả tiền nữa. Các phiếu mua chịu của cô đều còn lại trong xắc tay, nhưng không hiểu cô mang theo bao nhiêu tiền mặt. Chỉ biết cô vẫn có trong tay vài ngàn đôla.

Flint lại nhai lại lần thứ mười những lý lẽ của anh: Chắc không có gì nghiêm trọng; chị ấy bỏ đi ít lâu để trả thù tội tôi hay vắng nhà; chị ấy đã

tìm chỗ nấp thật kín và sau mấy ngày nữa mới thò ra, mọi dấu hiệu đều nói lên điều đó, trước hết là cái cách chuẩn bị chu đáo việc ra đi.

Chúng tôi lượn trên vùng núi non phía Đông Nam Flagstaff, từ lâu đài Montezuma đến khu bảo tồn Réserve; ở đây có thể dấu kín cả một sư đoàn bọc thép hướng chỉ một chiếc ô tô đơn độc. Tôi biết rõ cuộc tìm kiếm này hết sức vô nghĩa, liệu chúng tôi hy vọng được vào cái gì đây? Nhưng khốn nỗi không cái gì trên đời này có thể giữ tôi ngồi yên một chỗ mà chờ đợi, vả lại tôi vẫn giữ liên lạc thường trực bằng vô tuyến với cảnh sát Phoenix, họ chỉ có mỗi loại tin để báo cho tôi: Không tìm thấy gì. Flint hạ cánh xuống thị trấn Holbrook lấy đầy xăng rồi lại cất cánh. Bay lên phía Bắc, lượn thật thấp trên cánh rừng hóa đá, khu bảo tồn Navajo, rồi ở tận cùng Tây Bắc, trên các bức tượng thiên tạo kỳ lạ trong Thung Lũng Lâu Đài; bay về hướng Tây trên Hẻm Núi Lớn... Tôi gần như đi đến chỗ thù ghét các cảnh thiên nhiên hùng vĩ dưới cánh máy bay, chúng làm cho cuộc tìm kiếm hoảng loạn của chúng tôi lại có dáng vẻ cuộc du ngoạn.

Flint gần như là đi vì đêm qua được ngủ có vài ba tiếng. Nhưng anh vẫn đòi bay tiếp, tôi bắt buộc anh quay lại trang trại. Độ một giờ chiều thì tới. Nghĩa là Catherine đã lái chiếc Range Rover đi được hai mươi chín tiếng rồi.

Không nhớ tôi có bảo họ trở lại làm việc không, nhưng thấy tất cả đã có mặt. Họ cho biết trong lúc tôi đi vắng có nhiều người gọi điện tới. Nhưng tất cả đều không hay biết việc xảy ra, trưởng bếp Narcisso phải báo họ mới biết, cố bám từng tia hy vọng mong manh, tôi đọc bản kê những người gọi: Li và Liu, Rosen, một nhà buôn bán nhà đất ở California, một người nữa ở Nevada nơi tôi đã mua đất, một diễn viên điện ảnh Pháp có việc qua Los Angeles nhắc tôi phải gọi cho anh ta, và nhiều bạn bè khác.

Có một cái tên lạ hoắc: Jessica Walter ở Taos, New Mexico.

— Đúng là chúng ta chưa hề gặp nhau, - cô ta nói - Tuy tôi đã từng đến nhà anh.

Cô quen Catherine trong cuộc triển lãm ở Los Angeles, gọi tên bạn theo cách thân mật là Kathy. Cô là họa sĩ, đã có lần mở phòng tranh ở Phoenix và nhân dịp đó đã về ở trang trại hai ngày (lúc tôi đi Rio). Tôi cứ để cho cô

ta nói một mình, phần vì đang mệt phần vì hy vọng cô sẽ cung cấp được tin gì quan trọng. Nhưng sau đó thấy chẳng ăn thua. Tôi bèn hỏi cầu may:

— Theo chị, cô ấy có thể đi đâu?

Cô đáp: “Không thể biết là...” Rồi đột nhiên kêu lên:

— Lạy Chúa! Tôi nghĩ thế này! Một chỗ tên là Hai Mươi Chín Cây Cọ, ở California, bên rìa sa mạc Mojave, gần đài tưởng niệm quốc gia Joshua. Ở đây tôi có một túp lều. Đã nói cho Kathy biết. Cách trang trại bốn trăm kilometres đường chim bay.

Thoạt đầu cô chạy về hướng Las Vegas thuộc Nevada. Sau đó quặt xuống Nam, qua Needles trên biên giới giữa California và Arizona. Một lái xe tải cho biết: Chiếc Range Rover bỏ mui, có chú bé con ngồi bên đã vượt xe anh ta rồi rẽ vào đường xuyên qua sa mạc Mojave cho đến lúc rời con đường liên bang để chạy về phía Nam thẳng hướng dãy núi San Bernardino.

Một người giữ cây xăng ở cửa phía Bắc Hai Mươi Chín Cây Cọ nhớ rõ có thấy hai mẹ con gần quãng hai giờ bốn mươi hoặc năm mươi phút ngày 29. Cô phục vụ một tiệm ăn ở cửa Nam thị trấn cho biết có dọn ăn cho hai mẹ con. Nhiều người cắm trại đã báo chúng tôi có thấy chiếc Range Rover. Họ đã nghe thông báo tìm kiếm trên đài phát thanh.

Một viên cảnh sát lên trực thẳng cùng với tôi. Trên máy bay đã có một cảnh sát nữa và viên phi công. Họ bốc tôi lên máy bay từ phi trường nhỏ ở Palm Spring, ra sức săn sóc tôi, nói năng thật nhẹ nhàng, với tất cả sự chăm lo đối với người bị sét giáng xuống đầu. Làm tôi muốn gào lên.

Vẫn viên cảnh sát: “Trên núi đầy du khách, người cắm trại, người trượt tuyết. Vào dịp nghỉ cuối tuần thường như thế, và lại chỗ này cách Los Angeles có chừng sáu mươi dặm, rất tiện”.

Bên trái chúng tôi là các đỉnh núi phủ tuyết, phản chiếu ánh mặt trời làm tôi bị lóa, nước mắt trào ra. Cảm thấy tất cả đều phi thực tế. Tôi mơ màng, tất cả chuyện này không hề xảy ra, tôi đang bay về Châu Âu sau vụ tai nạn của Marc Lavater, một tai nạn cũng trong giấc mơ thôi. Tôi đang về nhà, gặp lại vợ tôi, con tôi. Không có gì xảy ra hết. Tôi hoàn toàn kiệt sức, trống rỗng.

— Đến rồi.

Trực thăng đáp xuống. Nhìn rõ các mỏm đá, các bụi xương rồng như những đài nền nhô cao trên quần hợp gai bát ngát như biển. Sa mạc Mojave ngay kia, hoàn toàn xa lạ với con người. Nhưng khi một viên cảnh sát nhẹ nhàng níu tôi quay lại, cảm giác phi thực càng đột ngột tăng mạnh: Sau lưng tôi là một cảnh khác hẳn, rừng thông và núi tuyết, tôi đang đứng ở ngưỡng cửa hai thế giới không thể hòa hợp với nhau.

— Xin mời ông Cimbali tới đây.

Họ định cầm tay tôi dìu đi, tôi cúi kính giăng ra. Và lão đảo.

— Ông đi được một mình chứ?

— Đi được đến tận địa ngục.

Cô ta định đưa chiếc Range Rover lên thật cao trên núi làm mũi xe chống ngược hẳn lên rất nguy hiểm. “Có con đường, có đến hai con đường đi lên căn lều nhưng chắc chị ấy không trông thấy nên cứ thế lao thẳng lên”. Cuối cùng chiếc xe không kham nổi. Bánh xe khoét hai rãnh rất rộng cho đến lúc bị nghiêng hẳn một bên và trượt xuống dốc, tông vào cây bên đường rồi bị chặn đứng.

— Chị ấy xuống đi bộ... Lều ở sau mô đất kia, cách đây độ bảy chục mét.

Sau đó ra sao, không ai biết. Tìm thấy cô cách đây chừng hai kilômètres. Gần chỗ cô ngồi độ mười mét có một đoàn cắm trại, nhưng họ không nghe, không nhìn thấy. Có vẻ như cô đã lết tới đó, dựa lưng vào tảng đá, tay chân giang rộng, tay cầm hoa. “Chị ấy chích từng này ma túy mà không chết thì kỳ lạ thật. Chúng tôi đã chứng kiến nhiều vụ tương tự. Người nào như chị vợ anh sống sót qua những giờ đầu thì nói chung đều thoát được...”

Cô ta ngồi dựa lưng vào tảng đá, tay chân giang rộng, tay cầm hoa. Và chỉ có một mình.

Mặc dầu mọi cuộc tìm kiếm đã tiến hành và còn đang tiếp tục, vẫn chỉ có một mình. Marc Andrea không có đấy.

Bây giờ tôi vẫn còn nhớ Palm Spring, các viên cảnh sát nối tiếp nhau đến báo tin họ mất công vô ích đi càn quét hàng hécta rừng rậm, núi non và sa mạc cùng với hàng trăm người tình nguyện và đội vệ quốc đến giúp sức nhưng tất cả đều không hiểu nổi điều gì đã xảy ra với thằng con chín tháng tuổi của tôi.

Tôi cũng nhớ cả ông bố dưỡng vợ từ Paris hộ tống chạy đến, nhè đúng lúc này chứ không lúc nào khác để giải thích dài dòng bằng cái giọng kiểu cách của dân Anh Quốc có giáo dục, đều đều không một lúc nào to tiếng, bằng tất cả những rắc rối đã xảy ra - từ chuyện con tôi mất tích đến tình trạng của Catherine tuy thoát chết nhưng chắc chắn không phải là nhờ vào tôi - tất cả những rắc rối ấy đều do lỗi tại tôi cả. Ông ta còn khoan thai khẳng định rằng - có thể ông không thực sự dùng đến từ này, - rằng tôi rõ ràng là thằng đểu mặt hạng nhất có thể gặp trên đời.

PHẦN IV

CHIẾC MÁY VI TÍNH KHÁC THƯỜNG

1

Sau bốn ngày, mọi cuộc tìm kiếm chính thức chấm dứt. Dĩ nhiên tôi không hài lòng. Tôi đã yêu cầu nhà thám tử tư ở Los Angeles và Callaway tham gia cùng với cảnh sát. Sau hai ngày tôi hiểu ra rằng anh ta không đủ phương tiện tiến hành cuộc điều tra trên quy mô rộng lớn như thế.

Vì vậy tôi nhờ cậy đến người mà tôi gọi là Chatham, tạm gọi gã người Anh tôi đã từng gặp ở Geneva, một người đang mơ ước những công việc to tát hơn nhiều.

Anh ta không nhận lời ngay:

— Việc này khác xa việc theo dõi người. Tôi không quen làm. Mặt khác, tôi nhảy vào đây sau khi vụ việc xảy ra đã gần một tuần lễ. Tuy nhiên, cũng có thể.

— Không một hai gì hết: Tôi muốn tìm thấy thằng con, thế thôi.

— Tôi có thể đảm nhận cả hai vụ: Vừa giám sát Yahl vừa điều tra trong vùng núi San Bernardino.

— Tôi đòi phải có kết quả. Ưu tiên số một: Con tôi.

— Trước hết phải có tiền, chưa nói đến nhiều thứ khác.

— Ngay bây giờ tôi sẽ ra lệnh chuyển khoản một triệu đôla. Hãy cho biết chuyển vào đâu? Sau đây nếu cần sẽ chi thêm.

Nghe rõ tiếng anh ta nuốt nước miếng, vì sững sốt.

— Thưa ông Cimballi, chúng tôi sẽ làm tất cả những gì con người có thể làm được. Xin đảm bảo với ông như vậy.

Trong những giờ đầu tiên sau khi tìm thấy Catherine tôi thật nóng lòng muốn hỏi han cô ấy. Sau ba mươi tiếng đồng hồ mê man vì liều amphetamines quá mạnh cô mới tỉnh. Lại phải sau mấy tiếng nữa mới kể lại được chuyện đã xảy ra. Đúng hơn là không kể gì hết: Cô không nhớ. Tất nhiên có nhớ lại chuyện đi trên xe hơi, lúc gần đến túp lều, lúc chiếc Range Rover lật nghiêng gần đổ, lúc ra đi với Marc Andrea. Chính vào lúc ấy cô

đã uống các viên thuốc quái quỷ nọ, chắc là thuốc an thần, và sau đó trí nhớ bắt đầu hỗn loạn. Cô đã gặp nhiều người. Những người nào? Không biết, không nhớ hình dạng. Lúc ấy có tiếng nhạc. Thế Marc Andrea thì sao? Lúc ấy con vẫn ở bên cô. Ấy là cô cho rằng như vậy.

Sau đó là mũi tiêm. Có phải cô bị cưỡng ép nhận mũi tiêm đó? Cô không nhớ. Cũng không nhớ điều gì xảy ra sau đó. Cho đến lúc tỉnh lại trong bệnh viện Palm Springs.

Tại sao cô rời khỏi trang trại? Im lặng. Cô có hẹn gặp ai trong túp lều của Jessica Walter không? Không. Tại sao cô tới đó? Im lặng. Cô nhận được tập ảnh vào lúc nào? Tập ảnh nào cơ? Cô không nhận được tập nào hết. Cô không làm được gì, không nói được gì để giúp tôi tìm ra thằng con sao? Cô đã nói tất cả những gì có thể nói.

Ngày 4 tháng hai cô xuất viện, về ở với bố mẹ trong ngôi nhà họ mới thuê trong vùng Palm Springs, và ngay sau đó tôi bị cấm cửa không cho lui tới. Cảnh sát thẩm vấn cô cũng chẳng biết được gì hơn. “Thưa ông Cimballi, thực sự bà ấy không nhớ lại được gì. Uống từng ấy thuốc, lại mũi tiêm ấy nữa, như vậy thật chẳng đáng ngạc nhiên”.

Ngày 12 tháng hai, Catherine bay về Châu Âu trong tình trạng vẫn mệt mỏi, nên tôi chẳng biết gì thêm. Tôi đã nghĩ đến việc công bố tất cả chuyện Horst đến thách thức tôi. Có nghĩa là đệ đơn kiện Maria De Santis và cùng với cô ta là tất cả những kẻ đã xúi cô ta chống lại tôi, bất kể chúng là ai, kiện Yates, Horst và Yahl. Khi tham khảo các luật sư, họ khuyên tôi: “Xét cho cùng, ông chỉ nắm được các tập ảnh gửi đến khách sạn Pierre làm bằng chứng xác thực. Nhưng chẳng có gì chứng minh rằng họ dùng tập ảnh này nhằm mưu hại ông. Vợ ông nói không nhận được. Và họ cũng không hề dùng chúng để đe dọa ông. Thưa ông Cimballi, hãy giả định là ta tìm thấy ả De Santis hôm nay đang ở Nam Mỹ như chính ông cũng nghĩ thế. Giả định là cô ả bị thẩm vấn. ả hoàn toàn có thể khai rằng những bức ảnh này được chụp lén, cô ả không hay biết gì. Có thể do tay Yates là người tình ghen tức. Trách cứ gì được họ nào? Còn gã Horst. Ngoài ông ra, ai là người nghe thấy gã dọa dẫm ông? Gã thuê người ám sát ông? Thì chính ông cùng thuê người theo dõi hẳn, theo dõi cả lão chủ ngân hàng người Thụy Sĩ như chính

ông đã thừa nhận, tuy lão đang ốm đau đến mức các bác sĩ tim mạch danh tiếng cũng không dám lạc quan. Thế nào, ông Cimbali? Ta có thể kiện cáo tất cả bọn đó. Nhưng không hề có hy vọng được kiện. Mà còn có thể phương hại đến việc tìm ra con trai ông nữa”.

Ngày 8 tháng hai tôi đến Los Angeles. Nói điện thoại xong với Jimmy Rosen tôi gác máy, chuông lại reo.

— Ông Cimbali đấy hả? Erwin Horst đây.

Tôi hít một hơi thật dài.

— Tôi nghe đây.

Tiếng nói của hã hoàn toàn điềm tĩnh, chỉ hơi pha đôi chút giọng Đức như tôi đã để ý trong cuộc một đối một tại Biltmore ở New York.

— Thưa ông Cimbali, tôi do dự mãi trước khi gọi cho ông. Cuối cùng tôi quyết định cứ gọi. Tôi muốn khẳng định với ông một điều, dù ông tin hay không tin tùy ông: Chúng tôi hoàn toàn không can dự vào vụ con trai ông mất tích. Tuyệt đối không tham gia bằng bất cứ cách nào, ông ạ.

Hã chờ đến lượt tôi lên tiếng, nhưng tôi im lặng. Mãi sau hã nói thêm: “Chúng tôi là những người kinh doanh tài chính, không làm gì khác ngoài lĩnh vực tài chính”.

Im lặng. Tôi vẫn không lên tiếng. Thấy hã cũng im lặng nốt, tôi gác máy trước.

Tôi thuật lại với gã người Anh cuộc đàm thoại với Horst. Anh ta gật gù: “Kể cũng lạ, nhưng tôi lại tin lời hã. Chúng tôi bám Horst từ nhiều tuần lễ rồi, hã là không để hã biết, ông có thể tin chắc như vậy. Hã là một nhà kinh doanh chứ không làm gì khác, dứt khoát như thế. Nhân thể xin nói luôn: Chúng tôi đã khám phá được là hã từng du học bên Đức và có ở đó những bạn bè thuộc loại hơi đặc biệt”.

— Nghĩa là thế nào? Những tên loạn dâm đồng giới chẳng?

— Chuyện kia không loại trừ chuyện này. Trước đây ông chưa biết những thú riêng khác thường của Horst. Tôi vừa cho ông hay. Nhưng ban này tôi nói về bọn Quốc Xã, hoặc bọn ngả theo Quốc Xã.

— Còn mẹ tôi là Do Thái. Anh định dẫn dắt đến đây phải không?

Anh ta nhún vai: “Martin Yahl có những quan hệ thân thiết với bọn Đệ Tam Đế Quốc. Chính ông đã tận dụng điều này trong lịch sử của lão để hạ lão”.

— Và đó cũng là cái đã khiến hai tên ngoặc với nhau chống lại tôi?

— Cũng là một lập luận đáng quan tâm như một lập luận khác. Chúng tôi đang tìm cách chứng minh.

— Tôi đã yêu cầu anh quan tâm đến thằng con tôi, ưu tiên số một.

Anh ta liền nói đến kết quả những giờ điều tra đầu tiên của anh ta trong vùng núi San Bernardino, nó xác nhận các kết luận của những người trước: Vụ mất tích chỉ có thể cắt nghĩa một cách hợp lý nhất là nó do những người Catherine đã nói đến tiến hành; những người mà cô không nhớ kỹ, không kể được những chi tiết đích xác. Những người đi cắm trại, có mang theo lều vải, không phải những đoàn lữ hành.

— Và họ lôi con tôi đi, không cần biết nó là ai, ở đâu đến, đi với ai? Vô lý, sự có mặt của họ hoàn toàn tình cờ thôi.

—Thưa ông Cimballi: Chú bé không còn trên vùng đó nữa. Người ta đã mười lần chui tìm trong các bụi rậm, nhắc các tảng đá, soi mói từng chỗ hổng. Lính thủy đánh bộ trong căn cứ gần đấy đã đến giúp. Chú bé không còn ở trong vùng.

Anh ta lấy kính trong túi ngực ra, cẩn thận lau chùi, rồi lại bỏ vào túi.

— Nhất định ông đã nghĩ đến một vụ bắt cóc. Nhưng không thấy ai đòi tiền chuộc. Chỉ thấy có mấy kẻ cuồng tưởng và bọn lừa đảo mặt hạng định lợi dụng cơ hội này. Nhưng cũng có thể chúng còn đợi...

Gã người Anh nhìn chăm chăm vào mặt tôi:

— Những giờ phút gian nan, phải không?

Tôi chẳng cần sự thương cảm của anh ta. Tôi đã một mình chống chọi trong bao năm nay rồi và vẫn còn đủ sức tuy đang rất đau khổ.

— Anh định điều tra như thế nào?

— Con ông có thể đã được những người cầm trại nọ nhặt đi, hoặc bị họ bắt mang đi, những người cầm trại bí ẩn đã nói chuyện với bà nhưng bà không tả lại được. Và tuy trên đài phát thanh, đài truyền hình đã nhiều lần kêu gọi, cả trên báo chí nữa, nhưng vẫn không chịu xuất đầu lộ diện. Chúng tôi sẽ thử tìm ra họ.

— Họ là ai?

— Là bất cứ ai. Vào dịp cuối tuần, vùng San Bernardino đầy ắp người. Chúng tôi sẽ cố xác minh lai lịch từng người một, cả đàn ông lẫn đàn bà, tất cả những ai có mặt ở đó từ mười lăm giờ thứ sáu ngày 29, lúc vợ ông tới nơi, đến trưa thứ bảy.

Anh ta giải thích định làm những gì và làm như thế nào. Rồi gật gù: “Tôi biết đây là việc kiến tha mồi, rất kinh khủng. Nhưng không còn cách nào khác”.

Li và Liu. Họ đổ bộ xuống Los Angeles vào cuối tháng hai, lúc tôi đang rúc kín trong biệt thự nhỏ ở Beverley. Có lẽ tôi đã trở lại vùng núi San Bernadino đến hai chục lần, và nếu trên quả đất này có chỗ nào toàn bộ đất cát được sàng kỹ thì chính là chỗ nằm trong bán kính năm kilômétres quanh nơi tìm thấy Catherine. Mà chẳng tìm thấy gì. Các lời kêu gọi trên đài phát thanh truyền hình, các lời rao thưởng, các lời khẩn cầu của tôi đều không có hồi âm. Catherine đã cùng bố mẹ trở về Châu Âu được hai tuần. Bà mẹ vợ gọi điện cho tôi lần cuối cùng nói: Theo bà có là điên mới tiếp tục hy vọng.

Li và Liu đổ bộ xuống Los Angeles và bảo tôi: “Đi San Francisco với bọn tôi!” Chính họ là những người đã kéo tôi ra khỏi vực thăm bệnh hoạn lúc đó. Họ chẳng hề nao núng trước lời khước từ và cả những lời chửi rủa của tôi, không có cái gì làm họ nản lòng. Tôi tổng cổ cả hai ra cửa, họ bèn ở lì ngay trước cửa nhà tôi, ngay trong vườn, một cậu vắt vẻo trên cầu nhảy bể bơi, một cậu chồm hồm trên cột đèn trong vườn. Li (hoặc Liu) làm Mao Trạch Đông còn Liu (hoặc Li) làm Tưởng Giới Thạch. Giữa hai cậu là bể bơi, coi như eo biển Đài Loan. Rồi cả hai dùng tiếng Tàu kinh kịch để quạt nhau. Li - Tưởng duyệt những đạo quân tượng tượng nhưng buộc chúng phải tuân thủ kỷ luật mà nhà binh nghiêm ngặt, còn Liu - Mao thì bị Hồng

Vệ Bình chọc vào mộng trong khi vẫn ngoáy tít lên vì được hoa hậu Tàu xinh đẹp sờ soạng. Đến nỗi Liu - Mao thực hiện được những bước đại nhảy vọt... ít ra đó cũng là lời họ thuyết minh các uốn éo của họ.

— Các cậu phát điên phát rồ cả rồi.

— Đi San Francisco với chúng tôi!

Họ xử sự như thể không có chuyện gì xảy ra. Lại còn giễu: “Cimballi vốn lắt lanh ma bây giờ co lại rồi. Mặc bệnh tự kỉ rồi. Bước đầu của bệnh tâm thần phân lập tấy ông lớn ơi. Ông cá biết bệnh tâm thần phân lập là cái gì hông?”

Ngay sau đó họ kê ra một loạt triệu chứng của bệnh, hoặc những cái họ coi là triệu chứng.

— Đi San Francisco với chúng tôi!

Tôi cố biện bạch: Muốn ở càng gần San Bernardino càng tốt. “Để làm gì? Liệu có thay đổi được gì? Ngoài cảnh sát liên bang, anh còn huy động cả những thám tử tư giỏi nhất thế giới vào cuộc điều tra. Thế mà lại định rúc xuống đất nằm chờ sao? Cimballi lắt lanh ma đang gây gục rồi, đúng thế rồi. Anh đang gây gục đấy, chúng tôi nghe rõ tiếng gây răng rắc đây này. Trong lúc đó thì lão bạn già Thụy Sĩ của anh đang sắp thắng cuộc. Phải trở lại võ đài nện cho lão một trận mê tơi. Đi San Francisco với chúng tôi!”

Tại San Francisco tôi đã thanh toán được một trong những tên đã phản bội và ăn cắp của bố tôi. Li và Liu đã giúp sức tôi trong việc này hoàn toàn vì tình bạn. Họ cười khẩy: “Tình bạn nào? Ai bạn bè được với nhà anh? Làm cho vui thôi, mấy khi có dịp cười nổi trời như thế?” Họ vẫn giữ ngôi nhà trên đồi Telegraph, ở đó họ kể cho tôi nghe một số áp phe trong vô số áp phe của họ. Không nghi ngờ gì nữa, họ đang trở thành tỉ phú đôla đến nơi. Đã tậu đồi nho trong thung lũng Napa; kinh doanh bất động sản; trong lĩnh vực truyền hình họ đã đầu tư vào một bé gái sướt mướt Made in Japan có cái tên ngọt ngào như kẹo; họ đang nghĩ tới ngành khách sạn tiếp theo những mối quan hệ thiết lập vì chương trình Safari (họ tránh không đụng đến chương trình Safari, đợi cho tôi tự mình đề cập đến nó); họ đang say sưa với các bộ vi xử lý và theo một trình tự họ cho là logic, với tất cả các

món đồ chơi điện tử và đồ dùng vật vĩnh có thể tạo ra nhờ vận dụng các tiến bộ của kỹ thuật vi tính. Trong thực tế, làm đồ chơi điện tử là con ngựa chiến mới nhất của họ.

— Anh Franz, chúng tôi chỉ lặp lại ý của anh về các đồ dùng vật vĩnh.

— Bọn lừa đảo!

— Trên thị trường quốc tế về đồ chơi có nhiều việc lắm. Chúng tôi kiểm soát với mức độ khác nhau tất cả bọn chế tạo đồ chơi rẻ tiền ở Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia, Indonesia, Triều Tiên và các nơi khác. Anh có muốn nhập cuộc với chúng tôi không?

Tôi chẳng muốn nhảy vào việc nào hết, chẳng ham muốn bất cứ điều gì. Ngôi nhà trên đồi Telegraph ở San Francisco nay chẳng có vẻ gì là dinh cơ một tỉ phú, tuy nó cũng chẳng nằm trong tầm tay một anh lái tàu điện. Nhà gỗ vẫn ba tầng lầu (bày biện toàn đồ gỗ rất đẹp, vẫn nhìn ra phong cảnh tuyệt diệu của Vịnh San Francisco từ Golden Gate đến Bay Bridge. Nữ văn sĩ ở nhà bên đã dọn đi, thần kinh bà ta không đứng vững nổi trước bản Hoa Anh Đào Hồng và Hoa Táo Trắng do Yvette Giraud ghi vào đĩa 78 vòng kiểu cổ được hai anh bạn Tàu ưa thích đến nỗi mỗi ngày nghe từ mười lăm đến hai chục lần tuy một chữ Pháp căn đôi cũng không biết.

— Bất cứ ai cũng phát điên khi phải nghe như thế. Sao bây giờ các cậu không vận nữa đi?

— Không cần, vì mẹ ta xéo rồi. Mẹ kiếp, chó, mẹ ấy có những mười chín con chó anh biết không? Đêm đêm khi chúng tôi về nhà, tuy đã đi thật rón rén để khỏi làm chúng tỉnh giấc, vậy mà cả mười chín con khốn nạn ấy đều chồm lên cửa sổ nhìn chúng tôi chăm chăm, thè lưỡi liếm mũi rất đều.

Ngay khi tôi vừa chân ướt chân ráo đến nơi, hai cậu đã tiếp đón với tình bạn bình dị. Không hề đả động đến San Bernardino. Trong tình trạng của tôi lúc đó, rõ ràng đây là phương thuốc chữa bệnh tốt nhất. Li và Liu đúng là có một không hai; tình cờ tôi khám phá ra rằng họ đã hứa hôn với hai cô Tàu - Mĩ rất xinh và sẽ làm lễ cưới theo đúng nghi lễ tổ tiên. Họ vận động tôi một cách tế nhị, tuy tôi đoán biết những cách làm của họ vẫn có hiệu quả. Họ trở lại chuyện đồ chơi. “Anh có khoái không? Có hay không? - Hoàn toàn không - Franz, chúng tôi đang có vấn đề: Đã làm được nhiều đồ

chơi thú vị nhưng thị trường lại cổ hủ, ngưng đọng, những đồ chơi mới không được chấp thuận như dự tính“. Hồi ấy khoảng cuối tháng hai hoặc đầu tháng ba, tôi lang thang không ngớt khắp San Francisco từ phố Market đến Fisherman’s Wharf, từ cối xay ở công viên Golden Gate đến Embarcadero, hết leo lên lại tụt xuống ngọn đồi Nob. Gã người Anh gọi điện đều đặn cho tôi và đều đặn thông báo: Chẳng được tin tức gì. ”Thưa ông Cimballi, đây là công việc của kiến tha mồi, đến một ngày nào đó mới thấy kết quả. Chúng tôi đang lắp đặt bộ máy. Còn vụ kia thì...“, - ”Vụ nào nữa?“ Anh ta không thích nói tên người trên điện thoại nhưng vẫn phải thốt ra: Horst. ”Chúng tôi đã tiến thêm một ít theo hướng đó. Hơn nữa còn phát hiện đôi điều lý thú. Ông có cần tôi tới gặp không?“ Không, tôi không muốn. Tuy có Li và Liu và bạn bè họ, tôi vẫn trong tâm trạng thờ ơ ủ rũ, thật ngớ ngẩn: Rút cuộc lại thấy như thế dễ chịu hơn nhiều. ”Không, anh đừng đến. Tôi sẽ gọi lại. Hãy lo chuyện thằng con tôi”.

Trong khi đi trên phố California, lúc vượt qua Chinatown, tôi dừng chân trước tiệm đồ chơi. Khi trở về đồi Telegraph, tôi nói cho Li và Liu biết ý nghĩ vừa nảy ra. Và chính tôi lại là người cuối cùng hiểu ra rằng ý nghĩ này tuy không có gì ghê gớm nhưng họ lại cho là dấu hiệu chứng tỏ có cái gì đó bắt đầu khởi động lại trong tôi.

— Mở một chiến dịch về những đồ chơi phi bạo lực, hiền lành, thậm chí hòa bình chủ nghĩa nữa. Chấm dứt việc tặng súng ngắn, súng dài, tiểu liên, xe tăng làm đồ chơi cho trẻ. Tổ chức những cuộc diễu hành trước các cửa hàng lớn, tập hợp tất cả hội sinh thái vào một khối. Chiếm giữ các quầy đồ chơi, ngự luôn tại chỗ, trưng biểu ngữ lên, khi đài phát thanh và truyền hình đến phỏng vấn thì chứng minh rằng có thể tặng cho trẻ những đồ chơi không có hàm ý buộc chúng phải tàn sát thế hệ nối tiếp. Và những đồ chơi được đưa ra để minh chứng điều đó dĩ nhiên là do các anh làm ra. Không chỉ có những thứ của các anh, nhưng chủ yếu là những thứ của các anh.

Họ đồng ý. Họ nói: Sẽ làm đúng như thế. Nhất định họ sẽ làm. Ví dụ họ có thể tập hợp độ bảy tám ngàn dân New York đến trước cửa các tiệm lớn khu Herald, chặn đứng việc lưu thông ở Broadway và đại lộ Hoa Kỳ, nhờ vậy mà được quảng cáo tối đa.

Nhưng đó không phải là điều chính yếu. Họ khoái chí cười phá lên: Ông lớn Cimballi. Bé con ranh ma đã trở lại! “Cimballi rides again”.

Đến nỗi rút cuộc lại chính là tôi lên tiếng hỏi họ về chương trình Safari.

2

Jo Lupino bảo tôi: “Safari được lắm, rất tốt là khác. Công việc mỗi ngày một phát triển mạnh, thực sự đang trở thành một việc không hề”.

Anh ta báo cáo rất tỉ mỉ. Chính anh ta ra sân bay đón tôi. Anh đã tận mắt trông thấy bọn thợ ảnh, hai tên tay chân của Yahl mà tôi chỉ liếc qua đã nhận mặt được ngay, trà trộn giữa các phóng viên bình thường (tuy vụ con tôi mất tích không gây chấn động bằng vụ bắt cóc con trai Lindberg nhưng báo chí cũng nói đến rất nhiều). Tôi đã phải chịu đựng ánh đèn chớp của họ và cả một vài câu hỏi về Marc Andrea. “Không, không có gì mới”. Liệu tôi có còn chút hi vọng nào không? Xuýt nữa tôi nện vào mặt thằng cha đặt câu hỏi này. Cuối cùng tôi chỉ vẫn tắt: Có, vẫn hy vọng, hy vọng mãi mãi. Và sẽ giữ niềm hy vọng này trong nhiều năm nếu cần.

Lupino chỉ nhắc đến cảnh đó có một lần duy nhất:

— Sao chúng biết anh tới New York?

Chỉ có một cách giải thích nhưng tôi không tiết lộ với Lupino: Điều đó chứng tỏ cạm bẫy lại đang giương lên. Chúng cho tôi được yên thân ở Los Angeles và suốt thời gian tôi ở San Francisco, nhưng đúng vào giây phút tôi vừa rũ khỏi trạng thái chờ dẫn dụ động để trở lại thành nhà kinh doanh thì lập tức chúng lại săn đuổi tôi. Và làm cho tôi hiểu ngay rằng: Tuy có một thời gian lắng dịu nhưng cuộc chiến chưa kết thúc.

— Các công trình tại chỗ đã bắt đầu và đang tiến triển mạnh, - Lupino lại nói về công việc bên Florida. - Anh nên đến xem qua. Rất bổ công đi.

— Tôi sẽ đi.

Tại phòng làm việc, anh ta mở cho tôi xem các bản vẽ cùng với hai kiến trúc sư đã làm việc cho chương trình này từ nhiều tháng nay.

— Anh xem đây, mọi thứ đang thành hình. Tốp các bạn Tàu của anh đã thực hiện một công việc tuyệt vời theo cả hai nghĩa: Siêu tự nhiên và chất lượng rất cao. Họ đang sáng tạo một thế giới mới. Tôi cần nói rõ rằng trong

số đại diện cho các vị cộng tác viên của anh bên Dallas, có những người tỏ ra hoài nghi khả năng đóng góp của các ông Li và Liu, ngoại trừ sự đóng góp về tài chính.

Lupino bật cười: “Chắc anh cũng thừa nhận là họ cố gắng tối đa để tỏ ra mình là những anh hề...”

— Ít ra họ là những người cố ý làm ra thế!

Tôi cúi xuống nhìn các bản vẽ. Quả thật chúng gây xúc động mạnh, còn hơn cả một thành phố đang ra đời. Các kiến trúc sư gật gù: “Có đến mười lăm hoặc hai chục ngàn người sẽ làm việc ở đây, vào mùa hè khách du lịch ào ạt đổ tới, con số đó còn tăng thêm. Tất nhiên phải có nhà ở cho họ. Chúng tôi dự tính tổng cộng sẽ có ba chục ngàn người và hơn nữa. Địa điểm được chọn làm nơi định cư là vùng cách chỗ này ba kilômètres hướng Đông Bắc, phía Orlando gần xa lộ Florida. Đã có kế hoạch đầy đủ: Giao thông công cộng trường học, sân thể thao, siêu thị...”

Đột nhiên tôi thấy lại mảnh đất của Flint với hình dạng hôm tôi hay qua lần đầu tiên: Hoang vu, lầy lội, lác đác bóng vài người Séminoles sống sót từ thời tiền sử, nhưng nhúc đủ loại côn trùng trong đó muỗi là giống gây khó chịu nhất hạng.

— Vấn đề ấy cũng đã giải quyết xong. Vùng này bây giờ hoàn toàn trong lành.

... Và cũng vì Flint thường gặp khó khăn vào những dịp cuối tháng, không đủ sức thanh toán các chi phí bay, nên phong cảnh nơi đây đã hoàn toàn thay đổi như trong huyền thoại, khiến tôi ngỡ sờ gần như lịm đi. Họ tiếp tục báo cáo.

— Đã mở đường thông với thủy lộ dọc bờ biển. Con sông nhỏ đã được mở rộng, nối dài thêm bằng những sông đào có dáng vẻ tự nhiên và lưu thông được, nên bất cứ ai cũng có thể từ vịnh Chesapeake xuống và neo tàu ngay trước cửa chiếc bungalow anh ta thuê.

— Và được một chàng Tarzan với một cô Jane khoác da báo ra nghênh đón, - Lupino bổ sung thêm.

Các kiến trúc sư còn mang đến những market: “Được không ạ?”

— Bao nhiêu khách sạn?

— Năm cái, không kể những cái nhà nghỉ cá nhân. Tổng cộng khoảng bảy nghìn giường.

Họ chỉ các địa điểm xây cất.

— Còn chỗ này?

Tôi vừa thấy một khoảng trống.

— Đây là một khu rừng ở trung tâm, các con thú ở đây được thả tự do dưới sự quản lý của tay thợ săn từ Kenya sang. Đặt khách sạn ở đây rất nguy hiểm.

Tôi sức nhớ đến khách sạn Treetop (dịch nghĩa là Ngọn Cây) đã thấy ở Kenya, ngồi trên đó có thể điem nhiên ăn bữa tối và xem sư tử sửa soạn cuộc săn và giết chết con mồi thực sự. Các kiến trúc sư đã quyết: Lập lại cảnh đó cho Safari không phải là việc không làm nổi. Cảnh đó sẽ bổ sung cho một ý định khác của Li và Liu nghĩ ra: Xây dựng một khách sạn gắn chặt vào những bể cá khổng lồ, những bể này nối với nhau bằng những đường ống thủy tinh thông ra các đầm hồ được giữ nguyên vẹn.

Những market khác: Những thứ mà công chúng không bao giờ nhìn thấy, ở ngầm dưới đất. Hai tầng hầm. Mọi hoạt động của Safari: Mặt cung ứng, bảo vệ an ninh và gì gì nữa đều điều khiển bằng máy vi tính, cả đến sự vận động của các con tàu chở khách trên các kênh đào, vị trí các con trâu trong khu rừng của Joachim, số các tay súng đang sẵn bắn trong đó, sự di chuyển của cá sấu bắt buộc phải diễn ra qua mắt các thực khách và đúng thời điểm thích hợp dù chúng muốn hay không muốn.

Tôi nảy ra một ý:

— Vẫn như đã dự định trước đây, du khách khi đã vào Safari thì không tiêu tiền mặt, không dùng cheque và các phiếu mua chịu thông thường?

— Vẫn thế. Đã làm một loại phiếu đặc biệt, thời hạn sử dụng ngắn, trao cho du khách khi vào cửa. Đã làm xong mẫu.

Đây là sáng kiến của một trong những công ty quảng cáo tham gia hoạch định kế hoạch tổng quát. Làm ra loại phiếu này nhằm hai mục đích: Loại trừ mọi ý niệm về tiền tệ trong khu vực Safari (và do đó, nói thẳng ra là: Kích thích chi tiêu nhiều hơn), mặt khác tránh cho nhân viên khỏi ngồi đếm những món tiền chắc chắn sẽ rất lớn. Một lý do nữa, ít vinh quang hơn: Cơ quan phát hành loại phiếu này sẽ được hưởng hai phần trăm gọi là kinh phí quản trị; từ đó sẽ đẻ ra nhiều khoản lãi nữa. Mặt khác, sự tập trung cao độ việc nhập tiền mặt (chỉ có sáu cửa được phép cấp phiếu Safari) sẽ tạo điều kiện cho chúng tôi gom được chúng ngay lập tức, vào sổ sách tính toán rồi ngay trong ngày hôm đó mang đầu tư vào các thị trường tiền tệ ngắn hạn và trung hạn với lãi suất có lợi nhất.

Các kiến trúc sư mang theo bản vẽ và market ra về. Lupino mặt mày rạng rỡ: “Như tôi đã nói: Công việc không lỗ”.

Còn tôi thì thoát nạn được ba giờ liền.

— Xuýt quên, - Lupino bảo tôi, - nhân thể xin báo tin, anh bạn Joachim của anh đã trở về Kenya. Tôi đã cố giữ lại nhưng anh ta không chịu. Đối với anh ta bang Florida này nhất là khu vực của Safari không thể bằng rừng rậm Kenya. Tôi đã định gọi điện báo tin đó cho anh hay nhưng vì điều kiện...

Đó có lẽ chỉ là một chi tiết. Vài ngày sau khi Joachim đến Palm Beach và ở với Ocoee, tôi không hề gặp lại anh ta. Khi mời anh đến với tôi, tôi tự nhủ: Đây là cử chỉ nhằm giúp đỡ anh để ghi nhận tình bạn giữa hai người khi tôi ở Mombasa, biết rằng anh đang gặp khó khăn trong cuộc sống. Nhưng có lẽ việc làm này của tôi lại do một động cơ khác: Muốn kéo đến với mình một người có thể hoàn toàn tin cậy. Một người bạn thân thiết. Tôi đâu có nhiều bạn như thế! Vậy mà anh lại bỏ đi, không buồn gặp lại tôi. Sự rút lui của anh ta đã làm tôi bị tổn thương nặng nề hơn là tôi tưởng. Tôi thật không gặp may mắn với những người ở quanh mình.

Tóm lại, tôi vô cùng buồn chán.

Theo tôi nhớ được thì tôi từ San Francisco tới New York ngày 3 hoặc 4 tháng ba. Tôi rời nơi đây ngay hôm sau bằng máy bay của Flint, anh chàng

đang nóng lòng muốn cho tôi bay qua trên công trường khổng lồ trước đây là vùng đất hương hỏa của người ông để lại.

Trước khi đi tôi đã gặp Rosen. Bạn đọc còn nhớ, anh ta là người lo việc buôn bán cà phê cho tôi. Trên mặt trận này không có gì mới.

— Theo tôi, mọi chuyện sẽ được quyết định khi cà phê tới vụ nghĩa là khoảng ba tháng nữa, bắt đầu ngày 1 tháng sáu cho đến 30 tháng tám. Giá cà phê tùy thuộc vào băng giá. Nếu có băng giá, giá cà phê sẽ vọt tăng lên. Ngược lại, nó sẽ tụt và anh sẽ phải cố mà bám chặt. Anh cũng biết rõ điều đó như tôi...

Tôi báo Rosen phải tiếp xúc với nhân vật kỳ lạ tên là Gigio tức Gigi, có bề bới xây ngay trên ban công.

— Tôi gặp rồi. Nhân một chuyến qua New York chính hăn đã tới tìm tôi. Một nhân vật kỳ thật.

Cùng đi có hai gã tình dục trẻ tuổi của Gigi. Điều đó làm chướng mắt Rosen là con người tuấn nào cũng thành kính đi chào lễ ở nhà thờ và bản tính không ưa các trò cợt nhả dâm ô.

— Hăn có nói với anh về chuyện thăm dò bằng vệ tinh?

— Theo hăn, thực tế không thể ngụy tạo được.

Ngụy tạo là từ anh ta dùng để chỉ việc giả mạo các thông tin do vệ tinh truyền về, khiến cho khi vệ tinh chính thức báo trời tốt thực tế lại xấu trời, và ngược lại. Rosen nhìn tôi tỏ vẻ lúng túng: Anh thấy tất cả chuyện này thật là kỳ quặc. Anh không nhầm, chính tôi cũng cảm thấy thế. Vì nhất quyết muốn tìm ra cạm bẫy ẩn giấu trong áp phe cà phê nên tôi đã làm bất kể điều gì. Đã sang Uganda và Bờ Biển Ngà, rồi sang Brazil và Bolivia. Chẳng thấy ở đâu thò ra cái đuôi chiếc cần bẫy của chúng giương lên để bẫy tôi. Vả lại, nếu đợt băng giá tôi mong đợi không xảy ra (nó sẽ làm hại các nhà sản xuất và tôi sẽ xót xa cho họ, nhưng tôi đâu chịu trách nhiệm làm ra thời tiết!).

Hãy giả thiết không có băng giá, và từ ngày 1 tháng sáu đến 30 tháng tám trời sẽ rất đẹp trên các cao nguyên trồng cà phê?

Vậy thì? Tôi sẽ thiệt nhiều tiền, đó là cái chắc, vì đã mua non cà phê với giá khoảng một trăm tám mươi xu Mỹ một livre với hy vọng từ lúc mua đến

lúc đáo hạn hợp đồng (vào ngày 18 tháng chín tới) nhờ có bằng giá mỗi livre cà phê sẽ được giá hơn thế nhiều. Tôi sẽ thiệt nhiều tiền, đó là cái chắc. Nhưng đó là sự rủi ro bình thường trong đầu cơ. Tôi đã được lợi trong buôn bán bạc kim loại, không gặp may như thế trong vụ cà phê là chuyện khó chịu nhưng bình thường. Cung cách tổ chức làm ăn của tôi khiến cho trong trường hợp xấu nhất tôi có thể mất ba triệu đôla ký quỹ hoặc hơn một chút nếu phải nộp thêm tiền ký quỹ bổ sung. Điều đó không làm tôi vui thích, nhưng không vì nó mà tôi bị khánh kiệt.

Trong tháng ba này tôi lại thấy hăng lên và ngồi tính toán lại sổ sách dẫn vốn, không phải chỉ một lần mà có đến hai chục lần (một anh bạn Rumani đã truyền cho tôi thói quen thích tính toán). Tôi có ba triệu đôla tung vào áp phe cà phê, khoảng bảy triệu rưỡi vào Safari, bốn triệu rưỡi vào Quần Vợt Trên Trời. Tất cả mười lăm triệu. Trong mười hai tháng vừa rồi, cộng tất cả các khoản chi, tiền mua hòn đảo, tiền trả công điều tra cho gã người Anh tôi đã xuất hai triệu rưỡi. Kết thúc áp phe bạc, tôi đã thu hồi mười triệu đồng tiền vốn ban đầu - tiền ký quỹ - nhờ kịp thời rút ra trước khi bạc xuống giá, và được chín triệu tiền lãi sau khi trừ mọi khoản chi.

Chưa hết: Tôi còn có các bất động sản. Ngoài hòn đảo Maria Cay đã tính ở trên còn có các ngôi nhà ở Pháp: Paris, Cannes. Nhà ở Jupiter và Palm Beach bên Florida, ở Oakhurst bên California. Cộng thêm trang trại, một ngôi nhà và một căn hộ ở New York, biệt thự ở đồi Beverly, dinh cơ ở St. Tropez, đất đai ở Nevada, Texas, Florida và New Mexico. Tám triệu đôla tất cả. Chưa kể các chứng khoán bằng franc Thụy Sĩ còn lại và một ít tiền mặt, khoảng hai triệu nữa.

Trừ phi sau này có thông tin gì thêm, cho đến lúc này có thể coi việc tôi bỏ vốn vào quần vợt, vào Safari và cà phê đều là những khoản đầu tư “lành mạnh”, vì vậy tôi đang nắm chồm khoảng bốn mươi tư triệu rưỡi đôla. Thêm vào đó mười triệu hiện đang kẹt trong công ty Liechtenstein nhưng vẫn thuộc quyền sở hữu của tôi.

Năm mươi tư triệu rưỡi, gần hai trăm bốn mươi hai triệu hai trăm năm chục ngàn franc Pháp, hai mươi bốn tỉ năm trăm hai mươi triệu xu. Đó là tài sản thực tế của tôi.

Cạm bẫy nào làm tôi khánh kiệt nổi?

Tôi đã hoàn toàn mất trí, hoặc đúng hơn là đã bị lòng căm giận và hận thù lão Martin Yahl làm cho đui mù nên mới không hiểu rằng tôi đã là nạn nhân một vụ bịp khổng lồ!

Tôi hỏi Jimmy Rosen. “Các chuyên viên khí tượng bên Brazil dự đoán thế nào về tình hình băng giá?” Anh ta nhún vai: “Chưa có gì. Nhưng họ cho rằng mỗi ba năm lại có một lần băng giá nặng nhẹ khác nhau. Các thống kê xác minh nhận định đó. Mà ba năm vừa rồi lại chưa có. Bạn Gigi của anh đánh cuộc năm nay sẽ có, anh ta rất tin con vẹt chưa bao giờ nhầm lẫn, theo lời anh ta. Nói nghiêm chỉnh, anh ta cho rằng do sự móc ngoặc quyền lợi giữa các nhóm Bolivia và Brazil, có khả năng cà phê sẽ tăng khoảng bảy chục phần trăm.

— Giá một livre hiện nay bao nhiêu?

— Một trăm chín mươi xu Mỹ.

Tôi đã mua một trăm tám mươi.

Rosen tiếp: “Mặt khác tôi đã tiếp xúc với người anh đã nói đến, bên Bolivia, ở...” Anh cố nhớ lại: “Ở Cochabamba. Người ấy ngạc nhiên thấy tôi gọi điện. Bảo: Khi anh đến gặp, anh ta đã đảm bảo tất cả mọi thứ rồi. Theo anh ta, hiện chưa có gì thay đổi, và thấy không cần phải nhắc lại với anh một lần nữa”.

Im lặng. Tôi bảo Rosen:

— Anh có nghĩ như anh ta rằng tôi quá mạnh tay không?

Một nhà kinh doanh tài chính thông thường tất nhiên không phí công làm cuộc viễn du Châu Phi - Nam Mỹ đó, anh ta sẽ chỉ tham khảo các lời phán truyền quen thuộc, nhổ nước bọt lên trời để đoán được hướng gió và làm những động tác kinh điển khác khi anh ta phân vân. Còn tôi, tôi không phải nhà kinh doanh tài chính thông thường. Rosen không né tránh cái nhìn của tôi. Và nhún cả hai vai: “Tôi không biết. Không nắm được hết các con bài”.

Bây giờ tôi vẫn nhớ: Đúng vào lúc này có hai điều cám dỗ tôi. Nói đúng hơn tôi đang do dự trước hai con đường. Một là dừng lại ở đây, thanh toán ngay một lúc tất cả mọi cuộc kinh doanh: Cà phê (có thể tôi sẽ được lãi vài

xu Mỹ mỗi livre nếu bán hết theo thời giá và dù sao cũng thu hồi đủ vốn), cả Safari và Quần Vợt nữa. Bồi thường cho gã Thổ và cô Ute bị tôi lôi kéo vào áp phe này. Làm như vậy là theo đúng lời khuyên từ đầu của Marc Lavater: Về nghỉ hưu, sống nốt những ngày còn lại với năm sáu chục triệu đôla trong tay và chăm sóc thằng con, thế thôi.

Hai là, làm ngược hẳn lại, vì công việc làm ăn đang có đà tiến triển tốt, vì tôi là nhà kinh doanh tài chính, vì Franz Nhảy Múa được tạo thành và sinh ra là để làm ra tiền, làm ra nhiều nữa, làm mãi mãi... và cũng có thể vì tôi đã mất thằng con rồi.

Dĩ nhiên tôi đã bảo Rosen:

— Này Jimmy, mình cứ xông tới nữa. Cậu liên lạc với Marilyn, hoặc Bache hay Elizabeth Taylor, ai cũng được tùy cậu, bất cứ ai chịu nhận tiền của mình. Mình muốn có thêm những hợp đồng mới, ba triệu đôla nữa.

Tất cả là sáu triệu tung vào món cà phê.

Dĩ nhiên lúc ấy tôi không biết một tí gì hết. Tuy sự thực là tôi vừa ký vào một cái gần như bản án tử hình của chính tôi.

3

Ocoee, gã Séminole tể nhị quay lưng về phía tôi, thực sự tôi chỉ lơ mơ nhìn thấy bóng dáng anh ta. Đêm tối, hai chúng tôi ngồi trên chiếc thuyền độc mộc trong hồ Blue Cypress bên Florida. Thuyền lướt trong im lặng, ngoài tiếng rào rào gần như không nghe thấy và tiếng mái chèo của anh ta nhẹ nhàng khuấy nước từng nhịp rất đều. Tối mù mịt đến thế, làm cách nào anh ta thấy đường? Tôi chẳng nhìn thấy gì hết ngay cả hai bàn tay đang đặt trên đầu gối. Tôi đặt tay lên đầu gối từ lúc một con rắn ngoi lên lướt đầu qua mạn thuyền. Hơi hoảng.

Bơi như vậy độ hai mươi phút, không ai nói câu nào. Màn đêm chợt như sáng ra, thuyền tới một khoảng rừng sú vẹt, thân các cây đước trổ từ dưới nước sâu chỉ độ ba bốn mươi centimètres. Ocoee để thuyền lướt theo đà. Tôi hỏi:

— Anh có bàn bạc với anh ta không?

Đang nói về anh bạn Bồ Đào Nha ở Mombasa, anh chàng Joachim được tôi mời từ Kenya sang làm việc ở Safari nhưng chỉ sau hai tháng đã bỏ đi, không đợi tôi về để bàn bạc, giải thích tại sao lại quyết định như vậy.

— Bàn nhiều rồi.

— Anh ta có cho biết tại sao không ở lại?

Ocoee cười khẽ trong bóng đêm. Tôi mừng tượng cuộc đối thoại giữa gã Séminoles ranh ma như quỷ sứ, chỉ cao bằng ba quả táo, gầy guộc nhưng đủ sức ôm một con cá sấu còn sống nguyên trên tay, đối diện với anh chàng Joachim thô kệch, man dại và rụt rè, to lớn, có bộ mặt sát nhân, cựu lính đánh thuê được tha thứ, hằng đêm vẫn cầu nguyện lẫn lộn cả Đức Mẹ Fatima, Chúa Hải Đồng Jésus của các nhà truyền giáo và cả cầu thủ bóng đá Éusebio. Có khi chính viễn ảnh cuộc đối mặt này đã thúc đẩy tôi với Joachim đến tận đây. Ocoee vẫn cười, bảo: “Anh thừa biết rõ tại sao”.

Tại vì Joachim là con khủng long từ quá khứ xa xưa còn sót lại. Hoặc vì tôi đã ngớ ngẩn định tuyền mộ anh ta vào chốn Safari đã tiết trùng của tôi, nó chỉ là chiếc vòi nước máy lắp trong bếp so với dòng thác trong rừng núi thiên nhiên. Hoặc chắc chắn hơn hết, là vì ta không thể sai khiến bạn bè như thể họ là người thuộc quyền sở hữu của ta với cái cố ta muốn chứng tỏ tình bạn thân thiết.

“Thôi được. Ta quay về”.

Tôi cùng với Flint bay trên công trường rất lâu. Tôi gần như thất vọng, không nhìn thấy gì đáng kể, ngoài những cỗ máy màu vàng đang đào lỗ, đào hào rải rác trên nhiều kilometres vuông. Tôi không thấy hưng phấn gì hết. Với tâm trạng lúc này, tôi tự hỏi liệu có cái gì làm tôi hưng phấn được?

Quay về khách sạn vừa đúng lúc để nhìn bản báo cáo ba tuần một lần của gã người Anh nói qua điện thoại. Anh ta đã đặt bản doanh ở Los Angeles để tổng hợp các kết quả điều tra vụ San Bernardino. Không có gì mới. Nói cho đúng, không có gì thật mới. Anh ta bảo: “Rất lấy làm buồn”. Và có lẽ cảm thấy áy náy trước sự im lặng nặng nề của tôi, anh nói thêm: “Theo một ý nghĩa nào đó, thất bại của chúng tôi từ hôm đó đến giờ lại có thể là dấu hiệu tốt.

— Tôi không hiểu.

— Thưa ông Cimballi, xin nói thẳng tuột thế này: Cậu con ông mất tích đến nay đã bốn mươi ngày đêm. Giả thiết bị bắt cóc lấy tiền chuộc bị loại hẳn ra. Giả thiết gặp tai nạn chết người cũng mỗi ngày một giảm giá trị, vì càn đi quét lại rất tỉ mỉ vẫn không thấy xác. Nhưng xin được nói về những việc đã làm. Chúng tôi đã xác minh lai lịch mấy trăm người vào một lúc nào đó từ mười ba giờ ngày 29 tháng giêng đến trưa 30 đã vắng lai đến khu vực tìm kiếm. Nhiều người là dân từ ngoài California tới đây nghỉ ngơi vài ngày. Tìm được người nào là chúng tôi lập lại thời gian biểu của họ, từng giờ, thậm chí từng phút một, có sử dụng đến những market và ảnh chụp trên hiện trường để xác định thật chính xác vị trí của họ ở từng thời điểm,

phương tiện đi tới đây, gặp và trông thấy ai, tính chất của từng sự cố họ đã gặp dù chỉ là sự cố nhỏ nhất. Nhờ vậy đã thu thập một khối lượng thông tin khổng lồ đang đưa vào máy tính điện tử. Nhằm tái hiện, có thể nói gần như trong khuôn khổ một hộp thức ăn, tất cả những gì đã xảy ra từ lúc bà nhà ta đến nơi cho đến lúc tìm thấy bà.

— Kết quả?

— Nhờ đó chọn ra được chừng ba chục người không chịu ra mặt tuy đã có nhiều lời kêu gọi, vì nhiều lý do khác nhau, ví dụ những ông và những bà đáng lẽ không chính thức được phép cùng nhau tới đó. Đã tiến hành điều tra từng người một nhưng cho đến hôm nay vẫn chưa tìm được gì.

— Nói cách khác, anh chẳng nắm được gì trong tay.

— Tôi không nói như vậy. Chúng tôi đã chia vùng đất ấy thành những ô vuông mỗi cạnh mười mét bất kể địa hình ra sao và đưa vào máy tính. Sau khi đã khoanh vùng cần tìm kiếm, tức là quãng đường dài nhất mà bà nhà có thể đi được từ lúc chiếc Range Rover bị kẹt đến lúc bà ngã xuống. Vùng đó rộng nhiều kilometres vuông, nói chính xác là chín nếu tính cả độ lồi lõm nhấp nhô của địa hình. Tuy vẫn còn một nghi vấn: Con đường vòng men theo một phần dãy San Bernardino ở cách chỗ tìm thấy bà nhà một ngàn năm trăm mét. Thưa ông Cimbali, tôi nói ra điều này để làm ví dụ chứ không phải để khoe khoang đầu óc thông minh của chúng tôi: Máy tính đã vẽ lại vết chạy của chú hoẵng từ lúc bốn giờ mười lăm phút chiều đến mười bảy giờ hai mươi phút ngày 29 tháng giêng. Dựa vào lời thuật lại của hai mươi bảy nhân chứng đã trông thấy con vật.

Trước đó tôi đã biết gã người Anh đang mở một cuộc điều tra rất đúng bài bản nhưng không ngờ lại công phu đến thế.

— Thưa ông Cimbali, đến hôm nay chúng tôi biết chắc có những người lúc đó có mặt trong vùng tìm kiếm nhưng vẫn chưa lộ diện. Chưa tìm ra nên chưa thẩm tra được họ. Chỉ biết vào khoảng mười lăm giờ ngày 29 tháng giêng họ có ở đây. Trong số đó có những người đã lên tiếng với bà nhà ta.

Cố hòng tôi tắc nghẽn.

— Bao giờ các anh xác minh được họ?

— Có lẽ chẳng bao giờ. Hoặc trong vài tiếng nữa. Chúng tôi đã có vài yếu tố: Tất cả có ba cặp riêng lẻ mà chúng tôi mới nắm được rất lơ mơ. Một cặp đã đứng tuổi, hai cặp kia trẻ hơn, cả ba đi xe hơi chưa rõ hiệu và màu sơn. Có một gã trẻ bặm blouson da ngoài sơmi carô đỏ trắng, hình như có quần khăn quàng cổ, cao khoảng một mét bảy lăm. Và có hai toán nữa mỗi toán ít nhất ba bốn người. Trong mấy toán này có một hoặc một số người hút cần sa. Tất cả chừng mười lăm người cả thảy, đối chiếu lời khai của hàng trăm thậm chí hàng nghìn nhân chứng họ đều công nhận sự có mặt của những người đó. Ông có muốn biết thêm những chi tiết do máy tính cung cấp? Một phụ nữ lạ đội mũ len hai màu đỏ và lục; một nam giới lạ hết sức to béo đi lại khó khăn; một kẻ thứ ba - có khi là một trong hai người vừa kể - hát một bài đã cũ của Pery Como vào lúc trời chập choạng tối.v.v... Thưa ông Cimbali, ông đòi chúng tôi làm cái không thể làm nổi, chúng tôi đã cố thử làm xem. Nhưng ở đất Hoa Kỳ này có đến hai trăm ba chục triệu cư dân, không kể khách du lịch nước ngoài.

Im lặng.

— Tất cả mười lăm người?

— Tôi cho là mười sáu. Phải tìm ra mười sáu người. Và tôi thành thực tin rằng ít ra có một trong số đó biết điều gì xảy ra với con trai ông.

Hai ngày sau tôi để Flint ở lại Breakers, thuê chiếc xe và lên đường. Qua Tallahassee và Mobile, đi về hướng New Orleans.

Do tình cờ tôi phát hiện có xe bám đuôi. Đi qua Orlando nhờ có những đoạn đường thẳng bằng dài vô tận mà tôi chú ý đến nó: Chiếc Ford màu kem sữa có hai gã đàn ông ngồi trên. Không nghi ngờ gì cả. Tôi đang bị chúng bám theo. Chúng dừng xe khi tôi dừng, đỗ lại cách khách sạn ô tô tôi nghỉ đêm độ hai trăm mét. Tôi thăm lượng định tầm quan trọng của phát hiện này: Từ khi Horst nhập cuộc đây là lần đầu tiên tôi chớm được những tên bám đuôi bí ẩn chưa bao giờ rời xa tôi.

Từ khách sạn ô tô, tôi gọi điện cho Callaway ở San Francisco. Từ bữa tôi chuyển việc điều tra vụ con tôi mất tích từ tay anh ta sang cho équipe già người Anh, giữa hai chúng tôi đã có chiều lạnh nhạt, nhưng lúc này anh đáp lời ngay lập tức: “Ông đang ở đâu?” Tôi cho anh ta biết tọa độ: Đường liên quốc gia số 10, cách Tallahassee bốn dặm về phía Tây, ở nơi tên là Sycamore. Anh ta hỏi tên khách sạn ô tô, tính toán rất nhanh: “Sáng mai nếu ông chưa lên đường trước tám giờ, tôi sẽ có mặt cùng với hai người của tôi” - “Tôi sẽ đợi đến tám rưỡi”. Chúng tôi thỏa thuận ”anh ta sẽ gọi về Royal Sonesta ở New Orleans để báo cáo cho tôi biết kết quả săn tìm.

Sáng hôm sau chiếc Ford kem sữa đã biến mất, tôi chẳng nhận thấy gì hết cũng chẳng trông thấy ai, cả Callaway, cả những kẻ bám theo tôi mà đáng lẽ anh phải bám theo. Nhưng khi tới New Orleans vào khoảng bảy giờ tối đã có bức điện chờ tôi sẵn, ký tên Callaway báo tin “công việc tiến hành thuận lợi”. Nói cách khác, anh ta cùng với các người giúp việc đã tóm được bọn bám đuôi tôi, còn chính tôi thì lại mất hút chúng.

Hơn nữa, đến tối Callaway lại gọi cho tôi:

— Không có vấn đề gì, bọn tôi đã theo sát chúng. Bốn tên ngồi hai xe. Chúng dò theo ông từng bước. Hiện tôi ở cách chỗ ông đang đứng có năm chục mét.

Ở “chỗ tôi đang đứng tối hôm ấy”. Tôi đang phân vân tự hỏi không biết từ bữa chia tay nhau, liệu ông ta đã lúc nào rời khỏi chiếc ghế bành này chưa. Đó là Thibodeaux trong vinh quang, có dáng vẻ của con người đang sống hạnh phúc nhất trên cõi đời này. Ông ta bảo tôi:

— Tôi cứ ngỡ sẽ gặp lại anh sớm hơn.

— Tôi bận quá.

Ông nhìn tôi thật kỹ: “Có vẻ không được...”

Tôi đáp: “Không đến nỗi”. Ông gật đầu, nói tiếp: “Tôi có đọc báo. Một đòn bắn thiêu”. Ông với tay kéo chiếc vò vẫn đặt trên sàn hiên đưa cho tôi.

— Không, cảm ơn.

- Anh có thích tôi lại chơi chiếc đàn guimbarde cà khố kia không?
- Không, nếu tôi may mắn thoát khỏi nó.
- Vậy thì uống đi.

Tôi uống một hớp whisky. Ông ta buồn bã lắc đầu: “Thật đáng thương! Tôi bảo anh uống ra uống chứ không báo nếm thử. Nào, hớp một ngụm đầy tràn, cậu cả”. Lần này tôi nuốt hẳn một ngụm đầy tràn. Rồi tuyên bố: “Tôi sắp lăn quay như hòn bi đến nơi. Không quen nhậu đâu”.

Ông ta gạt gù tỏ ra buồn phiền vì điều tôi vừa tiết lộ. Tôi ngồi xuống chiếc ghế xích đu thứ hai ngay trước mặt ông và cùng nhau vừa đung đưa trên ghế, vừa chuyển tay vò rượu. Không khí nồng mùi bùn, thêm vào đó là mùi nhạt thếch của mưa, vì mưa bắt đầu rơi thật nhẹ nhàng, có thể nói giọt mưa đậu xuống trên đầu ngón chân, gõ êm lên mái hàng hiên.

- Có nghe nói đến tên cướp Jean Lafitte?
- Lơ mơ.
- Căn cứ của nó ngay gần đây, ở Barataria.
- Thú vị nhỉ! Tôi phát điên lên được.
- Uống đi. Ngon chứ, hả?
- Kinh khủng, sắp mê nó đến nơi.

Không biết có phải vì rượu không, tôi thấy hơi thư giãn ít nhiều. Thibodeaux mỉm cười với tôi, nhắm mắt lại và lẩm bẩm hát. Có lẽ tôi thư giãn hơi quá. Chợt muốn khóc, rồi khóc thực sự không sao kìm nổi... Tôi không nhầm lẫn, tuy không giải thích nổi nhưng thực quả là như thế: Tôi đã đương đầu đúng mức trước loạt đòn của nhiều sự kiện nối tiếp: Tai nạn của Marc Lavater, chuyện xảy ra với Catherine và việc hai chúng tôi xa nhau, vụ con tôi mất tích; nhưng chính sự đào ngũ của Joachim một người không mấy thân thiết tôi có thể không nghĩ tới nữa, chính sự đào ngũ ấy làm tôi hoàn toàn gục đổ. Có thể vì nó đã bồi tiếp vào tất cả những chuyện kia. Và tôi biết rõ mình đến tìm kiếm cái gì ở chỗ ông già Louisianais đang ngồi trước mặt tôi, người tôi mới chỉ gặp có một lần trong đời: Một chỗ ẩn náu trong tình cha con. Dưới cái cớ: Nhờ ông già giúp Paul Hazzard và tôi tìm ra đầu mối.

Im lặng. Tôi cũng nhắm nghiền mắt, không mở ra trong lúc ông tạm ngừng không đưa ghế - nhưng không ngừng câu hát ư ử trong mồm mím chặt - Ông vào nhà rồi trở ra:

— Anh nghĩ gì về việc chỉ có hai ta mà đã uống cạn một vò. Những chiếc vò bây giờ không còn như xưa. Hồi tôi còn trẻ, chúng cạn chậm hơn nhiều.

Tôi nói: “Dù sao tôi cũng say mềm rồi. Bằng chứng: Nhìn chỗ nào cũng thấy toàn cá sấu”.

Ông ta tợp một ngụm, chuyển vò thứ hai sang tôi. “Cậu cả ơi, đúng là chỗ nào cũng có cá sấu thật đấy”.

Tôi mở choàng mắt. Ông nói đúng: Có đến năm sáu con đang thản nhiên dạo chơi giữa các cụm hoa trong vườn. Nếu hiên nhà không được tôn cao và có hàng lan can quây kín, chắc đã có một chú nhảy lên đầu gối thè lưỡi liếm mặt tôi.

Có thể Thibodeaux đã trông thấy tôi khóc nhưng ông làm như không biết, chỉ nói:

— Cá sấu canh giữ giếng dầu tốt hơn chó nhiều. Nhưng còn một lý do khác.

Ông nhắc chiếc vò tôi vừa đưa trả, ướm nặng nhẹ.

— Khi cậu thấy chúng có màu hồng, đó là lúc nên ngừng uống rượu. Thôi, bây giờ hãy kể về đời cậu nghe chơi...

Ngày hôm sau nữa, ông vênh ngón tay cái chỉ vào tôi bảo Paul Hazzard:

— Thật khó tin nhưng đúng là cậu này còn giỏi phịa hơn cả mình. Nếu anh biết cậu ta đánh lừa tôi với những chuyện gì, nào là cùng với các chiến binh Masai Châu Phi trong một cái hố, một gã Tàu lăn trên bánh xe ở Hong Kong, rồi một gã bị lột da sống trong Thung lũng Chết. Cậu ấy có đầu óc tưởng tượng thật khác thường. Thế các anh cho rằng dưới kia có đầu à?

Chúng tôi bay trên bang Oklahoma đã từng thuộc Pháp trong một trăm năm mươi năm sau đó ngẫu nhiên trở thành đất Mỹ: Khi Thomas Jefferson^[26] đến Pháp hỏi mua vùng New Orleans, ông ta kinh ngạc thấy được mời mua luôn toàn bộ vùng Louisianais thuộc Pháp hồi ấy, kéo dài

đến tận dãy Núi Đá. Chúng tôi cất cánh từ Dallas, nơi Thibodeaux và tôi cùng đến tìm Hazzard và hội đàm với một tay địa chất và một kỹ sư.

Từ sau lần gặp trước. Paul đã mở rộng mục tiêu. Hồi ấy định đầu tư hai triệu đôla, trong đó năm trăm ngàn tức một phần tư do hai chúng tôi bỏ ra, số còn lại sẽ do một ngân hàng ở Dallas cho vay sau khi có kết quả của những giếng khoan đầu tiên. Sau đó, số đất mua được đã từ bảy tăng thành hai mươi một khoảnh, số vốn cần có cũng tăng lên tuy không theo tỉ lệ đó. Bây giờ cần sáu triệu.

— Nhưng anh Franz, trong mười năm ta sẽ thu lãi khoảng hai lăm đến ba chục triệu. Và có khả năng thu hồi lại vốn ban đầu sau mười bốn tháng.

— Phải bao nhiêu?

— Một triệu rưỡi. Mỗi người bảy trăm năm chục ngàn.

— Gấp ba số anh nói lúc đầu.

— Tôi đã giành thêm được nhiều phần đất nhượng, một cơ may đấy.

Và là vận hội không thể bỏ qua, theo công thức. Chúng tôi bay trên một hồ lớn, được biết là hồ bảo tồn Eufala. Dãy núi Ozark ở bên phải, rất rõ nét dưới bầu trời quang quẻ. Hôm nay là mừng 10 tháng ba.

— Nếu anh không chịu, tôi sẽ tìm một người thứ ba để cộng tác.

Ngay trước lúc rời phòng trọ ở khách sạn Fairmont tại Dallas tôi nhận được điện thoại của gã người Anh: Trong số mười lăm người mà máy vi tính xác nhận có mặt tại hiện trường, trong “vùng tìm kiếm” và chưa thẩm tra được, nay đã tìm ra hai người. Cặp đứng tuổi. Tại sao họ không đáp lại các lời kêu gọi trình diện? Vì miền Nam California chỉ là chặng đầu trong chuyến du lịch dài ngày của họ trong vùng Thái Bình Dương, họ chỉ lướt qua đây thôi. Gã người Anh: “Thưa Ông Cimbali, họ cung cấp rất ít thông tin. Nhưng việc tìm ra họ chứng tỏ công việc của chúng tôi tiến triển. Thế là chỉ thiếu có mười bốn người nữa...”.

Máy bay hạ xuống Tulsa. Tiếp tục hành trình bằng xe hơi, các mảnh đất nhượng đều nằm trong bán kính khoảng sáu mươi kilômétres, có những mảnh ở tận cùng bang Kansas, những mảnh đầu tiên nằm ở lưu vực sông Cimarron, một nhánh của Arkansas. Đây là xứ sở của Jesse James và họ Dalton, những lúc này có ngọn gió lạnh thổi xuyên qua thịt. Riêng mình

Thibodeaux cảm mũi xuống đất đi như người hái nấm trong dãy Pyrenees bên Pháp, thỉnh thoảng vốc một nắm đất đưa lên mũi hít hà. Mỗi khi có ai trong bọn nhận xét điều gì ông ta lại bức dọc lắc đầu quây quây. Còn Paul và các chuyên gia chính thức đi thành nhóm riêng tuy thỉnh thoảng lại đi ngang qua ông già Louisianais. Cuối cùng tôi thấy rét buốt thấu xương đành vào ngồi trong xe, tự hỏi mình dẫn thân tới đây làm gì, việc quái gì phải đi tìm dầu mỏ là thứ tôi cóc cần đến. Người đầu tiên đến gặp tôi là Thibodeaux: “Anh có vẻ dừng dừng thật. Thế anh tưởng tôi rời chiếc ghế xích đu chỉ vì có thiện cảm với anh sao?”.

— Còn vì tôi đã hứa mời ông đến St. Tropez nữa.

— Và vận động bầu tôi làm chủ tịch hội đồng giám khảo tuyển chọn “Hoa hậu St. Tropez Cởi Trùng”.

— Xin thề.

— Liệu có quá đáng không, hử?

Tôi lái sang chuyện khác: “Thế có dầu không?”

— Có. Không phải ở tất cả các điểm mà bọn chuyên gia nửa mùa của anh chỉ ra, nhưng có dầu đấy. Bãi tắm ở St. Tropez tên là gì ấy nhỉ?

— Pampelonne.

— Anh sinh ra ở đó?

— Trong ngôi nhà sát mép nước.

Đột nhiên như có một cánh cửa vừa bật mở, phả mạnh hương thơm rừng sồi miền Provençale, rất đậm đà rất dịu ngọt. Ngôi nhà tôi chào đời vụt hiện ra trước mắt tôi, rõ nét đến tàn nhẫn. Một cách nào đó, nó đã là cái ăn thua trong cuộc chiến của tôi với Yahl; hơn nữa khi về ở đây cùng với Catherine tôi đã cho rằng nó đánh dấu sự kết thúc cuộc chiến đó. Nếu tôi ở lại đây thì sao?

— Tôi đi về đây, - Thibodeaux nói. - Đã làm cho anh nhiều hơn cho bất cứ ai khác. Chỉ có Chúa mới biết vì sao. Anh bao nhiêu tuổi?

— Vừa tròn hai lăm vào tháng chín năm ngoái.

Hôm sau ông già ra đi sau cuộc bàn luận cuối cùng với các tay địa chất. Theo ông trong hai mươi một phần đất của Paul Hazzard có mười bảy phần

sớm muộn sẽ có dầu phụt lên. Những mảnh còn lại không bỏ công cắm mai. Ông căn cứ vào cái gì vậy?

— Vào cái mũi, cậu cả ạ. Mà đừng quên lời mời tôi đến Pampelonne.

— Pampelonne.

Ngay tối hôm đó, cú điện thoại của Callaway gọi tới Tulsa. Anh ta cũng đang ở Tulsa, nghĩa là bọn bám tôi cũng ở đây rồi. Sau đó là những bình luận kỹ thuật về nghệ thuật bám đuôi. Ngoài ra còn có nhiều thông tin thú vị hơn.

— Chúng làm thuê cho một hãng ở Chicago...

Tôi chợt nhớ ra: Cái bọn bữa trước nhanh chân chèn tôi trong áp phe Quần Vợt Trên Trời cũng là bọn ở Chicago. Callaway tiếp:

— Chủ chúng tên là MacIves. Điều đáng ngạc nhiên là tôi biết rõ hẳn ta, đã cùng làm việc trong các cơ quan tình báo quân đội, có dạo hẳn đã dưới quyền tôi.

— Ai trả tiền hẳn?

Callaway không rõ. Chỉ biết équipe MacIves đã bám tôi hơn một năm nay, gần một năm rưỡi rồi. Tuy nhiên đã xảy ra một điều khó hiểu: Việc chúng theo dõi tôi chấm dứt từ cuối tháng giêng vừa qua, nghĩa là từ khi con tôi mất tích trong vùng núi San Bernardino. Chúng nghĩ thế là xong việc. Nào hay đến 15 tháng hai ông chủ lại bắt tiếp tục. Callaway không biết lý do gián đoạn và lý do tiếp tục bám đuôi tôi.

— Chỉ được biết: Bắt đầu từ 15 tháng hai, chủ của chúng đã giảm bớt kinh phí, chỉ còn thuê bốn tên thay vì tám tên trước kia. Tám tên trong mười lăm mười sáu tháng liền! Người ta đã chi như điên để giám sát ông!

Chẳng tốn kém hơn tôi thuê gã người Anh và anh ta, Callaway. Tôi bảo:

— Cần biết MacIves làm cho ai.

— Không dễ.

— Nếu dễ, tôi đã hỏi người gác cổng khách sạn.

— Đúng thế.

Tôi trở về Dallas với Paul Hazzard. Xác định hoàn chỉnh các chi tiết cùng nhau cộng tác thăm dò đầu - thuật ngữ tiếng Anh đối với tôi có vẻ khêu gợi hơn: Oil venture. Tôi ký tờ chèque gần tám trăm ngàn đôla tiền

góp vốn của riêng tôi và phần tiền trả công các tay địa chất, các chuyên viên đủ loại khác. Paul rất khoái. Anh ta phác ra nhiều dự định kỳ diệu cho cả hai chúng tôi và đòi đưa tôi về liên hoan mừng sự kiện này tại nhà riêng ở San Antonio. Các lần trước tôi đã khước từ, lần này chẳng lẽ lại làm anh ta thất vọng nữa, vả lại lúc này tôi chẳng còn biết đi đâu, chẳng có nơi nào chờ đợi tôi, càng chẳng có nơi nào chào đón. Tuy tôi vẫn cẩn thận gửi cho bà mẹ vợ các báo cáo tình hình tìm kiếm Marc Andrea, nhưng người ta chẳng buồn phúc đáp, Catherine hiện đang ở đâu tôi cũng không biết.

Mà tôi cũng chẳng có việc gì khác ngoài việc chờ đợi. Hiện giờ: Theo Rosen, Lupino, gã Thổ, mọi mặt trận đều yên tĩnh. Adriano Letta đang tiếp tục điều tra vụ Fezzali biến mất chỉ gửi cho tôi những bức điện cộc lốc: Công việc của anh ta không tiến triển, và cả hai chúng tôi đều thấy không vội gì phải bắt anh ta bay qua Đại Tây Dương để nói với tôi rằng anh ta chẳng có gì để nói.

Tôi nhận lời mời của Paul Hazzard, đến ở San Antonio vài ngày. Nhà riêng của Paul rất đẹp, xây kiểu Tây Ban Nha ở cửa ngõ Đông Bắc thành phố, trên đường đi Corpus Christi. Anh sống chung với mẹ và hai cô em, cô lớn nhất vừa tròn đôi mươi. Tôi đi thăm viếng rất kỹ vùng Alamo nơi xảy ra các trận đánh cùng tên và là nơi James Bowie và Davy Crockett tử nạn, tôi tản bộ dọc các con đường dành cho khách bộ hành ở Paseo Del Rio, tôi còn cưỡi ngựa nữa.

Tại đây, nhận được lời của gã người Anh: “Có tin mới”.

4

Bữa trước gã người Anh đã có nói về những sa bàn vùng núi San Bernardino nhưng tôi chưa trông thấy. Bây giờ chúng đang ở trước mắt tôi, đặt trên thảm phòng tiếp khách trong ngôi nhà ở Harrison, vùng ngoại ô dành cho nhà ở, phía Đông Bắc New York. Vì đã nhiều ngày nhiều giờ len lỏi qua các vực sâu, các mỏm đá, cánh rừng nơi con trai tôi mất tích, nên tôi càng bị cuốn hút bởi chiếc sa bàn đẹp rất công phu tỉ mỉ này. Ở đây, tôi nhận ra nơi đã trượt ngã, khúc gỗ tôi đã nhiều lần bước qua, cả con suối li ti tôi đã lần theo hòng tìm thấy hốc nước có thể chứa một thi thể trẻ con.

Gã người Anh hỏi cặp vợ chồng đứng tuổi: “Ông bà có nhận ra vùng này không?” Im lặng. Hai người tên là Bertram và Shirley Strong, nằm trong số mười sáu người (theo thẩm định của gã người Anh) do máy tính dựa vào đối chất và chọn lọc lời khai của hàng nghìn nhân chứng mà chỉ rõ họ có mặt tại hiện trường từ một giờ chiều 29 tháng giêng đến giữa trưa ngày 30.

Sau một lát người đàn ông ngồi xổm xuống sàn. Trạc năm mươi, tóc vàng, hơi hói, mắt xanh mơ mộng. Ban này, khi chúng tôi vừa đến, ông ta giới thiệu mình là chủ một xưởng điện tử nhỏ ở New Rosen nhưng ước mơ lâu nay của ông là lên sân khấu hát trong các vở ca hài kịch.

— Chắc đây là con đường vòng phải không? Chạy quanh chân dãy San Bernadino.

Gã người Anh lấy tập ảnh màu chụp các chi tiết trên địa hình bổ sung cho sa bàn.

— Chúng tôi đã dừng lại ở đây. Đỗ xe ở đây, dưới bóng cây này không trông thấy túp lều.

— Nó cách đây chừng một dặm, và ở trên cao nên ông không thấy.

— Sau đó chúng tôi đi trên con đường mòn dọc theo suối. Đúng không Shirl?

Người đàn bà công nhận và nói:

— Cô ấy ở chỗ này, đứng giữa tảng đá. Bế con trên tay. Có vẻ như...

Bà ngập ngừng, bối rối liếc nhìn tôi. Giọng tôi khàn đặc:

— Xin cứ tiếp.

— Cô ấy như buồn ngủ... Tôi cảm thấy cô ấy vừa uống... Tôi rất buồn lòng...

Câu cuối cùng là dành cho tôi.

Gã người Anh bảo: “Xin cứ nói tiếp”.

Shirley Strong đã hỏi Catherine: “Mọi việc ổn cả chứ?”

Cô ấy đáp: “Tốt”. Giọng Pháp. Bảo là ở gần đây, chị đừng lo lắng gì cho em và... và chồng cô đang ở cùng cô, sắp tới đây...

— Đứa bé thì sao?

— Nằm trên tay mẹ, nhìn chúng tôi cười. Một thằng bé rất kháu, mắt to ánh vàng, cổ đeo mề đay vàng...

Tấm mề đay của Joachim.

Gã người Anh cho họ xem những tấm ảnh chụp Marc Andrea. Không nghi ngờ gì cả, đúng nó.

— Sau đó chúng tôi tiếp tục xuống theo con suối. Tôi quay lại và thấy cô ấy bước đi. Về phía này...

Bà chỉ tay vào dãy mô đá.

— Đây... Cô đứng dưới gốc cây này khi tôi nhìn cô lần cuối... Cô lại đi... Có vẻ hơi do dự...

Họ còn cho biết: Lúc ấy độ ba giờ rưỡi chiều 29 tháng giêng. Họ dạo chơi trong khoảng hai mươi phút. Rồi băng qua suối ở quãng dưới. Và đi lên phía Bắc. Vì vậy họ cho rằng họ đã đi song song với Catherine nhưng ở phía dưới dốc cách cô chừng hai trăm mét. Họ có gặp ai không? Có, một cặp vợ chồng đứng tuổi (Gã người Anh đã xác minh họ lên đường thăm thú vùng Thái Bình Dương từ 30 tháng giêng). Họ còn thấy một đôi khác ở xa, đi ngược chiều Catherine. Đôi này trẻ, cô gái tóc vàng, chỉ biết có thể thôi. Có nghe thấy gì không? Tiếng nhạc. Tiếng cười hát có ghi ta đệm theo. Bertram Strong nghe hình như có cả tiếng harmonica.

— Những người đàn hát có thể ở chỗ này...

Họ chỉ cái bãi do ngành kiểm lâm qui hoạch. Từ đây đến chỗ họ trông thấy Catherine lần cuối vào khoảng bốn trăm mét theo đường thẳng.

Cặp Strong không cung cấp được gì hơn. Khi đi ngang trắng về lấy xe đậu bên lề con đường vòng, trong trắng không còn bóng người. Họ về thẳng Los Angeles. Họ đi khỏi vùng San Bernardino, vào lúc năm giờ. Sở dĩ họ không đáp ứng lời kêu gọi ra khai báo đăng tải trên báo và các phương tiện thông tin khác vì đang trên đường đi Argentina, đến Buenos Aires thăm con trai cả Richard làm việc ở đại sứ quán Hoa Kỳ. Và mới trở lại được mười ngày.

— Nếu chúng tôi biết được chuyện này...

Cả hai ông bà đều tỏ ra tử tế làm chúng tôi cảm động. Tôi đi ra ngoài cùng gã người Anh. Sau một hồi im lặng tưởng chừng vô tận anh ta mới nói:

— Tôi đã hỏi bà nhà ta. Bà không còn nhớ được tí gì về cuộc gặp gỡ vợ chồng Strong.

Anh ta đã hỏi vợ tôi. Còn tôi thì không có cách nào tiếp xúc với cô ấy.

— Vợ tôi ra sao?

— Không ổn lắm. Bà nhà tin rằng cậu con đã chết rồi... và lỗi tại bà.

— Hiện đang ở đâu?

Anh lưỡng lự, rồi nói: “Thưa ông Cimbali, tôi chỉ gặp được bà nhà trong điều kiện không có ông ở đây. Ở Paris, trong đại sảnh một khách sạn. Bố mẹ của bà, nhất là ông bố, canh chừng bà... có thể nói là hết sức cẩn mật...”

Chúng tôi lên xe về New York.

— Dù sao, - Gã người Anh nói tiếp, - xin ông biết cho là chúng tôi có đạt được những tiến bộ. Tất cả có mười sáu người lúc ấy có mặt trong vùng chưa xác minh được. Chúng tôi đã tìm ra hai người là cặp vợ chồng đã đi xa, và bây giờ là cặp Strong bên Argentina. Xin nhớ lại các con số: Trong một quãng thời gian đầu đã có bốn trăm lẻ bảy người đi qua vùng tìm kiếm đúng vào một thời điểm do chúng tôi xác định. Trong số bốn trăm lẻ bảy ấy, chúng tôi đã tìm ra ba trăm chín lăm người, lấy lời khai tỉ mỉ nhờ vậy đã lập lại đường đi của họ hết sức chính xác.

— Còn mười hai người nữa.

— Mà chúng tôi vừa ghi nhận thêm được vài đặc điểm, như có đàn ghita, và có lẽ cả harmonica.

— Nhưng anh không dám chắc chỉ có từng ấy. Hàng đông người đến đó anh làm sao biết hết. Nhất là nếu họ nấp kín.

Anh ta khẽ lắc đầu, với vẻ kiên nhẫn lịch sự làm tôi phát bực.

— Tôi không tin có chuyện đó, thưa ông. Chỉ có hai con đường dẫn đến túp lều: Từ con đường vòng thúng và từ con đường mòn leo lên đó nếu xuất phát ở Hai Chín Cây Cọ. Không đâu, tôi cho rằng người biết rõ số phận của con ông phải nằm trong mười hai người này.

Tức là một đôi còn trẻ và hai tốp cắm trại.

— Xin ông hãy tin là công việc của chúng tôi đang tiến triển. Chúng tôi đã sàng lọc kỹ tất cả những ai đã thuê mượn lều vải và đồ cắm trại, tất cả các hãng xe ca, các khách sạn, các nhà trọ thanh niên, các trung tâm YMCA^[27], các nhân viên thu thuế cầu đường, thu tiền cắm trại, nhân viên kiểm lâm và cảnh sát địa phương. Ông có hình dung được số người chúng tôi đã hỏi từ đầu tháng hai đến giờ không? Đây là con số đến ngày hôm qua: Bảy ngàn hai trăm bốn ba. Thưa ông Cimbali, những kẻ bữa đó đến cắm trại không xa bà nhà ta vào lúc cặp Strong gặp bà không phải là những kẻ xuất hiện từ cội hư không. Chúng tồn tại hằn hoi. Chúng có lý do giấu mặt, sớm muộn sẽ tìm ra tung tích chúng.

Callaway điện về khách sạn Pierre ở New York:

— Chúng bám theo ông tới Harrison. Bọn của MacIves.

— Anh bám theo chúng?

— Vâng.

Anh ta gọi điện không phải để báo tin về cuộc bám đuôi tôi biết rất rõ. Anh tiếp:

— Tôi đã gặp MacIves. Tôi gọi cho hãn đảng hoàng tửa như vừa sức nhớ lại tình bạn cũ. Tôi rủ hãn cộng tác với tôi, để tiến hành cuộc điều tra lớn

do một hãng ở Los Angeles đặt, vì hãng có những quyền lợi cả ở bên bờ biển phía Đông, cả ở bên California. Tóm lại, rủ hủn cùng hợp tác làm ăn chung với nhau. Hủn tỏ ý tiếc phải từ chối: Cả 2 kíp đang kẹt trong một vụ bận rộn đến nỗi đã phải tuyển thêm người trong suốt hơn một năm qua, đến bây giờ mới vãn. Tôi hỏi: Còn kẹt bao lâu? Ít nhất ba tháng nữa, có lẽ đến tháng chín. Hủn hẹn trả tiền công hậu hĩ để mời chài hủn ta nhưng không ăn. Hủn vừa cười vừa đáp: Hiện cũng đang được trả xấp xỉ chừng ấy để thực hiện một cuộc bám đuôi dễ ợt, chỉ phải cái đối tượng di chuyển không ngừng. Đối tượng là ông.

— Hiểu rồi. Đừng kể lể cuộc đời của anh nữa.

— Tôi hỏi ai trả hủn bọn tiền thế để thuê làm công việc tầm thường ấy. Tất nhiên hủn không chịu nói. Ông dặn tôi đừng tiếc tiền; tin này sẽ làm ông tốn thêm vài ngàn đôla nữa: Một cô thư ký đã phun ra là MacIves gửi các tin tức về ông cho một luật sư Chicago tên là Henry Goldwater. Tôi liền cử người tới ông luật sư. Có kết quả khá nhanh: Người của tôi vừa từ London báo cáo về: Goldwater ăn trưa ở đó với một người ông biết rõ...

— Còn ai khác ngoài Erwin Horst.

Callaway bảo:

— Không phải, Người gặp luật sư Goldwater ở London tên là Alec Jeffries.

Có phải bố dượng vợ đấy không?

Ngày 2 tháng tư tôi đổ bộ xuống Paris, hai gã thợ ảnh của Yates đã chực sẵn, bộ mặt lãnh đạm như những phó nhòm nhà nghề xưa nay vẫn coi tất cả những gì lọt vào ống kính đều là chuyện ở thế giới khác, dù đó là cảnh khủng khiếp nhất của các cuộc chiến tranh. Đã quá quen gặp họ từ bao lâu nay rồi nên hầu như tôi không trông thấy những kẻ câm lặng đó nữa. Tuy nhiên không phải lúc nào họ cũng bám gót tôi; họ xuất hiện thất thường có khi hai ba tuần không lộ mặt, trái lại có khi họ lảng nhãng theo tôi trọn một ngày, có khi mấy ngày liền.

Như mọi bận thường như vậy tôi vừa trèo lên taxi là họ ngừng quấy rối tôi. Tôi vào quán cà phê gần Trường Quân Sự, trên đại lộ Suffren. Một chị hầu phòng nhắc máy:

— Tôi muốn gặp bà Jeffries.

— Ông là ai ạ?

Từ bữa Catherine tỉnh lại trong bệnh viện Palm Springs, tôi chưa hề gặp lại bố mẹ vợ. Trên kia tôi đã nói: Tất cả mọi báo cáo về cuộc điều tra vụ con tôi mất tích do gã người Anh gửi tới đều được tôi chuyển về chỗ họ nhưng họ không thèm trả lời. Tôi đã ba lần thử gọi điện cho mẹ vợ, một lần gửi thư. Không kết quả. Lần nào cũng nghe trả lời: Bà ấy không muốn tiếp chuyện, thư cũng không được phúc đáp. Nhưng hôm nay theo Callaway cho biết, bố dượng vợ thân thương đang ở bên Anh. Tôi trả lời chị hầu phòng.

— Tôi là Goldwater. Henry Goldwater.

Im lặng hồi lâu, rồi tiếng bà mẹ Catherine: “Ông là Henry Goldwater? Tôi không được quen biết...”

Tôi vội cướp lời nói thật nhanh: “Xin đừng cắt. Điều tôi sắp nói với bà rất quan trọng”.

Im lặng. Được cái là liên lạc không bị cắt. Tôi nói tiếp: “Nhất thiết tôi phải nói với bà. Xin bà nghe cho”.

Im lặng.

— Tôi van bà.

Bà không muốn tôi lên nhà, nhưng nhận lời tới gặp tôi. Bà đang đứng trước mặt tôi trong quán cà phê nơi tôi gọi điện, cố tình quay mặt nhìn chăm chú qua cửa kính trông ra đại lộ La Motte Picquet. Vì đây là câu chuyện tôi nắm vững nhất nên tôi mở đầu bằng cách tóm tắt điều gã người Anh gọi là sự tiến bộ trong cuộc điều tra. Bà lặng lẽ ngồi nghe, mắt hơi mở rộng. Bà gầy và già đi nhiều. Cuối cùng lắc đầu: “Này Franz, tôi không còn hy vọng gì. Cháu tôi đã chết thật rồi, tự dối mình làm gì nữa?”

— Tôi sẽ không bỏ cuộc. Không bao giờ.

— Chính đó là điều làm chúng ta xa cách nhau.

— Tôi đâu có lỗi trong tất cả những chuyện xảy ra. Bất công quá!

Bà vẫn tránh né mắt nhìn của tôi, uống một ngụm nhỏ nước chè. Im lặng. Tôi hỏi: “Bà không nghe thấy tên Henry Goldwater sao?”

Bà khẽ nhún vai tỏ ý coi thường, khinh bỉ. Cái tên Goldwater chắc là của một nhân vật trong thế giới riêng của tôi nhưng nhúc cá mập ngành tài chính, bọn phiêu lưu xảo quyệt và bọn quá khích. Thế giới riêng của bà ở đại lộ Suffren, ở Fournac hoặc những nơi tương tự. Ở đó không ai đầu cơ, không ai giàu sụ lên trong có ba bốn năm bằng những mảnh khóe “khó thú nhận”, của cái có trong tay đều là do ông nội hoặc cụ kị để lại cho, đều là những khoản có được nhờ làm ăn lương thiện, tất nhiên. Những người của thế giới ấy không bỏ thì giờ chạy khắp trái đất cùng với một gã Thổ, một cô gái Đan Mạch hoặc những chú Tàu, họ chỉ sáng sáng đến văn phòng đọc tờ Le Figaro (thậm chí tờ Người Quan sát Mới để biểu thị cảm tình đối với chủ nghĩa xã hội).

— Không nghe thấy tên ấy.

Tôi bèn thuật lại tất cả những điều Callaway cho biết, cả mối quan hệ kỳ quặc giữa chồng bà với những kẻ theo dõi tôi từ một năm rưỡi qua.

Nhiều lúc rất lâu, tưởng chừng bà không để tai nghe tôi nói. Nhưng cuối cùng bà thản nhiên, lạnh lùng bảo: “Anh bịa ra tất cả. Xưa nay anh vẫn căm ghét Alec”.

Bà chậm rãi, mệt mỏi cầm túi xách và găng tay.

— Nhưng tôi sẽ kể cho nhà tôi nghe. Nếu ông ấy thực sự làm cái trò khiến tôi rất ngạc nhiên là bằng cách này cách khác chú ý đến anh để trả mối thù nào đó, tôi sẽ bảo ông ấy thôi đi. Tôi chỉ có một mụn con gái. Con của nó đã chết rồi, nó tự coi là phải chịu trách nhiệm nên đã có ý định tự sát. Tôi đã nói với anh hết lời, Franz, tốt hơn hết là anh nên chấm dứt viết thư, gọi điện cho tôi.

Adriano Letta đến Paris tìm tôi. Mấy tháng gần đây anh đã nhiều lần liên lạc chủ yếu để báo cáo tình hình triển khai Quần Vợt Trên Trời. Ngoài

ra tôi còn yêu cầu anh tìm hiểu xem Hassan Fezzali ra sao, vì sao anh biết tiếng Ả Rập. Anh ta chả biết được gì, hoặc biết không đáng kể.

— Nhưng cảnh sát đã mở cuộc điều tra! Làm sao có thể biến mất tăm như thế được.

— Cảnh sát có điều tra, chính thức mà nói, cuộc điều tra chưa kết thúc.

Thực ra cảnh sát Ai Cập tìm mọi cách tránh né. Sáng ngày 22 tháng giêng Hassan Fezzali có mặt ở Cairo, điều này là chắc chắn. Lão đã ở - tôi vô tình dùng thì quá khứ: Đã ở - trong căn nhà nhỏ tại phường bình dân Zeinhoun. Từ đó lão ra đi và biến mất một cách hết sức bí ẩn. Lão có văn phòng chính thức thuê hai thư ký tại phố Faggalah trong khu Syria - Liban của thủ đô Ai Cập. Bình thường ra lão phải tới văn phòng lúc chín giờ ba mươi. Các thư ký không thấy lão đến. Họ biết đến trưa ông chủ họ phải bay sang Ý. Tuy vậy họ không lo ngại mấy vì lúc gần trưa Fezzali đã tự mình gọi điện báo cho họ biết lão sẽ không tới văn phòng vì mắc một cuộc hẹn khác và sẽ lên thẳng máy bay. Rồi không thấy đâu nữa.

Adriano lắc đầu. Anh đã hỏi kỹ các thư ký, đã nói chuyện với viên thanh tra đang thận trọng mở cuộc điều tra chính thức.

— Điều đã biết chắc chắn là Fezzali không lên máy bay đi Roma. Điều chưa rõ là: Lão làm những gì từ lúc rời khỏi nhà, tự tay lái xe đi. Và không rõ lão từ đâu gọi điện cho thư ký, thậm chí có đúng lão gọi không.

— Xe lão ra sao?

— Tìm thấy trang bãi đậu xe của Shepheard's. Một khách sạn.

— Biết rồi. Sao anh cho rằng cảnh sát Cairo thận trọng trong vụ này?

Vì cách đây năm sáu năm, Hassan Fezzali đã từng có chuyện rắc rối với các người Palestine của Habache. Họ đã bắn vào lão, lái xe bị thương nặng, còn lão vô sự. Cảnh sát Cairo cho rằng - như thế đỡ mệt hơn mở cuộc điều tra kỹ lưỡng - hồi đó Fezzali đã bỏ tiền mua sự yên thân, và bây giờ có thể bị khảo tiền thêm. Nhưng lão không chịu chi. Trong trường hợp ấy họ đã thủ tiêu lão, và chôn dưới chân kim tự tháp (tuy cảnh sát không thực tin lắm) hoặc đã bắt cóc lão và giữ lão cho tới khi nhận được tiền chuộc.

Adriano đọc thấy sự hoài nghi trong mắt tôi. Anh nhún vai: “Đó là cách giải thích của cảnh sát Cairo. Để tránh khỏi một xác điều tra”.

— Đã xảy ra chuyện như thế bao giờ chưa? Với những nhà kinh doanh khác?

— Nhiều rồi. Nhất là với những người Syria và người Liban. Tất nhiên không phải lần nào cũng do người Palestine ra tay. Dư luận nói nhiều đến bọn Sicilia, bọn Mafia. Nhưng nói chung những người bị bắt thường nộp tiền chuộc rất nhanh. Nếu không xác họ sẽ được bỏ vào trong hòm.

— Thuyết của anh không đứng được, Adriano. Không thể có sự trùng hợp kỳ lạ thế được: Fezzali có hẹn với Lavater ở Sorrente, hẳn vừa cầm mười triệu đôla của tôi, số tiền tôi chuyển vào tài khoản chung, thế mà lại cho rằng, hẳn bị bắt cóc? Không đúng.

Vả lại trong công việc chung này, điều có lợi cho tôi và cho Marc, cũng có lợi cho Hassan: Lão cũng đã góp mười chín triệu đôla số tiền ấy cũng bị giam và không sinh lời.

Tôi chợt nhớ ra.

“Có người gọi điện cho Marc Lavater ở khách sạn tại Sorrente báo tin Fezzali không đến theo hẹn và sẽ không xuất hiện nữa. Người đó là ai?”

Chẳng ai biết, Adriano đã ghi âm tiếng nói của hai viên thư ký mở băng cho người gác đêm khách sạn Parco Principi nghe. Không kết quả.

— Cú điện thoại ấy từ Cairo tới?

Người ta lần theo dấu vết: Nó cũng được gửi đi từ khách sạn Shepherds, nơi tìm thấy ô tô Fezzali trong bãi đậu xe. Nhưng nhân viên quên hẳn không biết ai đã nhờ họ nối liên lạc với Sorrente. Tin đồn bọn Mafia và các toán biệt kích cực đoan người Palestine nhúng tay vào vụ này cũng không giúp họ nhớ lại được tí gì.

Sự thực đã rành rành, Fezzali mất tích trong ngày 22 tháng giêng Nhưng người ta đã cố ý - tôi cũng nghĩ như Marc rằng Hassan có khả năng là nạn nhân hơn là kẻ chủ mưu trong vụ này - cố ý không báo với Lavater rằng sự mất tích này là vĩnh viễn. Không nghi ngờ gì nữa: Người ta đã hành động để giam chặt mười triệu đôla của tôi. Lúc này chúng chẳng còn tác dụng gì nữa, coi như tôi không có.

Và không được sử dụng, dù có cần đến chúng trong một công việc sinh tử.

Marc Lavater nằm ngửa trên giường. Bảo tôi phải nằm bất động như thế hăm bốn giờ trong ngày. Anh khẽ mỉm cười buồn bã.

— Khó lòng đi xa được.

— Thử chơi quần vợt xem. Tôi sẽ làm cho anh một sân bóng, tôi có bạn bè quen biết trong nghề.

Ngôi nhà ở Chagny tối và yên tĩnh, chỗ nào cũng thấy gỗ sồi đen bóng dưới dạng rui, mè, sàn nhà, đôi khi là những tấm phủ tường nhà, nhiều hơn cả là các đồ gỗ nặng nề, chạm trổ; những đồ gỗ này đã chứng kiến hết thế hệ này đến thế hệ sau ra đời và chết đi mà không thềm đếm xỉa. Phòng khách lớn có chất lượng âm thanh đặc biệt tạo nên bởi những tiếng rung nhẹ của gỗ vây bọc quanh ta vẫn đang sống, tuy ba bốn trăm năm đã trôi qua. Tôi thấy lại mình trong căn phòng này, trong ngôi nhà này, nơi tôi đến ẩn trước khi cưới vợ, lúc vợ chồng Lavater đi nghỉ và nhường nhà cho tôi.

— Anh đã đi với chị Françoise về Yucatan. Tuyệt thật! Đi Yucatan!

— Nơi rất đẹp.

Hòa lẫn mùi thơm xi đánh gỗ có một mùi thơm khác, tôi chịu không biết mùi gì.

— Hoa dừa cạn đấy! Marie Thérèse và Françoise buộc mình phải uống đến hàng chục lít. Đồ uống của các cụ già xứ Bourgogne.

— Tinh thần anh rất vững, thật đấy.

Cannat người giúp việc Marc cùng đến Chagny với tôi, chở tôi trên xe của anh. Marc bảo: “Để hai chúng mình ngồi riêng với nhau một chút được chứ Pierre?” Cannat rời phòng, sự im lặng tiếp theo đó kéo dài đến mức chúng tôi có đủ thì giờ nhìn qua cửa sổ thấy anh ta đi vào dưới bóng cây. Marc hỏi: “Cậu ấy đã nói cho anh biết làm thế nào để rút tiền ở Liechtenstein chưa?”

Tôi gật đầu: “Cậu ấy còn cho biết: Phải mất nhiều tháng, có khi nhiều năm”.

— Trừ khi ta chứng minh được Hassan đã chết.

— Không bao giờ chứng minh nổi. Tính đến chuyện đó thật vô tích sự.

Đến lượt tôi thuật lại những tin tức do Adriano Letta lượm được.

— Chúng mình bị sa bẫy rồi, anh Marc.

— Lỗi tại tôi cả.

— Đúng, lỗi tại anh. Còn tất cả những chuyện xảy ra ở nơi khác thì do lỗi của tôi, kể cả trận động đất mới đây. Tôi đề nghị tổ chức một lễ chuộc tội tập thể giữa anh và tôi, ta sẽ tự cầm roi quất và người, rồi tưới xăng và quẹt que diêm. Đồng thời tự mổ bụng nữa cho chắc ăn.

— Bình tĩnh nào.

— Vậy, đừng rên rỉ nữa.

Tôi đứng lên, chân như có kiến bò, bắt đầu đi lại trong căn phòng dài và thấp, cuối phòng có thư viện rất đẹp nổi vào. Tít trong cùng có lò sưởi xây đá, cành nho khô đang cháy đượm.

— Anh Marc, tôi có trong tay bốn trăm triệu đôla.

— Tôi không biết anh giàu đến thế cơ đấy.

— Giàu thật sự.

— Có tính mười triệu bên Liechtenstein không?

— Không. Có bốn trăm triệu đôla tức hai mươi tỉ hai trăm năm mươi triệu xu, chưa tính khoản kia. Cạm bẫy nào giết được tôi? Không thể có. Nói để anh biết tôi sẽ làm gì. Trước hết tìm cho ra thằng con, nhất định nó còn sống vì tôi tin như thế. Tìm được rồi tôi sẽ xông thẳng vào bọn nó: Yahl, Horst, Yates và tay bố vợ thợ săn gà gô. Nện vỡ mặt chúng nó, không còn sót gì nhiều trên đường tôi qua.

Anh đáp lại với vẻ hung hăng chưa bao giờ có:

— Ai địch nổi Cimballi! Ai ngăn nổi anh ta? Xưa nay đã có ai chặn được anh ta?

— Cứ nói nữa đi, tôi bỏ ngoài tai hết.

Nhưng Marc không kìm lại được nữa: “Này Franz, xét đến cùng cậu chẳng khác gì Martin Yahl. Cũng cuồng nhiệt đến điên rồ và vô nhân đạo như nhau. Cậu và lão ta sinh ra để hòa hợp với nhau chứ không phải để chống đối nhau. Các người...”

Tôi bỏ ra ngoài, ngồi vào tay lái chiếc xe chờ tôi tới đây. Mặc kệ Cannat xoay sở lấy.

Callaway gọi điện: “Chúng bám ông về Chagny. Đi theo ông từ khi ông trở về Paris và bốn ngày sau đó không rời nửa bước. Sau đó chúng nhả ra.”

— Không bám tôi nữa?

— Không.

— Tôi muốn tin chắc như vậy.

— Ông có thể tin. Chúng đã thuê hai gã người Pháp giúp sức chúng trong thời gian ông ở lại Pháp. Nhưng vừa nói hủy hợp đồng. Hai tên của MacIves cách đây non một tiếng đã lên máy bay trở về New York. Chưa hết, đích thân MacIves vừa điện cho tôi, hỏi về việc cộng tác làm chung có còn thực hiện nữa không. Hắn nói từ giờ trở đi hắn được rảnh rang.

Kết quả sự can thiệp của bà mẹ Catherine với ông chồng? Hay là do một nguyên nhân nào khác tôi không đoán ra?

— Callaway, tôi yêu cầu anh chú ý đến luật sư Goldwater.

— Rồi. Một luật sư của giới kinh doanh. Trong các thân chủ của lão, có bọn ở Chicago đã từng cạnh tranh với ông trong môn quần vợt.

— Nghĩa là Goldwater quen biết Erwin Horst?

— Nhất định rồi.

Tôi đi xuống phía Nam, về St. Tropez. Ngôi nhà tôi chào đời ở ngay rìa bãi tắm Pampelonne sát gần bờ cát, chỉ ngăn cách bằng bức tường rào mở ra mấy bậc thang và cánh cửa thấp. Catherine đã định sửa sang lại đôi chút, phá bỏ vài bức vách, thay đổi chỗ này chỗ nọ. Tôi phản đối, cuối cùng cô chấp thuận, nên hiện giờ La Capila hoàn toàn giống hồi tôi tám tuổi, lúc bố tôi qua đời. Nguyên vẹn hơn tất cả mọi chỗ khác là phòng làm việc, nơi bố tôi gục ngã vì cơn đau tim ngày 28 tháng tám. Tôi thu dọn chỗ ở. Vẫn chưa có dự định rõ rệt, về St. Tropez chỉ là một cách để tôi trấn tĩnh lại một chút, kiểm điểm tình hình trước cuộc tiến công cuối cùng. Và để chuẩn bị cuộc tiến công đó. Chỉ một mình Gã người Anh được biết tôi đã về St. Tropez. Ngày 15 hoặc 17 tháng tư anh gọi điện tới.

— Chúng tôi đang lần theo dấu vết một trong hai toán cắm trại đã nói với ông.

— Lần theo vết nghĩa là?

— Chúng có thể có bốn tên. Người nước ngoài thì phải.

Các tốp nhân viên của Gã người Anh: Bảy chục người cộng thêm bốn kỹ thuật viên máy tính làm công việc tổng hợp các tin tức thu lượm được trên hiện trường nhồi vào máy tính để nó sàng lọc để ráp vào nhau. Các tốp này đã khám phá được dấu vết của bốn thanh niên đã lần lượt vào nhiều khu cắm trại (ở Hoa Kỳ, phải trả từ một đến năm đôla cho mỗi lều vải hạ trại một đêm trong các khu đất cắm trại).

— Ở bốn địa điểm khác nhau, họ đều tả hình dáng bọn chúng gần giống nhau. Đối chiếu trên bản đồ, thấy rõ lộ trình của chúng: Chúng xuyên qua California từng chặng ngắn, có lẽ từ San Francisco đến Los Angeles. Bây giờ chúng tôi đang thăm hỏi các viên chức chuyên về cắm trại, cả của nhà nước lẫn tư nhân, và tất cả các tiệm thực phẩm chúng đến mua đồ ăn thức uống. Đề phòng chúng có thể đi nhờ xe vẫy, chúng tôi đang hỏi tất cả các lái xe đã đi qua vùng đó.

— Một công việc khổng lồ.

— Vâng thưa ông Cimballi. Nhưng kết quả đã hiển nhiên, cách đây chưa lâu tôi báo cáo có mười sáu người chưa xác minh được. Từ mười sáu còn mười hai.

— Và bây giờ thêm bốn nữa...

Một cơn nóng hừng hực lan khắp người tôi. Biết đâu anh ta đúng?

St. Tropez những ngày tháng tư gần như vắng ngắt, dù thế nào cũng khác hẳn cái thành phố điên dại vào mùa hè. Rong rêu đầy mặt cát và cũng đã có vài nhà yêu thích thiên nhiên coi ánh nắng nhọt nhọt kia đã đủ cho họ phơi hết thân thể lỏa lồ. Đáng lẽ tôi nên mời Thibodeaux. Tôi không bật hệ thống sưởi, chỉ đến tối mới nhóm lửa trong lò. Trong nhiều ngày tôi không gặp gỡ, không nói năng với ai. Những người trông coi ngôi nhà, ở cách đây sáu bảy trăm mét đâm ra lo ngại trước sự cô đơn của tôi và cố nài tôi một phần thức ăn do họ nấu. Ngày lại ngày trôi qua.

— Được rồi, ông Cimballi! Tìm ra chúng rồi.

Gã người Anh nói về bốn gã thanh niên bữa nọ. Hai trai hai gái, người Thụy Điển, lòng sục mãi cuối cùng đã tóm đúng người cung cấp được tin tức: Viên quản lý cái mà ở phía tây Hoa Kỳ gọi là một Dude Ranch, một loại trang trại cho thuê vào những ngày nghỉ phép với giá rất rẻ. Bốn thanh niên Thụy Điển đã ở đây một tuần. Không phải trong bang California mà ở Utah, trong thành phố Cedar gần khu rừng quốc gia Zion. Một cậu đội chiếc mũ rất đặc biệt (sau này mới biết đó là kiểu mũ người xứ Lapponia), mũ này được ba nhân chứng ghi nhận, theo máy tính xác định. Chỉ căn cứ vào có mỗi chiếc mũ này mà tìm ra họ.

— Họ đều ở Vasteras bên Thụy Điển. Tôi đã tới đó mang theo market và ảnh chụp. Quả thật họ có ngủ đêm 29 rạng 30 tháng giêng trong vùng núi San Bernadino cách túp lều chưa đến một dặm về hướng Đông Nam. Họ không thấy bà nhà ta và cậu con. Không chơi ghita và harmonica. Nhưng có trông thấy một người..."

Giọng điềm tĩnh mọi ngày của Gã người Anh bỗng như phẫn khích hẳn lên.

— Một cô gái, thưa ông Cimballi. Thuộc về tốp kia. Họ cho là một cô gái Mỹ. Chúng tôi đã phác họa một tấm ảnh robot rất giống cô.

Một lát.

— Chúng tôi gần tới đích, ông Cimballi.

Ngày 27 tháng 4. Tôi bị chia xẻ, bị giằng xé giữa hai tình cảm: Hy vọng như điên, và sợ hãi được biết sự thật. Marc Andrea mất tích đã ba tháng kém ba ngày.

Tôi lên máy bay ở Nice để qua Lisbon sang Hoa Kỳ. Tuy Gã người Anh hết lời khuyên tôi nên bình tĩnh vì chưa có gì rõ ràng và còn mất nhiều tháng nữa anh ta mới xác định được nốt sáu người mà máy tính khẳng định có mặt trong vùng núi San Bernardino, tôi vẫn lo lắng.

Ở New York, Rosen đang bán khoán: Có nhiều tin đồn về thị trường cà phê, trái ngược nhau hàng ngày. Lúc đồn sẽ có băng giá khác thường nhiều năm nay chưa từng thấy và sẽ làm giá cà phê tăng kinh khủng, lúc lại đồn năm nay sẽ trúng vụ cà phê, giá cả sẽ tụt mạnh. Tôi chỉ nghe một bên tai, gần như hờ hững, đầu óc nghĩ tới chuyện khác hẳn.

— Franz, có nhiều khả năng phải ký quỹ bổ sung. Anh đi vắng làm tôi lo quá. Bây giờ, có thể phải nộp trong ngày một ngày hai thôi.

Chính anh ta cũng không ngờ mình nói đúng đến thế: Ba mươi sáu giờ sau khi tôi tới nơi, việc đó đã xảy ra. Lần bổ sung thứ nhất không lớn: Độ ba trăm năm chục ngàn đôla. Tôi làm các thủ tục, đầu óc vẫn nghĩ đi nơi khác đến nỗi quên đề ngày tháng vào tờ lệnh quyết xác nhận lệnh gửi qua điện thoại cho ngân hàng của tôi ở Nassau, kèm theo mã số bí mật để làm tin. Tôi sửa ngay sai lầm này, cho rằng không thể tái phạm lần thứ hai trong đời.

Khốn thay, lệnh ký quỹ bổ sung mà tôi tiếp nhận với thái độ thờ ơ như vậy lại chính là nấc sập đầu tiên của chiếc bẫy tôi đang nhảy bổ vào.

PHẦN V
TRÊN HÒN ĐẢO VÙNG CARAIBES

1

Tấm chân dung robot nằm trước mặt tôi. Nó cuốn hút tôi không rời mắt nổi: Hình một cô gái chừng hai mươi hăm hai tuổi, tóc thề rủ dài xuống đôi vai nhưng được buộc chặt quanh đầu bằng chiếc băng Indien vòng qua trán. Khuôn mặt hoàn toàn xa lạ, không đẹp cũng không xấu, giống khuôn mặt hàng vạn, hàng triệu cô gái và thiếu phụ trên bờ biển Tây của Hoa Kỳ.

— Anh cho là sẽ tìm ra cô ta chỉ nhờ vào bức vẽ đơn sơ này?

— Không còn thứ gì khác. Tuy cũng có, có một thứ: Việc cô này không phản ứng gì trước lời kêu gọi của chúng ta đưa ra trong nhiều tuần liền.

— Tôi không hiểu tại sao đó lại là một chủ bài.

— Vậy mà lại là một: Nó loại trừ mấy vạn, mấy triệu cô ông vừa nói đến. Những người này dĩ nhiên đều nghe thấy ta kêu gọi nhưng không đáp lại vì họ chẳng biết gì để nói với ta. Thừa ông Cimbali, cô gái này có thật, chúng tôi có đủ bằng chứng rồi. Toán thanh niên Thụy Điển đã trò chuyện với cô ta. Cô ấy có thật và đã có mặt ở nơi đó. Có thể cô ấy biết ta đang kêu gọi nhưng không chịu trả lời vì muốn giấu một điều gì đó, không riêng cô mà cả những kẻ cùng đi hôm đó; hoặc có thể cô thực tình không biết ta đang tìm kiếm cô. Trong trường hợp sau có thể hiểu tại sao cô im lặng. Cặp Strong mà tôi đã dẫn ông tới gặp ở Harrison, hồi ấy đang đi xa, cũng như đôi thứ nhì đang đi trên biển và bốn thanh niên Thụy Điển thì ngày 30 tháng giêng đã từ Los Angeles bay về nhà họ. Nói cách khác chúng tôi phải hướng sự tìm kiếm vào một cô gái rất có thể là người Mỹ hoặc Canada đã rời Hoa Kỳ từ ba tháng nay, hoặc là người của một nhóm không chịu tiếp xúc với nhà chức trách, bỏ qua món tiền thưởng rất lớn do ông hứa tặng. Ông thấy đấy: Như vậy phạm vi tìm kiếm của chúng tôi được thu hẹp đáng kể.

— Cô ta chết rồi không biết chừng.

— Tất nhiên chúng tôi có nghĩ đến điều này. Ông đã phản ứng rất nhạy ngay trong buổi tối ngày 30 tháng 1: Phát thanh lời kêu gọi nhân chứng, cả trên đài truyền hình và trên báo chí từ đêm 30 rạng 31; do đó sáng sớm ngày 31 mọi người đều có thể nghe hoặc đọc được lời ông. Chúng tôi đã kiểm tra tất cả các cô gái, các thiếu phụ bị chết trên toàn bộ lãnh thổ Hoa Kỳ, Canada và Mexico từ 30 tháng giêng đến ngày 10 tháng 2. Mỗi ca đều đối chiếu khuôn mặt người chết với tấm chân dung này. Nếu thấy hao hao giống, chúng tôi lập lại thời gian biểu của người chết. Và đi đến kết luận: Nếu cô gái đang tìm kiếm đã chết thì hẳn là chết ngoài đất Hoa Kỳ, Mexico và Canada. Không đâu, cô ta vẫn còn sống.

Tôi lại nhìn hình vẽ. Đôi mắt tối sẫm, khá sâu trong hốc mắt; băng vải quấn ngang trán là mọi nét trên khuôn mặt đều có vẻ cứng cõi, nhất là chiếc miệng với đôi môi mỏng. Cô ta nhìn thẳng trước mặt. Cô nhìn tôi liệu cô có biết con tôi ở đâu chẳng? Có biết nó còn sống hay đã chết?

Gã người Anh nhẹ nhàng:

— Ông Cimballi! Tôi đã nhiều phen đi tìm kiếm con mỗi trong những cuộc vây đồn thú săn, đôi khi thường cảm thấy vào một lúc nào đó mình đã sờ được mục tiêu...

— Là cô này?

— Vâng, theo tôi nghĩ.

Gã Thổ từ biệt thự tại Hampstead ở London gọi đến.

— Không ổn rồi Franzy. Đang trực trực nghiêm trọng.

— Anh không phải là người duy nhất!

— Biết, tôi biết anh đang không vui. Nhưng đây là chuyện quần vợt. Một bọn kinh doanh dụng cụ thể dục thể thao cỡ bự nhất thế giới vừa nhảy sang phe chúng và góp vốn cho chúng tuy trước đây đã hứa liên minh với ta. Vậy, chúng chống ta. Chưa hết: Họ đã thu phục khá nhiều người bán chỗ cho ta cùng với nhiều địa điểm do ta tìm ra; và hai trong số các công ty siêu thị kí hợp đồng với ta cũng vừa bỏ rơi ta...

— Tóm lại chỉ toàn tin vui...

— Có thể đệ đơn kiện chúng, nhưng sẽ phải theo đuổi trong một trăm năm mươi năm. Chúng đánh ta khắp nơi, ở Pháp, Đức, ở Hà Lan và Đan Mạch giang sơn cô Ute, cô cũng đang cuồng lên vì cái. Ngay tại London ta cũng mất một phần ba các địa điểm đã thuê được, vì nhiều lí do khác nhau. Franzy này, có lúc dường như chúng đã nằm im nhưng từ hai tuần nay chúng lại tiến công mạnh. Hình như đột nhiên chúng phải vội vã...

— Đừng than khóc nữa.

— Franzy, đó là sáng kiến do anh nghĩ ra, nếu anh cứ để yên thế này chúng sẽ cuốn mất của ta. Tôi vừa nói gì? Chúng cuốn của ta! Chúng sử dụng nguyên xi mọi cách thức của ta, cóp trộm mọi thứ, với những phương tiện ưu thế hơn.

— Quảng thêm tiền vào, phản công đi! Nếu không thì buông trôi hết, cứ ở nhà mà chơi với lũ ngựa nhỏ của anh.

— Mẹ kiếp, tôi đâu có tiếc tiền. Nhưng tôi không phải Onassis^[28].

— Bên Hoa Kỳ ra sao?

Hoa Kỳ là nơi gã Thổ đã cùng tôi mua lại một xí nghiệp xây cất sân quần vợt.

— Đỡ hơn một chút nhờ sáng kiến tổ chức các cuộc đấu liên phường của anh. Sáng kiến được hoan nghênh, đài phát thanh đã nhận đỡ đầu. Đã kí kết được với đài truyền hình, không đến nỗi. Ở bên ấy nếu ta cong lưng chống trả có lẽ hòa. Quan trọng là phải giữ vững được. Nhân thế, xin nói luôn: Anh bỏ rơi tôi thật thảm hại.

— Tôi biết. Rất buồn.

— Thôi được, Franzy. Tôi hiểu anh đang có nhiều vấn đề khác.

Anh ta điệu giọng. Không, Ute không có đây, anh ta đáp khi tôi hỏi. Cô Đan Mạch khổng lồ đang ở Đức. Rong ruổi trên các mái nhà Munich hoặc Hambourg.

— Này Franzy, cô ả tuyệt thật!

— Ủ, chứng cứ là chịu đựng được anh.

Rõ ràng tôi đã quen nghe anh ta gọi mình là Franzy. Cú điện thoại này làm tôi có một cảm giác kì lạ; một cái gì đó đang khéo léo, nhẹ nhàng hình thành. Tựa hồ nhìn vào bộ máy đồng hồ với vô số bánh xe răng và lò xo, bí mật chuyển sang nhau một chuyển động vô hình. Kết thúc bằng tiếng chuông.

Hoặc một tiếng nổ.

Ngày 7 tháng năm đi qua. Một năm, tính đủ ngày sau cuộc chạm trán Erwin Horst. Tôi đang ở Los Angeles với gã người Anh. Tôi bắt đầu xây dựng kế hoạch, không phải để chống đỡ đòn của Yahl, Horst và đồng minh của chúng bất kể đứa nào, mà là để tiến công chúng. Nhưng trước hết tôi muốn làm sáng tỏ vụ mất tích bí ẩn của con tôi, nó vẫn là mối quan tâm hàng đầu, hơn nữa là sự ám ảnh đối với tôi. Về việc này, gã người Anh chẳng có gì nhiều để thông tin cho tôi. Vào đầu tháng năm này, anh ta chỉ nắm được một tin mới mà anh cho là quan trọng tuy đối với tôi chỉ là chuyện nhỏ nhặt: Một équipe của anh đã tìm ra dấu vết một toán bốn hoặc sáu gã hippie, có thể chúng là bọn cắm trại anh tìm kiếm vào hồi tháng hai. Cô gái chít băng thuộc toán này, “Không biết gì hơn” - “Thế mà anh coi là tin tức?” - “Đúng thế”.

Ngày 9, Li và Liu đến chỗ tôi, họ cần gặp và bàn với tôi. Có chuyện nghiêm trọng? Không, không nghiêm trọng nhưng rất cần. Họ vừa từ Tokyo về. “Hiểm họa do vàng đang nhú nanh”. Vì bàn chuyện về Safari nên chúng tôi thỏa thuận hai ngày nữa gặp nhau bên Florida.

Hôm sau, Flint tới Los Angeles chờ tôi bay đi Florida. Dọc đường tôi hạ xuống Taos thuộc New Mexico. Một thành phố nhỏ xinh đẹp, xây cất ở độ cao hai ngàn mét trên cao nguyên, có con sông lớn cắt thành hẻm vực sâu phải bay qua khi đáp xuống. Jessica Walter là nữ họa sĩ chủ nhân căn lều trong núi San Bernardino ngụ tại đây. Một mẫu đàn bà mũi hếch dễ coi, hoạt bát, vui tính, không biết gì nhiều để nói với tôi, vả lại nhân viên của gã người Anh đã hai lần đến gặp hỏi rồi, rất tỉ mỉ để dùng đến khi cần. Bà nhìn

tôi với vẻ bối rối: Trước 30 tháng giêng, tôi không biết thỉnh thoảng Catherine hút cần sa à? Hơn nữa cô ấy đã vài ba lần thử thứ khác nữa. Tôi nhún vai:

— Tôi chẳng hay biết gì về ma túy. Chưa hề quan tâm.

Rõ ràng vợ tôi thạo chuyện này hơn. Là họa sĩ và nghệ sĩ nên tất yếu lối sống bê tha. Vì thế chị ấy đã hỏi ý kiến tôi, lại còn yêu cầu tôi cung cấp cho. Tôi chỉ trả lời: Hãy thôi đừng làm trò ngu xuẩn nữa, trộn lẫn ma túy với rượu là cách tự sát hiệu nghiệm nhất.

Jessica Walter không biết gì hơn. Hồi còn sống tại Los Angeles bà đã mua căn lều để yên thân ngồi vẽ, sau đó được một tổ chức cho trợ cấp nên bà có điều kiện về ở Taos. Chuyện riêng của bà chẳng có gì.

Tối hôm đó tôi tới Florida. Có tin của Rosen nhắn tôi gọi điện cho anh; anh muốn tôi đi New York. Anh nói: “Có nhiều tin đồn”.

“Gấp thế cơ Jimmy? Sau một hoặc hai ngày được không?”

Rất khó tính toán sắp xếp công việc với anh ta, một anh chàng lúc nào cũng nghiêm trang chết người, thực ra là luôn luôn lo sợ. Tuy vậy, sau một lát do dự, anh cũng đồng ý.

Li và Liu đội mũ thuộc địa đi khắp công trường Safari. Một đoàn thanh niên lực lưỡng cùng đi theo.

— Đây là một vài Tarzan của ta, hãy đợi mà xem các cô Jane.

Ít ra cũng có hai người này không biết buồn là gì. Họ mắc mớ gì mà thả mình vào cõi buồn? Họ nói lẫn lộn cả về đám cưới sắp tới và về việc làm ăn đang phát mạnh bên Nhật. Họ vừa bỏ thêm vốn vào Tokyo, không chỉ ở đây mà cả ở Hong Kong nữa. Cùng một lúc. Họ đang trở thành những ông vua đồ chơi điện tử, vua phim hoạt hình chiếu trên tivi cho trẻ em. Mà vẫn còn tiền bỏ vào việc xây dựng cuốn phim điện ảnh của tay bạn ở San Francisco, vừa thành công trên toàn thế giới với bộ phim về chiến tranh các vì sao. Chưa nói đến khoản đầu tư vào chương trình Safari.

— Chính vì chuyện này nên chúng tôi cần gặp anh. Hình như có đôi chút trục trặc với các cộng tác viên bên Texas trong áp phe bên Florida này. Ồ, chẳng có gì nghiêm trọng! Các vị Texas có vẻ ngần ngại khi thấy phải bỏ thêm vốn vào công việc đang phình to như thổi. Mới vài tháng trước,

ước tính tổng chi phí rải ra trong nhiều năm, vào khoảng một tỉ bốn trăm triệu đôla. Không có chuyện xét lại tổng dự toán, nó vẫn không tăng, mọi người vẫn nói đến khoảng một tỉ rưỡi. Nhưng...

— Franz, cần có tiền ngay trong đầu tháng tới để đầu tư khẩn cấp vào những khoản nhằm thu hút sự chi viện của các công ty liên quan đến công trình.

Tóm lại đang thiếu chừng năm chục triệu đôla.

— Sao anh không chịu chi, Franz?

— Vì không sẵn. Thiếu nhiều lắm.

— Nhưng anh đã có một phần. Chúng tôi sẽ chi phần còn lại.

Rồi sẽ bàn với các gã Texas chia lại các phần góp, chắc họ sẽ nhận lời.

Quanh chúng tôi hàng mấy trăm công nhân đội mũ vàng, mũ đỏ, đang chộn rộn trên khoảnh đất mới trước đây còn là đầm lầy. Công việc phát triển nhanh ghê gớm. Hàng triệu mét khối đất đã được đào bới. Đó đây móng bê tông bắt đầu nhô lên, nhiều con kênh đã đào xong tuy lúc này chưa có nước.

— Bọn Texas gặp chuyện gì vậy?

Họ không tham gia nhóm, định làm một cú điên rồ về khoản bạc, nhưng cũng như nhiều người khác, họ có ít nhiều lựa theo chiều gió. Và điều xảy ra tháng trước đã làm họ tổn thất không ít.

“Điều xảy ra tháng trước” đã chứng minh, ngoài sức tưởng tượng, phản ứng của tôi rất chính xác. Bạn đọc còn nhớ, tôi đã triệt để rút bỏ vị trí của tôi trên mặt trận bạc ngày 29 tháng giêng. Do đó đã được món lãi khá lớn. Sau đó tình hình ra sao tôi không chú ý theo dõi thật sát vì mãi nghĩ nhiều chuyện khác. Tuy nhiên các sự kiện cho thấy tôi đã làm đúng. Ngày 27 tháng ba bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu đầu tiên của thảm họa: Công ty môi giới rất lớn Bache Halsey Stuart và Shields bắt đầu thanh lí. Không đi vào chi tiết, chỉ nêu hai con số: Ngày 21 tháng giêng (tám ngày trước khi tôi rút lui) giá một once bạc lên cao nhất, khoảng năm mươi đôla. Ngày 27 tháng ba, hơn hai tháng rưỡi sau, tụt xuống còn mười đôla.

— Nhưng Cimballi ranh ma đã kịp thời đánh bài chuẩn. Vậy anh chịu chi món đó chứ, gặt hay rắc?

Tôi do dự. Cần nói rõ. Không một lúc nào, không một giây nào tôi nghi ngại việc đầu tư cho Safari. Nó là áp phe tôi hoàn toàn tin tưởng từ đầu. Cho nên quyết định của tôi lúc đó do một nguyên nhân khác chi phối. Tôi không biết chắc do đâu. Có thể tất cả những điều xảy ra đã để lại dấu ấn trong tôi. Hoặc do cảm giác bối rối, độc hại gây nên bởi cuộc trao đổi với gã Thổ, sau đó là thái độ lo lắng căng thẳng của Rosen. Dù thế nào đi nữa, tôi đã tuân theo một phản xạ bản năng mà không hành động theo suy luận chặt chẽ.

— Không.

Li và Liu cố nài.

— Bọn Texas cho chúng ta những điều kiện có lợi, phải tranh thủ. Nếu anh không chịu chơi cùng chúng tôi, chúng tôi sẽ buộc phải bỏn mót đến đồng xu cuối cùng...

— Đồng xu cuối cùng trị giá năm mươi triệu đôla! Tôi biết có những người chỉ cần đồng xu ấy là đủ vui như hội đấy.

Các bạn Tàu không hài lòng. Từ khi quen biết nhau đây là lần đầu tiên có sự bất hòa giữa chúng tôi.

— Rất tiếc, nhưng...không!

Với Rosen: “Anh o ép tôi về những tin đồn?”

— Không phải chỉ có tin đồn.

Văn phòng của Philip Vandenberg biểu thị một cách rạch ròi sự thành đạt, sự tinh tế trong hưởng thụ và địa vị xã hội cao của chàng cựu sinh viên Harvard, còn căn phòng của Rosen lại nói lên tính cách khiêm tốn, cần cù của chủ. Khiêm tốn rất rõ nét. Chính John Carradine tức Scarlett đã khuyên tôi nên tuyển ba phụ tá cũ của ông là Vandenberg, Lupino và Rosen giúp việc. Theo Scarlett nay đã qua đời, thì Rosen là người thông minh nhất hội, dĩnh dĩnh nhất hội; tôi vẫn nghe rõ tiếng của Scarlett hấp hối ghi trong băng cassette: “Cimballi, anh bạn trẻ, nếu có lúc nào anh cảm giận một trong ba người này đến mức coi hẵn là kẻ thù chí mạng, xin đừng nhắm vào Rosen. Ngược lại nếu anh cần tiến hành cuộc chiến với những nhà tài chính man rợ nhất trần đời hãy đặt anh ta bên cạnh anh. Với bất cứ giá nào”.

Rosen, vẫn âm thầm ủ dột như mọi khi, bảo tôi:

— Tôi đã gặp Marc Lavater qua điện thoại: Bàn rất lâu. Ông ta thống nhất ý kiến với tôi.

— Về chuyện gì, nếu tôi không quá tò mò?

— Áp phe cà phê này nguy hiểm.

Khác với người đang đối thoại tôi thường hay bực mình và để lộ ra ngoài. Tôi bực lên:

— Vì phải đóng thêm ký quỹ bổ sung hả?

— Sẽ còn phải đóng nhiều đợt nữa.

— Tôi sẽ đóng. Tôi đã đóng bổ sung trong áp phe bạc rất nhiều mà có chết đâu? Trái lại là khác. Lavater gọi đến hay anh gọi?

— Ông ấy gọi.

Mẹ kiếp, sao Marc lại nhúng vào đây nhỉ? Anh ta không nhúc nhích nổi khỏi chiếc giường ở Chagny, không giúp được gì cho tôi vào đúng lúc tôi đang rất cần đến anh, làm sao anh biết được chuyện đang xảy ra và có thể sẽ xảy ra?

— Được, Jimmy. Marc vẫn thường xuyên bị điều ấy ám ảnh. Nhưng anh?

— Từ một tuần nay tôi cố liên lạc với gã ở Rio, Joachim Gigio. Không có cách nào.

— Không có cách nào, nghĩa là thế nào? Hắn không trả lời?

— Lần nào gọi cũng nghe trả lời: Hắn đi vắng. Tôi dặn khi hắn về phải gọi ngay cho tôi. Không kết quả. Vậy mà ông bảo là hai người đã thỏa thuận muốn gặp hắn lúc nào cũng được.

Hắn là tôi không thể bay ngay chuyến đầu tiên đi Rio chỉ để xem thằng cha Gigio u mê đàn độn này chơi trò gì...

— Anh còn lo ngại điều gì nữa?

— Tôi đã cử một phụ tá sang Châu Âu. Anh ta đã đi một vòng khắp các thị trường London, Rotterdam, Hambourg. Phát hiện nhiều cuộc giao dịch. Rất kín đáo, được che đậy cẩn thận, nhưng trên mức bình thường. Bên Châu Âu, họ hoặc một kẻ nào đó đang đầu cơ vào giá xuống...

— “Họ” là những ai?

Với vẻ buồn bã: “Chúng tôi chưa thể biết được. Phụ tá của tôi đã khám phá được vài đường dây. Lần nào cũng húc phải một ngân hàng tư nhân Pháp chuyên bỏ vốn để kiểm lại cho bản thân nó hoặc cho khách hàng. Chắc chắn ngân hàng này chi phối hết. Nhưng luật lệ của Pháp cho phép giữ bí mật tuyệt đối trong hoạt động tiền tệ. Chịu không thể biết ngân hàng này làm việc cho ai”.

Các thị trường mua bán có kỳ hạn bên Châu Âu chuyên kinh doanh loại cà phê robusta. Loại arabica được mua bán bên Hoa Kỳ.

— Ở New York?

— Không có gì đáng kể. Tuy vẫn có không khí hơi căng. Một bạn tôi làm việc ở Merrill Lynch cho tình hình hiện nay là “kỳ quặc”. Nhưng không nói được gì hơn.

Tôi tiếp: “Anh đã hỏi các tay bói bài chưa?”.

Rosen rất điềm tĩnh, giấu cợt và châm chọc đều vô tác dụng đối với anh. Thật tình không thể giận anh ta được. Anh làm công việc của mình, và làm tốt.

— Được rồi, Jimmy, và đừng giận tôi.

Im lặng. Nhân viên làm việc cho văn phòng Rosen vào ra lầm lũi như chuột nhắt, bóng dáng cũng mờ nhạt như chủ họ.

— Sẽ có những đòi hỏi ký quỹ bổ sung nữa chẳng?

Anh ta chậm rãi lật giở những giấy tờ trước mắt theo đúng cung cách các luật gia chân chính bao giờ cũng đưa đủ chứng cứ bằng văn bản cho mỗi lời nói của mình:

— Có thể trong vài ngày tới. Một tuần, nhiều lắm là sau hai tuần.

Cuộc gặp gỡ Li và Liu diễn ra ngày 10 tháng năm. Chiều hôm đó tôi và Flint đáp xuống New York. Ngày 17 có tin giá cà phê giảm mười phần trăm.

Bằng ngôn ngữ rõ ràng, chính xác, nghĩa là bằng con số, điều đó nghĩa là ngay trong ngày hôm đó tôi phải thanh toán sáu triệu đôla cho công ty môi giới.

2

Đây là một ví dụ về buôn bán có kỳ hạn: Ngày 1 tháng giêng bạn mua của ông Schpoumff một kilo đậu ve. Ông Schpoumff đồng ý bán. Ông ta cam kết sẽ giao hàng sau ba tháng, đúng ngày 31 tháng ba là ngày bạn định làm một đĩa rau trộn dầu giấm.

Bạn thỏa thuận với ông ta về giá cả theo giá bình thường trên thị trường đậu ve ngày 1 tháng giêng, và với điều kiện dứt khoát là dù thế nào thì cả ông Schpoumff và bạn đều không được thay đổi giá này. Khi nhận kilo đậu ve vào ngày 31 tháng ba, bạn sẽ trả tiền theo giá ngày 1 tháng giêng: 10 franc một kilo.

Có ba khả năng:

* Thứ nhất: Giá kilo đậu không thay đổi, vẫn 10 franc. Ông Schpoumff đã chờ đợi ba tháng ròng rã mong sao giá món đậu khốn kiếp này hạ xuống, đành cam chịu ông mua kilo đậu để giao cho anh. Mua 10 franc, bán cho bạn cũng 10 franc. Lãi: Bằng không. Bạn yên tâm ngồi nhai món rau trộn dầu giấm của bạn. Ngon miệng nhưng chỉ có thế.

* Thứ hai: Giá đậu tụt dốc. Đến nỗi ngày 31 tháng ba chỉ còn 6 franc. Ông Schpoumff mừng rơn, bỏ ngay ra 6 franc mua đậu rồi bán cho bạn trong ngày ấy, lấy 10 franc. Ông được lãi 4 franc. Bạn nhận món rau trộn và thấy nó đắng ngắt.

* Thứ ba: Ngược lại giá kilo đậu leo thật nhanh. Ngày 31 tháng ba, lên tới 18 franc. Đến lượt ông Schpoumff chửi rủa. Vì phải giữ cam kết với bạn, ông buộc lòng phải mua với giá 18 franc để bán lại cho bạn lấy có 10 franc.

Thế là bạn nhét món rau trộn vào bụng rất ngon lành. Trừ phi bạn là nhà kinh doanh. Trong trường hợp này bạn không ngốc nghếch đến nỗi đem trộn dầu giấm mà bạn sẽ đem bán ngay với giá 18 franc cân đậu ve, bạn

mua có 10 franc lãi: 8 franc. Trong vụ này, ông Schpoumff mong giá đậu tụt còn bạn tính nước giá đậu tăng.

Bạn thay đậu ve bằng cà phê (hoặc vàng, hoặc bạc, ngoại tệ, dầu mỏ, lúa mì, ngô hay đồng), bạn thực hiện hoạt động trên không phải với một kilo mà với hàng tấn, hàng ngàn, hàng vạn tấn, thế là bạn đã nhập cuộc chơi.

Bạn đang đầu cơ đấy.

Chỉ khác có hai điểm: Trước hết, hiếm khi có giao hàng thật. Bằng chứng rõ nhất là trong việc mua bán bạc, số lượng các once bạc trao đổi giữa các bên lên tới hai trăm lần tổng sản lượng bạc của thế giới. Thực tế người ta chỉ trao đổi trong trừu tượng, chẳng ai nhìn thấy món hàng mình mua vào hoặc bán ra. Tất cả đều ăn thua từ hai con số: Thời giá khi ký kết việc trao đổi, và thời giá giao hàng trên lý thuyết.

Sau nữa, điểm thứ hai là sự có mặt của những kẻ trung gian. Giữa ông Schpoumff và bạn, trong khi hai người thực hiện một cuộc mua hay bán có kỳ hạn trên thị trường tài chính, tất nhiên phải có người đứng ra môi giới. Nhiệm vụ của hãn là cân đối các yêu cầu của hai bên, đảm bảo cả hai bên phải thực hiện cam kết của mình. Người môi giới đứng ra nhận lệnh mua hoặc bán của bạn và cầm tiền ký quỹ của bạn. Tiền ký quỹ vừa là bằng chứng bạn làm ăn nghiêm chỉnh, đồng thời còn dùng đền bù cho những biến động giá cả có thể xảy ra giữa ngày thứ nhất và ngày cuối cùng của hợp đồng có kỳ hạn. Nếu những biến động này bất lợi cho bạn, người môi giới lập tức đòi bạn thêm một số tiền để đảm bảo ký quỹ được nguyên vẹn, luôn luôn ổn định trong cả quá trình. Đó là lệnh ký quỹ bổ sung, margin call. Có thể được đưa ra mỗi ngày, ngày nào cũng có.

Tôi đã nộp sáu triệu đôla ký quỹ để đầu cơ cà phê. Nghĩa là nhận mua vào 60 triệu đôla cà phê. Ngày đáo hạn hợp đồng hoặc thanh lý, hoặc giao hàng cũng được là 18 tháng 9.

Tôi không nhập cuộc một cách hồ đồ, nhẹ dạ. Bao giờ cũng vậy tôi chỉ quyết định sau khi đã nghiên cứu công phu ý kiến nhiều chuyên gia ở cả Hoa Kỳ và Châu Âu. Ngoài lời khuyên thống nhất của họ, tôi còn căn cứ vào hai sự kiện tạo thời cơ: Sự thành lập cái tôi gọi là OPEP cà phê giữa

Brazil và Bolivia, mặt khác, đã ba năm liền không có băng giá (nếu các thống kê ủng hộ tôi).

Tôi trở thành người buôn cà phê - tức là đầu cơ vào giá lên - qua hai bước. Vừa ký hợp đồng mua robusta ở London, vừa mua arabica ở thị trường New York. Bằng đôla và bằng bảng Anh. Để tiện, xin quy ra hết đôla.

Bước thứ nhất tôi mua 30 triệu đôla cà phê với giá 180 xu Mỹ một livre. Thành 16.666.666 livre. Mỗi tấn là 2.200 livre, vậy tôi đã nhận mua 7.575 tấn và số lẻ (pha được không ít tách cà phê bằng chỗ số lẻ này!). Hợp đồng thứ hai: Mua với giá 190 xu Mỹ một livre, với 30 triệu đôla nữa: 15.789.473 livre thành 7.177 tấn.

Con tính thật giản đơn: Tôi đã nhận mua vào ngày 18 tháng chín tới, 14.752 tấn cà phê.

Họ sẽ phải giao cho tôi trên lý thuyết, và tôi phải trả tiền cho họ trên lý thuyết đúng ngày 18 tháng chín. Tất nhiên, chẳng có người nào phát rồ mà có ý định giao cà phê hiện vật cho tôi.

Và nhất là, dù có biến động gì đi nữa trong quá trình, tôi cũng không trả đủ 60 triệu đôla cho số cà phê đó. Nói đúng hơn, tôi chỉ trả sau khi đã bán lại, bán thật nhanh. Trong thực tế tôi mới chỉ khoản ký quỹ và các khoản bổ sung nếu có, là những khoản có tác dụng đảm bảo chính thức cho tôi sẽ có 14.572 tấn. Tôi chỉ trả sau khi đã nhận của các khách mua tương lai số tiền họ trả theo thời giá lúc đó.

Với kế hoạch này, tôi có hy vọng gì?

Nếu giá cà phê tăng như tôi mong mỗi nhưng chỉ được 200 xu Mỹ một livre, nghĩa là lên rất ít, tôi sẽ lãi 4.912.000 đôla. Trừ đi vài khoản lệ phí. Nhưng tôi có thể hy vọng được hơn thế. Theo lời dự đoán của tất cả mọi người ngay từ ngày đầu tôi nhập cuộc. Có thể hy vọng bán với giá 250 xu một livre, tôi mua vào với giá trung bình 185 xu.

Trong trường hợp này tôi được 21 triệu đôla tiền lãi! Vậy tôi việc gì phải sợ khi nhận được lệnh ký quỹ bổ sung?

Tất nhiên tôi có chú ý những lo ngại của Rosen, kể cả của Marc Lavater xem ra còn nghiêm trọng hơn. Nhưng tôi có trong tay 20 đến 25 triệu đôla

vào giữa tháng năm đó, đã trừ hết các khoản đầu tư khác. Nếu trong mấy tuần, mấy tháng tôi có phải ký quỹ bổ sung tôi vẫn đủ sức.

Chưa hết, còn có thể xảy ra tình huống xấu nhất, tức là giá cà phê tụt liên tục trong bốn tháng từ nay đến lúc đáo hạn hợp đồng. Hơn nữa, tôi còn dự tính cả khi xảy ra thảm họa: Đến ngày 18 tháng chín giá cà phê xuống đến mặt hạn. Ví dụ 120 hoặc 130 xu một livre. Cả một gia tài sẽ biến mất, tôi khó lòng chống đỡ nổi. Nhưng tôi đã dự phòng cả hiểm họa chết người đó. Một miếng đỡ đòn mà ngay Rosen cũng thừa nhận là rất hữu hiệu. Không chỉ Rosen, mà cả Lavater và tất cả các chuyên gia kín đáo đã được tôi đến tham khảo vấn đề này.

Ngày 17 tháng 5, một năm mười ngày sau khi Erwin Horst mang lời thách thức đến nhà tôi, một thách thức có màu sắc Miền Tây hơn là theo thông lệ trong giới tài chính. Trong ba trăm bảy lăm ngày qua tôi đã cố công tìm xem chiếc bẫy họ dọa tôi có hay không và nó nằm ở đâu.

Safari và Quần Vợt, tuy hiện giờ Quần Vợt đang gặp khó khăn nhưng vị trí của tôi trong hai mặt trận này không dễ bị đánh đổ. Cùng lắm thì họ có thể làm tôi thất bại chứ không thể dùng chúng để hạ tôi như tôi đã hạ Martin Yahl (tuy vẫn chưa làm cho lão khuynh gia bại sản được). Trong khoản đầu mỏ, vụ Fezzali đã làm khoản đầu tư của chúng tôi bị kẹt cứng, nhưng cũng chỉ đến thế mà thôi. Làm ăn với Paul Hazard về các Wildcater vẫn tiến triển như dự tính và chắc không xảy ra trục trặc đáng kể.

Khoản bạc? Tôi đã rút khỏi thị trường.

Chỉ còn khoản cà phê. Từ đúng một năm nay, tôi vấp phải một điều bất khả thi: Tạo một miếng đỡ có hiệu lực tuyệt đối. Trong vấn đề này, các cuộc tranh luận giữa tôi và Lavater lần nào cũng biến thành cãi lộn, có khi rất dữ dội, vì lần nào anh ta cũng bướng bỉnh nhắc lại khiến tôi nổi cáu: “Cạm bẫy nằm trong quán cà phê”.

— Nay Marc, có phải anh là người độc nhất trên trái đất được biết toàn bộ công việc làm ăn của tôi tổ chức như thế nào? Đúng hay không?

— Biết tất cả những gì anh nói cho biết.

— Anh thừa nhận mình biết hơn bất cứ ai khác?

— Thừa nhận.

— Và biết rằng tôi không hề xuất đầu lộ diện trong bất cứ hoạt động nào? Đúng hay không?

— Đúng.

— Từ những việc nhỏ nhất như mua một ngôi nhà xoàng xĩnh, một mẫu rất cón con đến những áp phe như Quần Vợt, Safari, đầu cơ bạc và cà phê. Đúng không?

— Đúng.

Tuyệt đối đúng như vậy: Mỗi khoản đầu tư nhỏ nhoi đều không đứng tên Franz Cimbali, mà tên một công ty vô danh ở Panama. Có phải công ty của tôi không? Không. Nó là tài sản của một công ty thứ hai cũng vô danh như cái thứ nhất. Và đặt trụ sở ở Curacao - theo kinh nghiệm của Scarlett quá cố. Liệu người ta có nhận ra Cimbali Franz đằng sau công ty thứ hai này? Không. Vì nó kín đáo nhận chủ trương từ một ngân hàng đặt ở Nassau, quần đảo Bahamas. Kẻ nào đó sẽ chỉ phí công vô ích nếu đến hỏi chủ ngân hàng Nassau: “Ông có tình cờ quen biết người tên là Cimbali không?” Dù đến để gửi tiền cũng vậy. Vị chủ ngân hàng nọ vẫn khẳng định: “Tôi không biết ai là Cimbali”. Và không biết thực tình, trừ khi tôi gọi điện hoặc gửi thư cho ông ta, tôi vừa nêu mặt danh đã đăng ký đồng thời nêu cả một số tài khoản của tôi.

— Đồng ý thế chứ Marc?

— Đồng ý.

— Anh có biết các mã số tài khoản của tôi không?

— Không.

— Theo anh, ngoài tôi ra có ai biết không?

— Không, theo tôi nắm được.

Lần nào cũng vậy, cứ đến điểm này là tôi nổi khùng: “Mẹ kiếp! Vậy anh thử nói xem chúng sẽ làm cách nào để moi ra tôi? Thử giải thích xem, khi công ty Panama đầu tư vào cà phê, nhưng sau đó vì có những đột biến bất thường trên thị trường nên nó gặp khó khăn đến mức phải đình chỉ kinh doanh, bản thân tôi gặp nguy hiểm ở chỗ nào? Không phải tôi đứng ra ký quỹ. Cũng không phải tôi đứng ra chính thức nộp bổ sung. Mà do công ty Panama, chỉ một mình nó thôi. Bây giờ thử hình dung tai biến xảy ra: Giá

cà phê tụt khủng khiếp. Công ty Panama làm gì? Nó rút lui, bỏ số tiền ký quỹ và tất cả các khoản bổ sung, nó chịu mất sạch và vỡ nợ. Nó để lại vết tích gì? Chẳng có gì hết. Không kiện cáo, xin xét lại được nữa. Cũng chẳng đụng đến công ty Curacao được vì ngay trong ngày hôm đó, ngay vào giờ đó, nó bí mật thanh lý hết các khoản "có", chuyển đi chỗ khác, không ai biết không ai hay, nếu cần nó cũng tuyên bố vỡ nợ và cũng xóa sạch dấu vết. Ai dám đến đòi Cimballi thanh toán, vì có ai trông thấy tôi đâu? Ngay anh, Marc Lavater, anh cũng không có bằng chứng gì hết. Anh có cách nào chứng minh công ty Panama và công ty Curacao là của tôi hoặc đã từng nói của tôi? Chứng minh được điều đó trước tòa án?

— Không.

Anh ta nói không. Nhưng lại thêm: "Tôi không biết, Franz. Tôi công nhận đó là một miếng dờ rất kín..."

Tuy thế anh vẫn một mực cho rằng: "Trong khoản cà phê..."

Đến phát điên mất!

3

Sáng 17 tháng năm tôi hoàn tất các thủ tục nộp sáu triệu đôla kí quỹ bổ sung. Khoảng trưa tôi đến Nassau.

Ở đây tôi có những thói quen, nhất là ở khách sạn Britannia. Flint đưa tôi đến Bahamas, chính anh ta cũng đang vội: Vợ anh sắp đẻ, đứa thứ năm hoặc thứ bảy gì đó không rõ, bản thân anh cũng không biết nữa.

— Tôi có thể đi bằng máy bay hàng không.

— Và gì nữa? - Kẻ thừa kế ba bốn tỉ đôla vặc lại - Tôi có phải là người lái máy bay cho anh không nào?

Anh chống ngược máy bay, ra về. Tôi gặp chủ ngân hàng mất chưa đến một giờ, đòi anh ta cho xem các bảng cân đối, theo ý thích riêng bao giờ cũng muốn nắm chắc có bao nhiêu trong tay, đến từng đôla lẻ. Nên tôi đến khách sạn Britannia vào lúc mười lăm giờ ba mươi. Được mời chọn giữa bể bơi và bãi tắm biển, tôi thuê bể bơi. Mọi chuyện đều từ đấy mà ra...

Thực ra tôi không nhất thiết phải đến Bahamas, ít ra là vào thời điểm này. Đến giây cuối cùng tôi mới quyết định đi, vì New York đổ mưa. Và chuyến đi bất ưng ý này kéo theo nó một cuộc gặp gỡ, nó tựa hồ như một khoảng trời quang đãng vào lúc câu chuyện đang đi vào chỗ ngoặt, đang sắp kết thúc...

Cô ta đang ở đây cùng với một thiếu phụ nữa, trò chuyện bình thản dưới bóng chiếc dù rạp theo kiểu túp liều tranh hoặc váy của các vũ nữ Hawaii. Bỗng nhiên các hình ảnh cũ chợt tái hiện, vô cùng sống động, dường như từ lâu chúng vẫn rình chộp thời cơ này để hiện lên: Bờ biển bên Châu Phi, dọc theo Ấn Độ Dương, nụ cười giấu cợt mà thân tình cô gửi cho tôi ở Mombasa bữa tôi bị nhốt trong cũi giải đi; cuộc sống chung trong phòng khách sạn White Sands, tiếp đó tại Hong Kong trong biệt thự Stanley do cô chọn để hai người đến ở; rồi cuộc viễn du tức cười qua Châu Âu từ thời tôi

còn đang thử sức mình, đi bỏ mỗi các đồ dùng vật vãnh và tìm kiếm phương tiện để nện đòn thù xuống đầu một số kẻ.

Chính là Sarah Kyle.

Thiếu phụ kia đã lánh đi. Sarah không hé môi, chỉ nhướn cao đôi mày tỏ vẻ sững sốt. Bây giờ qua cặp mi khép hờ, cô liếc sang tôi cái nhìn chăm chọc màu xanh rất quen thuộc mà tôi không bao giờ quên. Mãi tôi mới nói:

— Lần em gọi điện cho anh sau cùng là lúc anh đang ở Hong Kong, trong căn phòng của hai chúng mình, còn em ở đâu thì anh không biết...

— London.

— Bây giờ mới được biết. Nhưng vẫn nhớ mãi điều em nói bữa đó, đúng hơn là đêm đó, sau khi báo tin em rời bỏ anh vì một lý do vớ vẩn...

— Anh sắp cưới vợ, cho dù lúc đó chính anh cũng chưa hay. Đối với em, đó là một cái cớ đúng đắn.

— Em đã bảo: “Sẽ rất thú vị khi một ngày nào đó chúng mình gặp lại nhau, một ngày nào đó hoặc sau hai mươi năm, khi anh đã trở thành tỉ phú”.

— Thế bây giờ có thú vị không?

Nước mắt cô trào ra, tôi cũng xúc động chẳng kém. Tôi gật đầu.

— Thú vị đến cười phá lên được.

Im lặng. Để lấp vào chỗ trống ấy:

— Cũng trong đêm đó em còn nói: “Đừng mua ngôi nhà em đến ở.” Bây giờ anh thực sự là tỷ phú rồi, Sarah.

— Em biết. Đọc trên báo.

— Em làm việc ở Britannia?

— Không.

— Ở Nassau?

— Không.

— Ở Bahamas?

— Không.

Tôi nhìn cô chăm chăm, vẫn là Sarah của Mombasa và Hong Kong hồi nào. Và Sarah của Geneva, bữa hai đứa dắt tay nhau giả vờ sợ hãi khi đi qua ngân hàng của Martin Yahl. Làm sao tôi có thể thấy có nét giống nhau giữa Maria De Santis và cô?

— Lấy chồng rồi?

— Sáu tháng. Chưa đến cũng nên. Anh ta làm em bực.

Thân hình cô mảnh mai, rám nắng đều khắp, chiếc áo tắm trắng hai mảnh nhỏ tí không che kín gì nhiều.

— Vẫn làm trong ngành khách sạn?

— Vâng.

— Anh không hỏi em làm ở đâu à?

Cô tủm tỉm, vẻ giễu cợt: “Không nghe anh hỏi”.

Vẫn là Sarah Kyle vĩnh cửu. Với tôi cô là bức tượng nhân sư với cặp mắt nhìn xanh biếc của con gái Ireland. Và cái vẻ đang nghĩ rằng tôi rất đáng nực cười.

— Ăn tối với anh nhé?

Cho đến lúc này cô vẫn ngồi trong bóng mát, tựa lưng vào cọc dù. Cô thản nhiên nằm lật sấp dưới nắng, tháo móc nịt vú.

— Để nghĩ xem. Đưa cho em ít dầu tắm nắng. Tiện tay.

Cô biết chuyện con trai tôi. “Anh Franz, em vô cùng khiếp sợ suốt nửa thì tìm đến anh. Đáng lẽ em nên đến. Hẳn em là người duy nhất trên đời có thể mang lại cho anh chút gì đó vào thời điểm ấy”. Cô cúi đầu một lát, nhìn đĩa thức ăn, rồi dịu dàng nói với vẻ bình thản trước đây vẫn thường làm tôi bối rối: “Lạy Chúa, em đâu biết mình lại quan trọng đến thế đối với anh!” Nếu không phải là Sarah Kyle, cô gái tôi biết rõ bao giờ cũng làm chủ được bản thân, tôi dám đoán chắc vào lúc này cô sẽ òa khóc. Im lặng rất lâu. Cô xua nó đi bằng câu hỏi: “Tìm kiếm ra sao rồi?” Tôi kể về gã người Anh, về bộ máy khổng lồ phức tạp anh ta đã dựng lên. Cô nhận xét: “Khó có thể làm hơn thế.”

Cô biết cả chuyện xảy ra với Marc Lavater. Đã viết thư cho Marc sau tai nạn ở Sorrente, điều tôi không hề biết.

— Không nên ngạc nhiên. Em đã dặn anh ấy đừng nói gì về em với người tên là Cimbali.

Sau bữa ăn tối hôm ấy, chúng tôi tản bộ trên bờ biển, cùng tắm với nhau, cùng trở lại khách sạn. Tôi kể hết cho cô nghe câu chuyện của mười hai tháng vừa qua với đầy đủ chi tiết, cả chuyện mua hòn đảo nọ. Cô nhìn tôi bằng vẻ nhìn riêng chỉ cô mới có, làm như tôi là anh chàng quá quắt nhất đời, ít ra cũng thuộc loại không thể coi là nghiêm chỉnh được. “Chỉ anh mới có những ý nghĩ kỳ cục như thế - Anh là đồ gàn dở chứ gì?” - “Anh còn muốn gì nữa, một bản xác nhận chắc?”

Đáng lẽ rời Nassau ngay hôm sau, nhưng cô nhận ở lại thêm một ngày, không hơn. Tôi cố nài, vô ích.

— Rồi em sẽ biến mất?

— Em phải làm việc, chắc anh vẫn còn nhớ chứ anh bạn thân mến. Hết nghỉ phép rồi. Em chỉ dừng chân nơi đây trên đường từ Ireland về.

— Anh sẽ tìm được em không khó lắm. Sẵn sàng lục soát mọi căn phòng của mọi khách sạn trên trái đất.

— Đừng, không bao giờ nên ép buộc em, anh Franz.

Sự thật là tôi thấy cô tỏ ra lưỡng lự, giống hệt bữa cô còn làm việc cho khách sạn White Sands ở Mombasa và bị tôi thúc đến Hong Kong với tôi. Hồi ấy cuối cùng cô nhận lời gặp lại tôi, với điều kiện phải tôn trọng sự độc lập thần thánh của cô và cô đã thực hiện được bằng cách kiếm việc làm ở đó, hình như tại khách sạn Repulse Bay.

Nhưng hoàn cảnh đã thay đổi, có lẽ vì hôm nay cô không còn là một nhân viên bình thường mà đã có những trách nhiệm nghề nghiệp cao hơn nhất là vì cả tôi và cô đều không còn như xưa nữa. Theo đuổi một mối tình thời trẻ từ lục địa này qua lục địa khác là một chuyện, nối lại mối tình đó sau nhiều năm trôi qua lại là chuyện khác. Vả lại có chắc rằng tôi muốn có cô mỗi ngày, mỗi giờ chẳng? Cô hỏi thế. “Chịu đựng em không dễ đâu... Đừng nói gì, anh Cimbali... Em không phải con người dễ chịu đựng, anh cũng chẳng hơn gì em. Vâng, em hiểu, chúng mình tình cờ gặp lại nhau giữa lúc anh đang hoang mang, hơi mất phương hướng và có khi còn tệ hại hơn thế...”

Nhưng cô không muốn hứa hẹn, không như thế này được, trên cơ sở những cuộc tái ngộ tình cờ.

— Anh nghĩ kỹ đi, em cũng nghĩ. Để rồi xem. Chúng mình đâu đã già, phải không anh bạn?

Cô ra đi. Tôi cũng không nán lại Nassau. Trong một hoặc hai giờ tôi cân nhắc xem có nên gọi Callaway giao nhiệm vụ tìm xem cô ấy làm việc ở khách sạn nào (khách sạn này do cô làm giám đốc, ở Montego Bay bên Jamaica, sau này tôi mới biết). Nhưng rồi tôi từ bỏ ý định, chiều theo ý muốn của Sarah. Những sự kiện diễn ra dồn dập, khẩn trương như do một bộ máy nghiệt ngã, dồn đẩy trong những ngày, những tuần sắp tới, không làm tôi quên được Sarah, nhưng chúng tạm thời đặt cuộc gặp lại giữa hai chúng tôi sang một bên.

Từ Bahamas tôi bay thẳng sang California. Gã người Anh không có đấy, tôi chỉ gặp một người giúp việc. Thế là đủ để hiểu: Chẳng có tin gì mới.

— Cô gái chút khăn thế nào?

— Đã đưa ảnh cho hàng nghìn người xem. Không có gì chắc chắn.

Nhưng anh phụ tá này có vẻ tự tin. Có lẽ đó là điều làm tôi bức nhất ở anh ta cũng như ở chủ anh, gã người Anh. Vẻ tin tưởng thản nhiên (theo con mắt tôi quan sát) tự cho là mình đi đúng đường, không thể sai chệch tí nhỏ. Vậy mà đã qua bốn tháng rồi. Càng ngày ý nghĩ con tôi đã chết càng rõ nét trong tôi mặc dù tôi điên cuồng chống lại nó. Có những đêm, tôi còn nghĩ rằng thà con tôi chết ngay từ 29 tháng giêng đối với tôi như thế còn hơn là ôm mối hoài nghi đau xót này, có thể sẽ còn kéo dài vô tận.

Từ California bay đi Texas, đón Paul Hazzard dọc đường rồi bay luôn đi Tulsa bang Oklahoma. Tôi ngắm các giàn khoan, chẳng thấy vui cũng chẳng thấy buồn. Mặc dầu nghe nói các giếng khoan dầu tiên cho phép lạc quan rõ rệt, điều đó cũng khiến tôi dừng dừng khi nghe tin về đại hội nông dân bên Ngoại Mông. Thật thiệt thòi cho Paul, anh ta cuống quít trong niềm vui.

Anh không hỏi câu nào về việc tìm kiếm con tôi. Ai còn tin được điều đó nữa.

New York, Ute Jenssen và gã Thổ trông hớn hở ra mặt, phần do bản chất họ như vậy và cũng một phần vì việc làm ăn của họ không đến nỗi dở, theo nguồn tin mới nhất.

— Tôi đã bảo là ở bên Mỹ này chúng ta sẽ thủ hòa. Tốt, mà ở bên Châu Âu cũng gần được như thế. Franzy, bọn tôi vừa bơm thêm tiền vào. Sáu trăm ngàn đôla.

— Các bạn tưởng tôi cũng sẽ làm thế chắc?

Ute mỉm cười với tôi từ độ cao một mét tám sáu hoặc tám bảy, gần hai mét nếu tính cả gót giày.

— Chúng ta hợp tác với nhau, đúng không?

Trước đây mười lăm phú Rosen vừa báo tin: Sắp có lệnh thứ ba đòi kí quỹ bổ sung gửi cho tôi. Cà phê lại xuống giá nữa. Tôi đáp: “Đợi ít lâu nữa xem sao đã”

Cặp mắt đen, xếch, giống mắt đàn bà của gã Thổ bỗng đánh lại trong một phần trăm giây. Giá như tôi có quên mất rằng con người này dưới vẻ ngoài phóng túng nhưng thực sự có thể là nham hiểm, thì cái nhìn vừa rồi đã nhắc tôi nhớ lại ngay. Gã Thổ là tay kinh doanh tài chính, tình bạn của anh ta đối với tôi có thật, nhưng trong việc làm ăn gã là một kẻ không biết thương xót.

— Cimballi, đã chuẩn bị sẵn đủ các giấy tờ rồi: Năm mươi - năm mươi, bên này chi ra bao nhiêu bên ấy cũng phải chi bấy nhiêu.

Không còn Franz, cũng chẳng còn Franzy nữa. Tôi liếc nhìn Ute. Cô ta lắc đầu: Rất tiếc, luật chơi nó như thế.

Tôi đành phải chi.

Năm ngày sau, ngày 4 tháng 6, tôi lại phải chi sáu triệu đôla.

Tôi đã rà soát lại mọi sự kiện của thời kỳ này, như chiếu lại cuốn phim cho tới khi thuộc lòng tất cả mọi lời đối đáp. Và tự hỏi mình: Phải làm gì đây? Nhưng không tìm ra câu trả lời.

Lệnh bổ sung ngày 4 tháng 6, cộng với lệnh ngày 30 tháng tư (350.000 đôla) và ngày 17 tháng 5 (6 triệu) đưa tổng số tiền tôi đã bỏ ra để duy trì hợp đồng cà phê lên tới 12.350.000 đôla. Cộng sáu triệu kí quỹ ban đầu.

Tình thế chưa đến nỗi nguy ngập. Vì đến ngày 18 tháng chín, số tiền hơn 18 triệu này sẽ được trừ vào số 60 triệu tôi phải trả (và xin nhắc lại một lần nữa, tôi chỉ trả sau khi đã bán lại số cà phê tôi mua, với hi vọng được lãi). Trong hoàn cảnh này, điều chủ yếu là phải giữ vững can đảm. Tính từ 4 tháng sáu, còn một trăm ba mươi ngày nữa là đến hạn hợp đồng. Từ nay đến đấy còn có thể xảy ra nhiều chuyện. Có thể giá cà phê sẽ tăng vọt, những đợt giảm giá vừa rồi có thể chỉ tạm thời, không loại trừ khả năng tăng giá. Nếu bỏ cuộc, tôi sẽ mất đứt số 18 triệu hơn này, không có cách gì cứu vãn nổi, phải giải thể công ty ở Panama. Và bỏ cả số liên lãi cuối cùng có thể vẫn có được mặc dầu các biến cố đang diễn ra. Vì nếu ngày 18 tháng chín, giá một livre cà phê được 250 xu Mỹ thì 14.752 tấn của tôi sẽ được khoản 81 triệu đôla (mà chỉ trả thêm có 42 triệu (và đã trả trước 18 rồi) trong số 60 triệu phải bỏ ra mua số cà phê đó. Tôi sẽ đứt túi số chênh lệch giá mua với giá bán, trừ các khoản phí tổn đi, còn được khoản hai chục triệu đôla, tức 90 triệu franc Pháp, 9 tỉ xu. Rõ chưa nào?

Rosen gật đầu. Rõ quá!

Ngày 7 tháng sáu, Joachim Gigio tức Gigi bỗng như tỉnh giấc. Báo cho tôi tin tức không mấy dễ chịu: Các vệ tinh Mỹ không dự báo có tăng giá, hơn nữa anh ta còn nghe được một điều nghiêm trọng hơn nhiều:

— Nghe nói Brazil hục hặc với Bolivia.

— Có đi đến chỗ đổ vỡ được không?

— Có thể lắm?

Bữa ấy tôi vẫn đang ở trong văn phòng Rosen khi Gigi gọi tới Rosen lại lắc đầu:

— Nếu các ông gọi là OPEP cà phê nổ, sẽ dẫn tới sạt giá cà phê kinh khủng.

Chẳng cần có anh ta tôi cũng rút ra được kết luận ấy.

— Tùy ông làm gì thì làm, còn tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện về hưu được rồi.

Tôi chẳng biết làm gì. Đâm ra nghi ngờ tất cả, cả Rosen nữa, nhất là Gigio. Biết đâu họ đầu độc tôi bằng những tin thất thiệt?

Tôi hoang mang, để mười ngày nữa trôi qua. Trong thời gian ấy tôi cố thu thập tối đa thông tin. Ngày 8 tôi lệnh cho Callaway đi Bogota, đi hú họa vậy thôi, không giao việc gì rõ ràng, chỉ dặn đi xem xét tình hình bên đó. Ngày 9 và hình như ngày 12 nữa, anh ta điện cho tôi và nói rằng anh sang Bolivia chẳng có tác dụng gì ngoài việc được xem phong cảnh bằng tiền của tôi chi. “Tôi về chứ?” - “Cứ ở lại. Anh biết Horst. Khi hấn vừa đặt chân đến Bogota là phải báo tin tôi ngay”.

Nhiều ngày qua. Ngày 19 tôi quyết định gọi Marc Lavater ở Chagny. Françoise cầm máy, cho biết Marc vẫn không đi lại được. Chị đưa máy cho chồng. Anh ta nghe tôi từ đầu đến cuối, hỏi:

— Jimmy nói sao?

— Anh ta khuyên: Tung hê tất cả.

Im lặng. Mãi Marc mới nói:

— Anh thừa biết ý kiến của tôi về chuyện này.

Phải gọi đến anh ta xin cứu viện đã là một đòn nặng làm tổn thương lòng tự ái của tôi. Nhưng đành vậy, chẳng tự ái thì đừng:

— Tôi thiếu anh quá đi, Marc!

— Tôi lại vừa bị mổ ở háng. Dù tính mạng có bị đe dọa tôi cũng không thể lết qua phòng khách được.

Tôi cáu thực sự. Gần đi đến chỗ nghĩ rằng anh ta núp sau vụ tai nạn để bỏ rơi tôi. Tôi thấy cô đơn không thể tưởng tượng nổi.

Gigio báo cho tôi một tin kì diệu:

— Thế là xong, Cimballi, cắt đứt rồi. Vài ngày nữa sẽ có tin. Chắc thứ hai tới.

— Ai chịu trách nhiệm chuyện đó?

— Hai bộ trưởng Bolivia. Sau lưng là một nhóm tài phiệt Đức và Thụy Sĩ.

— Họ có lợi gì?

— Anh đầu cơ vào giá lên. Họ ngược lại.

Các sự kiện vẫn cứ bướng bỉnh móc vào nhau. Gigio ở Rio vừa gác máy, Callaway đã từ Bogota gọi tới.

— Hôm qua Horst ở đây. Tôi đã chụp ảnh hắn tới gặp hai chủ ngân hàng. Sau đó hắn ăn trưa ở dinh thự nông thôn của một bộ trưởng Bolivia, ông có cần tôi nói tên qua điện thoại không?

— Anh về được rồi.

Thật kỳ quặc. Lúc ấy tôi vừa thấy tức giận lại vừa thấy nhẹ mình. Nhẹ vì cuối cùng tôi đã biết được. Nhưng tôi không quyết định ngay tức khắc. Tôi ra khỏi Pierre, băng qua đại lộ 5, đi bộ vào Công Viên Trung Tâm, hòa lẫn vào dòng người vô tư lự.

Hai giờ sau, ngày 20 tháng sáu, tôi mới gọi cho Rosen. Thanh lý toàn bộ, tung hê tất cả, bỏ hết mọi khoản ký quỹ, bỏ trận địa.

Nói cách khác: Tôi chạy trốn.

Trong áp phe này, như đã nói, tôi mất hơn 18 triệu đôla. Một miếng khó tiêu hóa.

Nhưng lại thoát được đòn chết người: Buộc phải mua sáu chục triệu đôla cà phê, qua việc phải liên tục nộp ký quỹ bổ sung cho đến lúc cạn tiền không nộp nổi. Dĩ nhiên, người ta sẽ hạch công ty Panama, bắt nó phải giữ lời cam kết. Nhưng làm gì nổi nó? Ngay trong ngày này, vài phút sau khi tôi ra lệnh thanh lý cho Rosen, công ty Panama sẽ được giải thể. Tôi chẳng có gì để tự hào, tôi tức điên lên, cảm thấy nhục, nhưng đã giữ được mạng. Ấy là tôi nghĩ thế.

Không được lâu. Bảo dọn ăn ngay trong phòng, nhưng chỉ mất công toi vì không thấy đói. Khoảng ba giờ chiều, có tiếng gõ cửa. Tôi nói: “Mời

vào”, nhưng không thấy ai vào. Tôi quyết định tự mình ra mở cửa, và chạm trán với Erwin Horst.

Lão tủm tỉm cười:

— Chúng tôi không cố tình, nhưng chính anh cũng thừa nhận rằng chỉ suýt soát một tí nữa thì chúng ta không gặp lại nhau nhân dịp kỷ niệm một năm lần hội ngộ đầu tiên.

Tóc lão vàng hơn so với hình ảnh trong ký ức tôi, nhưng đôi mắt vẫn nhật như thế, cặp môi vẫn đỏ như thế.

— Chúng tôi?

— Những người hợp tác với tôi và tôi.

Tôi những muốn thử nện vỡ mặt lão. Thử thôi, không chắc đã nện vỡ nổi. Chỉ nói: “Ông từ Bogota về nhanh thật”.

Cặp mắt nhật màu chăm chú nhìn tôi.

— Anh biết những gì?

Đó là điểm duy nhất tôi ghi được trong cuộc đối đầu với lão. Tôi không mời vào nên lão đứng ngay bậc cửa, gần như ngoài hành lang. Có một cặp đi qua, Horst đợi hai người đi khỏi.

— Được. Ngày Cimbali, đã tới lúc rồi đấy. Tất nhiên, ta nói về cà phê. Để khỏi mất thì giờ, xin nói ngay: Anh sẽ chết vì nó.

Trong những phút tiếp theo, lão nhồi cho tôi bằng chứng là lão nắm được hết mọi hoạt động của tôi: Tên hai công ty môi giới làm trung gian cho tôi, số tiền tôi đã chuyển cho London và New York cùng toàn bộ các khoản tôi đã chi.

— Anh đã bỏ ra nhiều tiền vốn. Nhưng chẳng vì thế mà khánh kiệt đâu, rõ ràng như vậy.

Lão cười mím gần như thân tình:

— Chưa đâu. Nhưng như tôi vừa nói, đã đến lúc rồi. Lúc mà chúng tôi mong đợi từ rất lâu rồi.

Lão rút túi lấy ra một xấp giấy.

— Đơn giản thôi, chúng tôi có cách chứng minh rằng công ty Panama chính là anh, Curacao cũng là anh; khách hàng của nhà băng Nassau, chủ tài khoản 13320 có mặt danh Sarah Mombasa cũng là anh. Vào lúc tôi đang

nói đây, các công ty môi giới đều đã có đầy đủ các chứng cứ chúng tôi thu thập được. Họ có tất cả các điều kiện buộc anh phải gánh chịu mọi trách nhiệm đã cam kết trong vụ cà phê này. Anh thừa biết: Họ sẽ không bỏ qua.

Xấp giấy vẫn nằm trong tay lão. Tôi không hề động tay cầm lấy.

— Cimballi, tôi đã từng báo trước: Sẽ có ngày anh phải trả ngay, bằng tiền mặt. Ngày ấy đã đến.

Lão lại mỉm cười:

— Cash!

Im lặng. Lão cúi người, đặt xếp giấy xuống đất ngay dưới chân tôi rồi điềm nhiên bỏ đi theo hành lang. Cửa thang máy đóng lại rất lâu sau đó mà tôi vẫn chưa hề nhúc nhích nổi.

4

Không một giây nào tôi cho đây là trò bịp. Không phải trò bịp, đúng vậy.

Trong xấp giấy Horst để lại có sáu tài liệu. Thứ nhất là bản sao cuốn sổ sở hữu tài sản ở Panama ghi rõ công ty Panama thuộc sở hữu của công ty Curacao; thứ hai là tờ lệnh thanh toán mang chữ ký của tôi và các mã số gửi cho ngân hàng Bahamas yêu cầu trả tiền thuê khách sạn (Britannia, tháng chạp), thứ ba là bản trích sổ kế toán của khách sạn này, chỉ rõ số tiền đó dùng để trả tiền trọ của “ông và bà Franz Cimbali, ông và bà Alec Jeffries, cô Largon - bảo mẫu con trai tôi, và cậu Marc Andrea Cimbali”. Thứ tư là lá thư viết tay - chữ của tôi, tôi ký tên, có ghi mã số - trong đó tôi khiếu nại ngân hàng về sự chậm trễ trong việc chi trả một hồi phiếu của trang trại Arizona thuộc quyền sở hữu của công ty Panama; thứ năm là tờ phúc đáp của ngân hàng này dưới hình thức lá thư gửi “Ông F. C. khách sạn Britannia, Nassau” (ngân hàng xin lỗi về sự chậm trễ đó, đảm bảo ”mọi việc sẽ hoàn tất ngày 15 tháng giêng tới” qua những thủ tục thông thường; với ngân hàng Phoenix là người đã đứng ra bán trang trại cho Panama); cuối cùng, thứ sáu là một loạt bản chụp chứng tỏ ngân hàng nói trên đã thực hiện theo lời hứa: Ngày 14 tháng giêng, công ty Panama đã ký nhận việc chi trả tờ hồi phiếu.

Tôi gọi điện về ngân hàng Nassau: Chủ ngân hàng vẫn còn nhớ lá thư tôi gửi về chuyện tờ hồi phiếu, vẫn nhớ nguyên nhân gây chậm trễ và thư trả lời tôi. Tại sao sau đó ông ta không lần nào nói đến vụ này khi gặp tôi? Ồ, có gì đâu, vì ngân hàng đã có lỗi rõ ràng, ông ta không mấy hãnh diện vì vụ này, vả lại hình như tôi đã cho qua, đại gì ông ta nhắc lại?

Rosen đọc xấp tài liệu lần thứ ba, thứ tư, rồi hỏi:

— Anh có viết lá thư tay này không?

— Không. Cũng không gửi lệnh thanh toán tiền khách sạn. Cả hai cái đều giả mạo.

— Nhưng số tài khoản và mã số đều đúng. Chúng nhặt ở đâu ra? Bằng cách nào?

Giấy tờ làm giả rất khéo, cả chữ ký của tôi cũng y hệt. Bản thân tôi cũng không phân biệt được. Cố moi trí nhớ, tôi sức nghĩ ra vụ mất trộm ví mùa hè năm ngoái ở New York, gần vòi phun Pulitzer. Tất cả từ đấy mà ra.

Tuy tâm trạng tôi lúc xế chiều 20 tháng sáu này vô cùng căng thẳng, cơn tức giận vô cùng sôi sục nhưng tôi vẫn hiểu được rằng điều chủ yếu không phải ở đó. Và lại Rosen đã nói rồi, cả Lupino và Vandenberg được gọi đến họp hội đồng tác chiến cũng nói: Điều quan trọng hơn hết là tình cảnh của tôi bắt đầu từ sáng mai.

— Bọn môi giới sẽ không buông tha anh. Chúng sẽ đòi anh thực hiện các cam kết của công ty Panama cho đến đồng đôla cuối cùng, bằng tiền mặt và bằng tài sản anh có.

Nếu tôi còn chưa tin, thì cuộc thăm hỏi đầu tiên trong buổi sáng hôm sau cũng đủ cho tôi mở mắt ra (sẽ có hai cuộc thăm hỏi của hai công ty môi giới). Đó là viên đại diện công ty Maddox Berg và Atkinson. Anh ta không tỏ ra hung hăng, rất lịch sự nhưng kiên quyết, có sau lưng tất cả sức nặng ghê gớm của lẽ phải, của công lý, của luật lệ: Dù công ty Panama vỡ nợ hay không vỡ nợ, dù công ty Curacao bị xóa sổ hay không, đối với họ chẳng có gì thay đổi vì họ đã nắm được bằng chứng cả hai công ty chỉ là cái bóng của Cimbali. Là người buộc phải chi bằng của cải riêng cho đến đồng xu cuối cùng.

Và bằng tiền mặt, trả ngay, Cash!

Đây là lúc chiếc bẫy sụp xuống. Nếu bẫy được có một khuôn mặt, nó sẽ lấy khuôn mặt lạnh lùng, vô cảm của Philip Vandenberg đang từ tầm cao thân hình nhìn xuống và nói với tôi cộc lốc:

— Xong đời!

Nhưng còn điều tệ hại hơn đang đến. Mất một đêm thức trắng tôi mới chấp nhận lập luận của Rosen và Lupino, cả hai đều cho rằng khả năng tôi chứng minh trước tòa có sự giả mạo giấy tờ gần như không có, nếu không nói là con số không. “Vả lại, dù cho có...Thế các công ty nợ có phải của anh không đã?”... Suốt một đêm trắng, tôi đã thực sự gào lên vì giận dữ, mỗi lần nghĩ đến sự đồng lõa của Martin Yahl, Horst và tay bố dượng vợ là tôi lại cuồng lên muốn bắn giết cho hả.

Tình mớ ngày 21 tôi bắt đầu gọi điện. Gọi Cannat ở Paris, bảo bán ngay lập tức bất động sản của tôi trên đất Pháp trừ dinh cơ St. Tropez mà tôi sẽ làm hết mình để cứu khỏi bị chìm ngấm. Tất nhiên tôi hỏi anh ta về khoản mười triệu đôla ở công ty Liechtenstein. Cũng tất nhiên, câu trả lời của Cannat là tôi đừng hòng rút vốn ra trước ít nhất một năm nữa, có khi hơn; lý do là các “đại diện của Fezzali” chắc là bị người nào đó mớm, tìm mọi cách cản trở việc giải tỏa số vốn này.

Trên lãnh thổ Hoa Kỳ này, tôi là sở hữu chủ của nhiều nhà đất, một trang trại, tất nhiên dưới nhiều hình thức khác nhau. Tôi lệnh cho Lupino: Thanh lý hết. Sau đó gọi cho gã Thổ ở London: “Bán cho cậu tất cả các cổ phần của tôi trong Quần Vợt”. Câu trả lời vợt ra: “Điên à? Tôi làm gì có đủ tiền mua!” Nghiêm trọng hơn: Gã nổi cáu. Theo gã và gã có lý, sự bán tổng bán tháo này sẽ giáng đòn chí tử vào toàn bộ sự nghiệp, trong tình hình đang có sự cạnh tranh của nhóm Mỹ - Đức bị Yahl và Horst xúi giục. “Cimballi, anh sẽ bị khánh kiệt và lôi chúng tôi chìm theo!” Tóm lại, gã từ chối với thái độ giận dữ.

Đến lượt Li và Liu. Họ đã biết chuyện: bọn Texas đã biết tin về sự sụp đổ rất gần của tôi. Thế ai báo cho bọn Texas? Họ không rõ. “Nhưng chắc anh đã biết lời mờ, Franz. Dù thế nào đi nữa, chúng tôi chịu bó tay thôi, không làm gì được. Bữa gặp nhau bên Florida, chúng tôi đã nói với anh rồi. Có lẽ anh đã cười nhạo khi nghe chúng tôi nói phải vét nhẵn túi, nhưng thật quả như vậy. Hiện giờ, tiền mặt của chúng tôi là con số không”.

Từng chiếc một, mọi cánh cửa đều đóng lại trước mặt tôi. Tuy biết trước câu trả lời của họ, tôi vẫn cứ gọi bọn Texas. Họ chẳng buồn đến cầm máy, báo một luật sư đến báo với tôi thân chủ của anh ta không có ý đầu tư thêm

trong những tháng tới, và nếu về nguyên tắc họ nhận mua những cổ phần của tôi ở Safari, họ sẽ mua với những điều kiện do họ đưa ra. Có thể chỉ trả nửa giá. Còn cay hơn thế nữa: Không mua ngay trong thời gian trước mắt.

Paul Hazzard ở San Antonio. Anh ta đáp: Choáng váng, nhưng biết làm gì được? Nhiều lắm thì sẽ cố tìm một người cộng tác khác vui lòng lên đến bên anh ta đứng vào chỗ tôi bỏ trống trong áp phe dầu mỏ ở Oklahoma, và hứng chịu mọi trách nhiệm tài chính tôi đã cam kết với ngân hàng Dallas. Ngân hàng này đã xuất vốn, và cho tôi vay tiền vì hồi ấy tôi có nhiều món bảo đảm. “Franz, tôi rất buồn phải nói với anh điều này: Anh đặt tôi vào một tình thế khốn khổ. Tuy vậy tôi sẽ làm hết sức mình, anh hãy tin như vậy”.

Hết sức mình nghĩa là nếu thật lạc quan, vài trăm nghìn đôla là cùng. Chẳng ăn nhằm gì so với số tôi đang cần. Lupino đã cùng Rosen giúp tôi tính toán, bản thân tôi cũng tính đi tính lại hàng trăm lần, đến nỗi phát lợm giọng muốn nôn: Trong trường hợp may mắn nhất, bán được toàn bộ bất động sản với giá hời nhất, tôi có thể hy vọng được chừng mười triệu. Với số đó, có lẽ tôi sẽ đáp ứng được các lệnh ký quỹ bổ sung. Có lẽ. Nhưng các lệnh tôi đã nhận và các lệnh Rosen dự đoán tất nhiên có nghĩa là 18 tháng chín, món cà phê của tôi bị mất giá ba mươi thậm chí bốn mươi phần trăm. Mười bốn nghìn bảy trăm năm hai tấn sẽ chỉ được từ ba lăm đến bốn mươi triệu thôi. Mà tôi vẫn phải mua với giá đã thỏa thuận từ trước: Sáu mươi triệu.

“Franz, các con tính của anh và của chúng tôi hoàn toàn khớp. Đều ra những con số giống nhau. Dù anh bán được Safari và Quần Vợt, tuy lúc này chưa chắc lắm, anh vẫn còn thiếu khoảng từ mười hai đến hai mươi triệu đôla”.

Không ai bỏ tiền cho kẻ sắp chết đuối vay.

Sáng 26 tháng sáu tôi chường mặt đến ngân hàng Manhattan trên đường Fulton. Họ quen biết tôi cả. Tôi đã làm ăn với họ trong vụ Vành Đai Năng,

mua lại bán đi hàng trăm dinh cơ ở miền Nam Hoa Kỳ rục ánh mặt trời, nhờ vậy tôi đã giàu lên, đã có vốn để đánh Martin Yahl. Tôi còn có quan hệ riêng với giám đốc. Ông ta tiếp tôi sau hai mươi phút để tôi phải chờ đợi. Đó là một tín hiệu; bên Hoa Kỳ các cuộc hẹn làm việc nói chung đều được thực hiện rất đúng giờ.

Chúng tôi có những quan hệ cá nhân, có thể nói là thân tình tuy hai người chênh tuổi nhau khá lớn. Nhưng vài hôm trước đây, ông vừa nhận được tập hồ sơ đầy đủ, chắc do Horst gửi đến, trong đó có tất cả mọi chi tiết về tình cảnh khốn đốn của tôi. Tôi mĩa mai.

— Xin cảm ơn đã gọi ngay tôi đến để thông báo.

Có thể nói ông ta gần thành công trong cố gắng ra về rồi. Ông nói, ông có hỏi nơi này nơi nọ, đã tiếp xúc với hai công ty môi giới rất có uy tín. Họ đã xác nhận từng yếu tố trong hồ sơ. Tóm lại, không có chuyện vay mượn. Lấy gì thế chấp? Các bất động sản tôi đang dạm bán? Món cà phê đang mất giá đến chóng mặt? Không, không cho vay. Chẳng những ngân hàng của ông ta, mà theo ông, thực lòng mà nói thì bất cứ ngân hàng Mỹ, ngân hàng ngoại quốc nào cũng sẽ lắc đầu.

Khi tôi trở ra đường phố Fulton, bọn thợ ảnh của Yates đột nhiên xuất hiện trong tiếng reo chặn đứng con mồi. Chúng đã đợi sẵn đấy, với bộ mặt lãnh đạm và những cử chỉ máy móc. Chúng bấm lia lịa cho đến lúc một chiếc taxi nhận lời chở tôi đi.

Lupino là người đầu tiên nói lên điều mà Rosen và tôi đều nghĩ thầm.

— Franz, anh sẽ không thành công. Bọn chúng đã tính hết nước rồi. Chắc hẳn chúng đã gửi cho tất cả các ngân hàng, thậm chí cho tất cả mọi chủ nợ một tập hồ sơ tương tự để họ dè chừng anh. Bọn ngân hàng bao giờ cũng rất thận trọng. Anh kẹt rồi. Kẹt cứng. Cứ đứng nguyên tại chỗ thế này là bị chúng làm thịt đấy.

Im lặng.

— Chuồn đi, Franz. Trong vài ngày tới cố nhặt nhanh vớt vát tối đa trước khi có lệnh bổ sung nữa, và biến khỏi Hoa Kỳ.

... Để không bao giờ trở lại. Để được đăng ảnh lên báo chí (Yahl sẽ không bỏ lỡ cơ hội, sẽ làm rùm beng hết mức về cuộc chạy trốn này, tôi tin chắc như vậy). Để trở thành tên lừa đảo chính cống, đúng chức vị, tự nguyện đến định cư ở một nước không có luật dẫn độ. Tôi thấy lại Zarra, ở Bahamas bị cảnh sát Mỹ truy lùng, phải sống giữa một đám thân binh cho đến lúc gần bị tóm cổ đành chạy sang ẩn náu bên một nước Cộng Hòa Chuối ở Trung Mỹ sau khi có sự thỏa thuận kinh tế với CIA. Chẳng lẽ tôi trở thành Zarra thứ hai?

Vũ Khúc sẽ kết thúc như thế sao?

— Cảm ơn về lời khuyên, Jo!

Rosen và Lupino bỏ đi. Tôi mất ngủ không biết đã bao lâu rồi. Cà phê ứ đầy đến tận cổ, một tiếng động nhẹ cũng làm tôi chồm lên. Tôi kiệt quệ mất rồi, về tất cả mọi mặt. Điện thoại: Paul Hazzard gọi. Anh ta đã tìm được người thay chân tôi, nên có thể hoàn lại bảy trăm lẻ vài nghìn đôla tôi đã bỏ vào khoản thăm dò dầu mỏ, venture oil bên Oklahoma. “Này Franz, nếu anh cần lắm tôi có thể cho vay tí chút, không thể hàng đồng, anh biết rõ hoàn cảnh tôi rồi. Độ hai trăm nghìn và số lẻ, gộp cho đủ một triệu tất cả. Không thể làm hơn được...”

Tôi đứng lặng nhìn chiếc máy điện thoại, người như mê muội đi. Có lẽ đó là giây phút tôi thấy được chiếc bẫy của Martin Yahl đã thực sự đóng đinh tôi dưới đất đen, như một con sâu bị cắm xuyên qua giữa thân, cổ dây dụa cũng vô ích mà thôi.

— Thế nào? Franz đâu?

Paul Hazzard tiếp tục nói, hình như bảo anh sẽ đến New York thăm tôi, trò chuyện với tôi nâng đỡ tinh thần tôi; anh sẽ tới ngay tối nay, mời tôi cùng đi ăn tối. Anh nói câu gì đó, hình như là: “Dù cậu có bị đo ván keo này, cuối cùng sẽ vùng dậy được thôi, không có vấn đề gì đâu. Và chúng mình sẽ cùng nhau làm giàu, cậu và mình sẽ cùng nhau...”

Người ta mang tới một gói giống gói đựng các bức ảnh chụp Maria De Santis và tôi. Một kẻ nào đó đã đưa cho bộ phận tiếp tân, bảo là tôi đang chờ đợi nó.

Tôi mở ra. Lại có đến gần năm chục tấm ảnh, cùng bức chụp bài đăng trên một tuần báo. Tất cả đều chụp những cháu nhỏ từ một đến hai tuổi, lạ mặt. Bài báo viết: Đây là cháu bé nạn nhân của các vụ buôn người từ một số nước Mỹ La Tinh sang Hoa Kỳ và sang tất cả các nước Phương Tây. Các cháu bé thuộc dân số quá đông của Mỹ La Tinh bị bán làm con mồi cho các gia đình không có người thừa tự, trên thị trường đang khan hiếm loại sản phẩm này.

Bài báo và các tấm ảnh được kèm theo mảnh bìa trắng, chúng không có chỉ dẫn nào khác ngoài ba từ viết chữ hoa: CHÚNG TÔI BIẾT.

Bốn giờ sau tôi bay sang Châu Âu, trên đường đi tới - không có từ nào khác - sự ngu xuẩn nhất trong đời.

5

Từ Paris về St. Tropez, khẩu súng ngắn 9 mm giấu sau các cuốn sách trong văn phòng bố tôi trước kia. Tôi có cả giấy phép mang súng. Giấu kín khẩu súng dưới ghế trước, tôi mở máy.

Trước khi đi Paris, tôi đã gọi điện từ New York cho gã người Anh ở Los Angeles dặn anh ta lập tức dừng cho người giám sát xung quanh dinh thự của Martin Yahl. Không giải thích gì.

Nên lúc đêm khi tôi tới đây, khu này hoàn toàn vắng vẻ đúng như tôi mong muốn. Tôi đã có dịp nói là tôi rất thuộc khu này, đã nhiều lần về nghỉ hè, từ khi còn là chú bé mồ côi được tiếp nhận một cách hào hiệp. Tôi thuộc lòng khu vườn, nhớ rõ cách lọt vào: Đu lên cây trần bì, trèo lên tường, đi dọc bờ tường ba mươi mét, đứng tìm cách vượt qua hàng dây thép gai, leo như thế đến độ cao bốn mét cách mặt đất, cao hơn mái nhà kho cũ. Tại chỗ này, sau mười hai năm tôi vẫn tìm ra lối đi bí mật do tôi chuẩn bị cho những cuộc chạy trốn thời niên thiếu. Một bước nhảy ngắn, tôi đã đứng trên mái nhà kho.

Các phòng khách chỗ tôi đang đứng chừng hai trăm mét. Có ánh đèn phía tay phải, nơi ở và làm việc của đầy tớ, cả ở phía trước mặt tôi, trong căn phòng lớn dưới tầng trệt dùng làm phòng khách - thư viện. Báo cáo của gã người Anh: “Lão ít gặp mọi người, hầu như không có khách tới nhà. Trong nhà lão có ba đầy tớ, hai y tá luân phiên trực, một người ban ngày, một người ban đêm. Tiêu khiển chủ yếu bằng chiếu bóng, đã lắp đặt một phòng chiếu đủ tiêu chuẩn chuyên môn để xem được mọi loại phim. Mấy tháng gần đây đã mua hàng trăm bộ, trong đó có không ít phim con heo. Chi tiết cuối cùng này khiến tôi chú ý. Sự đam mê điện ảnh của Yahl mới xuất hiện gần đây.”

Từ mái kho tôi sang mái bằng của nhà để xe. Sau đó, không cần nhảy xuống đất nữa; ngày xưa tôi vẫn làm thế này, bây giờ cũng vẫn làm được:

Đạp chân lên các hòn đá xây nổi, bọc góc tường nhà. Thế là tới được bậc cửa sổ chấn song của căn phòng tôi ngày trước. Chốt cửa không vững chắc, cũng như xưa kia, bật ra, cánh lắp bánh mở tung, nền nhạc mở to của một cuộn phim lập tức tràn ra.

Có thể lão điếc rồi chẳng...

Tôi lên đạn. Hành lang. Tiếng nhạc cùng lúc càng lớn. Tôi đi về phía nó, như người lính đi vào trận đánh. Trước đó tôi đã nghĩ phải rón rén xuống cầu thang đi qua đại sảnh thật êm như cái bóng. Bây giờ chẳng cần như thế, trong ngôi nhà này tôi có thể gào lên cũng không ai nghe thấy. Tiếng nhạc ngừng, tiếng nói tiếp luôn, với âm vang đặc biệt của tiếng phim điện ảnh; tôi còn nhận ra được giọng của Pierre Fresnay.

Đã tới trước chiếc cửa kép của phòng khách lớn, tôi khẽ đẩy cánh cửa, một tia sáng đèn lách qua. Tôi bước vào. Đồ đạc vẫn y nguyên chỗ cũ. Cuối căn phòng dài mười lăm mét, một màn ảnh áp sát vào tủ sách.

Martin Yahl ngồi trước màn ảnh quay lưng lại phía tôi. Lúc tôi chỉ còn cách chừng hai mét, lão quay mặt lại.

— Tôi không phải Martin Yahl! Đừng bắn! Tôi không phải Martin Yahl!

Lão già giống hệt Martin Yahl nhưng không phải là hăn khiếp sợ gào lên.

Cuốn phim ngừng chiếu. Tôi chưa bắn, nhưng vẫn có thể bắn ngay sau đó khi các đầy tớ xuất hiện. Họ thấy động không phải vì tiếng ồn ào, mà vì tiếng ồn ào đang rất lớn bỗng nhiên tắt nghẹn vì sự im lặng đột ngột. Cuối cùng tôi không nổ súng vì ba gã vừa chạy đến cứu người giống hệt Martin Yahl đã dẫn ra trước họng súng. Tôi chẳng buồn đi vòng quanh ngôi nhà. Đi ra khỏi đây, súng vẫn trên tay, hoàn toàn tỉnh cơn điên rồ, vừa nhẹ nhõm vì đã không xảy ra chuyện gì, vừa tự nhạo báng mình khi hiểu ra rằng gần một năm nay Yahl đã bịp được tôi.

Trong một chớp mắt chói lòa, sự thật đã đập vào mặt tôi. Mọi chuyện đều sáng tỏ. Để đánh lừa tôi đau đến thế, lừa cả Lavater, cả gã người Anh, tất nhiên phải nghĩ ra một mẹo không thể tưởng tượng nổi. Đây là: Một người giống hệt. Có lẽ từ mấy tháng nay, có khi lâu hơn nữa. Martin Yahl không ở Geneva. Và trong khi chúng tôi rình rập lão với muôn vàn thận

trọng ghi chép từng cử động, từng cú điện thoại, từng cuộc gặp gỡ của người mà chúng tôi tưởng là lão, thì lão được tự do bay khắp thế giới. Trong bí mật hoàn toàn. Chắc lão đã đi trước tôi sang Uganda, Brazil, Bolivia, mua các nhân vật vẫn mua, tổ chức và tài trợ mọi chi tiết của chiếc bẫy dành cho tôi, với sự trợ giúp của các chiến hữu phát xít ở Nam Mỹ (xét đến cùng, không phải bỗng nhiên lão đã trở thành một chủ ngân hàng có cỡ của Đệ Tam Đế Quốc trong Thế Chiến Thứ Hai).

Còn ông cụ sức tàn lực kiệt, gần như đang hấp hối, mắc chứng đau tim, bị chụp ảnh trong khu vườn này và ngay cả London nữa? Không phải lão ta. Lão hoàn toàn sung sức.

Nên cuối cùng lão đã nghiền nát tôi vụn.

Lúc vào như một kẻ cắp, lúc ra tôi qua cổng chính. Qua kẻ chắn song, khuôn mặt tôi trông thấy trước tiên là của gã Thổ, nhăn nhó vì lo lắng:

— Franzy bắn chết lão ta rồi hử?

— Không. Làm gì ở đây vậy?

— Anh bạn Flint gọi điện cho tôi, cùng một người tên là Hazzard và Lupino nữa. Có chắc là chưa bắn vào ai không?

— Chưa!

Tôi gào thật to. Sau lưng, các đầy tớ cũng đã đến sát cổng. Họ đứng lại. Một người nói:

— Chúng tôi đi báo cảnh sát.

— Nhân thể báo cho cả lục quân, cả hải quân Thụy Sĩ nữa. - Gã Thổ đáp Anh ta giằng khẩu súng trên tay tôi, ngửa nòng. “Tốt”. Giang thẳng tay, chĩa súng vào bọn đầy tớ, hét lên: “Pằng! Pằng! Pằng! Các người chết cả rồi!” Cảnh tượng biến thành hài kịch.

— Chuồn thôi! - Gã Thổ nói.

Gã lôi tôi vào xe hơi, mở máy, vừa lái về hướng Geneva, vừa giải thích: “Các bạn từ New York gọi về báo tin: Rõ ràng anh đang chuẩn bị làm một cú ngu xuẩn rất lớn. Lupino vào phòng anh trong khách sạn Pierre và trông thấy ảnh bọn trẻ con. Franzy, thật tửm! Thằng nào làm chuyện đó đáng bị thiến đi một cái gì. Nhưng anh nhảm: Không phải Yahl.”

— Khó tin lắm!

Gã Thổ lắc đầu: “Nghĩ rằng có ích gì, Franzy. Sự thật là cả lão Yahl và cả anh đều lên cơn co giật vì hằn thù nhau, chẳng anh nào tỉnh táo sáng suốt hơn anh nào. Không nói về việc làm ăn, trong kinh doanh cả hai người đều thông minh, nhưng đây là nói về chuyện cá nhân. Franzy, không kinh doanh tài chính với những tình cảm xấu trong lòng; đơn giản là không có tình cảm nào hết. Anh có biết vì sao tôi nhào tới lôi anh về không? Vì tình bạn chẳng? - Tôi cười khẩy - Chỉ vì nếu để anh bạn trút hết sáu viên đạn, anh sẽ bị ngồi tù. Và như thế sẽ rắc rối cho tôi, anh đang nợ tiền tôi”.

Flint và Lupino đã gọi cho Marc Lavater, Marc chấp liên lạc với gã người Anh, gã báo tin tôi đã ra lệnh ngưng giám sát biệt thự của Yahl.

— Thế là chúng tôi sinh nghi. Tìm khắp nơi xem anh ở đâu. Ở St. Tropez? Gọi về đây không thấy trả lời. Làm gì bây giờ? Báo cho Yahl chẳng? Ngộ nhớ đoán sai ý định của anh. Sẽ đẹp mặt!

Xe chạy qua Cologny, vào Geneva, xuyên thẳng qua thành phố.

Những tấm ảnh nọ làm Lupino tức điên người, cả Lavater cũng thế. Gã người Anh biết chỗ Horst ở, Lupino và Hazzard đến tìm lão. Hazzard nện lão một trận như tử, nhưng sau đó mới biết lão oan trong vụ này. Muộn mất rồi Horst đã vào bệnh viện. Ốm đòn. Tay Hazzard đúng là quái vật.

Qua hết Geneva. Chúng tôi lao thẳng ra sân bay. Gã Thổ: “Không phải Horst, không phải Yahl, vậy đứa nào?”

Sân bay Cointrin. Flint vắt vẻo xì gà trên mỏ, chờ sẵn cùng máy bay của anh. Anh lo lắng:

— Bắn chết nó rồi à, Franz?

— Không chết ai cả, - gã Thổ nói. - Cất cánh cho được việc.

Máy bay vọt lên.

— Giữa hai cái vỗ âu yếm của Hazzard, lão Horst có tiết lộ đôi điều.

Chúng tôi bay trên không phận nước Pháp.

— Anh biết Maria De Santis chứ? Cô ả không dính dấp tí gì với Yahl hoặc Horst, không phải các lão này thuê, mà một kẻ khác. Đồ rác rưởi đã gửi những tấm ảnh này cho anh. Chính hằn ngay từ đầu đã làm chỉ điểm cho Yahl đồng thời làm cho riêng hằn, chi thêm tiền để tăng gấp bội cực hình mà Horst bắt anh chịu đựng. Horst thú nhận có thuê Marclves theo dõi

anh. Nhưng từ đầu tháng giêng, sau khi con anh mất tích, sự theo dõi ấy đã chấm dứt. Marclves chuyển sang làm cho chủ khác. Tên kia liền nối tiếp việc làm của Horst. Vẫn là nó. Anh biết tôi nói về tên nào không?

— Tên bố dượng vợ tôi.

Paris. Một giờ sáng. Marc Lavater đã gầy hăn đi, gầy tọp, đứng chống nạng đón tôi.

Tôi từ chối không theo anh về Chagny, thành ra lại chính là anh đi theo tôi về St. Tropez. Sức lực anh đã giảm sút, đi lại rất khó khăn, nhưng xem ra anh lại là người sẵn sóc tôi có lẽ anh ngại tôi lại xông vào một trận biệt kích hủy diệt khác, nhằm vào mục tiêu ông bố dượng vợ. Nhưng không.

— Marc, tôi đã một lần ngu. Không thể ngu hai lần. Tôi sẽ có cách khác thanh toán với gia đình bên vợ.

Báo cáo của gã người Anh về người giống hệt Yahl: Một diễn viên già, người Đức, đau tim nặng - đúng như chuẩn đoán của các thầy thuốc tim mạch - ngồi lì trong nơi ẩn dật vàng son này xem phim suốt ngày đêm chờ chết. “Ông Cimbali, sao ông không nói với tôi về cô ả De Santis và những tấm ảnh? Tôi sẽ chứng minh ngay lập tức rằng có hai hoạt động riêng biệt, một cái thuần túy tài chính tuy có kèm theo những thợ ảnh săn đuổi ông, còn cái thứ hai tuy ghép vào cái thứ nhất nhưng thực chất nó độc lập, do tên Jeffries khốn khổ nọ tiến hành”.

“Khốn khổ”, từ này quá nhẹ.

Marc bảo:

— Quên phắt lão đi cho rồi! Anh làm gì được lão? Kiện chẳng? Hay làm gì? Thuê bọn giết mướn chẳng? Thôi đi, anh không phải là Billy kẻ sát nhân!

Tôi chợt nhớ lại câu của Philip Vandenberg, đại ý: Đánh giá con người qua kẻ thù anh ta. Một kẻ thù tầm thường, đốn mạt, thô bỉ, bẩn thỉu như Alec Jeffries không đáng làm tôi tự hào.

Nhưng thật khó cho qua.

Marc tiếp:

— Mẹ kiếp, anh còn phải làm việc khác chứ!

Trước tiên là thằng con. Nhưng làm gì được, chỉ đợi. Với công việc thì không như thế được, tình hình càng ngày càng xấu. Suốt mùa hè ấy, việc thanh lý toàn bộ tài sản của tôi vẫn tiếp tục. Bên Hoa Kỳ, Lupino bán tất cả của cải của tôi khá thuận lợi, thu hồi được bảy triệu đôla. Nhiều hơn tôi mong đợi, ít đến thảm hại so với số tôi cần có. Ở Paris Cannat đã kiếm được người mua lại căn hộ phố Henri Martin có màu sắc nửa Nhật, nửa Normand. Dưới giá tôi mua, chưa kể phí tổn trang trí: Tôi đã bỏ ra ngót bốn triệu franc tất cả, mà thu về có ba. Tất cả các dinh cơ bên Pháp đều phải bán dưới giá vốn.

Tất cả, trừ St. Tropez. Trước kia, tình cờ tôi mua La Capila qua trung gian một đường dây khác, không qua công ty Panama. Điều bí mật này không bị lộ. Sau này dù xảy ra chuyện gì, tôi vẫn có thể giữ nguyên ảo tưởng mình là chủ nhân. Yahl không thể tước đoạt của tôi điều đó, trừ phi lão tìm được cách tố giác tôi trước pháp luật. Biết đâu, lão chẳng đợi đến phút cuối cùng mới nổ vào đầu tôi phát súng kết liễu?

Trong tháng tám, cuộc điều tra của Lupino cho tôi hay Martin Yahl đã xoay sở như thế nào để vạch mặt tôi nguy trang dưới cái vỏ công ty Panama và Curacao.

* Điểm thứ nhất: Tờ biên lai của khách sạn Nassau. Hồi ấy chúng tôi có trọ ở đấy thật, khi lên đường ông bố dượng vợ hào phóng đòi trả tiền trọ. Chuyện lạ chưa từng có làm tôi sững sờ cứng cả người; trước nay tuy rất giàu nhưng lão toàn móc vào tôi mà sống. Thật ra, sự hào hiệp hiếm có này che giấu một cái bẫy: Lão làm giả lệnh chi trả của tôi gửi đến ngân hàng bảo thanh toán. Nhờ tờ lệnh giả, lão nắm được chứng cứ hiển nhiên về mối quan hệ giữa Cimballi với Panama: Tờ biên lai ghi rõ phương thức thanh toán đã áp dụng.

* Điểm thứ hai: Tờ hồi phiếu của trang trại Arizona. Đúng là ngân hàng Nassau có chậm trễ trong việc chi trả hồi phiếu của trang trại cho ngân hàng Phoenix qua trung gian Panama. Đây là yếu tố có thật nhưng đã bị lợi dụng qua việc giả mạo giấy tờ. Khi thư nhắc trả tiền gửi đến trang trại, bố

vợ tôi có mặt ở đó trong khi tôi vắng nhà, hình như lão đã đỡ nhẹ lá thư ấy rồi có thể thuê tên chuyên làm giả giấy tờ viết lá thư tôi gửi cho ngân hàng yêu cầu chấn chỉnh công việc. Sau đó chắc lão im lá thư trả lời của ngân hàng gửi cho tôi vì nếu nhận được tất nhiên tôi sẽ sinh nghi. Bằng chứng thứ hai không thể chối cãi về mối quan hệ giữa tôi với Panama, và sự tồn tại của người tên là Cimbali có tài khoản ở ngân hàng Nassau.

Hình như, có thể, chắc là... những từ đó nói lên rằng trong vụ này tôi không có chứng cứ đích xác, đúng như Lupino nói. Anh ta còn nhận xét:

— Còn lại chuyện chúng đã dùng cách nào để biết mã số cho phép sử dụng tài khoản của anh ở Bahamas.

Đúng. Làm ăn dưới cái vỏ một công ty vô danh giữa thiên đường thuế khóa có nhiều điều lợi nhưng cũng có bất trắc: Nếu chẳng may anh gặp chuyện bất hạnh, tất cả các biện pháp anh đã áp dụng khi còn sống để giấu tên kẻ phản lại anh, nói đúng hơn là phản lại các người thừa kế anh. Để phòng hờ bất trắc này tôi đã cho sao thành ba bản tất cả các giấy chứng nhận quyền sở hữu, các tài khoản gửi ngân hàng theo danh mục để nếu tôi đột ngột biến mất con trai tôi vẫn được quyền thừa kế. Ba bản bỏ trong ba chiếc hòm chỉ được mở ra khi tôi chết, một hòm để ở Lausanne, một ở Geneva và một ở Los Angeles. Và chỉ có ba người được phép mở hòm. Thứ nhất, một người được tôi ủy nhiệm ở California, người thứ hai: Marc Lavater và thứ ba là Catherine.

O.K tôi đã hiểu.

Lệnh ký quỹ bổ sung mua cà phê đưa ra ngày 8 tháng bảy. Sáu triệu đôla, tương ứng với đợt sụt giá mới: Mười phần trăm.

Tôi thanh toán hóa đơn.

Tình cảnh của tôi lúc này rõ ràng là thảm hại: Chỉ còn khả năng đáp ứng được một, hai margin calls nữa thôi, với điều kiện chúng không quá lớn.

“Thế cũng chẳng giải quyết nổi vấn đề của anh“, Marc bảo tôi, anh ta có biệt tài làm nổi bật những điều hiển nhiên: ”Cứ giả dụ anh đáp ứng mọi lệnh bổ sung, đến 18 tháng chín anh vẫn còn phải trả nốt số dư”.

Theo đà này tôi vẫn cứ thiếu đến hai chục triệu nữa. Niềm an ủi mỏng manh: Nếu tính cả mười triệu đang bị giam ở Liechtenstein vẫn chưa đủ.

Từ sau màn kịch Thụy Sĩ thô bạo, tôi chưa rời khỏi St. Tropez. Thời gian qua đi, chữa lành lòng tự ái bị tổn thương, tôi nhớ lại màn kịch đó và khó kìm hãm mình tủm tỉm cười. Nhớ lại bộ mặt cụ diễn viên già hoảng hốt, mãi mới được sắm vai mà lại là một vai ngon lành nhất, được hầu hạ như một vị chủ nhà băng, được ngồi xem phim Cặp Mông Sẻ Rít Ba Lần hoặc Những Con Mèo Cái Lên Cơn. Tôi thấy lại ông cụ đứng bật dậy, lột vội bộ tóc giả và gào: “Tôi không phải Martin Yahl! Đừng bắn!” Một chi tiết nổi bật mà suy cho cùng tôi thấy rất tiêu lâm: “Này Marc, đồ anh biết khi tôi tưởng ông cụ là Yahl và xông tới sau lưng thì cụ đang coi phim gì?” - “Không biết” - “Zorro trở về?” - “Phim Bé Cái Nhầm của Jean Renoir”.

Tôi vẫn thường xuyên theo dõi việc tìm kiếm Marc Andrea qua gã người Anh. Thịnh thoảng mới rời St. Tropez chốc lát, nhằm mục đích duy nhất: Kiếm chỗ vay tiền để đến 18 tháng chín thực hiện được cam kết. Chẳng ăn thua gì; có muốn vay tiền mua chiếc tủ lạnh cũng không ai cho. Tuy nhiên cũng có nhúc nhích, như rắn bò.

Đầu tháng tám, tên khốn kiếp Philip Vandenberg lâu nay đã chịu hạ mình quan tâm đến số phận tôi, gọi điện. Sau nhiều cuộc thương lượng gay go với bọn Texas, anh đã thuyết phục chúng mua lại các cổ phiếu Safari của tôi. Chỉ riêng thấy công trình tôi đã từng một mình ấp ủ nay bỗng vĩnh viễn tuột khỏi tay, tôi đã thấy lòng đau như xé. Đã thế, tuy Vandenberg là người có thừa tự tin để mang đi bán dạo, cũng ngập ngừng khi nói giá tiền bọn Dallas trả.

— Bốn triệu rưỡi đôla.

Sáng kiến là của tôi, lại còn bỏ vào đó hơn tám triệu đôla. Thật phát khóc lên được. Vandenberg bằng giọng lạnh băng:

— Ngã giá dứt khoát rồi đấy, tùy anh quyết định. Hạn trong bốn tám tiếng.

Hôm nay mừng 2 tháng tám, còn bốn mươi bảy ngày đến hạn hợp đồng cà phê.

— Bao giờ ký?

— Ngày mai nếu anh đến được New York.

Tôi sẽ đến. Tôi báo tin cho Marc, giữ chỗ trong chuyến bay New York, tôi sẽ qua Nice đi Paris để lên máy bay. Còn được năm sáu tiếng nữa, khoảng thời gian khá ngắn ngủi. Nhưng cũng đủ chứa đựng hai sự kiện cơ bản bật ra từ vòng quay tàn nhẫn của định mệnh, làm người ta thường nói “họa vô đơn chí”.

Trước hết là cú điện thoại của Rosen. Rosen nhận tin từ một thông tin viên của anh ở London: Trên thị trường vừa xuất hiện trở lại một khối lượng cà phê khổng lồ của Uganda. Người ta cứ tưởng số cà phê dơ bị kẹt đến muôn đời trong đất nước đang có nội chiến và rối loạn, vậy mà bỗng nhiên nó xuất hiện.

— Franz, có kẻ - chắc là lão bạn Yahl của anh - đã chi tiền thuê hẳn một đội quân viễn chinh thực thụ để chở bằng xe lửa đến Mombasa. Không phải do số lượng cà phê này được tuồn vào thị trường làm các tay đầu cơ rung động, mà do nguyên tắc của sự tái xuất hiện đó. Các cha biết đòn đã giáng xuống. Họ tìm chỗ ẩn nấp.

— Và tất nhiên cà phê sụt giá.

Sụt kinh khủng. Ngay ngày mai các nhà môi giới sẽ đòi anh ký quỹ bổ sung.

— Ước tính?

— Hai chục phần trăm. Franz ạ, tôi rất ngao ngán. Mười hai triệu đôla!

Tôi cũng vô cùng ngao ngán. Cảm thấy bị một cú trời giáng vào giữa dạ dày. Tính cả bốn triệu rưỡi sắp nhận của bọn Texas, ngày mai tôi có chưa đến mười lăm triệu đôla. Ngày kết thúc đã gần.

Tôi gác máy và bỗng thấy (Marc đã đưa anh ta vào ngồi đợi ở phòng khách trong lúc tôi đang nói điện thoại) trước mặt tôi một người chưa hề gặp. Đó là một luật sư Paris, anh ta thân chinh làm cuộc hành trình xa xôi để báo tin cho tôi: Catherine đòi ly hôn. Còn hơn thế: Cô bắt buộc phải ly hôn và giải quyết thật nhanh, với lí do: “Cách xử sự đáng sỉ nhục của tôi đối với cô Maria De Santis”.

6

Tôi giải quyết các việc gấp gáp trước. Đi New York gặp các nhà kinh doanh Texas, ký các giấy tờ hủy bỏ mọi quyền lợi ở Safari và tiện đường nộp luôn khoản bổ sung mười hai triệu.

Sau đó tôi trở về Pháp. Mất trọn một tuần ôm điện thoại, hết dọa dẫm đến van nài, biện bạch, cuối cùng cũng gặp được mẹ Catherine qua dây nói. Bà bảo:

— Anh mất thì giờ vô ích. Nó không còn ở Paris.

Sau này tình cờ tôi được biết lúc đó cô ấy ở bên Anh, trên vùng đất của tổ tiên Jeffries.

— Và nó sẽ ở nước Pháp, cần bao nhiêu lâu bấy nhiêu.

Nghĩa là trong thời gian chưa xong thủ tục li dị. Tôi cố hết sức giữ giọng bình tĩnh:

— Cô ấy chẳng buồn ngó ngang gì đến cháu bé.

Im lặng.

— Anh Franz, liệu anh có thoát khỏi tình thế này được không? Tình thế về tài chính ấy.

— Có.

— Bất chấp Martin Yahl?

... Đôi lúc tôi quên bằng lão ta là anh em con chú con bác với bà này.

— Bất chấp.

Một lát. Bà ta tiếp:

— Điều kỳ lạ là ở chỗ anh có thể thoát ra được. Chúc anh thành công, Franz, lời chúc thành thực của tôi.

Mắt tôi rưng rưng:

— Tôi tin bà.

Đến lúc ấy tôi mới nói rõ vụ De Santis chỉ là mưu mô thâm độc của chồng bà; nói về Marclves; về chuyện hăn được Jeffries thuê bám đuôi tôi

sau khi Horst buông ra, nói kỹ nhất về hai tập ảnh, tập thứ hai còn bị ố hơn, mỗi lần nhớ đến là mỗi lần tôi tức điên lên.

— Chính ông ấy, chỉ một mình ông ấy đã gửi những tấm ảnh các cháu bé đến chỗ tôi...

Tôi có chứng cứ gì?

Không.

Im lặng. Tôi tiếp:

— Và chỉ có thế thôi?

— Tôi không hiểu.

— Bà rất hiểu tôi...Ôi, lạy Chúa, tôi cứ tưởng hồi trước bà đã từng có đôi chút thiện cảm với tôi!

Im lặng rất lâu, tôi có thể nghĩ rằng bà đã gác máy. Nhưng thoáng nghe hơi thở dồn dập và nghe giọng nói của bà, tôi đoán biết có lẽ bà còn xúc động hơn tôi.

— Franz, anh thử đứng vào địa vị tôi xem. Liệu tôi có thể tin anh, coi tất cả các điều anh nói là đúng cả? Trong trường hợp ấy...

Im lặng một lát.

— Một lối thoát khác, Franz, là cố lật sang trang tất cả các chuyện ghê tởm ấy. Tôi không muốn cuộc sống hiện tại của tôi tan vỡ. Không thể đặt ra vấn đề đó. Ai dám tự cho phép mình phán xét và trừng phạt? Từ nay trở về sau, tôi chỉ còn biết chăm lo cho hạnh phúc của con gái tôi. Tôi thành thực cho rằng giải pháp tốt nhất cho Catherine và cả cho anh nữa là hai người vĩnh viễn xa nhau.

Giọng bà bình tĩnh lại:

— Và cũng tin rằng vụ Santis quả thật không đáng đếm xỉa. Tôi sẽ dặn Catherine và các luật sư của nó. Sẽ làm sao cho vụ li dị không ồn ào và xong thật nhanh.

— Tôi sẽ làm tất cả những điều bà muốn, nhưng tôi phải giữ lại cháu bé.

— Anh điên sao, Franz? Còn hy vọng gì nữa!

— Tôi vẫn hy vọng. Hãy thỏa thuận với tôi điểm ấy, và mọi việc sẽ được giải quyết rất nhanh.

Chẳng còn gì hơn nữa để đóng chương này lại.

Tôi lờng lên suốt tháng tám.

Ngoài dinh cơ St. Tropez tôi vẫn hy vọng cứu được, ngoài hòn đảo Maria Cay, tôi bán sạch sành sanh tất cả mọi thứ có thể bán, giống hết viên thuyền trưởng của Jules Verne đốt tàu mình để mong tiếp tục tiến lên.

Tôi bồn chồn luôn tay tính toán không biết mệt là gì, đến mức thành thật sánh các con tính, nhưng lần nào cũng chỉ tìm ra những con số y hệt: Đến giữa tháng tám này tôi chỉ còn hai triệu rưỡi đôla. Thật là ngàn cân treo sợi tóc. Nếu lệnh bổ sung ngày 5 tháng chín mà lại giáng xuống trong thời gian từ 2 đến 30 tháng tám này, chắc tôi đã nổ tung thành mây khói. Vì lệnh đó bắt nộp sáu triệu, mà tôi chỉ có chưa được một nửa, dứt khoát không phép nào thanh toán nổi, dù bán tổng bán tháo được cả St. Tropez và hòn đảo.

Lại nữa, vẫn còn ngày 18 tháng chín đáo hạn hợp đồng. Thật vậy, chỉ còn suýt soát một tí tẹo nữa là... Nhưng sở dĩ tôi còn dấy dựa được trước khi chìm ngấm là nhờ cô Ute Jenssen ra tay, ngày 29 tháng tám. Từ London cô gọi điện báo tin sẽ tới St. Tropez đúng lúc tôi vừa trải qua bốn ngày buồn ở New York trở về. Cô xuống sân bay nhỏ La Môle, tất cả áo xiêm chỉ vền vện có chiếc xà lỏn kiểu Tahiti từ núm vú thả xuống và dừng cuộc chạy thác loạn của nó ở cặp mông. Mỗi lần ánh nắng rọi từ phía sau là mỗi lần tiết lộ: Cô không mặc quần lót. Thật quá quắt.

— Anh chả đã nói là ở St. Tropez người ta không mặc quần áo là gì?

— Không đến mức như em.

Cô ôm hôn tôi, hôn Marc, rồi hôn viên sen đầm đi ngang qua.

— Đến đâu rồi, Franzy?

— Có thể còn xấu hơn. Đã thế anh còn sắp đau răng nữa.

— Con?

— Chẳng có tin.

— Vẫn chưa kiếm được tiền?

— Chưa.

Ngoài chiếc xà lỏn, hành trang của cô cũng vồn vện có cái túi du lịch da cá sấu. Cô mở ra, lấy ống dầu tắm nắng, chiếc xà lỏn thay thế, chiếc slip

tắm to vừa bằng con át chuẩn và tắm séc bốn triệu đôla.

— Em có thể báo cho anh qua điện thoại. Nhưng muốn tự mình mang đến. Gã ngoại kiều giàu sụ lai lịch bất minh đã gây rồi, anh hiểu chứ? Bọn Thổ trông thế nhưng không vững chắc. Nói vắn tắt: Em đã thuyết phục hẳn nhận lời đề nghị của anh: Mua lại các cổ phần của anh ở Safari. Cả hai người đập ống đẽ dành, kết quả đây: Bốn triệu. Quả tình không thể làm hơn.

Cô mỉm cười. Tôi bảo:

— Anh yêu em.

Cô gật đầu, bỗng dừng xúc động:

— Em đáng được thế, anh nhỉ! Chưa hết đâu nhé. Có thể em ngốc nghếch thật, theo nhận xét của gã Thổ, nhưng em không ưng việc anh cố ý rút ra khỏi một áp phe ngon lành và sẽ càng ngày càng ngon tuy hiện giờ ta đang khốn đốn với nó vì đủ thứ. Áp phe này có được là công anh. Papa em rất công phần về ý định của anh. Ông có một sáng kiến. Anh biết thế nào là bán đợ chứ?

“Eureka!”

Bây giờ tôi vẫn thấy lại mình ngồi trên sân thượng ngay rìa bãi biển Pampelonne rải nắng, ký các giấy tờ sẽ mang đến cho tôi bốn triệu đôla, tuy đang gặp nguy cơ mất Quần Vợt Trên Trời sau khi đã mất Safari, nhưng không vì thế mà gục đổ. Trái lại. Tôi thấy mình lúc đó như đang nhảy múa...

... Vì lúc đó, tôi tin chắc đã tìm ra cách khóa mõm các tay môi giới London và New York đang định cắt chỏm đầu tôi, và nhất là cách phá vỡ chiếc bẫy do Martin Yahl dày công lắp đặt.

Bán đợ.

Cimballi chưa chết được!

Ngày 2 tháng chín, hết thời hạn mười ngày, tôi ở San Francisco, có Li và Liu trước mặt đang buồn bã lắc đầu.

— Đáng lẽ anh đừng cắt công đến tận đây. Chúng tôi chẳng làm gì được, đã nói với anh như thế rồi. Mà anh cần bao nhiêu? 20 triệu?

Lúc đang ngồi trên máy bay tôi đã tính toán đến lần thứ năm trăm sáu mươi bảy.

— Có lẽ 25 triệu. Chắc chắn là 25.

Họ càng lắc đầu quầy quậy: “Những 25 triệu! Franz ơi, anh điên rồi, mê sảng rồi”. Vào một lúc bình thường khác, vốn liếng chưa bị kẹt trong các khoản đầu tư, họ cũng chẳng chịu nữa là lúc này. “Chúng tôi yêu anh vô cùng nhưng không đến mức 25 triệu đôla”. Và cũng chẳng có ngân hàng nào chịu cho tôi vay.

Tôi hỏi họ câu Ute đã hỏi tôi:

“Các cậu có biết bán đợ là thế nào không?”

Họ biết. Mọi người đều biết. Tại sao tôi không sớm nghĩ ra nó? Bán đợ là bán kèm theo một điều khoản rất đặc biệt, quy định người bán giữ quyền chuộc lại thứ mình đã bán sau một thời hạn do hai bên thỏa thuận. Với điều kiện phải hoàn lại khi đến hạn, không những số tiền mua, mà cả tiền lãi - có thể rất cao - và các phí tổn khác.

Tôi có gì đáng giá 25 triệu đôla cộng thêm lãi và các khoản phụ phí?
Đáp: Cà phê của tôi.

Nếu thỏa thuận được vụ bán đợ này, tôi sẽ có tiền trả giá đến hạt cà phê cuối cùng. Tôi mua mất 60 triệu. Rồi đẩy đi ngay, cho dù bị sụt giá nó chỉ còn được có 35 hoặc 40 triệu, tôi vẫn có đủ tiền trả cho người mua đợ của tôi.

Li và Liu nhìn tôi thương hại.

“Ông lớn Cimbali Bé con lanh ma piển thành dờ hơi lồi. Cà phê mất giá hằng ngày”.

— Biết rồi. Nói tóm tắt thế này: Tôi mua 180 và 190 một livre, bình quân 185. Theo đà này sẽ chỉ được 140 hoặc 130 trong mười lăm ngày nữa, khi đến hạn hợp đồng. Đúng. Cứ cho là 130. Bỏ ra 60 triệu mua cà phê với giá trung bình 185 livre, vậy là tôi đã mua 14.752 tấn. Đúng không.

— Như anh nói.

— Dù chỉ còn 130 xu một livre, 14.752 tấn vẫn đáng tiền đấy chứ? Khỏi cần tiền, tôi đã tính rồi: Biết rằng mỗi tấn có 2.200 livre (trừ trường hợp họ ăn gian), 14.752 tấn thành 32.454.400 livre. Nhân với 130 là 42.190.720 đôla.

Im lặng. Tôi tiếp: “Đây là lấy số tròn. Trong thực tế thiếu 67 xu”.

Ưu điểm của Li và Liu, hoặc ít nhất cũng là đặc điểm của họ: Khi đã gần dở đến một mức nào đó thì dù tình thế có nghiêm trọng đến mấy họ cũng cứ bò ra mà cười.

Họ cười bò ra thật.

— Chắc hẳn anh trông mong vào chúng tôi tìm giúp một vị chủ ngân hàng hoặc bất cứ vị nào chịu mua đợ với giá 25 triệu đôla số cà phê nặng... anh vừa nói bao nhiêu tấn?

— 14.752.

— 14.752 tấn theo thời giá, nó đáng 42 triệu, chưa kể giá còn tụt nữa. Anh nhờ chúng tôi thật à?

Không phải chỉ nhờ có họ: Tôi đã lí sự như vậy với Marc Lavater, với Cannat, với gã Thổ và Ute, với Lupino, Rosen và Vandenberg, với Paul Hazzard, Thibodeaux, với Letta, với hàng chục bạn bè làm ăn trong ngành tài chính thuộc nhiều quốc tịch, kể cả với Hyatt ở Hong Kong, biết đâu đấy! Không phải chỉ trông cậy vào Li và Liu thôi, nhưng lộ ra với họ làm họ phật ý thì có ích gì?

— Ngày đáo hạn hợp đồng là ngày 18 tháng chín tới?

— Phải.

— Thời hạn bán đợ là bao lâu?

— Một năm. Đến 18 tháng chín sang năm.

— Từ nay đến đấy cà phê còn mất giá nữa.

— Và tôi sẽ mắc chứng sốt vàng da. Bị rồi đây này, vì phải nhìn các cậu. Mẹ kiếp, cà phê của mình đã tụt xuống 42 triệu rồi! Mà còn thụt nữa à?

Li và Liu thôi cười.

— Anh Franz, anh điên gần thật đấy. Anh có thấy hết hiểm họa không? Giả dụ chúng tôi kiếm ra được một tên - giả dụ thôi nhé - anh sẽ phải trả

cho hắn ít ra 30 triệu đôla, vì nó sẽ chịt cổ anh bằng lãi suất. Trả sau một năm hoặc sớm hơn nếu có rút ngắn thời hạn. Nếu không trả được, tất cả cà phê của anh sẽ sang tay hắn. Và lúc ấy anh muốn pha một tách cũng chẳng còn.

— Nhưng mình được một năm. Kiểm giúp chứ?

— Để thử xem cho vài ngày.

— Mình còn 16 ngày. Có lẽ không đến.

Từ San Francisco đi New York. Vào đầu giờ ngày 3 gặp Rosen.

“Franz rất tiếc báo cho anh toàn những tin chẳng ra gì”. Một: Anh đã đi một vòng gặp tất cả các nhà kinh doanh tài chính có thể mua cà phê, nhưng vô ích. Hai: Bốn tám giờ nữa tức ngày 5 tháng chín, tôi sẽ phải nộp bổ sung lần thứ sáu với số tiền sáu triệu đôla.

Tính gộp tất cả, số tiền ký quỹ mua cà phê đã lên tới 36.350.000 đôla. Thêm khoản này vào, thành 43.350.000 đôla. Trừ đi 60 còn 17.650.000 đôla.

Tôi giải quyết khoản bổ sung ngày 5 bằng bốn triệu của Ute. Tối hôm đó, các tính toán đơn sơ theo thông lệ cho biết tôi chỉ còn có 600.000 đôla và vài đồng lẻ.

Từ lúc ấy tôi chỉ còn biết chờ đợi. Nhiều ngày lần lượt trôi qua theo nhịp đập của các cú điện thoại gọi về phòng tôi trong khách sạn Pierre, nghiền vụn dần mỗi hy vọng cuối cùng vừa xây dựng nên: Không ai buồn ngó đến khoản bán nợ của tôi. Những người tôi tin cậy hơn cả, Li và Liu, cũng từ Tokyo gọi về ngày 9 tháng chín.

— Không cựa được, Franz. Và tình hình này là không bình thường. Chắc chắn ông bạn Yahl của anh đang giật dây tất cả các chỗ quen biết của lão. Bây giờ mới hiểu bọn Texas lại chơi khăm như thế. Bọn chúng ngoặt với nhau cả đám. Lão Yahl có rất nhiều bạn bè bên Nam Mỹ...

Sarah chọn đúng lúc này để xuất hiện. Cô gọi tôi từ Montego bên Jamaica, trong khách sạn do cô điều hành:

— Nhiều chuyện đau đầu phải không Franz?

— Khá!

— Rồi sẽ qua, em tin ở anh. Anh vượt qua được những cái không ai vượt nổi. Đến với em nhé. Khi xong việc.

— Ủ, sau đây.

Đó là mừng 10 tháng chín. Ngày 11, người mà tôi tin tưởng hơn tất cả (giám đốc một ngân hàng Pháp, bạn thân giao của Marc Lavater) cũng tuyên bố chịu phép sau một thời gian lưỡng lự khá lâu. Marc bình luận “Anh ấy bị sức ép kinh khủng của cả bọn Thụy Sĩ lẫn bọn Đức. Và của nhà ngân hàng tư nhân đang cai quản nhóm cạnh tranh áp phe Quần Vợt và đầu cơ lớn vào giá cà phê giảm”.

Lại ba ngày nữa trôi qua. Tôi không rời khỏi chỗ, ít ra là theo nghĩa bóng, thực tế tôi không rời khỏi khách sạn. Đợi điều gì, không rõ. Nhưng vẫn cứ hy vọng sẽ xảy ra điều gì đó.

Trong khi hai phó nhòm tay sai của Yates vẫn lì lợm đứng rình ở cổng khách sạn, hẳn là để chụp được giây phút cuối cùng của cuộc hành trình.

Ngày 14, mừng hụt: Xuýt nữa Vandenberg móc được một chủ ngân hàng ở Boston, chú anh ta. Đến phút chót ông chú đuổi ra, “sau cú điện thoại của ngân hàng phố Fulton mà hồi trước ông là thân chủ, thừa ông Cimballi”. Philip Vandenberg còn đến tận nơi gặp tôi để lý giải nguyên nhân thất bại. Anh lạnh lùng nhìn tôi nói: “Rất tiếc. Thực lòng tiếc. Tôi đã làm hết sức mình. Rất muốn giúp anh. Dù sao cuộc chiến đấu của anh cũng rất ngoạn mục”. Anh ta bỏ về, mấy câu vừa rồi chứng tỏ anh ta có lẽ còn đôi chút tình người, nó bốc tinh thần tôi lên tận mây xanh. Hẳn là tôi đã suy sụp thảm hại nên anh ta mới thương xót tôi như vậy.

Ngày 16, tôi biết thế là hết. Gọi mãi cho gã người Anh ở Los Angeles để báo tin từ nay không có tiền trả anh ta nữa, nhưng không gặp. Tôi rời khách sạn, tản bộ trong Công Viên Trung Tâm. Còn nhớ: Tôi đã đi đến gần mép hồ, quanh quần gần vòi nước phun Bethesda Fountain, lắng tai mà không nghe tiếng ba bốn nhạc công đang gảy ghita giữa khói cần sa mù mịt.

Khoảng bốn giờ chiều, quay về khách sạn.

— Có điện thoại, ông Cimballi. Người gọi vẫn cầm máy.

— Chuyển vào phòng tôi.

Giọng the thé chói tai:

“Các Con Chờ Táng Kín muốn lời với Ông lớn Cimballi Pé con lanh ma...”.

Tôi hiểu ngay. Một luồng khoái cảm vô biên xuyên qua người tôi như điện giật. Hai anh hề không bụng dạ nào đùa dai trong hoàn cảnh của tôi lúc này...

Tuy rằng...

— Ngổ Tàu Mực Nát phải không?

— Ông bạn sẽ lột da đít đây, nhưng xong rồi. Sáng mai có tiền, mười tám triệu.

Không nhớ tôi có cảm ơn họ không. Tôi gào lên, nhảy cồm lên. Chạy vào phòng tắm, chiêm ngưỡng mặt mình trong gương và tặng nhiều cái hôn thật kêu cho tên ngu xuẩn Cimballi đang hề hả nhìn tôi.

Không còn nhiều thì giờ nữa. Ngân hàng nhận vụ bán nợ của tôi là một ngân hàng Tàu, không phải Tàu Hong Kong mà Tàu dân chủ nhân dân, thứ thiệt, có trụ sở ở Hong Kong; có lẽ vì thế nên nó mới dừng dừng trước sức ép của bọn Yahl. Xế trưa 17, tôi đến Hong Kong, ký các giấy tờ chuyển giao rồi biến ngay.

Một chi tiết quan trọng: Tuy là một nhà thương thuyết có tài nhưng tôi cũng chịu bất lực, thời hạn được thỏa thuận không đến một năm, tức đến ngày 18 tháng chín sang năm mà chỉ được đến 30 tháng sáu. Nhưng tôi đâu có quyền chọn lựa?

Tình mớ ngày 18 tôi trở về đến New York. Đợi ngân hàng mở cửa, tôi vào nhà băng Manhattan lấy tờ cam đoan chuyển giao tiền cho tôi - thực tế là cho các nhà môi giới trước mười hai giờ trưa. Hai tiếng sau, trên máy

bay của Flint (anh phải bỏ tiền túi mua xăng) tôi bay đi Bahamas và đảo Maria Cay.

Còn xa - trong trường hợp này phải tính bằng năm ánh sáng - tôi mới giải quyết hết mọi việc. Nhưng dù sao tôi cũng đã có dịp hết sức khoái chí; ngoài việc được người ta ban cho một thời hạn đặc ân, còn được ngắm vẻ mặt của bộ ba Lupino, Rosen và Vandenberg khi tôi cho biết dự định sắp tới. Cả ba giờ hết tay lên trời: Định làm thật à?

— Có luật lệ nào cấm không?

— Nhưng có đời thưở nhà ai lại làm thế! Nhận hàng bằng hiện vật trong trường hợp này!

Tôi đáp:

— Mẹ kiếp, số cà phê dĩ rạc này của ai mới được chứ? Không phải của tôi sao? VẬY, tôi muốn nắm nó trong tay. Cầm tiền của tôi rồi, phải giao hàng cho tôi!

Ý định của tôi thực quả là như thế: Chất đồng các bao cà phê khốn kiếp đó lên từng mét vuông hòn đảo của tôi. Dù có phải chồng chất lên nhiều tầng, nhiều lớp, tăng gấp đôi gấp ba độ cao của hòn đảo, gây trở ngại cho giao thông đường hàng không cũng cứ làm.

Tôi chưa thể hình dung số mười bốn nghìn bảy trăm năm mươi hai tấn cà phê sẽ chứa trong từng nào bao. Nhưng chắc sẽ được biết ngay không lâu.

Và vì phải ngồi đếm, tôi sẽ tỉnh táo hết buồn ngủ.

Thế đấy! Công việc đâu có đơn giản, chẳng mấy chốc tôi đã thấy rõ cái mà Li và Liu, Lavater, Lupino, và Vandenberg đồng thanh gọi là ý nghĩ điên rồ của tôi nó điên đến mức nào.

Xế chiều ngày 18 tháng chín, thủy phi cơ do Flint lái đã xuống biển gần Maria Cay. Chưa đến một tiếng sau, Flint và tôi đã đứng trên cầu tàu xây giữa vùng nước sâu để những người Anh ở trên đảo trước tôi buộc du thuyền, tránh vùng biển cạn đáy san hô bên bờ phía Tây.

Tôi đi ra đầu cầu cúi xuống nhìn. Thật chóng mặt, dường như Đại Tây Dương không còn đấy, nó đã rút hết đi, tôi như đứng bên bờ một vực thẳm khổng lồ vách thẳng đứng sâu đến năm kilômètres. Trên tôi đã nói: Đặc điểm chính của đảo là vị trí địa lý đặc biệt của nó, nó tựa chiếc ban công to rộng ở phía Đông, phía sau là biển Caraibe tương đối nông và thân thiện hơn. Tôi hỏi Flint:

— Theo anh tàu hàng cập bến đây được chứ?

Anh ta đáp: Anh lái máy bay, không phải thủy thủ. Nhưng vì tôi hỏi, anh trả lời: Theo anh thì được. Thế là đã có hai người nghĩ giống nhau, bao giờ cũng thế. Flint bật cười, đưa tay chỉ túp lều ván đã rã rời, công trình xây cất duy nhất trông thấy trên bờ cát sỏi. Giữa hai tiếng nắc:

— Dù sao, anh không thể chứa mười lăm ngàn tấn cà phê trong kia.

Thật ngộ.

Chúng tôi nghỉ đêm trong ngôi nhà cổ của người Anh hưu trí. Các việc tu sửa tôi yêu cầu trong lần đến đây chín tháng trước, vào ngày 15 tháng chạp, đã hoàn tất. Máy phát điện khởi động ngay khi mới quay một phần tư vòng, bốn căn phòng hầu như đã sẵn sàng tiếp nhận người vào ở, mọi chỗ đều được lau rửa - nhìn qua cũng thấy vừa mới dọn dẹp chưa lâu, nhất là hành lang chữ u mệnh mông dài bốn mươi rộng sáu mét, chi chút những chiếc lồng không lắp cửa có hàng trăm con chim tự do ra vào. Cái lùm cây

lần trước tôi đến còn phủ gần kín ngôi nhà nay đã tĩa bớt vừa đủ. Flint không ngớt ngạc nhiên, không ngờ lại tươi đẹp đến thế!

Hôm sau, ngày 19, tôi tới New Orleans sau chặng dừng ở Nassau. Gọi điện về New York, nhận tin mọi công việc đều trôi chảy: Rosen đã làm mọi việc cần thiết, đã thanh toán đúng hẹn số tiền mười bảy triệu sáu trăm năm chục ngàn đôla; còn lại, cộng cả tiền của ngân hàng Tàu và vốn vừa tròn một triệu đôla. “Anh vẫn đòi nhận cà phê sao?” - “Hơn bao giờ hết”. Gặp Thibodeaux ở New Orleans. Ông và đàn con trai đông như kiến giúp tôi đắc lực không thể tưởng tượng được, trong thành phố quê hương của họ. Vì tôi phải chạy thi với đồng hồ. Cần phải trong thời gian kỉ lục, trước hết sát định bờ phía đông Maria Cay thực sự dốc đứng, tiếp nhận được tàu trọng tải trung bình cho cầu tàu. Làm xong việc này ngày hai mươi mốt do một chuyên viên hàng hải đáp máy bay của Flint thực hiện. Sau đó phải tu sửa cầu tàu, kéo dài thêm ra, tìm kiếm và mua vật liệu xây kho, thuê thợ đến xây, tuyển thợ bốc xếp có đủ thiết bị thích hợp, sau hết là thuê nửa tá bảo vệ, xây nhà cho họ ở.

Diện tích Maria Cay khoảng hơn mười hai kilomètres vuông. Tôi đã hỏi kĩ (Thật đúng lúc!) về các điều kiện bảo quản cà phê đóng bao, nguyên vẹn như khi các nhà sản xuất giao hàng. Tin mừng! Không cần có những điều kiện đặc biệt về nhiệt độ, độ ẩm và các yếu tố khác, tóm lại, rất là đơn giản: Chỉ cần xếp các bao trên sàn gỗ thưa không cho chạm đất, lợp mái che cho nó. Tường không cần xây. Cà phê tử tế quá! May mà tôi không đầu cơ được. Vậy là nhờ có Thibodeaux và các cậu con, được cuộc phiêu lưu điên rồ này làm cho hết sức thích thú, nên mọi việc đều thực hiện nhanh như chớp. Ngày 24 tháng chín những người thợ đầu tiên đặt chân lên Maria Cay, ngày 26 mọc lên bãi kho lợp mái đầu tiên dựng bằng vì kèo sắt; ngày 23 bắt đầu khởi công cầu tàu; ngày 30 thợ bốc xếp tới; chuyển tàu đầu tiên chở cà phê hiện ra ngày 31 tháng mười. Sau đó việc bốc dỡ hàng tiến hành đều đặn. Đến 11 tháng mười một, xong toàn bộ. Mới ít lâu trước đây tôi đã tự hỏi không biết 14.752 tấn cà phê đựng trong từng nào bao, lúc này tôi đã biết câu trả lời: 324.324.

Dĩ nhiên, cảnh tôi tự ngắm mình và chúng tôi - tức là tôi với núi cà phê của tôi ngắm nhau trên hòn đảo nhỏ hiu quạnh ở tận cuối dãy Bahamas và cảnh không đến nỗi buồn. Không ít người còn bỏ công đi tới đây chỉ cốt để tận mắt trông thấy cảnh này và ôm bụng cười thoải mái. Ví dụ các tay phóng viên, họ không bỏ lỡ thời cơ, trong hai tháng đầu không tuần nào không phải tiếp một toán. Đúng là không buồn, nhưng khi những phút vui cười qua đi, tôi buộc phải quay về với thực tế tàn nhẫn.

Xin nói rõ. Nếu là một tay đầu cơ bình thường trong một hoàn cảnh bình thường, đến ngày 18 tháng chín tới tôi sẽ làm gì khi buộc phải trả 60 triệu một lượng cà phê lúc đó trị giá có 36 triệu vì bị sụt giá ghê gớm? Và đã thực chi tổng cộng 42.350.000 đôla không kể các khoản hoa hồng, phụ phí?

Câu trả lời rất rõ (về nguyên tắc). Ngay hôm ấy, vào cùng giờ ấy, tôi bán 15.000 tấn cà phê lấy 36 triệu (không đến, nếu trừ các hoa hồng, phụ phí) và với 36 triệu đó tôi thanh toán nốt 17.650.000 đôla (hơn thế, vì vẫn phải nộp các khoản hoa hồng, phụ phí vào) còn thiếu để chính thức là sở hữu của số cà phê trên. Có thể cho là việc được quyền bán lại món hàng mình chưa mua xong hẳn là chuyện lỗ lã quá đáng, nhưng thực tế nó như thế. Các tờ giấy tờ của ngân hàng và thông lệ cho phép được làm thứ xiếc nhào lộn này.

Hoàn tất mọi việc, đến tối 18 tôi sẽ còn lại trong tay 6.350.000 đôla. Cái tát đau điếng nhất trong suốt cuộc đời, vì riêng về khoản cà phê tôi đã mất đứt chừng 36 triệu đôla, tức 16 tỉ 200 triệu xu Pháp. Thêm vào đấy còn mất hết quyền lợi trong Safari và Quần Vợt. Và phải bán chạy, chịu lỗ to, tất cả các bất động sản. Được cái là chưa đến nỗi khánh kiệt.

Nhưng không một lúc nào tôi dự tính đến giải pháp đó. Nó sẽ có nghĩa là thắng lợi hoàn toàn của Mactin Yahl. Không thể chấp nhận được. Đối với tôi, vốn không phải là tay đầu cơ bình thường, và đang giao tranh trong một trận chiến không phải chỉ đơn thuần tài chính. Gã Thổ rất có lý khi nói: Không được kinh doanh tài chính với những tình cảm trong lòng, dù tốt hay xấu. Nhưng địch thủ của tôi là Yahl, địch thủ của lão là tôi, nên chúng tôi đều kinh doanh tài chính với những động cơ tình cảm. Với lòng thù hận.

Đáng lẽ tôi đã nổ tung từ ngày 5 tháng chín khi có lệnh bổ sung thứ sáu. Sự tiếp tay kỳ diệu của Ute đã cứu tôi đúng vào giây phút lâm chung. Phép lạ này khiến tôi tin chắc định mệnh đứng về trận tuyến của tôi. Nếu tôi đã quyết định không đẩy cà phê đi, mà mua thực sự bằng hiện vật, bất chấp những rủi ro khủng khiếp nhất. Và vì không vay được tiền do bị lão Yahl khôn ngoan chặn trước, tôi đã dùng miếng đỡ liều mạng: Bán đợ. Chỉ để tranh thủ thời gian.

Bây giờ, sự thật đang lộ rõ: Hậu quả của đòn đỡ này thật nguy hại. Vì số cà phê tôi vẫn coi là cà phê của tôi, đang chứa trong kho trên hòn đảo của tôi, không thực sự là của tôi, mà chỉ trên lý thuyết thôi. Trong thực tế nó đã gần thuộc quyền sở hữu của ngân hàng Trung Quốc ở Hong Kong, đã trả giá 18 triệu đôla. Có thể nói, họ tạm thời giao nó cho tôi bảo quản (phí tổn do tôi chịu) và nếu đến 30 tháng sáu sang năm tôi không thanh toán được 18 triệu cộng thêm 5 triệu lãi thành ngót nghét 23 triệu, tôi sẽ đi đút.

Moi ra 23 triệu ở chỗ quái quỷ nào? không thể có, tôi biết rõ. Bọn Tàu cũng không lầm. Tuy người gác kho Maria Cay là người của tôi, nhưng đó chỉ là cách đề phòng vô ích. Ngay đầu tháng mười, Hong Kong đã cho biết họ sẽ cử người của họ đến canh giữ. Ý hằn họ sợ tôi lợi dụng đêm tối linh mất, cắp theo 15.000 tấn cà phê dưới nách.

Chưa hết: Các phí tổn tu sửa bến cảng, bãi kho, nhà ở, công thợ, công bốc xếp, thuê thiết bị, thuê tàu hàng bỏ đường hàng hải thông thường để chở cà phê đến đảo, cộng với phí bảo hiểm (do hợp đồng bán đợ quy định) tất cả các khoản đó đã móc hết mắt tôi. Đã vậy, sau khi nhập kho, các phí tổn bảo quản cứ tiếp tục nối đuôi nhau tháng này qua tháng khác, ngày càng tăng cao không có cách gì hãm nổi.

Ngày 15 tháng mười một, thấy trong quỹ chỉ còn vài chục ngàn, tôi cố uốn lười thuyết phục Li và Liu hãy vì tình bạn và nhất là để trả công mấy sáng kiến tôi đã mớm cho họ trong vụ đồ chơi mà cho tôi vay một triệu. Họ đồng ý, lấy lãi mười lăm phần trăm. Không ai kinh doanh tài chính với tình cảm.

Nhưng vẫn chưa đủ. Đến nỗi vào khoảng 25 tháng mười một, tôi đành chấp nhận nỗi đau xé lòng cuối cùng: Bảo Cannat rao bán dinh cơ St.

Tropez. Cannat báo cho Marc Lavater, anh này nổi loạn: “Đừng làm chuyện đó, Franz!” - “Tôi không có quyền chọn lựa, anh biết đấy”. - “Làm thế vẫn không tránh nổi thảm họa cuối cùng. Bán St. Tropez đi, anh mất mát nhiều cái còn hơn cả tiền bạc”... Cứ làm như tôi không biết!

Ba tuần sau Cannat gọi tới Nassau cho tôi. Lavater đã cùng anh đấu đá quyết liệt và đạt được thỏa thuận. St. Tropez cũng chỉ đem bán đợ, tới hạn ngày 1 tháng chín sang năm. Cannat: “Tôi biết như vậy anh được ít tiền hơn bán đứt nhưng ít ra còn được kỳ vọng sẽ chuộc lại. Nếu có phép lạ xảy ra. Mà đặc tính của phép lạ là nó thường xảy ra khi ta cho là không thể có. Thưa ông Cimbali, ông Marc đã khẳng định như thế”.

Tôi đồng ý, vừa nhẹ mình vì được nghỉ ngơi vừa buồn rầu tự nhủ, sẽ chẳng có phép lạ nào cứu thoát mình. Bán St. Tropez là tôi bắn nốt viên đạn cuối cùng. Sau đó chỉ còn việc ngồi lên bất cứ chiếc nào trong 324.324 bao cà phê mà đợ. Ví dụ may ra có thể chiến thứ ba đến cứu (và còn hơn thế nữa)...

... Đợi giờ hành quyết.

Tôi bảo Marc Lavater:

— Anh chi tiền ăn, được, nhưng để tôi chi tiền cà phê. Tôi muốn thế.

Anh không cười. Tôi cũng không, khi ngẫm nghĩ kỹ

— Franz này, anh tự đặt vào một tình thế nan giải.

— Đừng chọc tức tôi.

Đáng lẽ không nên gây gổ với anh. Anh vẫn phải chống nạng, vẫn đau, lần anh đi xa đầu tiên, cùng chị Françoise, là để thăm tôi. Gặp lại nhau ở Nassau, hai anh chị vui vẻ mời tôi cùng vui các ngày lễ lớn. Tôi làm sao giấu nổi họ rằng tôi thực sự đã rơi gần tới đáy. Một tuần trước, tòa đã xử cho Catherine và tôi li hôn. Mà đây cũng chưa phải là sự kiện duy nhất khiến tôi ủ rũ: Gã người Anh cất công đến tận Bahamas báo tin anh là đã cho dùng hết các tốp nhân viên, thôi không tìm kiếm Marc Andrea nữa. Và lại, tôi cũng hết sạch tiền trả công rồi. Anh ta bảo đây không phải lý do chủ yếu khiến anh quyết định như vậy. “Thưa ông Cimbali, chúng tôi đã làm tất cả những gì con người có thể làm. Và không thành công. Còn lại việc xác minh một cặp và một nhóm cắm trại. Cặp này có thể coi như đã tìm

thấy: Đôi vợ chồng trẻ bị tử nạn gần Salinas tối 30 tháng giêng vì tai nạn xe hơi. Trước đó họ lưu lại ba ngày ở Palm Spring. Cặp chúng tôi tìm đúng là cặp này. Ngược lại, toán cắm trại thì biệt vô âm tín. Rất tiếc”.

Lúc ấy nếu không có Marc Lavater ở bên, không hiểu tôi sẽ hành động ra sao. Chỉ biết rằng, đây quả thật là những ngày, những giờ tôi chìm ngẫm dưới đáy. Suốt những tuần qua, tình hình tài chính của tôi biến động nhanh chóng, liên tục xảy ra những đột biến lạ lùng tuy không làm tôi quên thẳng con mắt tích nhưng cũng làm vết thương dịu lại tí chút. Câu nói cuối cùng của gã người Anh, lời thông báo này không còn gì nữa, khác nào dội axít vào vết thương trơ thịt đỏ lôm của tôi...

Nhờ tình bạn không thể quên của Marc mà tôi rũ được nỗi đau.

Lễ Giáng Sinh năm ấy thật khủng khiếp. Tuy Sarah sau nhiều cú phôn của tôi gọi đến dự Noel, đã tới bên tôi ngày 26 tháng chạp. Vào dịp này, khách sạn của cô đông nghịt không sao bỏ đi được. “Đêm Mừng Năm Mới cũng thế nốt. Anh luôn luôn quên là em phải làm việc”. Cô rủ tôi sang Jamaica với cô. “Anh sắm vai Robinson Crusoe khổ khổ vì thiếu bình pha cà phê phỏng được ích gì? Thôi đi, đừng hòng em coi chuyện này là thảm kịch. Anh phá sản à? Có vì thế mà chết đâu nào! Vả lại, em đang sợ anh sẽ trở lại giàu có nữa cơ. Chàng trai khổ khổ của em ơi, anh chẳng biết làm việc gì khác đâu”. Cô liếc sang tôi cặp mắt trêu người quen thuộc ”Ô! em biết rồi! Chàng hiệp sĩ dũng cảm kiên cường chỉ về ngôi tháp của tổ tiên họ cai quản sau khi quật ngã được rồng. Khốn nỗi lúc này hiệp sĩ đang bị rồng giết cho một trận tơi bời nên chàng buồn rầu tha thân trong rừng, trường hợp này là rừng cọ trên đảo Maria Cay”.

Tôi phá lên cười ầm ĩ. “Có lẽ sống với những người thông minh thú vị ở chỗ lúc họ ngốc nghếch thì không ai có thể ngốc bằng họ. Làm tình cho em đi nào! Chàng Hiệp sĩ dũng cảm, không biết em tới đây để làm gì sao? Nhưng lần sau, tự anh phải đến Montego Bay đấy”.

Ký ngay, Sarah Kyle về. Vợ chồng Lavater cũng về Châu Âu ngay những ngày đầu tháng giêng. Sau khi hết lời nài tôi cùng đi. Khác hẳn mọi khi, Marc nổi cáu: “Mẹ kiếp, hết rồi, không mở mắt nhìn xem! Kiểm đâu ra ba chục triệu? Tự nhiên đừng dùng bán cả St. Tropez đi! Việc gì phải thế,

nghe mà lộn ruột. Thế mà tôi cứ tưởng anh gắn bó với nó hơn tất cả mọi thứ. Thật không hiểu nổi. Quá đáng. Franz, anh thật quá đáng”. Rồi lặp lại cũng những lý lẽ như Sarah, Paul Hazzard và mọi người khác: Tôi còn trẻ, mới hai mươi sáu năm ba tháng tuổi, tôi còn đủ thì giờ làm lại từ đầu, tôi đã chứng tỏ mình có thể thành đạt, tôi sẽ còn thành đạt nữa...

“Và tôi sẽ thú nhận lão Yahl đã nghiền nát tôi. Chịu phép”. Mỗi thù hận xưa cũ, không kiểm soát nổi, lại ngoi lên mãnh liệt.

Nếu cho rằng tôi không thử vận may thì oan quá. Nhưng nếu cho rằng có một lúc nào đó tôi đã hy vọng có cơ tìm được ba chục triệu đôla thì cũng không phải. Tuy nhiên tôi đã cố bám víu như đã từng bám vào ý nghĩ sẽ tìm thấy Marc Andrea. Sau khi gã người Anh rút lui, không tháng nào tôi không sang California vào vùng núi San Bernardino. Trở đi trở lại đều đặn nơi xảy ra vụ mất tích như thế chẳng có nghĩa lý gì. Nhưng tôi phải làm một việc gì đó để tự chứng minh vẫn còn hy vọng. Tôi rất sợ cuối cùng mình phải tin theo gã người Anh, anh ta từ chối không cần bảy trăm ngàn đôla còn sót lại của tôi để tiếp tục cuộc tìm kiếm, vì anh cho là sẽ chẳng có kết quả.

Tôi đến Louisiane với Thibodeaux, định ở đấy vài ngày nhưng lại kéo dài thêm. Như thế gắn hẳn mình vào đấy, dưới sự chăm sóc ân cần của ông. Ở đây hết tháng hai, sang tháng ba, cho đến lúc Paul Hazzard đến tìm. Anh ta tỏ ra bối rối khi báo tin các giếng khoan ở Oklahoma cho kết quả rất tốt.

— Franz, chúng ta sẽ làm ăn với nhau trong những áp phe khác. Sau khi anh phục hồi.

Theo thói quen gần như thành tật, một lần nữa tôi lại tính sổ: Trừ hết các phí tổn bảo quản cà phê ở Maria Cay và các khoản bây giờ rất nhỏ nhoi để duy trì cuộc sống của mình, tôi chỉ còn hơn bảy trăm ngàn một chút.

Tôi lao vào các cuộc đầu cơ mang đầy chất cuồng nhiệt và có thể dẫn đến mọi khả năng trong lĩnh vực làm ăn đầy bất trắc này. Tôi tung hứng với ca cao, chuyển sang đồng, đậu tương rồi bạch kim. Ví dụ với bạch kim, tôi thử làm một cú trong hai tháng, ký quỹ tất cả số vốn 700.000 đôla trong túi để làm một hợp đồng 7 triệu đôla. Cách làm ăn cổ điển, nhưng tôi gia giảm thêm bằng cách: Không trả tiền đôla mà bằng tiền liras Ý (Adriano Letta

cho biết nó sắp mất giá). Do đó tôi được lời trên cả hai bảng, trước hết được lời về khoản bạch kim do nó xuống giá đúng như tôi dự tính, sau nữa về khoản tiền liras vì nó cũng mất giá 12 phần trăm. Tôi vay số tiền liras này với lãi suất 16,8 phần trăm, tức 1,4 phần trăm, tháng, vay trong hai tháng thành 2,8 phần trăm, tôi làm ăn bằng đồng liras nên được lãi: 12 trừ 2,8 còn 9,2 phần trăm...của 7 triệu, giá trị bản hợp đồng bạch kim.

Áp phe này mang lại cho tôi 1.288.000 đôla tiền lãi... Nhưng lại để mất gần hết khi tôi chuyển sang món đồng (cũng định làm cú đúp: Đồng peseta Tây Ban Nha, nhưng không thành).

Mất thêm một phần của số còn lại trong cặp cacao - florin Hà Lan.

Còn lại một triệu. Cóc sợ, tôi thu hết sức lực (giữa quãng, Gigi đã giúp tôi chơi một cú dựa vào sự sụt giá của đồng cruzeiro, được kha khá), lao vào món đậu nành.

Tôi gượng dậy. Lại có trong tay - tôi nhớ kỹ đến cả số lẻ vì hồi ấy tôi mắc tật luôn luôn tính toán như bị ma ám - số tiền 395.000 đôla.

Vốn liếng tăng gấp đôi nhờ khoản vàng, gần gấp bốn nhờ khoản đường.

Trở lại một triệu, cần số tiền này, tôi cộng tác với một tỉ phú miền Trung nước Pháp có bè bạn thân thiết sau Bức Màn Sắt. Sự cộng tác rất hữu hiệu: Nhờ nó tôi có chân trong một áp phe kỳ quặc có bốn bên tham gia. Tôi mua nước hoa Pháp bán sang Liên Xô, họ trả bằng dầu lửa (trong có vài ngày dầu lửa tăng giá đến 15 phần trăm) tôi bán ngay dầu đi (thật nhanh, có chuyển chỉ sau có vài giờ) đổi lấy thực phẩm, biến thực phẩm (mỗi chuyển ít ra lãi được từ 3 đến 5 phần trăm) thành tơ lụa... Biến tơ lụa thành dầu lửa, bán cho Rotterdam.

Không kịp thở!

Vào đầu tháng sáu, tôi có 2.650.000 đôla. Nếu Marc Andrea không mất tích, tôi có thể sướng phát điên lên được. Tuy đến ngày 6 tháng sáu, sau khi tính toán chi li theo thói quen, tôi đi đến kết luận còn hụt mất số tiền khiếm tốn 20.350.000 để cứu được cà phê của tôi. Đã thế việc lo toan làm ăn còn bị đứt đoạn theo nhịp đều đều của những cuộc viếng thăm đau xót vào vùng núi San Bernardino.

Đúng vậy, tôi đã thử làm tất cả, kể cả cái tuyệt đối không thể thực hiện nổi: Thuyết phục một ngân hàng hoặc một người nào đó đồng ý cho vay 25 triệu đôla, cược bằng 14.752 tấn cà phê đã bán đợ. Vay được món đó tôi sẽ hủy được vụ bán chác nguy hại này.

Van nài, chạy chọt đến mức có thể thuyết phục Yahl cũng phải xiêu lòng, tuy lão thường xuyên rong ruổi trên mình ngựa để tìm đánh tôi. Đã thế tôi lại không gặp may. Từ tháng giêng, do nhiều tin đồn sẽ có bội thu. Cà phê sẽ còn trúng hơn vụ trước nhiều, giá cà phê lại tụt mạnh. Bỏ qua các chi tiết, chỉ cần nói là đến tháng tư, một livre giá có 105 xu Mỹ, thấp nhất trong nhiều năm nay. Nghĩa là 15.000 tấn của tôi chỉ đáng giá 33 hoặc 34 triệu.

Riêng bản thân tôi thì giá lúc này ở mức số không. Trước đây tôi có nói với Li và Liu: Hay giúp tôi bán đợ số cà phê này đi, tôi sẽ tranh thủ được thời gian. Có tranh thủ được thật, nhưng thời gian đã qua đi mà chẳng mang lại điều tốt lành, phép lạ vẫn không hiện ra. Vậy là tôi chỉ còn được chọn giữa hai giải pháp.

Giải pháp thứ nhất là tìm chỗ nào đó mà chui xuống đất, hoặc ở nhà Lavater, Thibodeaux, hoặc sang San Francisco với Li và Liu, hoặc nữa, đến San Antonio với Paul Hazzard. Giấu kín nỗi nhục và nhất là nỗi căm tức đã bị đánh bại. Mặc cho thời gian trôi qua và nghiền ngẫm một kế hoạch viễn vông để rửa hận.

Tôi chọn giải pháp thứ hai.

Ngày 7 tháng sáu, hai mươi ba ngày trước khi hết hạn với bọn Tàu của Trung Quốc Nhân Dân quy định, tôi từ San Francisco trở về. Ở đây tôi vừa mới hợp tác với bọn Li và Liu trong áp phe đồ chơi đang phát triển. Nói hợp tác cho oai: Tôi nợ họ một triệu, số vốn tôi góp chỉ bằng gấp đôi con số đó thôi. Họ cho tôi năm phần trăm, không hơn một xu. Li và Liu không phải những nhà từ tâm bác ái. Có thể làm trò hề, nhưng không đời nào sắm vai hề trong chuyện tiền bạc.

Trước khi gặp họ tôi có ở mấy ngày ở Arizona, rồi ra vùng biển Cortès. Có thể coi đây là cuộc hành hương cuối cùng, lần theo dấu vết xa xưa của hai bố con, từ thời tốt lành đã qua, hồi đó chỉ cần nhìn con dưới nắng tôi đã thấy kinh ngạc lạ lùng. Thấy lại con thuyền buồm tôi thuê hồi đó, nơi con đã sống với tôi lâu nhất trước khi mẹ nó đưa sang Châu Âu. Tôi làm đủ mọi cách, đấu tranh với chính mình để cố vớt đôi chút hy vọng, nhưng mỗi ngày qua ý nghĩ sẽ không bao giờ thấy lại mặt con càng len sâu vào tâm trí. Có lẽ tâm trạng ấy chi phối hành động sau đây của tôi, khi từ San Francisco về...

Tất nhiên Li và Liu nài tôi ở lại đến lúc kết thúc, và lâu hơn nữa trong ngôi nhà của họ trên đồi Telegraph. Vô ích.

Rất kịch, rất trẻ con, rất tức cười, chuyện này sẽ cả Hoa Kỳ và các nước lân cận cười bò ra, nhưng tôi cóc sợ: Không ai trên đất nước này làm được tôi từ bỏ ý định điên rồ cuối cùng của tôi, và tôi sẽ thực hiện đến cùng.

Ghé qua New York, tôi dám chơi sang mời bộ ba Rosen, Lupino và Vandenberg ăn tối. Tôi long trọng cảnh cáo trước: Tên nào dám đưa ra một câu cợt nhả về món cà phê sẽ uống sau bữa tiệc sẽ bị nện bình cà phê vào đầu. Jo Lupino cười đến nghẹt thở. Philip Vandenberg đĩnh đạc bỏ đi, bảo: Không mất thì giờ vào những chuyện trẻ con, làm ăn là chuyện nghiêm túc không phải chuyện đùa như tôi nghĩ. Cuối cùng chỉ còn Lupino đi theo tôi. Chả là anh có bạn bè làm ở truyền hình, tại ít nhất hai trong ba hệ thống lớn nhất của Hoa Kỳ: ABC, CBS và NBC. Anh đi theo tôi và mở cho tôi nhiều cánh cửa, theo nghĩa bóng. Nhờ anh, tôi được đón tiếp trên mức lịch thiệp, nói thẳng ra là trong không khí bông phèng.

— Anh sẵn sàng bỏ tiền mua giờ phát sóng để làm trò đó à?

— Sẵn sàng?

— Mất vào đây cả một gia tài, không ít đâu.

Tôi phá lên cười.

— Các anh không biết chứ, tôi đã mất vào đó nhiều hơn không biết bao nhiêu mà kể.

Ý định như sau:

Đưa cuộc hành quyết - tất nhiên, cuộc hành quyết về tài chính, tôi không có ý định tự sát - mà tôi đang chịu đựng lên màn ảnh. Trước hết, trong hai tuần lễ trước ngày 29 tháng sáu (một ngày trước khi hết hạn hợp đồng bán đợ) cả ba hệ thống truyền hình quốc gia của Mỹ mỗi ngày sẽ phát một đoạn phim rất ngắn (mười giây đồng hồ) quay cảnh tôi ngồi chót vót trên đỉnh núi cà phê giữa hòn đảo của tôi. Dĩ nhiên tôi phải làm vẻ mặt buồn rười rượi (không thường xuyên, kịch bản có dự tính vài đoạn vui cười) quần áo rách rưới, tả tơi, vá chằng vá đụp, trông thật thảm hại, đúng cảnh một nạn nhân đáng thương xót. Mỗi lần tôi xuất hiện người xướng ngôn lấy giọng ồm ồm ảo não thông báo: “Sau 14 ngày nữa, Cimballi không còn một hột cà phê nào“. Đó là ngày 15 tháng sáu, vì sang ngày 16 xướng ngôn viên sẽ nói: ”Sau mười ba ngày nữa, Cimballi không còn một hột cà phê nào“. Cứ như thế đến ngày 29 một ngày trước khi cà phê của tôi biến thành cà phê Tàu.

Theo tính toán số học, điều đó sẽ làm vùng phụ cận đáy san hô của đảo Marai Cay bị tắc nghẽn vì các đặc phái viên báo chí truyền hình đủ loại hè nhau kéo đến. Tôi muốn kết thúc thật đẹp. Đã mất hết, nhất là mất thằng con, tôi sẽ thành một “Samurai”^[29] trong giới tài chính cao cấp.

Tính toán quả không nhầm. Tắc nghẽn ra tắc nghẽn. Mới sau ba buổi phát hình “Sau mười hai ngày nữa, Cimballi không còn một hột cà phê nào”, các bãi biển trên đảo đã nhung nhúc nhà báo. Họ hỏi đủ thứ, có câu: Kẻ đưa anh vào tình thế đáng buồn này có phải là một tay chủ ngân hàng Thụy Sĩ không? Tôi đáp no comment, miễn bình luận, với vẻ làm như mình bình luận đủ thứ. Mời những người phỏng vấn uống champagne, lại có nắng vùng Caraibe nữa thành ra không khí thật vui nhộn. Tóm lại, tôi có vẻ vui thích như một thằng điên.

Ngày 20 tháng sáu, có người gọi tôi trên điện thoại vô tuyến. Lúc ấy tôi đang đồng thời dùng ba thứ tiếng kể cho ba nhà báo các bước thăng trầm trong vụ cà phê, sự ra đời của dự án Sân Thú Safari và Quần Vợt Trên Trời

nữa (ít ra cũng quảng cáo cho Li và Liu, cho Ute và Gã Thồ!). Tiếng người trong máy vô tuyến giục. Tôi tạm ngưng thuyết trình:

— Gì thế Sarah?

— Anh Franz, vượt hết đây, đến gặp em lập tức.

Đáng lẽ nghe giọng cô tôi phải đoán được ngay. Nhưng đang bận quá. Cô nói tiếp:

— Con anh mà. Con đang đứng bên em.

8

Đây là một bãi biển hiu quạnh ở miền Nam Mexico, tận cực Nam, quá Acapulco trên bờ Thái Bình Dương, một nơi không có du khách, không du khách nào nghĩ tới chuyện tới đây; đó là nơi tận cùng thế giới, rất hẻo lánh, cách biên giới California đến hơn hai ngàn hai trăm kilômètres theo đường chim bay, một ngôi làng bé tí bị những đỉnh cao của dãy Sierra Madre Sud ép xuống phía đại dương.

Viên thám tử từ đến đón tôi ở sân bay Oaxaca dừng xe khi vừa chớm bãi biển. Dọc đường chúng tôi nói với nhau có vài câu: Anh ta chẳng nắm được gì hết. Anh tắt máy. Bảo tôi:

— Trong nhà kia, cuối bãi biển.

Tôi đặt tay lên núm cửa. Anh ta tiếp: “Có thể chạy xe đến tận đấy, nhưng phải đi vòng đường mòn. Mất hai mươi phút.”

— Khởi.

Tôi lắc đầu:

— Không cần.

Căn nhà - nó chỉ hơn túp lều một tí thôi - cách chỗ này chưa tới hai trăm mét. Từ nhà có con đường nhỏ len lỏi qua các tảng đá đổ xuống bãi biển. Tôi mở cửa, xuống xe, hơi nóng như lò rang lập tức choàng lên người cùng với sự im lặng của Ngày Sáng Thế. Viên thám tử hỏi:

— Tôi đợi?

— Không, mặc tôi.

Gần như không nghe tiếng xe anh chạy đi. Đứng yên dưới nắng, tôi thấy ngạt thở, gần rơi vào một cơn choáng váng mà nguyên nhân không phải chỉ vì quá nóng, người run lên vì cảm động. Tự nhiên, ngoài ý muốn, một bộ phận trong não dựng lại những hình ảnh, những lời nói, những âm thanh của cuộc tìm kiếm tưởng chừng vô tận kéo dài suốt hai mươi tháng vô vọng. Những ngọn núi San Bernardino ngàn lần lùg sục không kết quả;

Callaway mở đầu cuộc điều tra, gã người Anh nổi gót, mở rộng điều tra đến hết mức, sẵn lòng ráo riết trên quy mô cả một lục địa. Gã người Anh này tối ngày gọi điện cho tôi: “Ông Cimballi, chúng tôi đã tới gần đến đích...”, vẫn gã người Anh cách đây mười tháng khi thấy tôi nói không còn tiền trả công đã đáp lại: “Tôi rất phiền lòng, chúng tôi đã làm tất cả những gì con người có thể làm...”; tôi nghe thấy tiếng tất cả: Cảnh sát California, nhân viên FBI, bố mẹ vợ, các luật sư, các bạn tôi, cả Marc và Françoise, cả Catherine nữa, nhất là Catherine, tất cả đều nói, hoặc không nói nhưng nghĩ bụng: “Franz, anh điên rồi, có điên mới tiếp tục mong đợi. Cháu bé chết rồi. Và anh sẽ không bao giờ biết nó đã gặp chuyện gì...” Bây giờ cuộc tìm kiếm dài đằng đẳng đã kết thúc.

Trên đầu đường dốc thấp thoáng bóng người. Ba người hiện ra. Gã người Anh đi trước, dừng lại, nhìn về phía tôi, giơ tay ra hiệu quay lại và đi thẳng, công việc đã hoàn thành.

Người thứ hai là Sarah... Thứ ba, một bóng dáng bé con. Tim tôi bật ra tôi nghiêng chặt hai hàm răng. Sarah đặt chân lên con đường dốc, tay dắt đứa bé. Tôi bứt ra khỏi tư thế bất động. Đi trên nền cát bỏng, đi nhanh hơn, rồi chạy, cầm đầu chạy như thằng điên dọc bãi biển. Cho đến lúc đứng sững lại. Khựng hẳn lại cách đứa bé hai mét.

Sarah buông tay bé. Cô lùi bước, quay lưng lại chúng tôi, đi ra tận mép nước, giả bộ chăm chú đứng nhìn Thái Bình Dương.

Tôi chăm chú nhìn Marc Andrea, nó cũng mở to cặp mắt ánh vàng nhìn tôi. Thằng bé trần truồng, nâu bóng, trần trụi sức khỏe. Cổ đeo tấm mề đay có một không hai trên thế giới của Joachim ở Mombasa cho nó: Mặt trước là hình cầu thủ bóng đá Eusebio, mặt sau là Đức Mẹ Fatima.

Tôi không sao cất tiếng lên được. Thành ra lại là thằng bé lên tiếng trước, nó ngoẹo cổ nhìn tôi nghiêm trang và hỏi bằng tiếng Anh:

— Ông là bố hả?

Lần đầu tiên trong đời tôi được nghe nó nói. Rất chậm chạp, tôi vượt qua ba bước chân ngăn cách hai bố con, quì xuống, nhưng vẫn không dám sờ vào nó, người đột nhiên cứng đờ, đột nhiên thành nhút nhát rất kì lạ.

— Sarah bảo ông là bố. Ông bố tôi?

Tôi òa khóc, trong đời tôi chưa bao giờ khóc như thế. Trong một lúc lâu tôi chỉ có thể gật gật đầu thế thôi, cổ tắc nghẹn. Mãi mới ôm chầm lấy nó, cả vũ trụ khép lại trên mình hai bố con. Tôi nói:

— Yes, ừ! Bố của con đây!

Sarah bảo: “Chắc em phải có đôi lời giải thích nhỉ!”

Tiếng Anh gọi cái đó là understatement, còn tiếng Pháp là litote, nghĩa là cách nói giảm nhẹ. Nói vắn tắt, cứ tạm gọi là đôi lời giải thích. “Do gã người Anh của anh đấy”. Và lại vừa nãy tôi cũng thoáng thấy anh ta phải không? Gã người Anh đã tới Montego Bay gặp Sarah từ cách đây một năm, khi mới bắt tay vào điều tra, anh đến hỏi Sarah như hỏi tất cả những người quen biết tôi ít nhiều và có thể dính dáng cách nào đó về vụ con tôi mất tích. “Em dặn anh ta đừng nói gì với anh về em. Có lẽ khách sạn của em làm anh ấy thích...”. Tháng chạp anh ấy trở lại, lần này đến nghỉ phép cùng cả gia đình. Anh cho Sarah biết cuộc tìm kiếm phải ngừng, chủ yếu vì chuyện tiền nong. “Nghe vậy em thấy bức, hơn nữa thấy ngao ngán quá. Em không tin là đã hết hy vọng”.

Và cô đã nài gã người Anh tiếp tục cuộc tìm kiếm. Không tìm ở những chỗ cũ, mà ở chỗ khác. “Bằng tiền em bỏ ra à, Sarah?” - “Tiền của em. Anh tưởng sao? Em có tiền, sống rất đầy đủ. Em không cho gã người Anh nói cho anh biết. Để làm gì, nếu ngộ nhỡ không có kết quả?”.

— Tìm ở chỗ chưa tìm, nghĩa là ít nhất cũng lùng sục khắp miền Nam Mexico rộng lớn. Nếu như bọn cầm trại bí ẩn mà máy tính đã phát hiện có mặt ở hiện trường nhưng chưa xác minh được tung tích, nếu như bọn đó đã bỏ trốn ra ngoài phạm vi thủ đô Mexico. Vì gã người Anh và các toán thám tử của anh ta đã truy lùng đến tận thủ đô, cũng như bên Canada.

“Em bảo anh ta phải xuống tận Chiapas và đến cả Guatemala. Anh ta đã làm đúng như thế, trước hết chú ý đến những người Mỹ còn trẻ, có một đứa bé cùng đi. Sau nhiều tháng vẫn chưa thấy gì, thật là nản. Bỗng dưng cách

đây vài ngày, nhận được tin có hai thanh niên chết vì dùng quá liều ma túy. Ở ngay chỗ này, Puerto Escondido...”

Hai thanh niên quốc tịch Mỹ nhưng gốc Mexico, nói thạo tiếng Tây Ban Nha. Ở trong lều gỗ cùng ba người khác đã vội vàng bỏ trốn. Sau tai nạn ma túy. Như chúng đã bỏ chạy khỏi San Bernardino sau khi chích cho Catherine và tưởng cô bị chết. Khi bỏ chạy họ mang theo thằng bé, không nỡ để nó lại một mình trong núi cạnh xác mẹ nó.

“Về sau, được tin Catherine sống sót. Cho dù họ có nhận được tin đó, phỏng họ làm gì được? Tự thú chẳng? Họ sẽ bị kết tội bắt cóc và tội sử dụng ma túy. Họ sợ. Dù sao chính họ đã cung cấp thuốc và chích thuốc. Mấy lại, có thể dần dần họ thấy gần bó với thằng bé...”.

Chúng tôi đi trên bờ biển. Marc Andrea chen vào giữa.

— Con giống anh ghê, - Sarah nhận xét.

Trừ cặp mắt ánh vàng, giống mắt Catherine.

— Con giống anh thật cơ, - Sarah nhắc lại.

Cô gượng cười.

— Chú thỏ con này thật không may...

Bỗng cô bật khóc, tôi cũng xúc động chẳng kém.

Chúng tôi lên xe, trở lại Acapulco ở ba ngày, thỉnh thoảng Sarah lại thốt ra với giọng thiếu tự tin “Em phải trở về Jamaica đây, việc ở khách sạn đang chờ”, còn tôi thì đáp lại: “Quý tha ma bắt cái khách sạn của em”. Giá vào lúc khác, thế nào cô cũng cho tôi một cái tát và đi thẳng. Nhưng lần ấy, cô rất dịu dàng nhượng bộ, cô biến đổi đến không nhận ra được nữa, thả mình trong hạnh phúc có ba người bên nhau.

Chúng tôi không hề vội vã. Có Marc Andrea còn sống và rất đẹp bên mình sau từng bấy lâu tìm kiếm chưa phải là tất cả. Tôi còn phải học cách khám phá ra nó, và cũng mong nó sẽ học cách hiểu được tôi nữa. Vẫn theo đường bộ, chúng tôi rời bờ Thái Bình Dương để lên cao nguyên Mexico, ở đây hai ngày nữa, la cà các cửa hàng, cả Sarah và tôi đều tràn ngập niềm vui sướng.

Sau đó là Kingston, Jamaica và Montego Bay. Tại đây, tôi nhận được hồi âm bức điện tôi gửi từ Acapulco báo tin cho gia đình nhà Jeffries. Họ

xin gặp. Tôi trả lời ngắn gọn: “Con trai tôi mạnh khỏe”.

Chỉ một mình tôi mãi mãi tin nó còn sống trong lúc tất cả bọn họ đều cho rằng nó đã chết. Vậy thì từ nay nó sẽ sống với tôi mãi mãi. Nhà Jeffries không thể làm cách gì bắt được nó của tôi, sau những hành động bỉ ổi của ông bố dượng vợ tôi trong thảm kịch này.

Ngoài ra còn có điện của vợ chồng Lavater, của Li và Liu, của Rosen và Lupino, của rất nhiều người khác, Rosen và Lupino còn dặn tôi gọi cho họ.

Tôi ném tất cả vào sọt giấy lộn.

Không hiểu vì sao trước đây tôi cứ hình dung khách sạn của Sarah chỉ là một chỗ be bé kiểu nhà trọ gia đình. Thực ra ở Montego Bay, cô phụ trách không phải là một mà những hai khách sạn. Chưa hết, cô còn giám sát cái thứ ba trên đảo Cayman lớn cách đây ba trăm năm mươi kilômètres, và và ba cái khác ở Spanish Town, Kingston và Savannah. Một tiểu vương quốc khách sạn, do cô điều hành với bàn tay sắt, cô có cả máy bay riêng. Và ngôi nhà riêng.

Trong đó điện thoại hỏi tôi vào ngày 25 tháng sáu. Lupino.

— Rõ khổ, Anh biến đâu mất rồi, Franz? Chúng tôi tìm ông mấy ngày rồi đây.

Đúng vào tích tắc Lupino hỗn hển, phân khích đến cực độ loan báo cho tôi biết cái tin sắp là đảo lộn tất cả, tôi đang ở trên bãi biển Montego Bay thanh thản nhìn thẳng con đùa nghịch. Thành ra những lời vi luật sư của tôi nhắc đi nhắc lại luôn mồm phải mất một lúc mới tới tai tôi:

“IT'S FREEZING”, - Lupino gào lên lần nữa. - Franz nghe rõ chưa? IT'S FREEZING. BĂNG GIÁ! CÓ BĂNG GIÁ đấy!”

Lật nhào hết. Thay đổi hết. Cơn băng giá vừa ập xuống các đồi cà phê Nam Mỹ làm hại các nhà hái quả, kéo theo nó một sự đảo lộn chỉ riêng định mệnh muốn có. Sự biến động khởi đầu ngay từ 20 tháng sáu, ngày Sarah từ Mexico gọi điện thoại vô tuyến cho tôi. Tiếp tục có biến động

trong cả tuần lễ, Rosen và Lupino đi tìm tôi, vì sau khi nhận được điện của Sarah tôi đã rời khỏi Maria Cay mà không báo cho ai biết tôi đi đâu.

Các con số, sứ giả của sự giàu có đang đến với tôi, nói lên rất rõ: Giữa tháng sáu một livre cà phê giá một trăm ba mươi xu Mỹ, sau mười ngày tăng thêm sáu mươi điểm, lên đến một trăm chín mươi, giá tôi mua cách đây ngót hai năm. Mỗi ngày giá lại tăng thêm một ít theo đà xác nhận có băng giá tại các vùng trồng cà phê báo về, một đợt băng giá tệ hại nhất từ mười lăm năm trở lại đây.

Ngày 27 tháng sáu, hai trăm xu một livre, ba ngày trước khi hết hạn bán đợ, trước khi bọn Tàu Thượng Hải chủ ngân hàng Hong Kong trở thành sở hữu chủ vĩnh viễn chỗ cà phê của tôi.

Nhưng ngày 27 đó tôi ở Boston, đối diện với ông chủ ngân hàng, chú ruột Philip Vandenberg, con người có đủ cả tình người nồng nhiệt, sự bông bột điên cuồng, tính vui vẻ bốc đồng và thói ngông của cậu cháu. Vandenberg Chú (không phải tên ông ta như vậy đâu) liếc con mắt lạnh như băng nhìn tôi.

— Cháu tôi nói nói nhiều điều tốt về ông, thưa ông Cimbali.

— Tôi không ngạc nhiên: Chúng tôi rất quý nhau.

— Trước đây tôi đã từng có ý định cho ông vay 25 triệu đôla.

— Tôi đã tăng giá: Cần 30 triệu. Có gánh nặng gia đình rồi.

Tôi đưa cả con vào phòng, bất cứ giá nào tôi cũng không rời nó nửa bước, lúc này nó đang vui vẻ tung tăng trong văn phòng rộng lớn trên đường Berkeley, bạ cái gì cũng sờ vào.

Tôi tùm tùm cười nụ với Vandenberg Chú.

Hắn là ông vui lòng chấp thuận.

Chắc chắn ông ta đã có dịp nhìn thấy tờ thông điệp truyền hình của tôi, ít ra cũng đã được nghe nói lại, ví dụ bản thông điệp gửi đi tối qua: “Sau bốn ngày nữa, Cimbali không còn một hột cafe nào”. Và ông chẳng làm

được gì khác ngoài việc đọc các bài phóng sự viết về Cimballi Bố và Con, đã sum họp bên nhau. Tôi lại cười với ông Chú:

— Ông có đánh cuộc với tôi không ạ?

Ông chú chấp nhận thật.

Một phần nhỏ là tất cả những sự rùm beng quanh câu chuyện của tôi đã khiến ông có dịp biểu thị tấm lòng cao thượng của ngân hàng ông trong công luận, tôi đang được gió. Nhưng cái chính là ông sắp vớ bẫm. Một năm trước, tôi chạy long sông sọc khắp thế giới hỏi vay món tiền đủ giữ vững hợp đồng với các tay môi giới. Tất cả đều từ chối vì Martin Yahl chọc gậy bánh xe và vì hồi đó tôi đến gặp họ trong dáng vẻ một kẻ cùng đường mặt vận. Bây giờ 14.752 tấn cà phê của tôi có giá hơn bao giờ hết. Tôi trở thành một khách hàng sộp. Họ yêu quý tôi.

Ngay với một con chó có nhiều tiền, họ cũng kính cẩn: “Thưa ông chó”...

Nhưng bạn đọc có thể hỏi: Tuy vậy, làm sao tôi có thể vay được tiền vì nhân viên của ngân hàng Tàu nợ vẫn không một giây nào rời mắt khỏi nó và chỉ sau ba ngày nợ nó không còn là của tôi nữa?

Tình huống bất ngờ. Các ngân hàng hiểu rất rõ loại tình huống này. Ông chú điềm tĩnh đọc bản hợp đồng bán đợ, đưa cho các chuyên gia nghiên cứu.

— Ông chi bao nhiêu ông Cimballi?

— Hoàn lại cho ông 30 triệu sau ba tháng, cả vốn, thêm lãi và phụ phí, cộng thêm 2 phần trăm tiền bán cà phê

Ông chú tham khảo ý kiến của các cộng tác viên. Vài cú điện thoại, xác minh đích thực giá cà phê đã tăng, chiều hướng tăng là chắc chắn, sẽ còn tăng nữa. Mất một giờ tất cả, tôi đưa Marc Andrea sang phòng bên chơi golf bằng chiếc máy tập đẩy tạ trong nhà. Ông Chú quay trở lại:

— Dĩ nhiên ông hiểu là chúng tôi phải thêm vào giao kèo vay tiền của ông một điều khoản giám sát.

— Chính tôi đang định yêu cầu ông.

Nghĩa là kể từ phút này đến khi tôi trả xong nợ cho Vandenberg Chú, ông ta sẽ, tạm gọi là: Giám sát tôi. Chuyện bình thường. Ngân hàng Boston

của ông sẽ trả cho bọn Tàu số tiền tôi nợ họ và do ngân hàng của ông cho tôi vay, đồng thời hủy bỏ tất cả các quy định của hợp đồng bán đỡ, hủy bỏ toàn bộ bản hợp đồng đó, và như vậy tôi được hoàn toàn sử dụng số cà phê đó theo ý mình.

Vận đỡ tiếp tay thêm.

Tôi có thể bán cà phê ngày 1 tháng bảy, thậm chí ngay từ tối 29 tháng sáu là ngày ngân hàng Boston trả tiền bọn Tàu, trả quyền sở hữu cà phê cho tôi.

Nhưng tôi cứ đợi, tuy Rosen và nhất là Lupino lo sốt vó. Cứ đợi vì tuy không giải thích nổi, nhưng tôi rất có cảm giác hiện thực, rất hứng khởi là từ nay về sau số phận sẽ ủng hộ tôi.

Đầu tháng chín một livre cà phê giá 380 xu Mỹ. Nhưng tôi đã đợi hơn bảy tuần lễ. Các luật sư, cố vấn của tôi đã phát điên hết cả, nên trước đó vài ngày tôi đã bán hết. Được 350. Tổng cộng được 113 triệu rưỡi đôla.

Trừ tiền nợ ngân hàng Boston đi, tôi còn lại 78.000.783 đôla và 28 xu. Nhưng vì còn phải chuộc lại St. Tropez, phải chi nhiều khoản lệ phí, tiền hoa hồng, các thứ tiền đã ứng ra, cộng các khoản thuế má, nhưng lại tăng thu nhờ các khoản lãi sắp có về Quần Vợt vào khoảng độ...

— Anh Franz.

...Tổng quát lại, tôi sẽ có...

— Anh sẽ có một cục bướu tướng trên đầu, nếu không mau mau chấm dứt việc tính toán sổ sách lằng nhằng quái quỷ ấy đi!

Sarah bảo thế. Sarah còn tiếp:

— Nhân thể nói luôn nhé, Anh Franz Cimbali. Nếu anh đã bắt tay xây dựng những kế hoạch ngu ngốc nhằm mục đích phục thù Yahl, Horst và ông cự bố dưỡng vợ, cần biết rằng trước hết anh phải qua người em...

Tôi nhìn cô, toàn thân nâu bóng, mảnh áo tắm bé tí màu trắng cũng không còn trên thân thể, cô trần truồng như bàn tay, cảnh tượng ấy đẹp vô cùng. Tôi nháy mắt nhìn thẳng con áo quần cũng chẳng nhiều hơn

Sarah, và tuy nó tất nhiên cũng sáng dạ, nhưng tỏ vẻ chẳng hiểu gì cả, tôi bảo con.

— Một sáng kiến tuyệt diệu!

Lúc ấy chúng tôi ở dưới vùng trời Bahamas, rất xa về phía Nam, chỉ có chúng tôi trên đảo nhỏ của mình, gần ngôi nhà phủ đầy hoa có mái hiên bát ngát ríu rít đàn chim bay lượn trong những chiếc lồng mở rộng, trong im lặng và bình yên sáng thế.

Như qua cuốn phim chiếu nhanh, tôi thấy lại các khuôn mặt đang điếu qua: “Fezzali trước vai kem lạnh ở Thế giới Disney, Lão ra sao rồi? Liệu có bao giờ tôi được tin về lão? - Horst đột tở séc của tôi trong gạt tàn tại căn phòng ở Biltmore. - Catherine nằm bệnh viện Beverly khi sinh con. - Marc Lavater bất tỉnh sau vụ tai nạn Sorrente. - Ute mang cho tôi bốn triệu đôla. - Maria De Santis ở New Orleans. - Người giống hệt Yahl đang la hoảng trước họng súng của tôi. - Li và Liu trong vai Tarzan - Thibodeaux đập đình trên ghế xích đu. Và tất cả: Gã Thỗ, Joachim, Rosen, Lupino, Vandenberg Hazzard, Callaway, Flint, gã người Anh...”

Tất cả đều dính líu vào cuộc chiến tài chính đồ sộ do mối hận thù của Martin Yahl và sự phản trắc của bố dượng vợ tôi Alec Jeffries thúc đẩy.

Quên sao được trang trại hiu hắt, Catherine bất tỉnh giữa núi rừng Bernardino, vụ bắt cóc Marc Andrea và hai mươi tháng khổ đau, tìm kiếm, lo âu?

Các hình ảnh chen lấn xô đẩy nhau, ám ảnh, khuôn mặt và địa điểm trộn lẫn vào nhau.

Lúc ấy, hồi tưởng lại các sự kiện trong mấy tháng cuối cùng, tôi mới thật sự hiểu rõ câu bố tôi viết cho tôi, tìm thấy trong tập giấy tờ của bố tôi ở St. Tropez. Đối với tôi đó là lời di chúc duy nhất của bố tôi để lại:

Xin hãy nghe cho rõ:

«Trong cuộc đời doanh nghiệp của con, dù làm bất cứ việc gì, dù thận trọng đến đâu, dù có mạnh mẽ đến chừng nào, con cũng phải luôn luôn sẵn

*sàng vì sẽ có một ngày nào đó con phải trả giá: TIỀN MẶT, TRẢ NGAY.
Cash!*

ANDRÉ CIMBALLI

St. Tropez ngày... tháng Bảy 1956»

- Chú thích

- [1] Rembrandt (1606 - 1669), họa sĩ nổi tiếng Hà Lan.
- [2] Tiếng Anh, có nghĩa là trường công.
- [3] John Steinbeck: Nhà văn Mỹ nổi tiếng.
- [4] Howard Hughes: Tỷ phú Mỹ.
- [5] Paul Getty: Tỷ phú Mỹ.
- [6] Quebec: một tỉnh thuộc Canada, nói tiếng Pháp.
- [7] J. Stanly (1841-1904) và D. Livingstone (1811 - 1873) người Anh, hai nhà thám hiểm đầu tiên đi sâu vào Trung Phi.
- [8] Walt Disney (1901-1966) nhà làm phim hoạt hình nổi tiếng của Mỹ.
- [9] James Bond là một nhân vật điệp viên hư cấu người Anh được tạo ra bởi nhà văn Ian Fleming vào năm 1953.
- [10] Lee Oswald: Hung thủ đã bắn chết Tổng Thống Mỹ John Kennedy, tháng 11 năm 1963.
- [11] Tên hai giống người tiền sử.
- [12] Christophe Colomb: Sống vào khoảng (1451 - 1506), nhà hàng hải người Ý được coi là người đầu tiên tìm ra Châu Mỹ.
- [13] Ferdinand de Magellan (1470-1521) nhà hàng hải Bồ Đào Nha, người đầu tiên đi vòng quanh thế giới.
- [14] Karl Von Clausewitz (1780 - 1842) nhà quân sự danh tiếng Đức.
- [15] Napoléon Bonaparte (1769 - 1821) Hoàng Đế Pháp.
- [16] Mohamed Ali: Võ sĩ quyền anh Mỹ.
- [17] Cục Điều Tra Liên Bang Mỹ.
- [18] Vụ Watergate xảy ra ở Mỹ năm 1972, do Richard Nixon, Tổng Thống Mỹ lúc bấy giờ chủ trương. Âm mưu đó bị báo Bưu Điện Washington phát hiện và tố cáo.
- [19] Ludwig Van Beethoven (1770 -1827) nhạc sĩ thiên tài Đức.
- [20] Chú chuột Mickey: Nhân vật phim hoạt hình nổi tiếng của Walt Disney, được dựng lại để làm cảnh vui chơi cho trẻ con.
- [21] La Mecca: Thánh địa của Đạo Hồi, thuộc nước Ả Rập Saudi.
- [22] Cô nàng xinh tươi ở trên biển - nguyên văn tiếng Anh.

[23] Régis Debray: Người Pháp, có thời đánh du kích dưới quyền Che Guevara, sau vào đảng xã hội Pháp, trở thành cố vấn đối ngoại của Tổng Thống Pháp F. Mitterand.

[24] Malaparte: nhà văn Ý.

[25] Claude Monet: Danh họa Pháp (1840-1926).

[26] Thomas Jefferson (1743-1826), Tổng Thống thứ ba Hoa Kỳ.

[27] Tổ chức thanh niên Công giáo (P.L.S).

[28] Aristotle Onassis: Tỷ phú Hy Lạp.

[29] Samurai: Có nghĩa là người theo Võ Sĩ Đạo.